

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**Để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục
Học viện Báo chí và Tuyên truyền**

Hà Nội, năm 2016

DANH SÁCH
Thành viên Hội đồng tự đánh giá Học viện Báo chí và Tuyên truyền năm 2016

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	PGS, TS. Trương Ngọc Nam	Giám đốc	Chủ tịch HĐ	
2	PGS, TS. Lưu Văn An	Phó Giám đốc	Phó Chủ tịch HĐ	
3	PGS, TS. Nguyễn Vũ Tiến	Phó Giám đốc	Phó Chủ tịch HĐ	
4	PGS, TS. Phạm Huy Kỳ	Phó Giám đốc	Phó Chủ tịch HĐ	
5	TS. Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc TTKT&ĐBCLĐT	Thư ký HĐ	
6	ThS. Vũ Thanh Vân	Trưởng phòng Hợp tác quốc tế	Thư ký HĐ	
7	TS. Mai Đức Ngọc	Trưởng ban QLĐT	Ủy viên	
8	TS. Trần Xuân Học	Trưởng ban TCCB	Ủy viên	
9	PGS,TS. Hoàng Anh	Trưởng ban QLKH	Ủy viên	
10	TS. Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	Ủy viên	
11	TS. Trần Thanh Giang	Chánh văn phòng	Ủy viên	
11	ThS. Nguyễn Thị Hồng Mến	Trưởng phòng Tài vụ	Ủy viên	
12	Đ/c Phạm Ngọc Lân	Trưởng phòng Quản trị	Ủy viên	
13	ThS. Nguyễn Văn Minh	Trưởng phòng CTCT	Ủy viên	
14	Đ/c Vũ Quốc Cường	Chánh văn phòng Đảng ủy	Ủy viên	
15	ThS. Nguyễn Thanh Thảo	Giám đốc Trung tâm Thông tin khoa học	Ủy viên	
16	ThS. Đinh Xuân Phi	Giám đốc Trung tâm Thực hành và HTĐT	Ủy viên	

(Danh sách gồm có 16 người)

DANH SÁCH
Thành viên Ban thư ký hội đồng tự đánh giá năm 2016

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	TS. Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	Trưởng Ban	
2	TS. Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó Trưởng ban QLĐT	Phó ban	
3	ThS. Đặng Thị Thoa	P. Trưởng ban Tổ chức cán bộ	Ủy viên	
4	Nguyễn Minh Phương	Chuyên viên Phòng Hợp tác quốc tế	Ủy viên	
5	ThS. Trần Đình Đức	Chuyên viên Trung tâm KT&ĐBCLĐT	Ủy viên	
6	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương	Chuyên viên Trung tâm KT&ĐBCLĐT	Ủy viên	
7	ThS. Phạm Ngọc Thông	Chuyên viên Phòng Thanh tra	Ủy viên	
8	ThS. Nguyễn Xuân Hiền	Chuyên viên Ban Quản lý khoa học	Ủy viên	

(Danh sách gồm có 08 người)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Phần I: Đặt vấn đề</i>	5
<i>Phần II: Tổng quan chung</i>	8
<i>Phần III: Tự đánh giá</i>	14
<i>Phần IV: Kết luận</i>	172
<i>Phần V: Phụ lục</i>	173

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

Học viện báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh được thành lập ngày 16 tháng 01 năm 1962 theo Nghị quyết số 36 NQ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá II, trên cơ sở hợp nhất 03 trường: Nguyễn Ái Quốc phân hiệu II, Trường Tuyên huấn Trung ương và Trường Đại học Nhân dân. Ngày 20/11/1990 Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ra quyết định số 406 - HĐBT công nhận trường là trường Đại học. Từ thời điểm này, Trường vừa là một trường Đảng trực thuộc Ban bí thư trung ương, đồng thời là trường đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân. Các hoạt động chuyên môn của nhà trường đều được thực hiện theo quy chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Luật Giáo dục. Sứ mạng của Học viện được xác định: *“Học viện Báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, là trường đại học trọng điểm trong hệ thống giáo dục quốc dân. Học viện là cơ sở nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực chính trị, tư tưởng, báo chí - truyền thông và một số lĩnh vực khoa học xã hội, nhân văn khác”*.

Với nỗ lực phấn đấu để trở thành một cơ sở đào tạo đa ngành, một trung tâm nghiên cứu và đào tạo hàng đầu về lý luận chính trị và báo chí truyền thông đạt chuẩn quốc gia; một số ngành đào tạo trọng điểm đạt chuẩn quốc tế đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng, trình độ cao phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và cả nước, Học viện Báo chí và Tuyên truyền luôn coi trọng vấn đề nâng cao chất lượng toàn diện trên tất cả các mặt hoạt động.

Học viện nhận thấy rằng, hoạt động tự đánh giá chất lượng là một khâu quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo của trường, tự đánh giá giúp nhà trường tự xem xét, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để cập nhật báo cáo về tình trạng chất lượng giáo dục, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác để tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, đồng thời

chuẩn bị sẵn sàng cho việc thực hiện các bước tiếp theo của quá trình kiểm định chất lượng giáo dục theo yêu cầu tại Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Báo cáo tự đánh giá của Học viện Báo chí và Tuyên truyền được triển khai thực hiện từ tháng 12 năm 2015 đến tháng 06 năm 2016. Tham gia thực hiện Báo cáo tự đánh giá năm 2016 gồm: Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các đơn vị có liên quan theo Quyết định của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền (danh sách ở phụ lục).

Nhiệm vụ của Hội đồng tự đánh giá:

- Triệu tập và điều hành phiên họp các thành phần tham gia nhằm quán triệt quan điểm, chủ trương, mục đích, yêu cầu và sự cần thiết của công tác tự đánh giá đối với sự phát triển của nhà trường trong giai đoạn mới;
- Thông qua phương án và kế hoạch tự đánh giá;
- Phân công nhiệm vụ cho thành viên Hội đồng và các đơn vị có liên quan;
- Triển khai và chỉ đạo thực hiện việc thu thập minh chứng; xử lý, phân tích và viết báo cáo tự đánh giá; giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai tự đánh giá;
- Thẩm định báo cáo nhằm đánh giá mức độ đạt được, xác định điểm mạnh và tồn tại của Học viện;
- Tham mưu, đề xuất cho Giám đốc kế hoạch cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục sau tự đánh giá.

Nhiệm vụ Ban thư ký:

- Chuẩn bị và cung cấp các văn bản liên quan cho Hội đồng tự đánh giá;
- Tổng hợp ý kiến thảo luận trong các phiên họp của Hội đồng tự đánh giá;
- Tổng hợp kết quả báo cáo từ các đơn vị liên quan; quản lý và lưu trữ minh chứng; - Là cầu nối giữa Hội đồng tự đánh giá và các đơn vị có liên quan;
- Biên tập, in ấn báo cáo chính thức và công bố báo cáo Tự đánh giá trong nội bộ Học viện sau khi Giám đốc phê duyệt.

4. Nhiệm vụ của các đơn vị có liên quan:

- Thực hiện việc thu thập, cập nhật, phân loại, mã hóa các minh chứng và viết bổ sung nội dung báo cáo Tự đánh giá thuộc các tiêu chuẩn, tiêu chí được Hội đồng phân công.

Cụ thể như sau:

1. Ban tổ chức cán bộ: tiêu chí 1.1; 2.1; 2.2; 2.3; 2.6; 5.1; 5.2; 5.3; 5.4; 5.5; 5.6; 5.7; 5.8. (13 tiêu chí).
2. Ban Quản lý đào tạo: tiêu chí 1.2; 3.1; 3.2; 3.3; 3.4; 3.5; 3.6; 4.1; 4.2; 4.5; 6.1. (11 tiêu chí).
3. Ban Quản lý khoa học: tiêu chí 7.1; 7.2; 7.3; 7.4; 7.5; 7.6; 7.7; 8.3. (8 tiêu chí)
4. Phòng Công tác chính trị: tiêu chí 6.2; 6.3; 6.5; 6.6; 6.7 (5 tiêu chí)
5. Trung tâm Khảo thí & Đảm bảo chất lượng đào tạo: tiêu chí 2.5; 4.3; 4.4; 4.6; 4.7; 6.8; 6.9. (7 tiêu chí).
6. Phòng Quản trị: tiêu chí 9.5; 9.6; 9.7; 9.8. (4 tiêu chí).
7. Phòng Kế hoạch - Tài vụ: tiêu chí 10.1; 10.2; 10.3. (3 tiêu chí)
8. Văn phòng: tiêu chí 2.7; 9.4; 9.9. (3 tiêu chí)
9. Văn phòng Đảng - Đoàn thể: tiêu chí 2.4; 6.4. (2 tiêu chí)
10. Phòng Hợp tác quốc tế: tiêu chí 8.1; 8.2. (2 tiêu chí)
11. Trung tâm thực hành - hỗ trợ đào tạo: tiêu chí 9.2; 9.3. (2 tiêu chí)
12. Trung tâm Thông tin Khoa học: tiêu chí 9.1. (1 tiêu chí).

Cán bộ quản lý các đơn vị phân công nhiệm vụ cụ thể, đôn đốc, giám sát kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ nhằm đảm bảo yêu cầu về chất lượng, quy trình, nội dung, hình thức, quy cách và tiến độ theo kế hoạch.

PHẦN II: TỔNG QUAN CHUNG

1. Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học

Sứ mạng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền được xác định bằng văn bản và nêu rõ trong “Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”. Sứ mạng này là hoàn toàn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của trường đại học do Bộ Giáo dục & Đào tạo và Học viện quy định, đồng thời phù hợp với các nguồn lực của nhà trường. Sứ mạng, mục tiêu của Học viện được xác định một cách rõ ràng, đúng với quy định tại Luật giáo dục; được hoàn thiện trên cơ sở các ý kiến đóng góp và trí tuệ của tập thể viên chức và người lao động, được phổ biến rộng rãi trong toàn Học viện. Mục tiêu của Học viện phù hợp với bối cảnh và nguồn lực của nhà trường trong từng giai đoạn phát triển cụ thể. Sứ mạng được đăng tải trên Website Học viện và giới thiệu trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm thu hút sự quan tâm của toàn xã hội, trong đó có các nhà tuyển dụng. Định kỳ hàng năm, Học viện tiến hành rà soát để điều chỉnh, bổ sung mục tiêu cho phù hợp từng thời kỳ thông qua việc thường xuyên lấy ý kiến từ cán bộ công nhân viên và các đơn vị bên ngoài. Tăng cường công tác giám sát việc thực hiện các mục tiêu chiến lược của trường.

2. Tổ chức và quản lý

Cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền được xây dựng theo đúng các quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo và Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, hợp lý và có tính linh hoạt cao, phù hợp với điều kiện thực tế nhằm thực hiện sứ mạng và mục tiêu phát triển của Học viện. Chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của các cá nhân trong tập thể lãnh đạo Học viện được quy định rõ ràng bằng văn bản. Hệ thống văn bản về công tác quản lý của Học viện được xây dựng một cách đồng bộ, đầy đủ, theo đúng quy định; được phổ biến rộng rãi trong toàn trường và chỉnh sửa bổ sung kịp thời để đảm bảo sự phù hợp và tính hiệu quả. Học viện luôn thực hiện tốt, đúng quy định về chế độ lưu trữ, báo cáo đối với cơ quan chủ quản là Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

và Bộ Giáo dục & Đào tạo. Bên cạnh hoạt động quản lý và chuyên môn, hoạt động của các tổ chức đoàn thể đã thu hút đông đảo cán bộ, giảng viên và sinh viên tham gia đạt được những kết quả tốt, góp phần tích cực trong việc tạo dựng uy tín và giữ gìn đoàn kết, ổn định Học viện. Nguyên tắc tập trung dân chủ được quán triệt và thực hiện tốt, đặc biệt trong việc xây dựng các chiến lược phát triển dài hạn, ngắn hạn và kế hoạch hoạt động hàng năm của Học viện. Định kỳ hàng năm Học viện tiến hành rà soát, bổ sung, thay thế những văn bản quy định cho sát với tình hình thực tiễn; chỉ đạo các đơn vị, các bộ phận triển khai xây dựng các chương trình hành động trong từng giai đoạn để cụ thể hóa kế hoạch chiến lược phát triển của Học viện. Cải tiến sinh hoạt của các chi bộ và tổ chức quần chúng. Tăng cường hoạt động chuyên môn của các công đoàn bộ phận.

3. Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu giáo dục và chức năng, nhiệm vụ của Học viện, đồng thời gắn với nhu cầu học tập của người học và nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động. Học viện có đầy đủ chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, đa dạng về trình độ và phương thức đào tạo, đáp ứng các yêu cầu khác nhau của người học và thị trường lao động. Học viện luôn quan tâm xây dựng và đổi mới chương trình đào tạo cho phù hợp với thực tiễn, định kỳ rà soát và bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo, công khai những nội dung điều chỉnh, cập nhật thường xuyên nội dung đào tạo.

4. Hoạt động đào tạo

Học viện đã thực hiện tốt, đúng quy định chế độ tích lũy kết quả học tập theo từng học phần cho tất cả các hệ đào tạo. Quy trình xét và công nhận tốt nghiệp được thực hiện chặt chẽ, chính xác theo đúng quy định. Các bộ môn, khoa đã được giao quyền chủ động thực hiện đổi mới, đa dạng hóa phương pháp giảng dạy, phù hợp với từng môn học và chuyên ngành học. Học viện luôn thực hiện nghiêm túc phương pháp và quy trình thi, kiểm tra đánh giá phù hợp với mỗi hình thức đào tạo. Hệ thống sổ sách lưu trữ và quản lý kết quả học tập của

sinh viên rõ ràng, chính xác, sử dụng phần mềm chuyên dụng trong việc quản lý điểm, hệ thống văn bản được cấp đúng quy định.

5. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã có kế hoạch chiến lược dài hạn về quy hoạch phát triển đội ngũ. Đội ngũ cán bộ quản lý được bổ nhiệm đúng quy trình, có phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn tốt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của vị trí công tác được phân công. Đội ngũ giảng viên ngày càng tăng về số lượng, trẻ hóa về tuổi đời, năng động, sáng tạo, có trình độ ngoại ngữ và tin học tốt, thường xuyên được nhà trường tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, hỗ trợ về tài chính để bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. Nhiều giảng viên tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo chủ trương chung của Trường. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong trường học, tạo được môi trường lành mạnh nên cán bộ giảng viên yên tâm công tác và cống hiến.

6. Người học

Thông qua website của Học viện, sinh viên nắm được mục tiêu, chương trình đào tạo của ngành, điều kiện dự thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập từng học kỳ, năm học.

Sinh viên thuộc diện chế độ chính sách luôn luôn được đảm bảo đúng chế độ. Học viện tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong mọi hoạt động về văn hóa, văn nghệ và thể dục thể thao.

Sinh viên được tiếp cận đầy đủ thông tin về đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước. Qua việc thực hiện quy chế rèn luyện trong sinh viên, các phong trào thực hiện nếp sống văn minh trong môi trường giáo dục được thực hiện dưới nhiều hình thức, sinh viên có ý thức hơn trong sinh hoạt và học tập. Đa số sinh viên trong Học viện đã có ý thức rèn luyện đạo đức, lối sống lành mạnh, tự giác tham gia các phong trào do nhà trường và các tổ chức đoàn thể phát động. Học viện luôn quan tâm, chú trọng và thực hiện tốt công tác giáo dục và rèn luyện cho sinh viên về đạo đức, lối sống, tính tập thể và tinh thần trách nhiệm.

Học viện đã rất quan tâm và tạo mọi điều kiện phát triển các phong trào của Đoàn, Hội trong trường, có biện pháp hỗ trợ tích cực cho Đoàn thanh niên cả về vật chất lẫn tinh thần. Những phong trào này đã thực sự có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống của sinh viên trong nhà trường.

Học viện đã phối hợp khá hiệu quả với bộ phận tư vấn nghề nghiệp và việc làm cho sinh viên bằng việc tổ chức nhiều hoạt động hữu ích nhằm giúp sinh viên nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, tiếp cận với thị trường lao động và việc làm, cung cấp cho sinh viên các thông tin về nhu cầu tuyển dụng từ các doanh nghiệp, tổ chức trên khắp toàn quốc.

Học viện luôn tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả các sinh viên năm cuối đi thực tập để học hỏi kinh nghiệm và rèn luyện kỹ năng chuyên môn tại các cơ sở. Sinh viên của Học viện sau khi ra trường nhanh chóng có việc làm bởi khả năng thích ứng cao với thực tế cũng như do nhu cầu nhân lực về các lĩnh vực lý luận chính trị và báo chí truyền thông ở nước ta rất lớn.

7. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ

Học viện Báo chí và Tuyên truyền chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ hàng năm trên cơ sở hướng dẫn của các cấp quản lý.

Hoạt động nghiên cứu khoa học của Học viện rất đa dạng, từ việc thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Trường đến các đề tài hợp tác đồng nghiên cứu, góp phần giải quyết các vấn đề mang tính thời sự, thiết thực, trên cơ sở đó đẩy mạnh và tăng cường các mối liên kết hợp tác nghiên cứu khoa học giữa Học viện và các đơn vị, tổ chức trong và ngoài nước.

Nguồn kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học ngày một tăng, thể hiện sự quan tâm của Học viện và sự năng động, tích cực của đội ngũ giảng viên, các nhà nghiên cứu. Số lượng đề tài các cấp được nghiệm thu đạt loại khá và xuất sắc trở luôn ở mức cao. Hàng năm, Học viện phát động phong trào sinh viên nghiên cứu khoa học và số lượng sinh viên tham gia ngày càng tăng. Việc đăng tải công trình nghiên cứu luôn được quan tâm khuyến khích.

8. Hoạt động hợp tác quốc tế

Hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện Báo chí và Tuyên truyền luôn tuân thủ đúng quy định của Nhà nước về quan hệ với đối tác nước ngoài, tập trung vào hai mảng chính, đó là hợp tác đào tạo và hợp tác nghiên cứu. Học viện đã thiết lập quan hệ hợp tác với nhiều trường đại học và tổ chức quốc tế, thực hiện chương trình liên kết đào tạo đại học và sau đại học với các trường đại học nước ngoài, triển khai nhiều dự án nghiên cứu quan trọng và ký nhiều thoả thuận hợp tác với các trường đại học quốc tế.

Với những phương thức hợp tác đa dạng, hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo của Học viện đã góp phần quan trọng xây dựng đội ngũ, nâng cao chất lượng giảng viên, đổi mới chương trình và phương pháp giảng dạy, từ đó góp phần tích cực nâng cao hiệu quả công tác đào tạo và nâng cấp cơ sở vật chất cũng như trang thiết bị của nhà trường.

9. Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

Hàng năm, Học viện có kế hoạch bổ sung nguồn tài liệu tham khảo cho Thư viện, tạo điều kiện tối đa cho cán bộ giảng viên và sinh viên được sử dụng Trung tâm Thông tin Khoa học để học tập và nghiên cứu, tra cứu thông tin. Hệ thống thư viện của Học viện về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu về tài liệu học tập, nghiên cứu khoa học, giảng dạy, giải trí của người học. Học viện tích cực đầu tư kinh phí để trang bị các thiết bị tại các phòng thực hành, cung cấp trang thiết bị phục vụ yêu cầu học tập, nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên. Hiện tại, Học viện đã trang bị được một số lượng đáng kể các loại máy móc hiện đại phục vụ học tập và giảng dạy. Toàn bộ hệ thống máy tính của Học viện đã được nối mạng ADSL, wireless, đảm bảo đáp ứng nhu cầu dạy và học, nghiên cứu, tổ chức hội nghị, hội thảo và công tác quản lý điều hành.

10. Tài chính và quản lý tài chính

Kế hoạch tài chính hàng năm được xây dựng một cách khoa học, có hệ thống, sát với yêu cầu thực tiễn, đáp ứng được nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, có tích lũy để tái đầu tư phát triển cơ sở vật chất và nâng cao thu nhập cải thiện đời sống cho cán bộ công nhân viên. Công tác quản lý tài chính tài sản chặt chẽ, rõ ràng, công khai, minh bạch, đúng quy định của Nhà nước. Học viện

điều hành tập trung các nguồn vốn, điều tiết sử dụng hợp lý các nguồn thu đáp ứng yêu cầu về công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác. Các nguồn thu được phản ánh một cách đầy đủ, rõ ràng, minh bạch theo đúng quy định của Nhà nước. Hoạt động tài chính của Học viện đều tuân thủ Quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định của Bộ tài chính. Định kỳ hàng năm Quy chế chi tiêu nội bộ trường được điều chỉnh cho sát với thực tiễn cuộc sống và mặt bằng giá cả. Xây dựng hoàn chỉnh chương trình quản lý chung, đồng thời sẽ thiết kế một phần mềm hỗ trợ quản lý tài chính, tài sản dành riêng cho Ban Giám đốc và chia sẻ tài nguyên cũng như công khai công tác quản lý tài chính, tài sản cho các khoa, phòng trong toàn trường. Cùng với việc sửa đổi quy chế để phân cấp chuyên môn mạnh cho các khoa, phòng, trung tâm trong Học viện thì tài chính cũng sẽ tiến hành phân cấp kèm theo.

PHẦN III: TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA NHÀ TRƯỜNG

Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học

Mở đầu

Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã xác định được sứ mạng rõ ràng: Nội dung của sứ mạng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực cũng như định hướng phát triển của Học viện. Trong chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã đề xuất phần đầu đưa Học viện trở thành Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng nghiên cứu khoa học về chính trị, báo chí - truyền thông có uy tín trong nước và khu vực, hội nhập với các trường đại học trên thế giới.

Mục tiêu của Học viện được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật giáo dục và Luật giáo dục đại học và sứ mạng đã tuyên bố trong ”Đề án xây dựng và phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia về đào tạo giảng viên lý luận chính trị và cán bộ báo chí - truyền thông”. Các mục tiêu Nhà trường xây dựng phù hợp với nhiệm vụ chính trị của Nhà trường trong từng thời kỳ và phù hợp với Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Học viện có cơ cấu tổ chức được thực hiện theo quy định của Điều lệ Trường đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan, được cụ thể hóa trong quy chế về tổ chức và hoạt động của nhà trường. Trong Quy chế làm việc của Học viện đã xác định rõ, Học viện làm việc theo chế độ Thủ trưởng; bảo đảm phát huy năng lực và sở trường của công chức, viên chức; đề cao sự phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc và trong mọi hoạt động; công chức, viên chức phải xử lý và giải quyết công việc đúng phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền.

Tiêu chí 1.1. Sứ mạng của trường đại học được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của cả nước.

1. Mô tả

Sứ mạng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã được xác định trong Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ Học viện Báo chí và Tuyên truyền năm 2015. Trong đó, sứ mạng của Học viện được xác định: *“Học viện Báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, là trường đại học trọng điểm trong hệ thống giáo dục quốc dân. Học viện là cơ sở nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực chính trị, tư tưởng, công tác xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước, báo chí - truyền thông và một số lĩnh vực khoa học xã hội, nhân văn khác”*.

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có sứ mạng rõ ràng; Nội dung của sứ mạng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực cũng như định hướng phát triển của Học viện. Trong chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã đề xuất phấn đấu đưa Học viện trở thành Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng nghiên cứu khoa học về chính trị, báo chí - truyền thông có uy tín trong nước và khu vực, hội nhập với các trường đại học trên thế giới [1.1-1].

Sứ mạng của Học viện hoàn toàn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ đã được nêu trong Quyết định số 2956/QĐ-HVCTQG ngày 27/06/2014 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đó là “đào tạo, bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị, cán bộ làm công tác tư tưởng - văn hóa, cán bộ báo chí, biên tập viên xuất bản, cán bộ một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác; là cơ sở nghiên cứu khoa học về lý luận Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực tư tưởng - văn hóa, lĩnh vực báo chí - truyền thông [1.1-2].

Học viện có đủ các nguồn lực để thực hiện sứ mạng: Học viện là một Trường đại học lớn của Việt Nam có truyền thống đào tạo, bồi dưỡng hơn 50 năm; với đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ cao; cơ sở vật chất của Học viện đáp ứng được yêu cầu đào tạo chất lượng cao.

Sứ mạng của Học viện phù hợp và gắn kết với các chiến lược của địa phương và cả nước. Với vị thế là trường đại học duy nhất trong hệ thống trường Đảng của cả nước có nhiệm vụ đào tạo giảng viên lý luận chính trị và cán bộ báo chí truyền thông, Học viện đã và đang phấn đấu nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở đổi mới toàn diện và cơ bản các mặt hoạt động nhằm khẳng định vai trò của Học viện đối với sứ mệnh cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội cũng như đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc trong thời kỳ mới. Yêu cầu về đào tạo nguồn nhân lực này đã được khẳng định trong Nghị quyết Trung ương 5 khóa X “về công tác tư tưởng, lý luận, báo chí trước yêu cầu mới”. Tuy nhiên, sứ mạng của nhà trường trên thực tế mới chỉ được phổ biến đến đội ngũ cán bộ quản lý, chưa được phổ biến đến đại bộ phận cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường.

2. Điểm mạnh

Học viện đã xác định được sứ mạng rõ ràng hoàn toàn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ cũng như nguồn lực của mình. Sứ mạng của Học viện gắn kết với nhu cầu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

3. Tồn tại

Học viện chưa có sự quán triệt sứ mạng của mình đến mọi thành viên trong Học viện.

4. Kế hoạch hành động

Học kỳ I năm học 2016 - 2017, Học viện sẽ tổ chức quán triệt sứ mạng đến mọi thành viên trong Học viện để mọi người cùng hành động.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 1.2. Mục tiêu của Học viện được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố của nhà trường; được định kì rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện.

1. Mô tả

Học viện Báo chí và Tuyên truyền là đơn vị trực thuộc Học viện quốc gia Hồ Chí Minh, là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị, cán bộ làm công tác tư tưởng - văn hóa, cán bộ báo chí, biên tập viên xuất bản, cán bộ một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác; là cơ sở nghiên cứu khoa học về lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực tư tưởng - văn hóa, lĩnh vực báo chí - truyền thông [1.2-1].

Các mục tiêu Nhà trường xây dựng phù hợp với nhiệm vụ chính trị của Nhà trường trong từng thời kỳ và phù hợp với *Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành theo Quyết định số 711* [1.2-2]

Các mục tiêu đề ra phù hợp với mục tiêu giáo dục và giáo dục đại học trong Luật Giáo dục của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Với mục tiêu cụ thể “Đào tạo trình độ đại học để sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ thuật thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo. Đào tạo trình độ thạc sĩ để học viên có kiến thức khoa học nền tảng, có kỹ năng chuyên sâu cho nghiên cứu về một lĩnh vực khoa học hoặc hoạt động nghề nghiệp hiệu quả, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo” [1.2-3];

Mục tiêu của Học viện được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật giáo dục và Luật giáo dục đại học và sứ mạng đã tuyên bố trong “Đề án xây dựng và phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia về đào tạo giảng viên lý luận chính trị và cán bộ báo chí-truyền thông”, được Thủ tướng Chính phủ phê

duyệt ngày 25/6/2015, cụ thể như sau:

“Mục tiêu tổng quát: Xây dựng Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành một trường đại học trọng điểm quốc gia về đào tạo giảng viên lý luận chính trị và cán bộ báo chí truyền thông cho các trường Đảng, trường chính trị và các trường đại học, cao đẳng; góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho các cơ quan của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị-xã hội, các doanh nghiệp nhà nước và nhu cầu của xã hội; phấn đấu đến năm 2020 có một số ngành đào tạo được xếp hạng trong số 500 trường đại học hàng đầu thế giới”. [1.2-4], [1.2-5].

“Mục tiêu phát triển đào tạo: Đáp ứng tốt nhất nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho hệ thống chính trị, các cơ quan báo chí-truyền thông, các tổ chức kinh tế-xã hội. Thường xuyên nâng cao chất lượng đào tạo là sứ mệnh của Nhà trường, là mục tiêu chung trong chiến lược phát triển của Học viện trong suốt giai đoạn 2013-2020 và tầm nhìn đến năm 2030.”; “Đào tạo đại học: Sinh viên được đào tạo toàn diện và có khả năng thích ứng với môi trường làm việc năng động, có năng lực thực tiễn trên cơ sở nền tảng kiến thức vững vàng, có khả năng làm việc độc lập, có kỹ năng làm việc nhóm, sử dụng thành thạo ngoại ngữ, tin học chuyên ngành và các kỹ năng khác. Sinh viên được đào tạo nghề và chuyên sâu theo từng loại nghiệp vụ cụ thể với kỹ năng thực hành nghề nghiệp vững vàng để có thể tiếp cận ngay với công việc và có khả năng xử lý các tình huống thực tế nghề nghiệp linh hoạt, sáng tạo, khoa học”; “Đào tạo sau đại học: Người học được đào tạo chuyên sâu về lý thuyết chuyên ngành, có khả năng tiếp cận cũng như giải quyết các vấn đề thực tiễn; có khả năng nghiên cứu thể hiện ở khả năng tổng hợp, khái quát, phân tích, dự báo, khả năng phát hiện, giải quyết vấn đề lý thuyết cũng như thực tiễn một cách độc lập”[1.2-4], [1.2-5].

Mục tiêu của Học viện được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh theo chức năng, nhiệm vụ của từng thời kỳ và được triển khai thực hiện, cụ thể là:

Trường Đại học Tuyên giáo (1990 -1993) có nhiệm vụ: “Đào tạo và bồi dưỡng ở trình độ đại học các giảng viên lý luận chính trị của các trường Đảng và

đoàn thể; phóng viên các báo, tạp chí chủ yếu của cấp uỷ Đảng, đoàn thể ở Trung ương và địa phương. Bồi dưỡng lý luận, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, nghiệp vụ công tác cho cán bộ hoạt động trong lĩnh vực tư tưởng văn hóa các cấp” [1.2-6].

Phân viện Báo chí và Tuyên truyền (3/1993-8/2005) trực thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, có nhiệm vụ: “Đào tạo và bồi dưỡng bậc đại học, cao học những cán bộ làm công tác báo chí, xuất bản, tuyên truyền; đào tạo bậc đại học các chuyên ngành lý luận Mác - Lênin”[1.2-7].

Học viện Báo chí và Tuyên truyền (8/2005-6/2014) trực thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, có nhiệm vụ: “Đào tạo trưởng, phó phòng trở lên của các cơ quan thông tin đại chúng ở Trung ương, các bộ, ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương và tỉnh, thành phố; phó trưởng ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy; trưởng phó ban tuyên giáo huyện ủy, quận ủy, thị ủy ở trình độ đại học, sau đại học. Đào tạo giảng viên lý luận chính trị bậc đại học cho các trường chính trị, tỉnh, thành phố, các trường đào tạo cán bộ của bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, các trường đại học và cao đẳng. Đào tạo bậc đại học và sau đại học các ngành báo chí, xuất bản và tuyên truyền. Bồi dưỡng kiến thức mới, nghiệp vụ công tác chuyên môn, lý luận chính trị và đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước cho cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc các đối tượng đào tạo nêu trên”. [1.2-8].

Học viện Báo chí và Tuyên truyền (7/2014 đến nay) trực thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, có nhiệm vụ: “a) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đương chức và quy hoạch các chức danh là trưởng, phó trưởng phòng và tương đương trở lên của các cơ quan thông tấn, báo chí, truyền thông, xuất bản ở các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; phó trưởng ban Tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương; trưởng, phó trưởng ban Tuyên giáo cấp huyện và tương đương;

b) Đào tạo, bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị cho các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trung tâm Bồi dưỡng chính trị của các huyện,

thị, thành phố thuộc tỉnh, các trường đào tạo cán bộ của bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương và các trường đại học, cao đẳng của hệ thống giáo dục quốc dân;

c) Đào tạo đại học và sau đại học các chuyên ngành thuộc lĩnh vực tư tưởng - văn hóa, lý luận chính trị, báo chí - truyền thông, xuất bản và một số khoa học xã hội nhân văn khác theo sự ủy nhiệm và phân công của Giám đốc Học viện;

d) Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác tuyên giáo, báo chí - truyền thông, xuất bản ..." [1.1-1].

Mục tiêu trung hạn của Học viện được cụ thể hóa bằng Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Học viện Báo chí và Tuyên truyền nhiệm kỳ 2010-2015 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Học viện Báo chí và Tuyên truyền nhiệm kỳ 2015-2020 và các Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của mỗi kỳ đại hội.

Mục tiêu ngắn hạn của Học viện được cụ thể hóa bằng phương hướng công tác từng năm học. Hằng năm, trên cơ sở các văn bản tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học mới của các đơn vị, căn cứ nhiệm vụ được giao, Học viện tiến hành tổng kết năm học nhằm rà soát các công tác đã thực hiện và xây dựng mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ cho năm học mới của Trường [1.2-9]. Phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu được Học viện tổ chức lấy ý kiến rộng rãi trong toàn thể CBVC. Qua đó được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và biểu quyết thông qua nghị quyết tại Hội nghị đại biểu CBVC Nhà trường [1.2-10].

Các mục tiêu phát triển của Học viện đồng thời được rà soát, bổ sung, điều chỉnh và triển khai thực hiện tại các cuộc họp giao ban thủ trưởng các đơn vị hàng tháng [1.2-11].

Mỗi năm học, Học viện báo cáo với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo kết quả thực hiện các lĩnh vực công tác [1.2-5].

Năm 2014, Học viện tổ chức rà soát và đánh giá các mục tiêu chiến lược để xây dựng Đề án phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia về đào tạo giảng viên lý luận chính trị và cán bộ báo chí-truyền thông và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.[1.2-4], [1.2-5].

Mục tiêu của Học viện luôn được trao đổi, bàn bạc trong các cuộc họp Đảng ủy, Ban Giám đốc, các tổ chức đoàn thể; trong giao ban thủ trưởng các đơn vị và ý kiến đóng góp rộng rãi của CBVC.

Mục tiêu của Học viện có sự thống nhất cao giữa các cấp ủy Đảng, chính quyền và đoàn thể; được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo từng giai đoạn phát triển và đã được triển khai thực hiện tốt.

Tuy nhiên, công tác điều tra, lấy ý kiến đóng góp về mục tiêu đào tạo của học viện tại các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động sau đào tạo chưa được rộng rãi.

2. Điểm mạnh

Học viện đã xác định được mục tiêu rõ ràng, phù hợp với mục tiêu đào tạo trong từng thời kỳ theo quy định của Luật giáo dục, Luật giáo dục đại học và Đề án phát triển của Học viện đã được phê duyệt.

3. Tồn tại

Việc tổ chức lấy ý kiến góp ý về mục tiêu đào tạo của Học viện đối với đại diện các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động sau đào tạo và sinh viên đã tốt nghiệp chưa được triển khai rộng rãi.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016 - 2017 tiến hành điều tra, khảo sát ý kiến của các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động sau đào tạo và sinh viên đã tốt nghiệp để có được các thông tin chính xác, khách quan, phục vụ công tác xây dựng mục tiêu và chiến lược của Học viện.

Từ năm học 2016 - 2017 trở đi, định kỳ 2 năm/lần rà soát, bổ sung các mục tiêu của Học viện cho phù hợp với nhiệm vụ được giao và đáp ứng nhu cầu của xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

*** Kết luận về tiêu chuẩn 1:**

Điểm mạnh nổi bật

Học viện đã xác định được sứ mạng rõ ràng hoàn toàn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ cũng như nguồn lực của mình. Sứ mạng của Học viện gắn kết với nhu cầu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Học viện đã xác định được mục tiêu rõ ràng, phù hợp với mục tiêu đào tạo trong từng thời kỳ theo quy định của Luật giáo dục, Luật giáo dục đại học và Đề án phát triển của Học viện đã được phê duyệt.

Những tồn tại cơ bản

Học viện chưa có sự quán triệt sứ mạng của mình đến mọi thành viên trong Học viện.

Việc tổ chức lấy ý kiến góp ý về mục tiêu đào tạo của Học viện đối với đại diện các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động sau đào tạo và sinh viên đã tốt nghiệp chưa được triển khai rộng rãi.

Tiêu chuẩn 1 có 02 tiêu chí đạt yêu cầu.

Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý

Mở đầu

Cơ cấu tổ chức của Học viện được thực hiện theo quy định của Điều lệ Trường đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan, được cụ thể hóa trong quy chế về tổ chức và hoạt động của Học viện. Học viện có hệ thống văn bản để tổ chức quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của nhà trường. Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được phân định rõ ràng. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong trường đại học hoạt động hiệu quả và hằng năm được đánh giá tốt; các hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể thực hiện theo quy định của pháp luật.

Học viện có Trung tâm Khảo thí và ĐBCLĐT tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, có đội ngũ cán bộ có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

Ngoài ra, Học viện có các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn và dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của nhà trường; có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch. Bên cạnh đó, Học viện thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về các hoạt động và lưu trữ đầy đủ các báo cáo của nhà trường.

Tiêu chí 2.1. Cơ cấu tổ chức của trường đại học được thực hiện theo quy định của Điều lệ Trường đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan, được cụ thể hóa trong quy chế về tổ chức và hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả

Cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền được thực hiện theo các quy định của pháp luật gồm: Đảng ủy - Ban Giám đốc - Khoa và các đơn vị chức năng - Bộ môn. Đây là mô hình tổ chức chung của các trường Đại

học ở Việt Nam, phù hợp với quy định của Điều lệ trường Đại học [2.1-1], Luật Giáo dục Đại học 2012 và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

Học viện hiện nay có 34 đơn vị trực thuộc gồm: 18 khoa đào tạo; 3 ban, 2 Văn phòng, 6 phòng, 3 trung tâm, 1 viện nghiên cứu, 1 tạp chí; ngoài ra còn có 51 bộ môn trực thuộc các khoa. Cơ cấu tổ chức nói trên là phù hợp với đặc điểm hoạt động của một trường đại học và quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Để phù hợp với điều kiện thực tế quản lý và định hướng phát triển, trong thời gian vừa qua, Học viện đã sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của một số đơn vị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Học viện như: thành lập phòng Hợp tác quốc tế là đơn vị trực thuộc Ban Giám đốc. Để tạo điều kiện thuận lợi cho quản lý dạy và học, Học viện điều chỉnh lại cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Đào tạo thành 4 phòng: phòng Kế hoạch tổng hợp, phòng Tuyển sinh và quản lý chương trình, phòng Quản lý hoạt động dạy và học, phòng Bồi dưỡng [2.1-2].

Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Học viện đã được cụ thể hóa trong các văn bản: Quyết định số 2956/QĐ-HVCTQG ngày 27/06/2014 [1.1-1]; Quy chế làm việc của Học viện Báo chí và Tuyên truyền [2.1-3]; Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các tổ bộ môn [2.1-4].

Trong Quy chế làm việc của Học viện đã xác định rõ, Học viện làm việc theo chế độ Thủ trưởng; bảo đảm phát huy năng lực và sở trường của công chức, viên chức; đề cao sự phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc và trong mọi hoạt động; công chức, viên chức phải xử lý và giải quyết công việc đúng phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền. Mọi vấn đề chung của Học viện được bàn bạc công khai và lấy ý kiến rộng rãi, Giám đốc là người chịu trách nhiệm cao nhất và đưa ra quyết định cuối cùng trên cơ sở lợi ích và nguyện vọng chính đáng của công chức, viên chức và sinh viên trong trường.

Việc xác định rõ cơ cấu tổ chức cũng như cơ chế hoạt động đã tạo điều kiện thuận lợi trong quản lý, đảm bảo hoạt động của Học viện đồng bộ, liên thông và phát huy được hiệu quả của bộ máy đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển.

Tuy nhiên, do có khó khăn về cơ chế hoạt động và nhân sự nên việc triển khai thành lập Hội đồng trường theo Điều lệ trường Đại học còn chậm.

2. Điểm mạnh

Cơ cấu tổ chức của Học viện được thực hiện theo Điều lệ trường đại học, các quy định của pháp luật và được cụ thể hóa phù hợp với điều kiện thực tiễn của Học viện.

3. Tồn tại

Hội đồng trường chưa được thành lập theo Điều lệ trường đại học.

4. Kế hoạch hành động

Đến cuối năm 2016, Học viện sẽ thành lập Hội đồng trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 2.2. Có hệ thống văn bản để tổ chức quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả

Hệ thống văn bản là cơ sở để Học viện tổ chức và quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của Học viện, bao gồm các văn bản tiếp nhận từ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các văn bản do Học viện ban hành.

Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã xây dựng và ban hành hệ thống văn bản quản lý một cách có hiệu quả theo các lĩnh vực hoạt động sau:

Về công tác Tổ chức - Cán bộ: bên cạnh hệ thống văn bản hướng dẫn của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh như: Quy định về tiêu chuẩn, quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý [2.2-1]; Quy định về tuyển dụng công chức, viên chức [2.2-2]; Quy định về việc thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; kéo dài thời gian công tác để làm chuyên môn, nghỉ công tác để hưởng chế độ hưu trí đối với cán bộ, công chức, viên chức [2.2-3] ... Học viện đã ban hành Quy định về tuyển dụng công chức, viên chức [2.2-4]; Để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của công chức, viên chức Học viện đã xây dựng Quy định về Thi đua, Khen thưởng [2.2-5]; Để động viên công chức, viên chức, Học viện đã xây dựng Quy chế về tính thu nhập tăng thêm [2.2-6]; Quy định về chế độ làm thêm giờ của viên chức, người lao động [2.2-7] ...

Về lĩnh vực giáo dục - đào tạo, Học viện đã ban hành các văn bản như: Quy chế giảng viên [2.2-8]; Quy chế đào tạo đại học chính quy tập trung [2.2-9]; Quy chế đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ [2.2-10], [2.2-11]; Quy chế rèn luyện của sinh viên [2.2-12]...

Đối với công tác nghiên cứu khoa học, Học viện đã ban hành Quy chế về quản lý và hoạt động khoa học [2.2-13].

Trong hoạt động tài chính, Học viện đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ [2.2-14], trong đó quy định việc sử dụng quỹ học phí, chi phúc lợi, các chế độ phụ cấp đối với công chức, viên chức nhằm đảm bảo sự công bằng, hợp lý giữa các ngạch viên chức của Học viện.

Ngoài ra, Học viện còn ban hành các văn bản quy định về hoạt động của tổ chức Đảng [2.2-15], các văn bản quy định về hoạt động của Công đoàn [2.2-16].

Để tổ chức quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của Học viện, Học viện đã soạn thảo và ban hành hàng loạt văn bản về các lĩnh vực cụ thể như Tổ chức - Cán bộ; lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học; lĩnh vực tài chính ... Các văn bản này được triển khai kịp thời đến các đơn vị và từng cá nhân bằng nhiều hình thức: sao gửi các đơn vị; tổ chức các cuộc họp để phổ biến, quán triệt, thông qua trang website của Học viện. Nhờ có các văn bản này mà hoạt động quản lý của Học viện trên các lĩnh vực đã đi vào nề nếp, phát huy được hiệu lực, hiệu quả các hoạt động của Học viện.

Tuy nhiên, là một đơn vị trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, khi cần ban hành các văn bản về công tác Tổ chức - Cán bộ, đào tạo, nghiên cứu khoa học, tài chính, Học viện phải chờ đợi văn bản chỉ đạo của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, vì vậy một số văn bản ban hành còn bị chậm trễ.

2. Điểm mạnh

Học viện đã có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các lĩnh vực hoạt động và được phổ biến đến công chức, viên chức trong Học viện bằng nhiều kênh thông tin khác nhau.

3. Tồn tại

Có một vài văn bản lạc hậu nhưng chưa được bổ sung và ban hành kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016 - 2017, Học viện tiếp tục cập nhật để sửa đổi, bổ sung một số văn bản còn lạc hậu.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 2.3. Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được phân định rõ ràng.

1. Mô tả

Học viện đã có các văn bản phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị và cá nhân như: Quyết định của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền [1.1-1]; Quy chế làm việc của Học viện Báo chí và Tuyên truyền [2.1-3]; Quy chế giảng viên [2.2-8]; Quy chế về giảng viên thỉnh giảng [2.3-1]; Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị [2.3-2, 2.3-3 ...]; Quy chế dân chủ trong hoạt động của Học viện Báo chí và Tuyên truyền [2.3-4]; Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các tổ bộ môn [2.1.4]

Những văn bản nêu trên đã quy định rất rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị, của Giám đốc và các Phó Giám đốc; của Thủ trưởng các đơn vị; của viên chức, giảng viên và người lao động của Học viện. Các văn bản này được soạn thảo trên cơ sở các văn bản pháp quy của Nhà nước và điều kiện thực tế của Học viện, đồng thời, dự thảo các văn bản này được gửi đến tất cả các đơn vị trong Học viện để tổ chức lấy ý kiến của, viên chức, giảng viên trước khi ban hành.

Trong quy chế làm việc của Học viện đã xác định cụ thể phạm vi giải quyết công việc của Giám đốc, những công việc cần thảo luận tập thể lãnh đạo Học viện trước khi Giám đốc quyết định, trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của Phó Giám đốc, của Trưởng các đơn vị, quan hệ giữa lãnh đạo Học viện với Trưởng các đơn vị; quan hệ giữa Trưởng các đơn vị và các quan hệ công tác khác.

Các văn bản của Học viện về lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học [2.2-8, 2.2-13 ...] đã quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của giảng viên, nghiên cứu viên, định mức giờ giảng, định mức hoạt động nghiên cứu khoa học của từng chức danh; cách thức quy đổi các hoạt động khoa học thành giờ chuẩn; chế độ thù lao đối với giảng viên ... Vì vậy, hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Học viện đã đi vào nề nếp, có hiệu quả thiết thực, qua đó nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, đồng thời nâng cao uy tín của Học viện trước xã hội.

Việc quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn cho các đơn vị, cá nhân đã tạo điều kiện cho các đơn vị và cá nhân chủ động thực hiện các công việc được giao, sáng tạo và phát huy hết khả năng của mình, bên cạnh đó tránh được tình trạng chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, hiện nay còn một số đơn vị như: Văn phòng, Văn phòng Đảng - Đoàn thể, phòng Quản trị, phòng Hợp tác quốc tế chưa được xác định rõ chức năng, nhiệm vụ.

2. Điểm mạnh

Có các văn bản quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các đơn vị, từng cá nhân, là cơ sở để xem xét hiệu quả thực thi công việc.

3. Tồn tại

Chức năng, nhiệm vụ một số đơn vị chưa được xây dựng và ban hành kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

Đến học kỳ I năm học 2016 - 2017, Học viện sẽ xây dựng, hoàn thiện và công bố các quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Học viện.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 2.4. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong trường đại học hoạt động hiệu quả và hằng năm được đánh giá tốt; các hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể thực hiện theo quy định của pháp luật.

1. Mô tả

Đảng bộ Học viện luôn thể hiện vai trò hạt nhân lãnh đạo trong mọi hoạt động của nhà trường, thực hiện đúng vai trò lãnh đạo được quy định tại Hiến pháp và pháp luật của Việt Nam, lãnh đạo Học viện hoạt động theo đúng chủ trương, đường lối giáo dục của Đảng và sứ mạng, mục tiêu của Học viện. Đảng bộ đã phát huy tốt vai trò lãnh đạo toàn diện mọi hoạt động của nhà trường; làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tổ chức học tập, nghiên cứu quán triệt các nghị quyết Đảng các cấp, chính sách pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên. Duy trì việc sinh hoạt Đảng uỷ và các chi bộ đều đặn hàng tháng, từng bước đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên và nề nếp sinh hoạt chi bộ, thường xuyên đấu tranh phê và tự phê, nâng cao ý thức đoàn kết xây dựng Đảng; quy chế dân chủ cơ sở và nguyên tắc tập trung dân chủ được bảo đảm và phát huy trong mọi mặt hoạt động của đơn vị, thông qua các sinh hoạt tập thể, các hội nghị định kỳ của các đơn vị, tổ chức đoàn thể. Quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo hoạt động của các tổ chức đoàn thể quần chúng trong nhà trường [2.4-3]. Đại hội Đảng bộ đề ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển nhà trường và giám sát quá trình thực hiện các phương hướng, nhiệm vụ đó [2.4-1].

Đảng bộ sinh hoạt thường kỳ thông báo các nội dung hoạt động của mình trong tháng qua, đề ra công tác tháng tới được thể hiện qua biên bản sinh hoạt định kỳ của các tổ chức Đảng [2.4-2]. Đảng uỷ hướng dẫn các chi bộ việc cải tiến nội dung họp chi bộ hàng tháng và chế độ báo cáo hàng tháng, quý, năm về Đảng uỷ trường.

Trong những năm qua, Đảng bộ Học viện không ngừng phát triển lớn mạnh, đến nay có 31 chi bộ với 329 đảng viên [2.4-3]. Trung bình mỗi năm Đảng bộ kết nạp được 150 đảng viên mới. Hàng năm Đảng bộ đều được công nhận và tặng giấy khen tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, tiêu biểu [2.4-4]. Tỷ lệ đảng viên đạt danh hiệu đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 90 % đến 95 %, năm sau cao hơn năm trước; trong đó đảng viên đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiếm 20%, tỷ lệ chi bộ trong sạch vững mạnh, tiêu biểu chiếm 20% [2.4-5].

Công đoàn, Hội phụ nữ là tổ chức quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, thu hút 100% CBCC và người lao động trong tham gia và tổ chức sinh hoạt định kỳ theo quy định [2.4-6]. Trong những năm qua, Công đoàn Học viện đã hoạt động có hiệu quả với vai trò là người đại diện và đảm bảo quyền lợi chính đáng và hợp pháp, đồng thời chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Công đoàn đã đi đầu trong việc tham gia các cuộc vận động “Dân chủ - Kỷ cương - Tình thương - Trách nhiệm”, “Dạy tốt, học tốt”, “Thi đua giảng dạy giỏi”, “Xây dựng gia đình văn hoá”, “Giỏi việc trường, đảm việc nhà” [2.4-7]; Bằng nhiều biện pháp và hình thức phù hợp Công đoàn đã chủ động phối hợp với chính quyền và các tổ chức đoàn thể làm tốt các hoạt động nhân đạo như: Hưởng ứng các cuộc vận động “vì người nghèo”; vận động cán bộ, viên chức, người lao động hưởng ứng các phong trào quyên góp ủng hộ, hỗ trợ vùng sâu, vùng xa. Vận động quyên góp, ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa và các hoạt động nhân đạo từ thiện với mức đóng góp tối thiểu mỗi CBVC, NLD một ngày lương. Các hoạt động này đã thu hút được sự tham gia của tất cả cán bộ, đoàn viên và đã thu được nhiều kết quả tích cực. [2.4-8].

Các hoạt động của Công đoàn, Hội Phụ nữ đúng quy định của pháp luật, đúng quy định của Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện và mang lại nhiều hiệu quả cao. Các hoạt động của công đoàn vừa thể hiện đầy đủ nguyên tắc tập trung dân chủ, vừa đảm bảo quyền lợi của đoàn viên và thu hút đông đảo người lao động và đoàn viên tham gia, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và phát triển Học viện trong thời gian qua. Tổ chức Công đoàn đã tham gia tích cực và có trách nhiệm trong hầu hết hoạt động của nhà trường như: Hội đồng thi đua, Hội đồng xét nâng bậc lương; đóng góp các ý kiến về Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế tổ chức, hoạt động trong nhà trường; chỉ đạo hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, bồi dưỡng và giới thiệu nhiều quần chúng ưu tú cho Đảng... đảm bảo tính công khai, dân chủ trong mọi hoạt động [2.4-9]. Nhờ vậy, khối đoàn kết nhất trí trong đơn vị không ngừng được giữ vững và tăng cường.

Kết thúc mỗi học kỳ và năm học, Công đoàn, Hội Phụ nữ đều tiến hành tổng kết, đánh giá, bình xét và đề nghị khen thưởng các cá nhân, tập thể.

Công đoàn Học viện được Tổng liên đoàn lao động Việt Nam tặng Bằng khen, Công đoàn Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh tặng giấy khen [2.4-10].

Đoàn TNCSHCM và Hội sinh viên giữ vai trò nòng cốt trong các phong trào thi đua học tập và rèn luyện của sinh viên toàn trường và thu hút đông đảo đoàn viên, sinh viên tham gia; 100% đoàn viên, sinh viên hưởng ứng phong trào “Thực hiện mùa thi nghiêm túc” và cuộc vận động “Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích giáo dục”, “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, “Phong trào sinh viên 5 tốt” [2.4-11]; Đoàn trường và Hội Sinh viên đã thành lập 5 câu lạc bộ, đội, nhóm để tạo ra sân chơi cho đoàn viên, sinh viên; trên 4000 lượt đoàn viên tham gia các cuộc thi như tìm hiểu lịch sử dân tộc, biển đảo tổ quốc... và trên 3000 lượt đoàn viên, sinh viên tham gia các hoạt động sinh viên tình nguyện như chiến dịch “Mùa hè xanh”; chiến dịch “Tiếp sức mùa thi”, tình nguyện bảo vệ trật tự “An toàn Giao thông”. Sinh viên còn tích cực tham gia các hoạt động thiết thực khác như các cuộc thi “Hùng biện tiếng Anh”, “Nhà lãnh đạo tương lai”, “Olympic các môn lý luận Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh” và nhiều cuộc thi văn nghệ, thể thao thu được nhiều kết quả tốt, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện của Trường; đoàn viên sinh viên còn phát huy tốt tính tích cực của tuổi trẻ, xung kích trong phong trào thanh niên tình nguyện, hiến máu nhân đạo [2.4-12], là điểm sáng trong phong trào hiến máu nhân đạo của Thành phố. Đặc biệt sinh viên đạt giải ba và 3 giải khuyến khích tại cuộc thi Sinh viên nghiên cứu khoa học ; tập thể đoàn trường 5 năm liên tục được Trung ương Đoàn tặng bằng khen cho tập thể đã có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên trường học, Hội Sinh viên đã được Trung ương Hội Sinh viên Việt Nam tặng Bằng khen vì đã có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác Hội và phong trào sinh viên [2.4-13].

Hội Cựu chiến binh Học viện dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy đã tập hợp, đoàn kết, tổ chức, động viên các thế hệ Cựu chiến binh giữ gìn và phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ thành quả cách mạng, xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, chế

độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng và hợp pháp của Cựu chiến binh. Hằng năm, Hội cựu chiến binh phối hợp tổ chức lễ kỷ niệm ngày truyền thống lực lượng vũ trang Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12 [2.4-14]. Hội đã được cấp trên đánh giá là Chi hội Cựu chiến binh cơ sở hoạt động có hiệu quả [2.4-15].

2. Điểm mạnh

Công tác phát triển Đảng, nhất là phát triển Đảng trong sinh viên, học viên trong Học viện được quan tâm, là trường Đại học có số lượng kết nạp đảng viên sinh viên cao nhất.

Đảng ủy trực tiếp lãnh đạo Công đoàn, Đoàn TNCS HCM, Hội Cựu Chiến binh và các tổ chức xã hội khác trong Học viện bằng chủ trương, nghị quyết, kịp thời ban hành các nghị quyết vừa có tính chiến lược, vừa có tính cụ thể để lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động toàn diện của Học viện [MC 2.4-2].

Sự phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đã góp phần cho các hoạt động của trường ổn định và càng phát triển.

Công tác Đảng, đoàn thể được Học viện chú trọng, có tác động tích cực đối với việc rèn luyện của người học.

Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội cựu chiến binh đã cụ thể hóa các chủ trương, Nghị quyết của Đảng ủy bằng kế hoạch, chương trình công tác và biện pháp cụ thể để tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao, vận động quần chúng hăng hái thực hiện nghị quyết của Đảng ủy, các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Trong nhiều năm, Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên và các Hội đều được cấp trên đánh giá tốt, nhận được các hình thức khen thưởng.

Phong trào từ thiện nhân đạo được quan tâm đẩy mạnh, góp phần thiết thực trong việc giáo dục lòng nhân ái, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, giảng viên và sinh viên Học viện.

3. Tồn tại

Về Đảng bộ: Đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết cũng như công tác kiểm tra, giám sát trong năm vẫn chưa thực hiện thường xuyên. Chất lượng sinh hoạt đảng chưa cao; còn thiếu các Nghị quyết chuyên đề.

Về Công đoàn: Hoạt động của Công đoàn trường chưa thể hiện sự quan tâm sâu sát đến tâm tư, nguyện vọng chính đáng của cán bộ, viên chức một cách thường xuyên; tiếng nói của BCH Công đoàn trường đôi khi chưa thật sự rõ nét trong việc thực hiện chức năng giám sát, đấu tranh bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động; chưa phát huy trí tuệ tập thể. BCH Công đoàn là những cán bộ, viên chức làm kiêm nhiệm nên chưa dành thời gian thích đáng cho hoạt động công đoàn; chưa chú ý đúng mức đến các lĩnh vực hoạt động trọng tâm của Nhà trường như việc dạy và học, NCKH của giảng viên và sinh viên.

Về Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên: Mặc dù đạt được nhiều thành tích nhưng hoạt động của Đoàn và Hội vẫn còn mang tính bề nổi, chưa thật sự đi vào chiều sâu; chưa chú trọng vào việc nâng cao ý thức học tập, đổi mới phương pháp học tập của đoàn viên thanh niên để đạt hiệu quả cao nhất.

Về Hội cựu chiến binh: Chưa có chương trình, kế hoạch hoạt động cụ thể, lâu dài.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2016 - 2017:

Về Đảng bộ: Thực hiện triển khai công tác kiểm tra, giám sát trong năm thường xuyên theo Chương trình, kế hoạch của Đảng uỷ và Uỷ ban kiểm tra; Có những biện pháp lớn để thực hiện các nghị quyết đạt kết quả cao nhất trong từng năm của nhiệm kỳ; Tăng cường nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng

Về Công đoàn: Xây dựng kế hoạch tập huấn về nghiệp vụ Công đoàn, mở lớp bồi dưỡng cán bộ công đoàn để nâng cao vai trò, ý thức trách nhiệm của từng thành viên BCH công đoàn, nhận thức và thực hiện đúng chức năng của Công đoàn.

Về Đoàn Thanh niên, Hội SV: Xây dựng, triển khai sâu rộng Hội thảo khoa học trong sinh viên về đổi mới phương pháp học tập.

Về Hội cựu chiến binh: Xây dựng chương trình hành động, thể hiện rõ hơn vai trò của Hội, tích cực tham gia vào các hoạt động chung của Học viện.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.5: *Có tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, bao gồm trung tâm hoặc bộ phận chuyên trách; có đội ngũ cán bộ có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường*

1. Mô tả

Trong xu thế hội nhập quốc tế, việc đảm bảo chất lượng giáo dục nhằm khẳng định thương hiệu của nhà trường là một đòi hỏi tất yếu; mặt khác, trong những năm qua, Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trương đảm bảo chất lượng hoạt động dạy và học tại tất cả các trường đại học và cao đẳng, không phân biệt loại hình công lập, bán công hay dân lập đã cho thấy tầm quan trọng của vấn đề này.

Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng Đào tạo Học viện Báo chí và Tuyên truyền được thành lập ngày 01/5/2012 theo Quyết định của Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh. Trung tâm có hai bộ phận là Khảo thí và Đảm bảo chất lượng Đào tạo.[2.5-1]

Nhiệm vụ của bộ phận Đảm bảo chất lượng Đào tạo được xác định là:

Nghiên cứu, đề xuất lãnh đạo Học viện triển khai các giải pháp đảm bảo chất lượng Đào tạo; giám sát, đánh giá tình hình thực hiện các giải pháp đảm bảo chất lượng Đào tạo của các đơn vị trong nhà trường;

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu xây dựng hệ thống công cụ đánh giá chất lượng Đào tạo;

Triển khai thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng Đào tạo của Học viện. Hướng dẫn công tác tự đánh giá ở các đơn vị và tổng hợp kết quả đánh giá trong toàn trường. Tham gia đánh giá ngoài theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan viết báo cáo về đảm bảo chất lượng Đào tạo hàng năm.

Là một đơn vị mới được thành lập, lại hoạt động trong lĩnh vực mới mẻ với đội ngũ cán bộ là nhân viên các phòng, ban, đơn vị trong Học viện được điều động sang nên Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo nói chung và bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo nói riêng đã được tạo điều kiện cho các cán bộ đi học các lớp ngắn hạn, dài hạn, các đợt tập huấn bồi dưỡng kiến thức đặc biệt về Đảm bảo chất lượng. Thông qua các khóa học, các đợt tập huấn, đội ngũ cán bộ trong bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo đã có những kiến thức, kỹ năng cơ bản về Đảm bảo chất lượng đào tạo; tạo điều kiện thuận lợi trong việc triển khai công tác đảm bảo chất lượng theo năm học và công tác tự đánh giá của Học viện. [2.5-2]

Hiện nay, bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo có 03 cán bộ; trong đó có 01 đồng chí được đào tạo tiến sỹ chuyên ngành đo lường đánh giá tại Đại học Quốc gia Hà Nội.

Trong 03 năm (2012 - 2015), bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo đã xây dựng được kế hoạch đảm bảo chất lượng cho từng năm học và Đề án đảm bảo chất lượng đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền giai đoạn 2015 - 2020. Bên cạnh đó, bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo đã phối hợp với các phòng, ban, đơn vị trong Học viện triển khai nhiều cuộc khảo sát như khảo sát phản hồi của cựu sinh viên khối lý luận, khối nghiệp vụ về chương trình đào tạo; khảo sát phản hồi của sinh viên về chất lượng môn học và giờ giảng; khảo sát phản hồi của nhà tuyển dụng, khảo sát tình hình sử dụng nguồn nhân lực của các đơn vị trong Học viện... Các kết quả khảo sát này vừa để từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động đảm bảo chất lượng trong thời gian tới, vừa được bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo tổng hợp thành các báo cáo phân tích trình Ban Giám đốc xem xét và điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của Học viện hơn nữa. [2.5-3]

Tuy nhiên, do hiện tại, số lượng cán bộ của bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo còn ít (03 cán bộ) nên việc triển khai kế hoạch đảm bảo chất lượng theo từng năm học hay các hoạt động khác còn hạn chế về chất lượng và thời gian thực hiện.

2. Điểm mạnh

Các cán bộ bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo được học tập, trau dồi thêm trình độ chuyên môn về công tác đảm bảo chất lượng.

Hoạt động của bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo bước đầu đã thu được những kết quả được ghi nhận như đã hoàn thành khảo sát về tình hình việc làm sinh viên một số lớp khối lý luận và nghiệp vụ sau khi tốt nghiệp, khảo sát phản hồi của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp, khảo sát phản hồi của người học về chất lượng môn học và giờ giảng...

3. Tồn tại

Số lượng cán bộ của bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo còn ít nên việc triển khai kế hoạch đảm bảo chất lượng theo từng năm học hay các hoạt động khác còn hạn chế về chất lượng và thời gian thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

Trong từng năm học, cán bộ bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo cần tiếp tục được bồi dưỡng thêm kiến thức đảm bảo chất lượng chuyên sâu để việc triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng trong Học viện có hiệu quả hơn nữa.

Bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo xây dựng kế hoạch hoạt động đảm bảo chất lượng cho từng năm học để triển khai thực hiện.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 2.6. Có các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn và dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của nhà trường; có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch của nhà trường.

1. Mô tả

Để thực hiện tốt sứ mạng, Học viện đã chú trọng xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển trên các lĩnh vực hoạt động phù hợp và gắn với định hướng phát triển của Học viện: Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước [2.6-1]; Chiến lược hoạt động khoa học [2.6-2]; Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 [1.1-1]; các kế hoạch phát triển đã được đưa vào Nghị quyết của Đảng để triển khai thực hiện [2.6-3]. Gần đây nhất, Đề án: “Xây dựng, phát triển Học

viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia về đào tạo giảng viên lý luận chính trị và cán bộ báo chí - truyền thông” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt [2.6-4]. Đây được coi là định hướng chiến lược phát triển quan trọng của Học viện trong những năm tiếp theo.

Để thực hiện các chiến lược đã đề ra, hàng năm, Học viện đều xây dựng kế hoạch công tác cho năm sau [2.6-5] và kế hoạch này được các đơn vị, công chức, viên chức của Học viện đóng góp ý kiến trước khi ban hành. Khi xây dựng kế hoạch đều dựa trên định hướng phát triển của Học viện; trong đó xác định rõ mục tiêu, biện pháp cụ thể để triển khai thực hiện. Ngoài ra, kế hoạch công tác hàng tháng cũng được Học viện xây dựng một cách chi tiết, cụ thể [2.6-6]

Học viện có các chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch: biểu dương, khen thưởng bằng vật chất và tinh thần đối với tập thể, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Hàng năm, khi kết thúc mỗi năm học, Học viện cũng như các đơn vị và từng cá nhân đều kiểm điểm, đánh giá những ưu điểm và hạn chế còn tồn tại trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao [2.6-7]. Ngoài ra, tại Hội nghị công chức, viên chức hàng năm, lãnh đạo Học viện báo cáo các mặt hoạt động của Học viện; công chức, viên chức của Học viện có thể chất vấn đối với lãnh đạo Học viện; Ban Thanh tra nhân dân báo cáo hoạt động giám sát đối với việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch hàng năm của Học viện [2.6-8]. Hàng tháng, Học viện tổ chức giao ban cán bộ lãnh đạo, quản lý (gồm Ban Giám đốc; Trưởng, phó các đơn vị trực thuộc, chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên) để nghe báo cáo tình hình thực hiện công việc trong tháng của Học viện và đề ra phương hướng công tác cho tháng sau; báo cáo tình hình công tác được gửi đến các đơn vị trong Học viện [2.6-9].

Kế hoạch và chiến lược được xây dựng trên cơ sở phân tích thực trạng, phân tích bối cảnh trong nước; phân tích những cơ hội và thách thức; căn cứ trên định hướng phát triển và sứ mạng của Học viện. Từ đó xác định những mục tiêu chiến lược và những giải pháp phù hợp, có tính khả thi. Học viện có các chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đã đề ra giúp kịp thời điều chỉnh, giải quyết những vấn đề vướng mắc, tồn tại trong quá trình thực hiện.

Nhờ có các chiến lược và kế hoạch phát triển rõ ràng mà Học viện ngày càng khẳng định vị thế, vai trò, uy tín của một trường Đảng, một trường Đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân, thể hiện qua việc Thủ tướng Chính phủ công nhận Học viện là cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia.

Bên cạnh những ưu điểm trên, các đơn vị trực thuộc Học viện chưa chủ động trong việc xây dựng các kế hoạch phát triển dài hạn của đơn vị.

2. Điểm mạnh

Học viện đã xây dựng được kế hoạch ngắn hạn và chiến lược phát triển phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của trường; có chính sách giám sát, thường xuyên đánh giá việc thực hiện kế hoạch.

3. Tồn tại

Chiến lược phát triển của Học viện chưa được cụ thể hóa đầy đủ trong các kế hoạch phát triển hàng năm của Học viện.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016 - 2017, việc xây dựng kế hoạch hàng năm phải cụ thể hóa được việc thực hiện chiến lược phát triển của Học viện.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí

Tiêu chí 2.7: Thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về các hoạt động và lưu trữ đầy đủ các báo cáo của nhà trường

1. Mô tả:

Học viện Báo chí và Tuyên truyền là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, chịu sự Quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong việc triển khai nhiệm vụ, Học viện đã thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ báo cáo định kỳ, thường xuyên, đột xuất cho các cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về các hoạt động khi có văn bản yêu cầu và văn bản hướng dẫn báo cáo. [2.7-1]

Dựa vào chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, Ban Giám đốc Học viện giao cho các đơn vị, bộ phận chuyên trách trong Học viện thực hiện báo cáo thuộc các lĩnh vực công tác như: Phòng Tổng hợp - Văn phòng Học viện chịu

trách nhiệm về các báo cáo hoạt động tổng thể của Học viện, Ban Quản lý đào tạo về công tác đào tạo, Ban Tổ chức Cán bộ báo cáo về công tác tổ chức cán bộ, Phòng Kế hoạch - Tài vụ báo cáo về công tác tài chính, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo báo cáo về công tác Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo, Ban Quản lý khoa học báo cáo về công tác khoa học, Phòng Hợp tác quốc tế báo cáo về công tác hợp tác quốc tế, Phòng Công tác chính trị báo cáo về công tác sinh viên... một cách đầy đủ, chính xác và đúng tiến độ theo yêu cầu của cơ quan cấp trên. Báo cáo nêu được những kết quả nổi bật, phản ánh trung thực, đầy đủ các mặt hoạt động của nhà trường, đề xuất được các giải pháp giải quyết các tồn tại, xây dựng kế hoạch, phương hướng cụ thể cho các hoạt động và những kiến nghị đối với cấp chủ quản về những vấn đề liên quan. [2.7-2]

Phòng Tổng hợp thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng và năm về các hoạt động, công tác của Học viện cho cơ quan chủ quản là Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; đồng thời, thực hiện các báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan quản lý khác: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban Tổ chức Trung ương... [2.7-3]

Hàng năm, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đều có các cuộc họp với cơ quan chủ quản và các cơ quan quản lý cấp trên về các mặt hoạt động, công tác của Học viện, biên bản của các cuộc họp này đều được lưu lại tại bộ phận lưu trữ của Nhà trường [2.7-4]

Công tác lưu trữ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền bắt đầu được thực hiện năm 2008 khi Học viện chính thức thành lập ra bộ phận lưu trữ thuộc phòng Hành chính - Văn phòng Học viện. Mọi công văn do Học viện ban hành đều được lưu trữ một bản gốc tại bộ phận Lưu trữ - Phòng Hành chính và một bản chính tại hồ sơ công tác của bộ phận, đơn vị chịu trách nhiệm tham mưu chính. Hàng năm, cán bộ làm công tác lưu trữ lập kế hoạch thu nhận và xử lý hồ sơ lưu trữ báo cáo lãnh đạo Văn phòng và trình Ban Giám đốc phê duyệt nên công tác lưu trữ được đảm bảo đầy đủ, khoa học và chuẩn xác; đồng thời, bộ phận Lưu trữ chỉnh lý toàn bộ các hồ sơ, tài liệu cần lưu trữ trên cơ sở ký kết hợp đồng với Cục Lưu trữ Văn phòng Trung Ương Đảng tiến hành; theo đó,

toàn bộ tài liệu được chỉnh lý đánh số cấp, hộp có mục lục và đưa vào kho lưu trữ Nhà trường. [2.7-5]

Công tác lưu trữ đã đảm bảo tốt những yêu cầu công tác đặt ra, kịp thời đáp ứng các yêu cầu tra cứu, thẩm định lại các sự việc có tính chất pháp lý, đóng góp tích cực cho hoạt động quản lý, điều hành của Học viện. Đội ngũ cán bộ làm công tác báo cáo và công tác lưu trữ định kỳ được Học viện cử tham dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ do các cơ quan chủ quản và quản lý tổ chức.

Hiện nay, hoạt động lưu trữ chủ yếu phục vụ cho các hoạt động khai thác của các đơn vị trong Học viện theo yêu cầu của Ban Giám đốc. Học viện chưa có những quy chế, quy định cụ thể có tính chất pháp lý đối với công tác lưu trữ nên chưa có được sự đồng nhất trong việc thu nhận và xử lý hồ sơ lưu trữ giữa các đơn vị. Cơ sở vật chất (kho, phòng, các trang thiết bị đảm bảo cho công tác lưu trữ giấy tờ lâu dài...) còn thiếu thốn. Công tác lưu trữ của Học viện vẫn chủ yếu theo phương pháp thủ công, chưa được ứng dụng tin học hóa

2. Điểm mạnh:

Công tác lưu trữ được đảm bảo tốt, đáp ứng yêu cầu phục vụ các hoạt động tra cứu, thẩm định, tìm kiếm thông tin, số liệu xây dựng báo cáo, do đó góp phần cho Học viện luôn thực hiện nhanh chóng, kịp thời, đầy đủ các chế độ báo cáo theo yêu cầu của cơ quan chủ quản và các cơ quan quản lý về các hoạt động công tác của Nhà trường.

3. Tồn tại

Học viện Báo chí và Tuyên truyền chưa có những quy chế, quy định cụ thể có tính chất pháp lý đối với công tác lưu trữ; chưa tích cực ứng dụng tiện ích của công nghệ thông tin trong hoạt động lưu trữ.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016 -2017, Giám đốc Học viện giao cho Văn phòng soạn thảo trình Ban Giám đốc các quy chế, quy định cụ thể về công tác lưu trữ để tạo ra được sự đồng nhất giữa các đơn vị về việc thu nộp hồ sơ lưu trữ; từng bước triển khai ứng dụng tin học hóa trong công tác lưu trữ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

*** Kết luận tiêu chuẩn 2:**

Điểm mạnh nổi bật

Cơ cấu tổ chức của Học viện được thực hiện theo Điều lệ trường đại học, các quy định của pháp luật và được cụ thể hóa phù hợp với điều kiện thực tiễn của Học viện.

Học viện đã có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các lĩnh vực hoạt động và được phổ biến đến công chức, viên chức trong Học viện bằng nhiều kênh thông tin khác nhau.

Có các văn bản quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các đơn vị, từng cá nhân, là cơ sở để xem xét hiệu quả thực thi công việc.

Công tác phát triển Đảng, nhất là phát triển Đảng trong sinh viên, học viên trong Học viện được quan tâm, là trường Đại học có số lượng kết nạp đảng viên sinh viên cao nhất.

Đảng ủy trực tiếp lãnh đạo Công đoàn, Đoàn TNCS HCM, Hội Cựu Chiến binh và các tổ chức xã hội khác trong Học viện bằng chủ trương, nghị quyết, kịp thời ban hành các nghị quyết vừa có tính chiến lược, vừa có tính cụ thể để lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động toàn diện của Học viện [MC 2.4-2].

Sự phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đã góp phần cho các hoạt động của trường ổn định và càng phát triển.

Công tác Đảng, đoàn thể được Học viện chú trọng, có tác động tích cực đối với việc rèn luyện của người học.

Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội cựu chiến binh đã cụ thể hóa các chủ trương, Nghị quyết của Đảng ủy bằng kế hoạch, chương trình công tác và biện pháp cụ thể để tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao, vận động quần chúng hăng hái thực hiện nghị quyết của Đảng ủy, các chủ trương chính

sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Trong nhiều năm, Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên và các Hội đều được cấp trên đánh giá tốt, nhận được các hình thức khen thưởng.

Phong trào từ thiện nhân đạo được quan tâm đẩy mạnh, góp phần thiết thực trong việc giáo dục lòng nhân ái, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, giảng viên và sinh viên Học viện.

Các cán bộ bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo được học tập, trau dồi thêm trình độ chuyên môn về công tác đảm bảo chất lượng. Hiện nay, Trung tâm có 01 đồng chí Phó Giám đốc đang là nghiên cứu sinh về đo lường và đánh giá trong giáo dục.

Hoạt động của bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo bước đầu đã thu được những kết quả được ghi nhận như đã hoàn thành khảo sát về tình hình việc làm sinh viên một số lớp khối lý luận và nghiệp vụ sau khi tốt nghiệp, khảo sát phản hồi của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp, khảo sát phản hồi của người học về chất lượng môn học và giờ giảng...

Học viện đã xây dựng được kế hoạch ngắn hạn và chiến lược phát triển phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của trường; có chính sách giám sát, thường xuyên đánh giá việc thực hiện kế hoạch.

Công tác lưu trữ được đảm bảo tốt, đáp ứng yêu cầu phục vụ các hoạt động tra cứu, thẩm định, tìm kiếm thông tin, số liệu xây dựng báo cáo, do đó góp phần cho Học viện luôn thực hiện nhanh chóng, kịp thời, đầy đủ các chế độ báo cáo theo yêu cầu của cơ quan chủ quản và các cơ quan quản lý về các hoạt động công tác của Nhà trường.

Những tồn tại cơ bản

Hội đồng trường chưa được thành lập theo Điều lệ trường đại học.

Có một vài văn bản lạc hậu nhưng chưa được bổ sung và ban hành kịp thời.

Chức năng, nhiệm vụ của một số đơn vị chưa được xây dựng và ban hành kịp thời.

Về Đảng bộ: Đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết cũng như công tác kiểm tra, giám sát trong năm vẫn chưa thực hiện thường xuyên. Chất lượng sinh hoạt đảng chưa cao; còn thiếu các Nghị quyết chuyên đề.

Về Công đoàn: Hoạt động của Công đoàn trường chưa thể hiện sự quan tâm sâu sát đến tâm tư, nguyện vọng chính đáng của cán bộ, viên chức một cách thường xuyên; tiếng nói của BCH Công đoàn trường đôi khi chưa thật sự rõ nét trong việc thực hiện chức năng giám sát, đấu tranh bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động; chưa phát huy trí tuệ tập thể. BCH Công đoàn là những cán bộ, viên chức làm kiêm nhiệm nên chưa dành thời gian thích đáng cho hoạt động công đoàn; chưa chú ý đúng mức đến các lĩnh vực hoạt động trọng tâm của Nhà trường như việc dạy và học, NCKH của giảng viên và sinh viên.

Về Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên: Mặc dù đạt được nhiều thành tích nhưng hoạt động của Đoàn và Hội vẫn còn mang tính bề nổi, chưa thật sự đi vào chiều sâu; chưa chú trọng vào việc nâng cao ý thức học tập, đổi mới phương pháp học tập của đoàn viên thanh niên để đạt hiệu quả cao nhất.

Về Hội cựu chiến binh: Chưa có chương trình, kế hoạch hoạt động cụ thể, lâu dài.

Số lượng cán bộ của bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo còn ít nên việc triển khai kế hoạch đảm bảo chất lượng theo từng năm học hay các hoạt động khác còn hạn chế về chất lượng và thời gian thực hiện.

Chiến lược phát triển của Học viện chưa được cụ thể hóa đầy đủ trong các kế hoạch phát triển hàng năm của Học viện.

Học viện Báo chí và Tuyên truyền chưa có những quy chế, quy định cụ thể có tính chất pháp lý đối với công tác lưu trữ; chưa tích cực ứng dụng tiện ích của công nghệ thông tin trong hoạt động lưu trữ.

Tiêu chuẩn 2 có 07 tiêu chí đạt yêu cầu.

Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo

Mở đầu

Chương trình đào tạo của Học viện được xây dựng theo các quy định hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; có sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học uy tín trong nước và thế giới, có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội-nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp.

Chương trình đào tạo của Học viện có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Hệ đào tạo chính quy và giáo dục thường xuyên được thiết kế theo quy định, đảm bảo chất lượng đào tạo. Chương trình đào tạo cũng được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên việc tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác, nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế-xã hội của địa phương hoặc cả nước. Ngoài ra, chương trình đào tạo của Học viện được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình đào tạo khác và được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá.

Tiêu chí 3.1: Chương trình đào tạo của trường đại học được xây dựng theo các quy định hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; có sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học uy tín trong nước và thế giới, có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội-nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp.

1. Mô tả

Học viện Báo chí và Tuyên truyền được phép đào tạo 3 ngành trình độ Tiến sĩ, 11 ngành trình độ thạc sĩ [3.1-1], 13 ngành trình độ đại học [3.1-2]; [3.1-3]; [3.1-4]; [3.1-5]; [3.1-6].

Chương trình đào tạo theo niên chế được thiết kế theo 2 nhóm ngành: nhóm ngành đào tạo giảng viên lý luận chính trị có tổng thời lượng 180 đơn vị học trình; nhóm ngành Báo chí truyền thông và các ngành nghiệp vụ có thời lượng 175 đơn vị học trình. Chương trình niên chế được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung vào các năm 2008, 2012 [3.1-7]. Năm 2014, Học viện tiến hành chuyển đổi chương trình đào tạo từ niên chế sang tín chỉ, thống nhất thực hiện 125 tín chỉ toàn khóa đối với nhóm ngành đào tạo giảng viên lý luận chính trị và 120 tín chỉ với các ngành còn lại (không kể khối kiến thức giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất). Các chương trình đào tạo được biên soạn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thể hiện ở phân bổ cấu trúc và thời lượng của khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Đối với tất cả các ngành, khối kiến thức giáo dục đại cương chiếm khoảng 40% thời lượng toàn khóa, trong đó gồm các học phần về khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (10-15 tín chỉ), các học phần khoa học cơ bản, ngoại ngữ, tin học, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng theo đúng yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được phân bổ các học phần cung cấp kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành, kiến thức bổ trợ, kiến tập, thực tập nghề nghiệp và khóa luận/tác phẩm tốt nghiệp. Khối lượng các học phần bắt buộc chiếm tỷ trọng 80%; khối lượng các học phần tự chọn chiếm 20% tổng thời lượng qui định cho chương trình [4.2-4], [3.1-9].

Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở tham khảo chương trình của các trường đại học uy tín trong nước (Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Hà Nội, Học viện Ngoại giao...) [3.1-10], [3.1-11], [3.1-12] và trường đại học nước ngoài (chương trình ngành Báo chí của Đại học Tổng hợp Viên, Áo; chương trình của Đại học La Trobe, Úc; Đại học Truyền thông Bắc Kinh; Đại học Middle Sex, Vương quốc Anh...) [3.1-13], [3.1-14], [3.1-15], [3.1-16] thông qua việc cử các đoàn cán bộ, giảng viên tham dự các khóa tập huấn, các hội thảo quốc tế liên quan đến chương trình đào tạo. Khi bắt đầu triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ, Học viện đã thành lập đoàn công tác gồm các cán bộ quản lý đào tạo đi nghiên cứu thực tế, học tập, trao đổi

kinh nghiệm xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo tín chỉ với các trường Học viện Nông nghiệp, Học viện Tài chính, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn ... [3.1-17].

Học viện đã tổ chức một số hội thảo xoay quanh việc xây dựng chương trình thực hành, thực tập nghề nghiệp cho sinh viên ngành Báo chí với sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, của giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện các tổ chức xã hội - nghề nghiệp (Hội Nhà báo), cơ quan sử dụng lao động (các cơ quan báo chí, xuất bản, các trường chính trị tỉnh, thành phố, trường đại học, cao đẳng...), người đã tốt nghiệp... như Hội thảo Xây dựng chương trình thực hành nghề nghiệp cho sinh viên Báo chí, Hội thảo về chương trình thực tập cho sinh viên khoa Phát thanh-Truyền hình, Hội thảo khoa học quốc gia Nâng cao chất lượng đào tạo giảng viên lý luận chính trị ở Việt Nam hiện nay. [3.1-18]; [3.1-19]; [3.1-8]. Việc xây dựng chương trình đào tạo được tiến hành từ cấp bộ môn với sự tham gia của tất cả giảng viên cơ hữu, giảng viên thỉnh giảng. Chương trình đào tạo được Hội đồng khoa học cấp khoa tổ chức thẩm định và nghiệm thu, đạt yêu cầu sẽ được trình lên Hội đồng thẩm định chương trình cấp Học viện (với sự tham gia của các giảng viên, nhà khoa học chuyên môn, cán bộ quản lý và đại diện các cơ sở đào tạo ngoài Học viện, các cơ quan sử dụng lao động...) thẩm định, thông qua và trình Giám đốc Học viện ra quyết định ban hành chính thức.

Chương trình đào tạo được xây dựng theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo tính khoa học, hiện đại, hệ thống, phù hợp với điều kiện thực tiễn và phản ánh được đặc thù các ngành đào tạo của Học viện.

2. Điểm mạnh

Chương trình đào tạo các ngành khối nghiệp vụ được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát triển các chương trình đào tạo uy tín trong nước và nước ngoài, thể hiện được đặc thù ngành đào tạo của Học viện.

3. Tồn tại

Việc tham khảo ý kiến của đại diện các tổ chức xã hội- nghề nghiệp, của nhà tuyển dụng lao động và người tốt nghiệp trong quá trình xây dựng chương

trình đào tạo của khối ngành lý luận chính trị chưa được thực hiện trên diện rộng, chưa có tính thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, triển khai việc lấy ý kiến phản hồi về chương trình đào tạo trong các lớp bồi dưỡng chuyên môn theo từng ngành cho giảng viên lý luận chính trị thuộc hệ thống các trường đại học, cao đẳng, các trường chính trị trên cả nước.

05 năm tới lần lượt tổ chức các hội thảo quốc tế/hội thảo quốc gia liên quan đến chương trình đào tạo 5 môn lý luận chính trị.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 3.2.: *Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.*

1. Mô tả

Tương ứng với từng ngành/ chuyên ngành đào tạo, có các mô tả về mục tiêu tổng quát, mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và thái độ, vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp, xác định chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học phù hợp với yêu cầu nghề nghiệp của từng ngành/chuyên ngành trình độ đại học. Chương trình đào tạo được cấu trúc gồm các khối kiến thức giáo dục đại cương; khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (bao gồm kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành, kiến thức bổ trợ, kiến tập, thực tập nghề nghiệp và tốt nghiệp) [3.2-1]. Chương trình chi tiết của từng học phần cũng thể hiện rõ mục tiêu cụ thể của từng ngành học, mục tiêu của học phần và vị trí, vai trò của học phần trong thực hiện mục tiêu đào tạo của ngành [3.2-2], [3.2-3].

Các học phần trong chương trình được phân bổ theo từng học kỳ, từng năm học trong kế hoạch tổng thể toàn khóa, đảm bảo tính tiên quyết và vị trí của các học phần trong toàn bộ chương trình [3.2-4]. Tất cả học phần đều được đánh mã số, phân loại dựa trên nhóm kiến thức và theo bộ môn, khoa quản lý [3.2-1],

[3.2-5]. Các học phần tiên quyết, học phần học trước được tổ chức khoa học thuận tiện cho phân công giảng dạy và đăng ký học tập của sinh viên. Chương trình đào tạo một số ngành Quan hệ quốc tế, Quan hệ công chúng, Báo chí, Xuất bản... còn xây dựng thêm các học phần tin học ứng dụng và ngoại ngữ chuyên ngành để hỗ trợ thiết thực cho nội dung đào tạo chuyên ngành.

Nhằm đáp ứng linh hoạt các nhu cầu của thị trường nhân lực và phát huy cao độ năng lực người học, một số ngành chương trình đào tạo được thiết kế theo nhiều chuyên ngành (Báo chí có 7 chuyên ngành, Chính trị học có 7 chuyên ngành, Kinh tế có 2 chuyên ngành, Quan hệ quốc tế có 2 chuyên ngành, Triết học có 2 chuyên ngành). Trong từng chương trình, tương ứng với mỗi khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành đều có các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn, cho phép người học lựa chọn môn học theo nhu cầu, sở trường và định hướng nghề nghiệp chuyên sâu sau này. Mỗi chương trình có khoảng 90-95 tín chỉ bắt buộc và khoảng từ 50 đến 60 tín chỉ tự chọn để chọn ra 25-30 tín chỉ. Ngay từ học kỳ 2 đã có các học phần tự chọn giúp cho người học linh hoạt trong việc tăng cường những kiến thức, kỹ năng chuyên môn đáp ứng được những đòi hỏi của thực tế thị trường lao động. Các chương trình đào tạo cũng hướng tới việc hình thành kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, tư duy phản biện và giúp người học có đủ kiến thức để tiếp tục học ở bậc học cao hơn. Chương trình từng môn học được phân bổ hợp lý giữa giờ lý thuyết với giờ thực hành, thảo luận, thực tế..., chú trọng việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và khả năng tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên [3.2-1].

Các chương trình đào tạo đều thể hiện rõ mục tiêu đào tạo là cung cấp nhân lực trình độ đại học. Từng môn học đều hướng tới việc đáp ứng chuẩn đầu ra về kiến thức/kỹ năng/thái độ của người học theo mục tiêu đào tạo đã công bố. Sinh viên có thể lựa chọn chuyên ngành trong từng ngành, nhưng chưa có nhiều lựa chọn trong quá trình theo học chuyên ngành đó.

2. Điểm mạnh

Tất cả các chương trình đào tạo đều có mục tiêu rõ ràng, cụ thể. Cấu trúc chương trình được thiết kế đáp ứng mục tiêu của từng ngành, chuyên ngành đào

tạo, đảm bảo tính hệ thống để sinh viên có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu ở những bậc học cao hơn, đồng thời đáp ứng được những yêu cầu về chuyên môn, kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp tương ứng.

3. Tồn tại

Số môn học tự chọn chưa nhiều làm hạn chế một phần khả năng đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, xây dựng thêm các môn học tự chọn theo nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.3: Chương trình đào tạo chính quy và giáo dục thường xuyên được thiết kế theo quy định, đảm bảo chất lượng đào tạo

1. Mô tả

Hiện nay, Học viện đang tổ chức đào tạo 29 ngành/chuyên ngành trình độ đại học chính quy tập trung và 13 chuyên ngành trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học [3.1-2]; [3.1-3]; [3.1-4]; [3.1-5]; [3.1-6].

Các chương trình đào tạo này được xây dựng tuân thủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chính quy [4.2-2]; và đào tạo hệ vừa làm vừa học [3.3-1]; [3.3-2].

Để cụ thể hóa các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phù hợp với điều kiện Học viện, Giám đốc Học viện đã ban hành Quy chế Đào tạo đại học chính quy [3.3-3], Quy định Đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ [3.3-4], Quy chế đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai hệ chính quy [3.3-5], Quy chế đào tạo đại học hệ vừa làm vừa học [3.3-6].

Chương trình đào tạo đại học chính quy được thiết kế tuân thủ các văn bản pháp quy về hoạt động đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, mô tả mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể, thời gian đào tạo, khối lượng kiến thức toàn khóa, nội dung chương trình và kế hoạch đào tạo. Các chương trình hệ 4 năm đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu của ngành đào tạo là 180 đơn vị học trình hoặc

125 tín chỉ đối với các ngành lý luận chính trị; 175 đơn vị học trình hoặc 120 tín chỉ đối với các ngành nghiệp vụ. Cấu trúc chương trình bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trong đó tỷ lệ các môn học tự chọn chiếm khoảng 20% [3.1-7], [3.2-1]. Chương trình đào tạo chính quy cấp bằng đại học thứ hai được thiết kế gồm 95 đơn vị học trình đối với ngành lý luận và 90 đơn vị học trình đối với các ngành nghiệp vụ, chưa triển khai đào tạo tín chỉ đối với chương trình đào tạo cấp bằng đại học thứ hai [3.3-7].

Chương trình đào tạo hệ vừa làm vừa học có thời lượng toàn khóa và cấu trúc chương trình tương đương chương trình đào tạo chính quy tập trung cùng chuyên ngành (không có học phần giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng). [3.3-8], [3.3-9].

Để đảm bảo chất lượng đào tạo, chương trình đào tạo chính quy tập trung và vừa làm vừa học đều quy định cụ thể về thang điểm, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, thường xuyên đánh giá người học, định hướng phương pháp giảng dạy, có các đề cương môn học cụ thể, quy định tỉ lệ điểm thành phần thông qua điểm quá trình, điểm cuối kỳ và hình thức đánh giá phù hợp cho từng môn học [3.3-5], [3.3-6], [3.3-7], [3.3-8], [3.3-9].

Chương trình đào tạo hệ vừa làm vừa học về cơ bản bám sát chương trình đào tạo hệ chính quy. Một số điều chỉnh về cấu trúc chương trình, yêu cầu cụ thể về kiến thức, kỹ năng của từng học phần là nhằm đáp ứng đặc thù về phương thức đào tạo và sự khác biệt về đối tượng người học.

2. Điểm mạnh

Hình thức đào tạo chính quy tập trung và vừa làm vừa học có sự tương đương về thời lượng chương trình và chất lượng đào tạo.

3. Tồn tại

Số học phần tự chọn trong chương trình đào tạo hệ vừa làm vừa học còn hạn chế. Một số học phần, yêu cầu về kiến thức, kỹ năng giữa chương trình chính quy và chương trình hệ vừa làm vừa học chưa tương đương.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2016-2017, tiến hành sửa chữa, hoàn thiện chương trình đào tạo hệ vừa làm vừa học, tăng thêm số học phần tự chọn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.4: *Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên việc tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác, nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế-xã hội của địa phương hoặc cả nước.*

1. Mô tả

Định kỳ 4 năm/lần, tất cả các chương trình đào tạo được rà soát, bổ sung và điều chỉnh (2008, 2012). Do yêu cầu chuyển đổi phương thức tổ chức đào tạo từ niên chế sang tín chỉ, tất cả các chương trình được điều chỉnh vào năm 2014 [3.1-7]; [3.2-1]. Việc bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo được thực hiện dựa trên các căn cứ sau:

Học viện cử các đoàn cán bộ, giảng viên đi nghiên cứu thực tế, học tập kinh nghiệm và tham khảo chương trình đào tạo các ngành Báo chí, Chính sách công, Công tác xã hội... của các nước (Trung Quốc, Singgapo, Anh, Áo, Pháp, Ôxtrâyliia...) [3.4-1]; mời các chuyên gia của các trường nước ngoài góp ý về chương trình đào tạo (Học viện hiện đang có 2 chuyên gia Nhật Bản và Hàn Quốc làm việc thường trú tại Học viện, hỗ trợ các chương trình đào tạo ngành Kinh tế, Quan hệ quốc tế) [3.4-2]. Thêm vào đó, với số lượng lớn giảng viên theo học và tu nghiệp ở nước ngoài trong các khóa học, bồi dưỡng dài hạn và ngắn hạn tạo tiền đề cho việc cập nhật so sánh với các chuẩn đào tạo, chương trình đào tạo quốc tế đang được nhà trường quan tâm triển khai.

Thông qua các hội thảo khoa học quốc gia (Nâng cao chất lượng đào tạo giảng viên lý luận chính trị ở Việt Nam hiện nay, tháng 12/2014; Hội thảo Xây dựng chương trình thực tập nghề nghiệp cho sinh viên Báo chí hiện nay...) [3.1-8]; [3.1-18], [3.1-19] các hội nghị triển khai nhiệm vụ đầu năm học được tổ chức hàng năm trong hệ thống Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh..., Học viện

đã tổng hợp ý kiến của các cơ sở giáo dục khác, các nhà tuyển dụng lao động, của người đã tốt nghiệp về chương trình đào tạo của Học viện.

Trong năm 2015, Trường đã tiến hành lấy ý kiến của sinh viên năm cuối (tốt nghiệp năm 2015) về chương trình đào tạo của nhà trường để có kế hoạch điều chỉnh chương trình cho phù hợp [3.4-5].

Đây là những căn cứ quan trọng để Hội đồng Khoa học các khoa họp, đề xuất Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo về các nội dung điều chỉnh. Một số môn học mới được bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu mới về chất lượng nguồn nhân lực (ví dụ bổ sung các môn học Tiếng Anh chuyên ngành, Tin học ứng dụng chuyên ngành cho ngành Quan hệ quốc tế, Xuất bản, Báo chí...). Một số môn học chuyên ngành giảng dạy bằng tiếng Anh được đưa vào chương trình các ngành Quan hệ quốc tế, Quan hệ công chúng, Quảng cáo, Báo chí... Những môn học không còn phù hợp được loại bỏ, thay thế. Trong đợt điều chỉnh chương trình năm 2014 đã thống nhất tên gọi một số môn học trùng nhau một phần hoặc toàn bộ, mã hóa các môn học gắn liền với việc phân công khoa chịu trách nhiệm xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo môn học đó trong toàn Học viện ở tất cả các hệ đào tạo [3.1-7], [3.2-5].

Việc điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo được tiến hành theo định kỳ, tuy nhiên hiệu quả điều chỉnh, bổ sung không đều nhau giữa khối ngành lý luận chính trị và khối ngành nghiệp vụ.

2. Điểm mạnh

Trong bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo, Học viện đặc biệt quan tâm đến việc tham khảo các chương trình quốc tế tiên tiến.

3. Tồn tại

Mức độ điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo các ngành thuộc khối lý luận chính trị không nhiều, hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, lấy ý kiến phản hồi về chương trình đào tạo trong các lớp bồi dưỡng chuyên môn theo từng ngành cho giảng viên lý luận chính trị thuộc hệ thống các trường đại học, cao đẳng, các trường chính trị trên cả nước.

05 năm tới lần lượt tổ chức các hội thảo quốc tế/hội thảo quốc gia liên quan đến chương trình đào tạo 5 môn lý luận chính trị.

Tiến hành điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo các ngành thuộc khối lý luận chính trị căn cứ kết quả các hội thảo quốc tế/hội thảo quốc gia và ý kiến phản hồi của giảng viên lý luận chính trị theo học các lớp bồi dưỡng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.5: Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình đào tạo khác.

1. Mô tả

Học viện Báo chí và Tuyên truyền được phép đào tạo 3 ngành trình độ Tiến sĩ, 11 ngành trình độ thạc sĩ [3.1-1], 13 ngành trình độ đại học [3.1-2]; [3.1-3]; [3.1-4]; [3.1-5]; [3.1-6]. Trong hình thức đào tạo chính quy có đào tạo chính quy tập trung, chính quy cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ 2; trong giáo dục thường xuyên có hệ vừa làm vừa học bằng thứ nhất và bằng thứ 2.

- Để đảm bảo tính liên thông dọc giữa các trình độ đào tạo, việc thiết kế chương trình đảm bảo để:

+ Học viện đã ban hành Quy định bổ túc kiến thức giữa các ngành gần trong tuyển sinh và đào tạo trình độ sau đại học [3.5-10], công nhận kết quả của các học phần đã học trong cùng trình độ có thời lượng (số đơn vị học trình, số tín chỉ) bằng hoặc nhiều hơn chương trình bổ túc kiến thức đang thực hiện.

+ Trong xây dựng chương trình, đã đảm bảo sự kế tiếp, nâng cao và phát triển ở những bậc học cao hơn so với bậc học trước, không lặp lại kiến thức cũ (cả về tên học phần và nội dung chi tiết trong học phần) [3.5-11], [3.2-1].

- Liên thông ngang giữa các chương trình đào tạo được thể hiện ở:

+ Các chương trình đào tạo của Học viện được thiết kế theo 2 nhóm ngành: nhóm ngành lý luận chính trị và nhóm ngành nghiệp vụ. Khối kiến thức giáo dục đại cương (bao gồm cả các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh) của từng nhóm ngành được thiết kế thống nhất trong toàn Học viện [3.2-1].

+ Các chương trình chuyên ngành trong cùng ngành được thiết kế giống nhau phần các môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Ví dụ 7 chuyên ngành của ngành Chính trị học được thiết kế 5 môn học bắt buộc với tổng thời lượng 15 tín chỉ [3.2-1].

+ Chương trình đào tạo đại học chính quy, chính quy cấp bằng đại học thứ hai được thiết kế thống nhất về nội dung, cho phép sinh viên lập kế hoạch học tập phù hợp với điều kiện cá nhân. Điều này còn cho phép người học có thể học đồng thời 02 chương trình đại học của 02 ngành khác nhau để được cấp 02 văn bằng khi tốt nghiệp [3.3-5], [3.1-7], [3.3-7].

+ Việc quản lý bộ môn và môn học được giao cho các khoa. Những môn học có trong nhiều chương trình đào tạo ở nhiều khoa sẽ giao cho Khoa chuyên ngành quản lý và tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá để tạo sự thống nhất trong nội dung. Học viện quản lý bằng mã môn học thống nhất tạo điều kiện cho những người học các ngành khác nhau lựa chọn được thời khóa biểu học phù hợp [3.2-1], [3.2-5].

Liên thông dọc và ngang của các chương trình đào tạo được triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả, tuy nhiên hiệu quả liên thông mới chỉ dừng lại trong nội bộ nhà trường.

2. Điểm mạnh

Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông giữa các trình độ đào tạo và các ngành khác nhau, đảm bảo mục tiêu đào tạo của các trình độ đào tạo và tạo điều kiện thuận lợi cho người học theo học ở bậc cao hơn cùng ngành.

3. Tồn tại

Tính liên thông giữa các trình độ và các ngành đào tạo khác nhau chỉ mới dừng lại ở trong nội bộ Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016-2017, xúc tiến hợp tác, ký kết để công nhận kết quả đào tạo của nhau và điều chỉnh chương trình liên thông giữa các trình độ và ngành đào tạo với các trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Sư phạm Hà Nội.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.6: Chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá.

1. Mô tả

Các chương trình đào tạo của Học viện đã được rà soát, đánh giá, điều chỉnh cải tiến đồng loạt vào các năm 2008, 2012 và 2014. Việc đánh giá chương trình được dựa trên các căn cứ sau:

- Khảo sát ý kiến của sinh viên bằng phiếu thăm dò được thực hiện theo từng học kỳ, từng lớp theo chỉ định của Ban Giám đốc Học viện. Khảo sát đồng loạt ý kiến sinh viên tốt nghiệp được thực hiện từ năm học 2013-2014 [3.6-1].

- Đánh giá chương trình còn được thực hiện thông qua tổ chức hội thảo sinh viên về phương pháp học tập bậc đại học, Đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo khoa, lãnh đạo trường... [3.6-2], [3.6-3] được tiến hành hàng năm.

- Tổ chức hội thảo, hội nghị, tọa đàm, thông tin khoa học (Hội thảo quốc gia Nâng cao chất lượng đào tạo giảng viên lý luận chính trị ở Việt Nam hiện nay, tháng 12/2014; Hội thảo Thực hành nghề cho sinh viên Báo chí hiện nay...) [3.1-8], [3.1-18], [3.1-19], tiếp thu ý kiến của các chuyên gia, các đơn vị sử dụng lao động, các sinh viên tốt nghiệp về chương trình đào tạo.

Các kết quả đánh giá được nghiên cứu, ứng dụng để điều chỉnh chương trình đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội. Trong đợt đánh giá, điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2012, đã thống nhất giảm tải thời lượng toàn khóa của các ngành khối lý luận chính trị từ 210 đơn vị học trình còn 180 đơn vị học trình, các ngành thuộc khối nghiệp vụ còn 175 đơn vị học trình, bước đầu dành thời lượng cho thảo luận, nghiên cứu, thực hành. Đồng thời với việc điều chỉnh chương trình, nhà trường đã mở nhiều lớp bồi dưỡng phương pháp giảng dạy tích cực cho giảng viên để đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy. Năm 2012, điều chỉnh chương trình theo hướng tăng cường thực hành, thực tế, thực tập, thảo luận... nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học [3.1-7]. Học viện đã trang bị thêm các thiết bị, phương tiện hỗ trợ giảng dạy như projector, màn chiếu, ampli; lắp rèm che nắng các khu giảng đường..., xây dựng trường quay, phòng thu, phòng lab... phục vụ thực hành ngành Báo chí,

phòng diễn giảng phục vụ thực hành giảng dạy... Chương trình đào tạo được chuyển đổi từ niên chế sang tín chỉ vào năm 2014 nhằm tăng tính linh hoạt, mềm dẻo của chương trình, đáp ứng nhu cầu của người học và của nhà tuyển dụng lao động [3.2-1]. Phương pháp kiểm tra, đánh giá cũng được điều chỉnh để đảm bảo đánh giá thường xuyên, khách quan và chính xác người học trên cơ sở tăng cường các hình thức thi trắc nghiệm khách quan và chấm thi bằng máy quét, thống nhất dạng thức ra đề thi môn Ngoại ngữ theo từng trình độ [3.6-4].

Các chương trình đào tạo đã được đánh giá định kỳ qua các nguồn thông tin từ các đối tượng khác nhau và đã có một số điều chỉnh kịp thời căn cứ kết quả đánh giá.

2. Điểm mạnh

Kết quả đánh giá được sử dụng hiệu quả trong điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo và các hoạt động hỗ trợ đào tạo.

3. Tồn tại

Hoạt động thực tế, thực hành, thực tập nghề nghiệp chậm được điều chỉnh, cải tiến.

4. Kế hoạch hành động

Hàng năm triển khai thực hiện các hoạt động thực tế, thực hành, thực tập nghề nghiệp bám sát yêu cầu của chương trình đào tạo.

Tiếp tục tổ chức các đoàn kiểm tra kiến tập, thực tập nghề nghiệp của sinh viên tại các cơ sở thực tập.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

*** Kết luận tiêu chuẩn 3:**

Điểm mạnh nổi bật

Chương trình đào tạo các ngành khối nghiệp vụ được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát triển các chương trình đào tạo uy tín trong nước và nước ngoài, thể hiện được đặc thù ngành đào tạo của Học viện.

Tất cả các chương trình đào tạo đều có mục tiêu rõ ràng, cụ thể. Cấu trúc chương trình được thiết kế đáp ứng mục tiêu của từng ngành, chuyên ngành đào tạo, đảm bảo tính hệ thống để sinh viên có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu ở những bậc học cao hơn, đồng thời đáp ứng được những yêu cầu về chuyên môn, kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp tương ứng.

Hình thức đào tạo chính quy tập trung và vừa làm vừa học có sự tương đương về thời lượng chương trình và chất lượng đào tạo.

Trong bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo, Học viện đặc biệt quan tâm đến việc tham khảo các chương trình quốc tế tiên tiến.

Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông giữa các trình độ đào tạo và các ngành khác nhau, đảm bảo mục tiêu đào tạo của các trình độ đào tạo và tạo điều kiện thuận lợi cho người học theo học ở bậc cao hơn cùng ngành.

Kết quả đánh giá được sử dụng hiệu quả trong điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo và các hoạt động hỗ trợ đào tạo.

Những tồn tại cơ bản

Việc tham khảo ý kiến của đại diện các tổ chức xã hội-nghề nghiệp, của nhà tuyển dụng lao động và người tốt nghiệp trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo của khối ngành lý luận chính trị chưa được thực hiện trên diện rộng, chưa có tính thường xuyên.

Số môn học tự chọn chưa nhiều làm hạn chế một phần khả năng đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Số học phần tự chọn trong chương trình đào tạo hệ vừa làm vừa học còn hạn chế. Một số học phần, yêu cầu về kiến thức, kỹ năng giữa chương trình chính quy và chương trình hệ vừa làm vừa học chưa tương đương.

Mức độ điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo các ngành thuộc khối lý luận chính trị không nhiều, hiệu quả chưa cao.

Tính liên thông giữa các trình độ và các ngành đào tạo khác nhau chỉ mới dừng lại ở trong nội bộ Nhà trường.

Hoạt động thực tế, thực hành, thực tập nghề nghiệp chậm được điều chỉnh, cải tiến.

Tiêu chuẩn 3 có 06 tiêu chí đạt yêu cầu.

Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo

Mở đầu

Học viện đã đa dạng hóa các hình thức đào tạo, đáp ứng yêu cầu học tập của người học theo quy định. Thực hiện công nhận kết quả học tập của người học theo niên chế kết hợp với học phân; có kế hoạch chuyên quy trình đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ có tính linh hoạt và thích hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học.

Bên cạnh đó đã Học viện có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học. Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề. Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Văn bằng, chứng chỉ được cấp theo quy định và được công. Có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

Tuy Học viện có cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường, nhưng Học viện chưa tiến hành điều tra thu thập thông tin về tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi và thu nhập sau khi tốt nghiệp.

Tiêu chí 4.1. Đa dạng hoá các hình thức đào tạo, đáp ứng yêu cầu học tập của người học theo quy định

1. Mô tả

Từ một trường của Đảng với nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tuyên giáo ở Trung ương và địa phương từ trình độ sơ cấp trở lên về lý luận và nghiệp

vụ, đến nay Học viện trở thành một trường đại học trọng điểm quốc gia về đào tạo giảng viên lý luận Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phóng viên, biên tập viên, cán bộ tuyên truyền, đội ngũ những người làm công tác tư tưởng-văn hóa của đất nước. Nhằm đáp ứng nhu cầu của người học, Học viện đã tổ chức nhiều hình thức đào tạo khác nhau với nhiều trình độ khác nhau (đại học, thạc sĩ, tiến sĩ) theo các phương thức đào tạo chính quy; không chính quy, vừa làm vừa học; tập trung; không tập trung được giới thiệu tại website Học viện [4.1-1].

Để đáp ứng nhu cầu đào tạo của các trường chính trị, các trường đại học, cao đẳng, Nhà trường đã xây dựng chương trình và triển khai bồi dưỡng cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên, bồi dưỡng nghiệp vụ tuyên giáo, nghiệp vụ công tác đảng, nghiệp vụ báo chí, xuất bản và truyền thông cho các cơ quan báo chí, xuất bản, các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, các doanh nghiệp trên địa bàn cả nước [4.1-4].

Ngoài ra, Nhà trường còn liên kết đào tạo Tiếng Việt cho lưu học sinh các nước Trung Quốc, Lào, Hàn Quốc, Nhật Bản. [4.1-5]

Hệ đào tạo chính quy được đào tạo theo hệ thống tín chỉ "*Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*" ban hành theo Quyết định số 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [4.1-5], được bổ sung theo Thông tư số 57 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [4.1-6].

Hoạt động đào tạo hệ vừa làm vừa học Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hình thức VLVH của Bộ GD&ĐT. Học viện tổ chức liên kết đào tạo đại học hệ VLVH với hầu hết các trường chính trị của các tỉnh, thành phố, các trường đại học, học viện trên địa bàn cả nước. Bắt đầu liên kết đào tạo đại học từ năm 1990 với các ngành, chuyên ngành văn bằng 1, đến năm 2005, Học viện tổ chức liên kết đào tạo nhiều chuyên ngành đại học văn bằng 2 trên phạm vi cả nước [4.1-8], tính đến nay, trung bình hàng năm đào tạo đại học hệ vừa làm vừa học Học viện chiêu sinh khoảng 2000 chỉ tiêu/1 năm, lưu lượng tổ chức quản lý đào tạo là 6000 sinh viên/ 75 lớp/ 30 tỉnh, thành phố. Hiện nay, hệ đào tạo vừa

làm vừa học thực hiện theo chương trình của hệ chính quy về số học phân, số học trình trong từng học phân, bao gồm 2 loại chương trình: Chương trình đào tạo cử nhân: 4,5 năm (văn bằng 1); chương trình đào tạo cử nhân: 2,5 năm (văn bằng 2). Phương thức học đa dạng: Quý học tập trung 1 tháng. Tháng học tập trung 10 ngày, học các ngày thứ 7 và chủ nhật. Chương trình học được cụ thể hoá bằng kế hoạch học toàn khoá và thông báo cho sinh viên biết ngay từ ngày khai giảng lớp học. Về cơ bản Học viện đã đáp ứng được nhu cầu đào tạo của các tỉnh, thành phố trên cả nước. Tuy nhiên, việc tổ chức được các chương trình tiên tiến còn hạn chế dẫn đến chất lượng đào tạo các ngành, chuyên ngành còn hạn chế.

2. Điểm mạnh

- Học viện đã sớm thực hiện đa dạng hóa các hình thức, phương thức, loại hình đào tạo, tạo điều kiện cho nhiều đối tượng tham gia học tập.

3. Tồn tại

- Việc tổ chức được các chương trình tiên tiến còn hạn chế.
- Chương trình liên kết đào tạo với các trường đại học uy tín trên thế giới còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016 - 2017, Trường hoàn thành việc xây dựng chương trình tiên tiến chuyên ngành Báo chí đa phương tiện và ngành Quan hệ công chúng để ký kết với Trường đại học Middle Sex vương quốc Anh cấp bằng quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 4.2. Thực hiện công nhận kết quả học tập của người học theo niên chế kết hợp với học phân; có kế hoạch chuyển quy trình đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ có tính linh hoạt và thích hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học

1. Mô tả

Từ năm 1994 đến năm 1999 áp dụng theo Quy chế 3968 của Bộ GD&ĐT [4.2-1], từ năm 1999 đến năm 2006 thực hiện theo Quy chế 04, từ năm 2006 đến

năm 2014 thực hiện theo Quy chế 25 của Bộ GD&ĐT [4.2-2], từ năm 2014-2015 thực hiện theo Quy chế 43 của Bộ GD&ĐT và thông tư 75 sửa đổi, bổ sung quy chế 43.

Năm học 2014 - 2015, Học viện triển khai hình thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Chương trình đào tạo của Trường được xây dựng theo từng học phần cho từng khối kiến thức, mỗi học phần từ 1 đến 4 tín chỉ, khi sinh viên tích lũy đủ từ 120 tín chỉ trở lên đối với khối nghiệp vụ và 125 tín chỉ trở lên đối với khối lý luận sẽ được xét công nhận tốt nghiệp [4.2-3].

Ngoài ra, đối với sinh viên từ khóa tuyển sinh 2013 trở đi phải đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh B1 theo Khung tham chiếu châu Âu mới được xét công nhận tốt nghiệp. Năm 2014 đối với đầu vào thạc sĩ phải đạt chuẩn B1 theo Khung tham chiếu châu Âu mới được xét miễn thi đầu vào môn ngoại ngữ [4.2-4], Học viện thực hiện xếp loại tốt nghiệp theo thang điểm 4 đúng với quy định ở Quy chế 43 của Bộ GD&ĐT.

Công tác đào tạo theo học chế tín chỉ đã được Nhà trường chuẩn bị tích cực và triển khai kịp thời. Học viện đã cử cán bộ đi học tập, tập huấn tại các trường đại học trọng điểm trên địa bàn Hà Nội để học hỏi kinh nghiệm và tổ chức các hội nghị sơ kết công tác đào tạo theo tín chỉ để đánh giá thực trạng và đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Ngoài ra, Học viện còn mời các chuyên gia có chuyên môn sâu về đào tạo theo hệ thống tín chỉ để đào tạo tập huấn cho các cán bộ của Học viện. Việc đưa vào sử dụng phần mềm quản lý đào tạo giúp cho Học viện quản lý sinh viên, học viên đạt hiệu quả cao. Về việc xây dựng các chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ, Trường đã có nhiều văn bản chỉ đạo cho các khoa và tổ chuyên môn xây dựng chương trình đào tạo; chuẩn đầu ra; biên soạn chương trình chi tiết, biên soạn đề cương bài giảng, giáo trình. Vào đầu khóa học, để giúp sinh viên nắm bắt được quy chế đào tạo tín chỉ, kế hoạch giảng dạy và những vấn đề cần biết trong quá trình học một cách kịp thời và hiệu quả, Nhà trường đã tổ chức buổi sinh hoạt đầu khóa phổ biến cho sinh viên những nội dung liên quan đến công tác đào tạo. Những nội dung này được in thành sổ tay sinh viên và đưa lên website Học viện để sinh

viên biết thực hiện. Các mẫu đăng ký học theo tín chỉ cũng đã được thiết kế và công bố rộng rãi trên website Học viện, tạo điều kiện thuận tiện cho sinh viên đăng ký các học phần theo học trong từng học kỳ.

2. Điểm mạnh

Thực hiện tốt, đúng quy định việc tích lũy kết quả học tập theo từng học phần cho tất cả các hệ đào tạo.

3. Tồn tại

Một số điều kiện của Học viện chưa đủ để thực hiện chuyển đổi hoàn toàn quy trình đào tạo từ niên chế sang học chế tín chỉ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Học viện tiếp tục hoàn thiện chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ, bổ sung các điều kiện cần thiết khác để chuyển đổi hoàn toàn quy trình đào tạo sang hệ thống tín chỉ;

Hằng năm, Học viện tổ chức các cuộc hội thảo, hội nghị nhằm rút kinh nghiệm để triển khai đào tạo có hiệu quả hơn nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 4.3. Có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học.

1. Mô tả

Học viện luôn quan tâm đến việc phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc tập thể của sinh viên. Hiện nay, Học viện đã thực hiện đa dạng hóa các phương pháp giảng dạy: giảng dạy lý thuyết theo phương pháp truyền thống, phương pháp giải quyết tình huống, viết tiểu luận, thuyết trình đề tài, thảo luận theo nhóm...[4.3-1].

Học viện đã có quy định thống nhất về việc phân bổ thời gian giảng dạy các môn học như sau: 2/3 lý thuyết và 1/3 thực hành. Mục đích của sự phân bổ

thời gian này là nhằm tăng thời gian tự học, tự nghiên cứu của sinh viên, rút ngắn thời gian học trên lớp. [4.3-2].

Học viện đã chú trọng đến việc bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên bằng việc tạo điều kiện cho các giảng viên được tham gia các lớp bồi dưỡng về kỹ năng, phương pháp giảng dạy, giao tiếp bằng tiếng anh... tại trong và ngoài Học viện [4.3-3].

Năm học 2014 - 2015, Học viện đã phát động phong trào thi đua giờ giảng chất lượng tốt tới toàn thể giảng viên trong Học viện. Mục đích, yêu cầu phong trào hướng đến là nhằm tạo sự chuyển biến về chất lượng nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy của giảng viên Học viện; các giờ giảng tốt, phương pháp giảng hay sẽ được quay video để các giảng viên khác tham khảo [4.3-4].

Các giảng viên luôn tìm tòi, đổi mới phương pháp dạy và học, giúp người học phát huy tốt năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc tập thể một cách khoa học và có hiệu quả. Trường đã tiến hành xây dựng đề cương các môn học theo học chế tín chỉ bao gồm lý thuyết, câu hỏi hiểu bài, bài tập làm việc theo nhóm và thảo luận.

Tất cả các ngành đào tạo của Học viện đều được ứng dụng tin học trong giảng dạy. Nhằm hỗ trợ phương pháp giảng dạy tích cực, Học viện đã tăng cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ giảng dạy như: trang bị máy chiếu, màn chiếu, ti vi tại các phòng học; đầu tư studio, phòng thực hành cho các ngành thực hành [4.3-5].

Bước sang năm học 2014 - 2015, Học viện đã từng bước chuyển đổi phương pháp đào tạo đại học từ đào tạo niên chế sang đào tạo tín chỉ. Đây là một cuộc đổi mới toàn diện trong trường đại học thể hiện triết lý giáo dục lấy người học làm trung tâm, lấy đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập làm gốc nên đó là một giải pháp tổng thể để nâng cao chất lượng đào tạo. Học viện đã tiến hành đánh giá các hoạt động của giảng viên thông qua phiếu khảo sát phản hồi của sinh viên về chất lượng môn học và giờ giảng [4.3-6].

Với phương châm đặt người học vào trung tâm của quá trình đào tạo, Học viện không ngừng đào tạo, bồi dưỡng thêm về các phương pháp giảng dạy tích cực cho đội ngũ giảng viên. Học viện đã có kế hoạch đánh giá trực quan hoạt động giảng dạy của giảng viên thông qua việc khảo sát phản hồi của sinh viên về chất lượng giờ giảng. Đây là động lực không nhỏ thúc đẩy người giảng viên phải không ngừng hoàn thiện và làm phong phú thêm cho phương pháp giảng dạy của mình. Bên cạnh đó, do thực tế đội ngũ giảng viên của Học viện có tuổi đời cao nên việc áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực còn gặp nhiều khó khăn.

2. Điểm mạnh

Học viện đã chú trọng và thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy qua đó phát huy được tính chủ động của người học.

Các giảng viên cơ hữu của trường là giảng viên trẻ nên năng động, dễ tiếp thu cái mới, nhận thức rất đúng đắn và chấp nhận sinh viên đánh giá giảng dạy của giáo viên một cách tự nguyện..

3. Tồn tại

Do Học viện là một trường đào tạo lý luận lâu năm với đội ngũ giảng viên tuổi đời cao nên việc cập nhật và bồi dưỡng phương pháp giảng dạy tích cực còn gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016 - 2017, Học viện tiếp tục triển khai hoạt động khảo sát phản hồi của người học về chất lượng giờ giảng và môn học. Bên cạnh đó, Học viện mở thêm nhiều lớp bồi dưỡng phương pháp giảng dạy mới cho đội ngũ giảng viên hơn nữa.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 4.4. Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo; đánh giá được mức độ tích lũy của

người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề

1. Mô tả

-Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa. Học viện đã sử dụng nhiều hình thức đánh giá kết quả học tập của người học như: thi vấn đáp, thi trắc nghiệm, làm bài tập lớn thi tự luận. [4.4-1] Các môn đại cương chủ yếu là thi tự luận, môn chuyên ngành hình thức thi được đa dạng hóa. Cụ thể là: thi trắc nghiệm chiếm khoảng 2%, thi vấn đáp chiếm khoảng 15%, làm bài tập lớn khoảng 15%; thi tự luận 68%.

Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học.

Học viện, đã đa dạng hóa hình thức chấm thi để bảo đảm tính nghiêm túc, khách quan, chính xác và công bằng. Tức là dùng máy quét ảnh kết hợp với phần mềm chấm điểm. Áp dụng công nghệ này tiết kiệm rất lớn về thời gian, kinh phí và độ chính xác cao. Hạn chế được hiện tượng xin phách, đánh dấu bài, nhậm điểm và nhậm phách... Công tác làm đề thi khách quan, bảo mật bằng việc bốc thăm ngẫu nhiên câu hỏi trong ngân hàng đề thi và chỉ làm đề trước 1 tiếng thi. [4.4-2] Việc chuyên giao đánh phách, lên điểm, trả điểm cho sinh viên cho bộ phận khảo thí cũng hạn chế được việc xin phách, xin điểm bảo đảm tính công bằng, chính xác trong quá trình kiểm tra đánh giá.

Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo. Học viện đã có ngân hàng đề thi cho từng hình thức đào tạo. Tuy nhiên ngân hàng câu hỏi giữa hai hệ vừa làm, vừa học và chính quy là riêng và chưa tương đương. [4.4-3]

Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề. Mức độ tích lũy của người học về kiến thức được thực hiện theo QC 25 của BGD (điểm học phần = điểm kiểm tra giữa kỳ và thảo luận (40%)+ điểm thi hết môn (60%)). Sinh viên trong quá trình học phải có điểm

thực hành, sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp phải viết báo cáo tốt nghiệp và đều tính như điểm một môn học. [4.4-4]

Câu hỏi thi hướng đến đánh giá phát hiện năng lực giải quyết vấn đề. Cụ thể là: trong một đề thi 50% là câu hỏi lý thuyết, 50% là câu hỏi là liên hệ và giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra.

2. Điểm mạnh

Học viện đang đa dạng hóa hình thức thi để bảo đảm tính nghiêm túc, khách quan, chính xác và công bằng. Sử dụng hình thức chấm trắc nghiệm trên máy, dùng máy quét ảnh kết hợp với phần mềm.

3. Tồn tại

Ngân hàng câu hỏi của hai hệ vừa làm, vừa học và chính quy là chưa tương đương, chưa có ngân hàng câu hỏi chung.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016-2017, Học viện áp dụng 100% câu hỏi đề thi chung cho hai hệ vừa làm, vừa học và chính quy.

Năm học 2016-2017, Học viện tiến tới sử dụng hình thức thi trắc nghiệm trên máy với nhiều môn thi khác nhau không chỉ có ngoại ngữ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 4.5. Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Văn bằng, chứng chỉ được cấp theo quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

1. Mô tả

Kết quả học tập của Sinh viên được Học viện công bố công khai, kịp thời và đúng qui định [4.5-1], [4.5-2]. Học viện có văn bản quy định Giảng viên tính từ khi tổ chức thi kết học phần, sau bảy ngày phải nộp kết quả chấm bài cho Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo. Bảng điểm học phần được photo làm nhiều bản, 01 bản nộp cho khoa chủ quản có Sinh viên tham gia học, 01 bản cho khoa chủ quản học phần, 01 bản giáo vụ khoa lưu giữ, 01 bản lưu ở Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo và bản gốc nộp cho Ban

Quản lý Đào tạo. Điểm thi của Sinh viên do các khoa công bố bằng giấy ở bảng tin, chuyên cho lớp và trên website của Học viện [4.5-3]. Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo sau khi nhập điểm vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo niên chế và tín chỉ, Sinh viên đăng nhập bằng tài khoản cá nhân có thể xem được điểm của mình.

Ngoài ra, Sinh viên có nhu cầu về bảng điểm có thể viết giấy yêu cầu theo mẫu hoặc làm bảng điểm theo mẫu được đăng trên website của Học viện tại địa chỉ <http://ajc.edu.vn> và có sự kiểm tra xác nhận của giáo vụ khoa gửi về Phòng Quản lý dạy học - Ban Quản lý Đào tạo. Phòng Quản lý dạy học sẽ hẹn Sinh viên ngày lấy bảng điểm và được giao đúng hẹn. Kết quả học tập của Sinh viên được lưu trữ đúng quy định tại Ban Quản lý Đào tạo và các khoa bằng cả bản giấy và bản mềm trong máy tính và trên mạng. Hệ thống sổ sách lưu giữ kết quả học tập của Sinh viên theo từng khóa, lớp rõ ràng, chính xác, thuận tiện cho việc tìm kiếm khi cần thiết [4.5-4]. Trước khi xét học vụ cuối mỗi học kỳ, Ban Quản lý Đào tạo và các khoa đối chiếu kết quả điểm từng Sinh viên để tránh sai sót, giúp việc xếp loại học tập, xét học tiếp, ngừng học, thôi học, cấp học bổng cho Sinh viên được chính xác. Kết quả xét học vụ được công bố công khai trên website của Học viện. Điểm học vụ được ký xác nhận, đóng dấu và lưu sắp xếp theo khóa học, đảm bảo an toàn, không thất lạc hồ sơ về điểm của Sinh viên. Về cấp phát bằng tốt nghiệp cho Sinh viên, Học viện đã thực hiện kịp thời, dứt điểm từng khóa tốt nghiệp. Quy trình làm bằng tốt nghiệp được thực hiện đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trước khi in bằng Sinh viên phải có tờ khai có dán ảnh để cán bộ phụ trách in bằng kiểm tra. Kết thúc khóa học Sinh viên được nhận bằng tốt nghiệp và bảng điểm toàn khóa. Học viện thường tổ chức phát bằng vào tháng 6 hằng năm, tạo điều kiện cho Sinh viên xin việc làm sớm sau khi ra trường. Sinh viên phải ký xác nhận tại sổ cấp bằng có dán ảnh và các thông tin liên quan. Học viện không cho người khác nhận thay bằng tốt nghiệp; trường hợp đặc biệt phải có giấy ủy quyền có xác nhận của địa phương, đồng thời người được ủy quyền phải photo chứng minh nhân dân của người ủy quyền,

xuất trình các giấy tờ gốc để đối chiếu mới được nhận bằng. Chính vì vậy việc thất lạc bằng hầu như không xảy ra. [4.5-5], [4.5-6]

Định kỳ hằng năm, Học viện báo cáo kịp thời về Bộ Giáo dục và Đào tạo hồ sơ kiểm tra, thanh tra văn bằng chứng chỉ theo biểu mẫu quy định. Những sai sót trong khâu in ấn đều có biên bản hủy bỏ [4.5-7].

Hệ thống sổ sách quản lý và cấp phát văn bằng, chứng chỉ được lưu trữ theo từng khóa tốt nghiệp bằng cả hình thức sổ sách và phần mềm đầy đủ, rõ ràng, chính xác, đảm bảo an toàn dữ liệu. Các quyết định tốt nghiệp và cấp phát bằng được công bố công khai trên website của Học viện. Nhìn chung, Học viện đã có hệ thống hồ sơ quản lý kết quả học tập của người học song song với hệ thống máy tính đảm bảo thuận lợi cho việc quản lý, truy cập và tổng hợp báo cáo, đồng thời đảm bảo an toàn cho dữ liệu. Kết quả học tập của Sinh viên hệ chính quy được lưu trữ an toàn, đầy đủ và truy xuất kết quả nhanh chóng. Văn bằng được cấp nhanh chóng, đúng quy định, sổ cấp văn bằng ghi chép rõ ràng, thuận tiện cho việc theo dõi và kiểm tra.

2. Điểm mạnh

Kết quả thi của sinh viên được cập nhật thường xuyên và công bố công khai trên Website của Học viện đảm bảo kịp thời, chính xác và công khai tạo điều kiện tốt nhất cho người học.

3. Tồn tại

Việc lưu trữ quyết định tốt nghiệp, hồ sơ, sổ điểm của người học từ năm 1996 trở về trước còn chưa đầy đủ và chính xác.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016 - 2017, Học viện ban hành quy chế và triển khai thực hiện việc thống kê rà soát hồ sơ lưu trữ .

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 4.6. Có cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường, tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi và thu nhập sau khi tốt nghiệp.

1. Mô tả

Học viện đã có cơ sở dữ liệu từ năm 2011, nhưng chưa cập nhật số liệu thường xuyên.

Tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp, Học viện không tiến hành làm thường xuyên.

2. Điểm mạnh

3. Tồn tại

Học viện chưa có cập nhật cơ sở dữ liệu mới nhất

Học viện chưa điều tra tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập một cách hệ thống.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016-2017, Học viện sẽ cập nhật cơ sở dữ liệu mới nhất.

Năm học 2016-2017, Học viện sẽ tiến hành khảo sát tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt yêu cầu tiêu chí

Tiêu chí 4.7: Có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

1. Mô tả

Từ năm học 2012 - 2013 đến nay Học viện đều xây dựng Kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường. Trước hết, bộ phận Đảm bảo chất lượng dự thảo bản kế hoạch sau đó trình Ban Giám đốc phê duyệt [4.7-1]. Kế hoạch đánh giá chất lượng đạo đối với người học sau khi ra trường được Học viện xây dựng bao gồm các hoạt động lấy ý kiến phản hồi của sinh viên tốt nghiệp về chương trình đào tạo họ đã tham gia và về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp. Các kế hoạch này Ban Giám đốc Học viện giao cho Bộ phận Đảm bảo chất lượng chủ trì triển khai [4.7-2].

Bên cạnh đó Học viện cũng đã tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của các nhà sử dụng lao động về mức độ đáp ứng công việc của sinh viên tốt nghiệp.

Đối tượng khảo sát là các cán bộ quản lý ở các cơ quan, công ty về năng lực, phẩm chất đạo đức, kỹ năng. Kết quả khảo sát cho thấy, đa số Sinh viên tốt nghiệp của Học viện được đánh giá cao, đáp ứng được yêu cầu công việc ở các tòa báo, các cơ quan, các công ty. Những thông tin thu hồi được từ hoạt động đánh giá này sẽ là cơ sở để Học viện xem xét, điều chỉnh các hoạt động đào tạo, nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội. Ngoài các đợt khảo sát, Học viện đã tổ chức được Hội thảo lấy ý kiến Giảng viên và các chuyên gia để điều chỉnh chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo [4.7-3]. Học viện đã xây dựng nhiều mối quan hệ với các tòa báo, các cơ quan các đơn vị sử dụng lao động, thông qua các mối quan hệ này có được nguồn thông tin về chất lượng đào tạo của Học viện [4.7-4]. Thông qua các đợt khảo sát, hội thảo Học viện đã thực hiện một số điều chỉnh trong hoạt động đào tạo như điều chỉnh rút ngắn thời gian cấp phát bằng tốt nghiệp cho sinh viên tốt nghiệp sau khi bảo vệ tốt nghiệp để tạo điều kiện cho sinh viên tốt nghiệp thuận lợi trong việc nộp hồ sơ xin việc làm.

2. Điểm mạnh

Học viện đã triển khai kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường.

3. Tồn tại

Kế hoạch hoạt động đánh giá chất lượng Sinh viên tốt nghiệp chưa có tính hệ thống và lâu dài .

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016 - 2017, xây dựng các kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo hàng năm với mọi đối tượng người học, nhà tuyển dụng và cựu Sinh viên vào kế hoạch từng năm học.

Xây dựng diễn đàn cho Sinh viên ra trường thảo luận, tự đánh giá công việc của mình.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

*** Kết luận tiêu chuẩn 4:**

Điểm mạnh nổi bật

Học viện đã sớm thực hiện đa dạng hóa các hình thức, phương thức, loại hình đào tạo, tạo điều kiện cho nhiều đối tượng tham gia học tập.

Thực hiện tốt, đúng quy định việc tích lũy kết quả học tập theo từng học phần cho tất cả các hệ đào tạo.

Học viện đã chú trọng và thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy qua đó phát huy được tính chủ động của người học.

Các giảng viên luôn tìm tòi, đổi mới phương pháp dạy và học, giúp người học phát huy tốt năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc tập thể một cách khoa học và có hiệu quả. Trường đã tiến hành xây dựng đề cương các môn học theo học chế tín chỉ bao gồm lý thuyết, câu hỏi hiểu bài, bài tập làm việc theo nhóm và thảo luận.

Các giảng viên cơ hữu của trường là giảng viên trẻ nên năng động, dễ tiếp thu cái mới, nhận thức rất đúng đắn và chấp nhận sinh viên đánh giá giảng dạy của giáo viên một cách tự nguyện..

Học viện đang đa dạng hóa hình thức chấm thi để bảo đảm tính nghiêm túc, khách quan, chính xác và công bằng. Sử dụng hình thức chấm trắc nghiệm trên máy, dùng máy quét ảnh kết hợp với phần mềm.

Được cập nhật thường xuyên và công bố công khai trên Website của Học viện đảm bảo kịp thời, chính xác và công khai tạo điều kiện tốt nhất cho người học.

Những tồn tại cơ bản

Việc tổ chức được các chương trình tiên tiến còn hạn chế.

Chương trình liên kết đào tạo với các trường đại học uy tín trên thế giới còn ít.

Một số điều kiện của Học viện chưa đủ để thực hiện chuyển đổi hoàn toàn quy trình đào tạo từ niên chế sang học chế tín chỉ.

Do Học viện là một trường đào tạo lý luận lâu năm với đội ngũ giảng viên tuổi đời cao nên việc cập nhật và bồi dưỡng phương pháp giảng dạy tích cực còn gặp nhiều khó khăn.

Ngân hàng câu hỏi của hai hệ vừa làm, vừa học và chính quy là chưa tương đương, chưa có ngân hàng câu hỏi chung.

Việc lưu trữ quyết định ra trường, hồ sơ, sổ điểm của người học từ năm 1996 trở về trước còn chưa đầy đủ và chính xác

Học viện chưa điều tra tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập một cách hệ thống.

Việc lưu trữ cơ sở dữ liệu về đào tạo từ năm 1996 trong đó có dữ liệu của người học chưa đầy đủ và chính xác

Tiêu chuẩn 4 có 06 tiêu chí đạt yêu cầu và 01 tiêu chí chưa đạt yêu cầu.

Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

Mở đầu

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên từng năm. Căn cứ vào nhu cầu nhân lực của các đơn vị, hàng năm, Học viện đã xây dựng và tổ chức tuyển dụng giảng viên, nhân viên. Học viện thực hiện tuyển dụng bằng hình thức xét tuyển và thi tuyển.

Học viện đã triển khai công tác quy hoạch cán bộ quản lý các cấp nhằm bổ sung những cán bộ đủ tiêu chuẩn và điều kiện vào quy hoạch, tạo nguồn nhân sự để bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý một cách chủ động. Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của Học viện được xây dựng trên cơ sở quy hoạch cấp ủy Đảng; lấy quy hoạch cấp dưới làm cơ sở cho quy hoạch ở cấp trên, bảo đảm sự liên thông, gắn kết giữa quy hoạch của các bộ phận trong một đơn vị và giữa các đơn vị trong Học viện.

Học viện đã đảm bảo các quyền dân chủ của cán bộ, giảng viên Học viện thông qua nhiều hoạt động như quy chế tạm thời về thực hiện dân chủ trong các hoạt động của Học viện, các lĩnh vực hoạt động của Học viện đều được công khai để cán bộ, giảng viên biết, triển khai và giám sát như hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, thông báo rộng rãi để lấy ý kiến đóng góp của cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên trong Học viện trước khi ban hành chính thức các văn bản quan trọng liên quan đến hoạt động quản lý của Nhà trường, tổ chức các cuộc họp phổ biến, thông qua Hội nghị cán bộ, viên chức...

Trong những năm qua, Học viện đã có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước; nhờ đó mà chất lượng nguồn nhân lực ở Học viện đã tăng đáng kể.

Đội ngũ cán bộ quản lý của Học viện có ý thức chính trị, phẩm chất đạo đức tốt, thể hiện tốt năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Phần lớn đội ngũ cán bộ quản lý của Học viện đang giữ học hàm, học vị Phó Giáo sư, Tiến sĩ đang và có trình độ lý luận chính trị cao cấp.

Học viện hiện có đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học; đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỷ lệ trung bình sinh viên/giảng viên.

Đội ngũ giảng viên của Học viện đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định tại Luật Giáo dục đại học và Điều lệ trường đại học. Giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định. Trình độ tin học và ngoại ngữ của đội ngũ giảng viên của nhà trường về cơ bản đáp ứng được nhiệm vụ về đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Đội ngũ giảng viên của Học viện được đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hóa của đội ngũ giảng viên theo quy định. Những năm gần đây, Học viện đã tuyển dụng, bổ sung đội ngũ giảng viên trẻ, có trình độ chuyên môn cho Nhà trường.

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đủ số lượng, có năng lực chuyên môn và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Hiện nay, đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên trẻ, năng động, nhiệt tình trong công việc; có khả năng sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thành thạo các máy móc, các trang thiết bị hỗ trợ công tác giảng dạy, học tập, nghiên cứu.

Tiêu chí 5.1. Có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên; quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của trường đại học; có quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch.

1. Mô tả

Học viện đã có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên của từng năm.

Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu nhân lực của các đơn vị, Học viện đã xây dựng và tổ chức tuyển dụng giảng viên, nhân viên. Học viện thực hiện tuyển dụng bằng hình thức xét tuyển và thi tuyển.

Quy trình tuyển dụng được thực hiện đúng quy định của nhà nước và của

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. [5.1-1]

Từ năm 2013 đến nay, Học viện đã tuyển dụng bằng hình thức xét tuyển được 11 cán bộ, giảng viên Trong đó có 02 PGS. TS; 06 TS; Thạc sĩ 03 [5.1-2].

Ngoài số cán bộ, giảng viên tuyển dụng vào biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước, Học viện còn thực hiện chế độ tạm tuyển (dưới hình thức hợp đồng lao động có thời hạn và không xác định thời hạn) hưởng lương từ kinh phí hàng năm của Học viện.

Đối tượng được tạm tuyển là sinh viên tốt nghiệp loại khá, giỏi của các cơ sở giáo dục trong cả nước (ưu tiên các ứng viên được đào tạo ở nước ngoài hoặc đào tạo ở trong nước bằng chương trình đào tạo tiên tiến, liên kết quốc tế), có trình độ ngoại ngữ. Học viện sơ tuyển hồ sơ, sau đó tổ chức kiểm tra tay nghề đối với các ứng viên về làm việc tại các phòng, ban chức năng; thi giảng bằng tiếng Việt và tiếng Anh đối với các ứng viên vào vị trí giảng viên.

Từ năm 2013 đến nay, Học viện đã tuyển dụng bằng hình thức tạm tuyển được 47 cán bộ, giảng viên . Trong đó, có 10 thạc sĩ, 30 cử nhân, 04 cao đẳng và 01 trung cấp [5.1-3]

Hàng năm , Học viện đều xây dựng kế hoạch bồi dưỡng và phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên trên cơ sở nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của giảng viên, nhân viên, đề nghị của lãnh đạo các đơn vị và được Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh phê duyệt.[5.1-4]

Trong 3 năm qua, số giảng viên, nhân viên được cử đi đào tạo tiến sĩ: 38 (đào tạo ở nước ngoài 9); thạc sĩ: 14 (đào tạo ở nước ngoài 3); số giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng: Năm 2012 có 124 lượt cán bộ, giảng viên tham gia; Năm 2013 có 233 lượt cán bộ, giảng viên tham gia; Năm 2014 có 301 lượt cán bộ, giảng viên tham gia.[5.1-5]

Với số lượng cán bộ, giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng hàng năm như trên đã góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Học viện. Tuy nhiên, trong thời gian qua Học viện chưa có kế hoạch dài hạn về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giảng viên nên còn bị động trong công tác phát triển đội ngũ.

Để bổ sung những cán bộ đủ tiêu chuẩn và điều kiện vào quy hoạch, tạo nguồn nhân sự để bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý một cách chủ động, Học viện đã triển khai công tác quy hoạch cán bộ quản lý các cấp. Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của Học viện được xây dựng trên cơ sở quy hoạch cấp ủy Đảng; lấy quy hoạch cấp dưới làm cơ sở cho quy hoạch ở cấp trên, bảo đảm sự liên thông, gắn kết giữa quy hoạch của các bộ phận trong một đơn vị và giữa các đơn vị trong Học viện. Ngoài tiêu chuẩn về chuyên môn cho từng cấp lãnh đạo của Học viện được quy định trong quy chế bổ nhiệm cán bộ, Học viện đặc biệt quan tâm đến những tiêu chuẩn khác đối với cán bộ quản lý, đó là: những người trong diện quy hoạch phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực tổ chức, vận động cán bộ, công chức, viên chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của Nhà trường; Gương mẫu về đạo đức, lối sống. Có tinh thần đoàn kết, tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có tác phong làm việc dân chủ, khoa học; có kiến thức và kỹ năng lãnh đạo, quản lý; có triển vọng phát triển tốt; Có sức khỏe tốt; có độ tuổi phù hợp (nam không quá 55 tuổi đối với nam, không quá 50 tuổi đối với nữ). Quy hoạch phải đảm bảo tối thiểu có 02 đến 03 người vào 01 chức danh; không quy hoạch 01 người cho 01 chức danh; không quy hoạch 01 người vào quá 03 chức danh. [5.1-5]

Quy trình quy hoạch được tiến hành thực hiện công khai dân chủ, đúng quy định đối từng chức danh lãnh đạo các cấp của Học viện. [5.1-6]

Học viện đã tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý các cấp cho phù hợp với chức năng nhiệm vụ và điều kiện của Học viện. [5.1-7]

Kết quả Học viện đã quy hoạch: chức danh Giám đốc quy hoạch được 03 đ/c; chức danh Phó giám đốc quy hoạch được 06 đ/c; chức danh cấp trưởng các đơn vị trực thuộc giám đốc quy hoạch được 73 đ/c; chức danh cấp phó các đơn vị trực thuộc giám đốc quy hoạch được 102 đ/c [5.1-8]

Các tiêu chí và quy trình bổ nhiệm cán bộ quản lý được quy định rõ trong quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ của Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí

Minh, và được phổ biến đến từng đơn vị. Quá trình triển khai Quy trình bổ nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện công khai, dân chủ, rõ ràng, minh bạch và đúng quy định. [5.1-9].

2. Điểm mạnh

Học viện đã thực hiện tốt quy trình bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp; Cán bộ được bổ nhiệm và cán bộ trong quy hoạch đáp ứng được các tiêu chuẩn theo quy định của Nhà nước và của Học viện.

3. Tồn tại

Chưa có kế hoạch dài hạn bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2016, Học viện xây dựng và triển khai kế hoạch dài hạn bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 5.2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được đảm bảo các quyền dân chủ trong trường đại học.

1. Mô tả

Để đảm bảo các quyền dân chủ của cán bộ, giảng viên Học viện đã có các hoạt động sau:

Học viện đã ban hành quy chế tạm thời về thực hiện dân chủ trong các hoạt động của Học viện[5.2- 1]. Trong đó quy định rõ quyền lợi, trách nhiệm của lãnh đạo Học viện, của từng cán bộ, giảng viên; cơ chế kiểm tra, giám sát thực hiện quy chế dân chủ.

Các lĩnh vực hoạt động của Học viện đều được công khai để cán bộ, giảng viên biết, triển khai và giám sát như hoạt động đào tạo, bồi dưỡng; Hoạt động nghiên cứu khoa học; các vấn đề liên quan đến chế độ chính sách đối với cán bộ, giảng viên của Học viện; Kinh phí hoạt động và quyết toán kinh phí hàng năm của Học viện; Kết luận của các cuộc họp giao ban Ban giám đốc hàng tuần

v.v...[5.2-2].

Trước khi ban hành chính thức các văn bản quan trọng liên quan đến hoạt động quản lý của Nhà trường, Học viện đều thông báo rộng rãi để lấy ý kiến đóng góp của cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên trong Học viện như: Chức năng, nhiệm vụ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Quy chế làm việc của Học viện; Quy chế giảng viên; Quy định về chế độ làm thêm giờ của viên chức, người lao động; Quy chế thi đua, khen thưởng v.v.. [5.2- 3]

Hàng tháng, Học viện tổ chức các cuộc họp: Phổ biến nghị quyết Đảng ủy, giao ban cán bộ quản lý, họp Chủ tịch công đoàn các đơn vị. Qua các cuộc họp này, Bí thư chi bộ, cán bộ quản lý được thông báo kết quả hoạt động của Học viện và thảo luận, bàn bạc chương trình hoạt động trong tháng tới. Đồng thời, được phản ánh mọi ý kiến đóng góp từ các đơn vị lên lãnh đạo Học viện. Lãnh đạo Học viện đã lắng nghe và kịp thời giải đáp, giải quyết những thắc mắc, kiến nghị, vừa đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường, vừa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cán bộ, giảng viên và nhân viên trong Học viện.[5.2- 4]

Hàng năm, Học viện tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức. Tại Hội nghị này, toàn thể cán bộ, giảng viên và nhân viên được nghe báo cáo tổng kết năm học; báo cáo công tác tài chính; báo cáo tổng hợp các ý kiến góp ý từ các đơn vị cho báo cáo tổng kết của Học viện; báo cáo kết quả hoạt động của ban Thanh tra nhân dân; được thảo luận, bàn biện pháp thực hiện kế hoạch công tác năm tới của Học viện và được biểu quyết thông qua nghị quyết Hội nghị. Đồng thời qua Hội nghị, toàn thể cán bộ, giảng viên và nhân viên được bày tỏ nguyện vọng cá nhân, góp ý về các hoạt động của Nhà trường. Lãnh đạo Học viện tiếp thu ý kiến đóng góp và giải đáp những thắc mắc, đề nghị của cán bộ, giảng viên, nhân viên trước toàn thể Hội nghị. [5.2-5]

Hàng năm, Lãnh đạo Học viện tổ chức đối thoại với sinh viên để nghe và trao đổi giải quyết những vấn đề liên quan đến giảng dạy, học tập, rèn luyện, các chế độ, chính sách và những vấn đề khác liên quan đến người học v.v.. [5.2-6]

Với nhiều hình thức và cách thức tổ chức thực hiện quy chế dân chủ như trên, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã xây dựng được môi trường làm việc

thực sự dân chủ, đảm bảo tất cả cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên đều được biết, được bàn và được kiểm tra các hoạt động của Học viện. Mọi kiến nghị, thắc mắc của cán bộ, giảng viên đã được lãnh đạo Học viện giải đáp, giải quyết, điều chỉnh kịp thời, thỏa đáng... Vì vậy, cho đến nay Ban Thanh tra nhân dân Học viện chưa nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo của cán bộ, giảng viên và nhân viên trong nhà trường. [5.2- 9].

Tuy nhiên, vẫn còn một số ít cán bộ, giảng viên chưa phát huy quyền dân chủ của mình: chưa mạnh dạn đối thoại trực tiếp với các cấp lãnh đạo Học viện. Nguyên nhân là do chưa nhận thức đầy đủ về quyền dân chủ của mỗi cá nhân trong nhà trường, do tâm lý e dè, ngại va chạm v.v...

2. Điểm mạnh

Học viện đã thực hiện quyền dân chủ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên thông qua các hoạt động và bằng nhiều hình thức khác nhau.

3. Tồn tại

Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Học viện mới tạm thời.

4. Kế hoạch hành động

Cuối năm học 2016- 2017, rà soát ban hành chính thức Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Học viện.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.3. Có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

1. Mô tả

Học viện đã có quy chế về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. [5.3-1] Trong đó quy định rõ nhiệm vụ và quyền lợi của cán bộ trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao độ trình chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

Trong những năm qua, Học viện đã có những chính sách và biện pháp để tạo điều kiện cho cán bộ quản lý và giảng viên được tham gia các hoạt động

chuyên môn ở trong và ngoài nước:

Đối với cán bộ quản lý, giảng viên tham gia các chương trình đào tạo dài hạn trong nước: Học viện thực hiện chế độ giảm giờ giảng theo định mức công việc, cho hưởng nguyên lương và phụ cấp, miễn học phí, kinh phí đào tạo nếu theo học tại trường; hỗ trợ học phí nếu học ở các cơ sở đào tạo khác; hỗ trợ một lần sau khi kết thúc khóa học nếu hoàn thành khóa đào tạo đúng hạn.

Đối với cán bộ quản lý, giảng viên vừa hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ có cơ hội chuyên tiếp sinh cũng được Học viện tạo điều kiện để tham gia khóa học. Đối với những cán bộ, giảng viên trẻ đang trong thời gian tập sự có nhu cầu đi học và được thủ trưởng đơn vị đồng ý, Học viện cũng xem xét, tạo điều kiện đi học. Hiện tại có 32 cán bộ, giảng viên được hưởng chính sách trên. [5.3-2]

Đối với cán bộ quản lý, giảng viên tham gia các chương trình đào tạo dài hạn ở nước ngoài, Học viện thông báo các chương trình học bổng du học đến từng đơn vị; gửi thư (công văn) giới thiệu đối với các giảng viên có nhu cầu tìm kiếm các học bổng du học; hỗ trợ làm các thủ tục tiếp cận và tham gia tìm kiếm các nguồn học bổng, như học bổng từ ngân sách nhà nước: Đề án 322 (nay là đề án 911) của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Đề án 165 của Ban Tổ chức Trung ương; Chương trình ký kết giữa hai Đảng cộng sản Việt Nam và Trung Quốc; học bổng Úc v.v... ; tạo điều kiện để cán bộ quản lý, giảng viên đi bồi dưỡng ngoại ngữ trước khi đi du học; đối với cán bộ đi học ở nước ngoài, được hưởng 40% lương theo ngạch bậc; được nâng lương thường xuyên theo quy định nếu có kết quả học tập đạt yêu cầu trở lên; được tính thời gian công tác liên tục. Hiện có 13 cán bộ quản lý, giảng viên hưởng các chế độ này. [5.3-2] .

Hàng năm, ngoài việc tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ như phương pháp giảng dạy tích cực; kiến thức và kỹ năng lãnh đạo quản lý; kỹ năng thiết kế bài giảng điện tử; Về quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ v.v , Học viện còn tạo điều kiện để cán bộ, giảng viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học ở Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ sở giáo dục ở trong và ngoài nước. Kết quả, mỗi năm có hàng trăm lượt cán bộ, giảng viên tham gia các lớp bồi

dưỡng, tập huấn trên [5.3-3]

Ngoài ra, cán bộ, giảng viên còn được Học viện tạo điều kiện thuận lợi để tham gia giao lưu tại các diễn đàn khoa học thông qua các hội thảo do Học viện tổ chức, cũng như hội thảo khoa học khác ở trong và ngoài nước [5.3-4]

Học viện cũng tạo điều kiện để cán bộ, giảng viên được tham gia vào các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở nước ngoài thông qua các chương trình liên kết hợp tác về nghiên cứu, giảng dạy; trao đổi, đào tạo sinh viên, nghiên cứu sinh và giảng viên của Học viện, hoặc chương trình khác.

Đối với các chương trình liên kết hợp tác về nghiên cứu, giảng dạy; trao đổi, đào tạo sinh viên, nghiên cứu sinh và giảng viên của Học viện: Học viện cấp toàn bộ kinh phí cho chuyên đi, hoặc hỗ trợ kinh phí đi lại, làm thủ tục hộ chiếu, visa.

Đối với các chương trình liên quan đến hoạt động chuyên môn do cá nhân cán bộ, giảng viên tự tìm kiếm, Học viện tạo điều kiện về thời gian, hỗ trợ các thủ tục tham gia (hoặc tùy từng trường hợp cụ thể Học viện hỗ trợ phương tiện đi lại, tiền tiêu vặt v.v....)

Hàng năm có nhiều cán bộ quản lý, giảng viên tham gia các chương trình trên. [5.3-5]

Bên cạnh việc cử cán bộ quản lý và giảng viên đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước, Học viện còn khuyến khích, tạo điều kiện để cán bộ, giảng viên tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học. Kết quả đạt được như sau: Từ năm 2011 đến năm 2015 đã có 06 đề tài cấp Nhà nước; 17 đề tài cấp Bộ; 10 đề án xây dựng chương trình 1677 và 485 đề tài cấp cơ sở;..[5.3-6].

Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trong những năm qua Học viện đã có nhiều chính sách và biện pháp để cán bộ quản lý, giảng viên được tham gia các hoạt động chuyên môn ở trong nước và ngoài. Tuy nhiên, Học viện chưa có nhiều biện pháp tích cực để khai thác triệt để các nguồn học bổng của Nhà nước để nhiều cán bộ quản lý, giảng viên tham gia.

2. Điểm mạnh

Học viện đã có nhiều biện pháp để hỗ trợ cho cán bộ quản lý và giảng

viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở ngoài nước.

3. Tồn tại

Học viện chưa có nhiều biện pháp để khai thác triệt để nguồn học bổng của nhà nước để nhiều cán bộ, giảng viên tham gia.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2016 và những năm tiếp theo, Học viện triển khai kế hoạch bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho giảng viên để có năng lực khai thác triệt để các nguồn học bổng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.4. Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

1. Mô tả

Hiện tại, Học viện có 86 cán bộ quản lý các cấp. Trong đó, có 16 Phó giáo sư (chiếm 18,6%), 41 Tiến sĩ (chiếm 47,7%), 25 thạc sĩ (chiếm 29,1%), 5 cử nhân (chiếm 5,8%); 77, 91% cán bộ quản lý có trình độ lý luận chính trị cao cấp và cử nhân chính trị.

Trưởng các khoa, ban, viện nghiên cứu trong Học viện đều có trình độ tiến sĩ (trong đó có 6 đồng chí có học hàm phó giáo sư)[5.4-1].

100% lãnh đạo Học viện có học hàm phó giáo sư, học vị tiến sĩ; có trình độ cao cấp lý luận chính trị và quản lý nhà nước chương trình chuyên viên cao cấp; có phẩm chất chính trị; đã kinh qua nhiều chức vụ quản lý nên có nhiều kinh nghiệm trong quản lý nhà trường. Lãnh đạo Học viện đã thể hiện vai trò tiên phong, gương mẫu trong việc lãnh đạo nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, được tập thể cán bộ tin nhiệm. Nhiều năm, lãnh đạo Học viện đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Bộ; được khen thưởng trong hoạt động nghiên cứu khoa học, công đoàn v.v... Học viện nhiều năm được công nhận là tập thể lao động xuất sắc, cờ thi đua của Chính phủ, đơn vị điển hình tiến tiến...[5.4-2]

Cán bộ quản lý các cấp của Học viện 100% là đảng viên, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, tích cực học tập, tu dưỡng, rèn luyện, có ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết, luôn tôn trọng đồng chí, đồng nghiệp; luôn gương mẫu trong công việc, không có đồng chí nào vi phạm quy chế dân chủ, vi phạm những điều đảng viên không được làm.

Kết quả, năm học 2014 - 2015: 100% cán bộ quản lý được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ - đạt danh hiệu lao động tiên tiến; nhiều cán bộ quản lý đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Bộ. [5.4-3]

Ngoài ra, hằng năm, Đảng ủy và Công đoàn Nhà trường cũng đánh giá xếp loại đảng viên và đoàn viên công đoàn. Kết quả, 100% cán bộ quản lý được đánh giá là đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ. [5.4-4].

Năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ quản lý Học viện được thể hiện trong kết quả điều hành công việc ở đơn vị được phụ trách và sự ủng hộ, hợp tác của cán bộ, viên chức trong đơn vị. Trong đó có nhiều tập thể lao động xuất sắc được tặng thưởng Huân chương lao động, Cờ thi đua cấp Bộ, Bằng khen của Chính phủ... Cho đến nay chưa có đơn thư phản ánh, tố cáo, khiếu nại có liên quan đến năng lực quản lý, điều hành, chỉ đạo chuyên môn và phẩm chất đạo đức của cán bộ lãnh đạo, quản lý. [5.4-5]

Có thể khẳng định đội ngũ cán bộ quản lý của Học viện có ý thức chính trị, phẩm chất đạo đức tốt, thể hiện tốt năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, một số cán bộ quản lý mới được bổ nhiệm, chưa có nhiều kinh nghiệm quản lý, chưa được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục nên trong điều hành công việc của đơn vị còn gặp những khó khăn nhất định.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ quản lý đã thể hiện tốt năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Tồn tại

Một số cán bộ quản lý mới được bổ nhiệm kinh nghiệm quản lý còn hạn chế, chưa được bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016, Học viện tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục cho các cán bộ quản lý mới được bổ nhiệm.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 5.5. Có đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học; đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỷ lệ trung bình sinh viên / giảng viên.

1. Mô tả

Tổng số giảng viên cơ hữu hiện nay của Học viện là: 246. Trong đó có 01 giáo sư; 33 phó giáo sư, tiến sĩ; 64 tiến sĩ; 131 thạc sĩ; 20 cử nhân.[5.5-1]

Để nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng ngoài số giảng viên cơ hữu, Học viện còn mời các giảng viên là các chuyên gia có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong giảng dạy, nghiên cứu và hoạt động thực tiễn ở các trường đại học, viện nghiên cứu, các cơ quan Báo chí truyền thông và các cơ quan khác trong cả nước và quốc tế tham gia giảng dạy. Tổng số giảng viên thỉnh giảng hiện nay là: 209. Trong đó có 02 chuyên gia nước ngoài, 06 giáo sư, 69 phó giáo sư, 76 tiến sĩ, 38 thạc sĩ, 18 cử nhân.[5.5-2]

Tổng số giảng viên cơ hữu, giảng viên thỉnh giảng, giảng viên quốc tế quy đổi của Nhà trường theo tỷ lệ của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định là: 365,38 giảng viên [5.5-3]

Hiện nay, Học viện có 13 ngành đào tạo đại học, 11 ngành đào tạo thạc sĩ và 3 ngành đào tạo tiến sĩ. Năm học 2014-2015, tổng số sinh viên đại học hệ tập trung: 6.767, hệ vừa làm vừa học: 5.166; số học viên đang học cao học: hệ tập trung 171, hệ không tập trung: 471; số học viên đang học nghiên cứu sinh: 33 [5.5-4].

Tỷ lệ giảng viên quy chuẩn sau khi quy đổi ≈ 25 sinh viên/1 giảng viên

Ngoài công tác giảng dạy, giảng viên của Học viện còn tích cực tham gia nghiên cứu khoa học. Kết quả, từ năm 2011 đến năm 2014, giảng viên của Học viện đã thực hiện được 01 đề tài cấp Nhà nước, 10 đề tài cấp bộ, 113 đề tài cấp cơ sở trọng điểm, 390 đề tài cấp cơ sở[5.5-5].

Đội ngũ giảng viên của Học viện hiện nay cơ bản đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, số giảng viên có học hàm giáo sư, phó giáo sư đều ở độ tuổi cao.

2. Điểm mạnh

Hiện nay đội ngũ giảng viên đảm bảo đủ số lượng để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học.

3. Tồn tại

Tỷ lệ giảng viên có học hàm giáo sư và phó giáo sư còn chưa cao, có nguy cơ giảm mạnh trong thời gian tới.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016 đến năm 2018, Học viện có những cơ chế chính sách động viên và tạo điều kiện cho giảng viên làm thủ tục để đạt chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí

Tiêu chí 5.6. Đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định. Giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định; có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả

Đội ngũ giảng viên của Học viện cơ bản đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định tại Luật Giáo dục đại học và Điều lệ trường đại học.

Tính đến tháng 6/2015, Học viện có 246 giảng viên, trong đó có 01 giáo sư; 30 phó giáo sư, tiến sĩ; 64 tiến sĩ; 131 thạc sĩ; 20 cử nhân. Như vậy, số giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên chiếm 91,87%. Hầu hết giảng viên của Học viện được đào tạo ở các trường đại học có uy tín, đã có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm. Số còn lại thiếu chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm phần lớn là các giảng viên trẻ, vừa tốt nghiệp đại học. Năm 2015, Học viện đã xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho các giảng viên thiếu chứng chỉ NVSP. [5.6- 1].

Ngoài ra 69% giảng viên của nhà trường có trình độ lý luận chính trị trung cấp trở lên (35% có trình độ cao cấp lý luận chính trị). [5.6- 2].

Phân công giảng dạy các môn học của giảng viên được thực hiện từ cấp bộ môn. Lãnh đạo các bộ môn và khoa căn cứ vào chuyên ngành được đào tạo của từng giảng viên để phân công môn học, nhằm đảm bảo giảng viên giảng dạy theo đúng trình độ, chuyên môn được đào tạo, đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ chuẩn theo quy định. [5.6- 3].

Trình độ tin học của đội ngũ giảng viên của nhà trường về cơ bản đáp ứng được nhiệm vụ về đào tạo và nghiên cứu khoa học. Theo thống kê, đến thời điểm hiện tại (tháng 6/2015): 10 giảng viên có trình độ tin học A, 54 giảng viên có chứng chỉ tin học văn phòng trình độ B, 28 giảng viên có chứng chỉ tin học văn phòng trình độ C, 03 giảng viên có chứng chỉ tin học văn phòng trình độ D và 13 có trình độ tin học văn phòng. 100% giảng viên giảng dạy tin học có trình độ thạc sĩ CNTT. Đa số giảng viên của trường sử dụng máy tính thành thạo để tra cứu thông tin trên mạng internet, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học [5.6- 6]. Tần suất sử dụng tin học thường xuyên là 87% [5.6- 7].

Về trình độ ngoại ngữ, có 41 giảng viên được đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài, 07 giảng viên đạt chứng chỉ IELTS, TOEFT và 45 giảng viên có trình độ cử nhân, thạc sĩ ngoại ngữ; 32 giảng viên có trình độ ngoại ngữ C và sau C; 30 giảng viên có trình độ ngoại ngữ B1, B2 khung tham chiếu Châu Âu và chưa có trình độ ngoại ngữ. (155/246 giảng viên có trình độ ngoại ngữ = 63%) [5.6 -7].

Tuy nhiên, trên thực tế số giảng viên sử dụng thành thạo ngoại ngữ trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học còn hạn chế. Số giảng viên sử dụng ngoại ngữ, thường xuyên trong giảng dạy hoặc tra cứu tài liệu khoảng 30,4%. [5.6 -8].

2. Điểm mạnh

Hiện tại đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn theo quy định.

3. Tồn tại

Trình độ ngoại ngữ của một số giảng viên còn chưa đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Cuối năm 2016 và những năm tiếp theo, Học viện triển khai kế hoạch bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho giảng viên theo Đề án ngoại ngữ Quốc gia 2020.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí

Tiêu chí 5.7. Đội ngũ giảng viên được đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hoá của đội ngũ giảng viên theo quy định.

1. Mô tả

Để thực hiện sứ mạng và mục tiêu phát triển của Học viện, trong những năm qua, Học viện luôn chú trọng đến chính sách phát triển đội ngũ giảng viên. Đội ngũ giảng viên được đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hóa của đội ngũ giảng viên.

Hiện tại số giảng viên cơ hữu của nhà trường tính đến tháng 6/2015 là 246.

Về độ tuổi : Dưới 30 tuổi có 33 người (tỷ lệ 13,41 %); từ 31 - 40 tuổi có 111 người (tỷ lệ 45,12 %); từ 41 - 50 có 40 người (tỷ lệ 16,26 %); từ 51 -trên 60 có 62 người (tỷ lệ 25,20 %). Số giảng viên trẻ dưới 40 tuổi là 144 người (58,5%).

Về kinh nghiệm công tác chuyên môn: dưới 10 năm là 84 người (tỷ lệ 34,15%); từ 10 - 20 năm là 97 người (tỷ lệ 39,43%); từ 21đến 30 năm là 25 người (tỷ lệ 10,16%); từ 30 năm trở lên là 40 người (tỷ lệ 16,26%).Số giảng viên có kinh nghiệm công tác trên 10 năm là 162 người (65,8%).

Như vậy, mối tương quan giữa đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm với số giảng viên trẻ là tương đối cân bằng[5.7-1].

Nhận thức được đội ngũ giảng viên là nhân tố quyết định đến chất lượng đào tạo và nghiên cứu của Nhà trường, những năm gần đây, Học viện đã tuyển dụng, bổ sung đội ngũ giảng viên trẻ, có trình độ chuyên môn cho Nhà trường. Tỷ lệ giảng viên trẻ dưới 40 tuổi là 144 người (58,5%). Đây là một lợi thế cho việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển năng lực chuyên môn cho đội ngũ giảng viên trẻ. [5.7-2].Tuy nhiên, số giảng viên mới được tuyển dụng còn thiếu kinh nghiệm thực tế và kinh nghiệm giảng dạy.

Nhà trường đã tạo điều kiện để đội ngũ giảng viên trẻ được tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; cập nhật kiến thức mới, nâng cao kỹ năng trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học [5.7-3].

Mặt khác, để giảng viên được rèn luyện trong thực tiễn, nâng cao kiến thức thực tế, gắn giảng dạy lý luận với thực tiễn, qua đó nâng cao chất lượng giảng dạy của Học viện. Học viện khuyến khích và tạo điều kiện để giảng viên đi nghiên cứu thực tế tại các cơ quan Trung ương và các địa phương. [5.7-4].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giảng viên được trẻ hóa, có năng lực, trình độ chuyên môn.

3. Tồn tại

Một số giảng viên trẻ còn thiếu kinh nghiệm thực tế và kinh nghiệm giảng dạy.

4. Kế hoạch hành động

Học viện tiếp tục triển khai kế hoạch đưa giảng viên đi nghiên cứu tại các cơ quan Trung ương và địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí

Tiêu chí 5.8. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đủ số lượng, có năng lực chuyên môn và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả

Hiện tại, Học viện có 17 kỹ thuật viên và nhân viên kỹ thuật. Trong đó có 01 thạc sĩ, 08 cử nhân, cao đẳng 05, trình độ khác 02 được đào tạo cơ bản đúng chuyên môn, đảm bảo đúng đủ số lượng và được bố trí làm việc ở Trung tâm thực hành và Hỗ trợ đào tạo, bộ phận công nghệ thông tin, quản trị mạng - Văn phòng và phòng Quản trị; chuyên trách quản lý, theo dõi hệ thống các thiết bị phục vụ công tác giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và hỗ trợ kỹ thuật cho người sử dụng. [5.8-1]. Hiện nay, đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên trẻ, năng động, nhiệt tình trong công việc; có khả năng sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thành thạo các máy móc, các trang thiết bị hỗ trợ công tác giảng dạy, học tập, nghiên cứu.

Số lượng cán bộ, nhân viên làm việc ở các Ban, Phòng, Văn phòng, Trung tâm và văn phòng các khoa là: 137 trong đó, trình độ thạc sĩ: 65, cử nhân: 44, cao đẳng và trình độ khác: 28 [5.8-2]. Trong giai đoạn hiện nay, đội ngũ này tạm thời đáp ứng các nhiệm vụ được giao: Phục vụ, hỗ trợ cho cán bộ, giảng

viên và sinh viên giảng dạy, học tập và nghiên cứu. [5.8-5]

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên luôn được Học viện quan tâm. Hàng năm, ngoài việc tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên; Học viện còn tạo điều kiện về thời gian và cấp kinh phí để đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên được tham gia vào các lớp tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn về nghiệp vụ như quản trị mạng; quản lý tài chính; thanh tra; đào tạo, khảo thí ...do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ sở giáo dục khác trong và ngoài nước tổ chức. [5.8 -3] Tuy nhiên, số lượng kỹ thuật viên và nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng theo chuyên đề chuyên sâu theo yêu cầu của vị trí công việc chưa nhiều.

Bên cạnh đó, Học viện còn khuyến khích, tạo điều kiện và cấp kinh phí để đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đi học sau đại học để nâng cao trình độ. Từ năm 2012 đến nay có 21 nhân viên kỹ thuật và nhân viên đi học cao học[5.8-4].

Học viện đã lấy ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, sinh viên và cán bộ đồng nghiệp về ý thức trách nhiệm và thái độ làm việc của cán bộ phòng, Ban, Văn phòng Học viện. Kết quả khảo sát cho thấy có trên 80 % hài lòng về ý thức và tinh thần trách nhiệm và thái độ làm việc của các nhân viên trong các phòng, ban, trung tâm [5.8-5].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của Học viện có năng lực chuyên môn, năng động và nhiệt tình trong công việc.

3. Tồn tại

Số lượng kỹ thuật viên và nhân viên tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ chuyên môn sâu chưa được nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2016 và những năm tiếp theo Học viện triển khai bồi dưỡng cho đội ngũ kỹ thuật viên và nhân viên của Học viện theo chức danh chuyên môn của từng vị trí công việc.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí

*** Kết luận về tiêu chuẩn 5:**

Điểm mạnh nổi bật

Học viện đã thực hiện tốt quy trình bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp; Cán bộ được bổ nhiệm và cán bộ trong quy hoạch đáp ứng được các tiêu chuẩn theo quy định của Nhà nước và của Học viện.

Học viện đã thực hiện quyền dân chủ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên thông qua các hoạt động và bằng nhiều hình thức khác nhau.

Học viện đã có nhiều biện pháp để hỗ trợ cho cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở ngoài nước.

Đội ngũ cán bộ quản lý đã thể hiện tốt năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Hiện nay đội ngũ giảng viên đảm bảo đủ số lượng để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học. Đội ngũ giảng viên được trẻ hóa, có năng lực, trình độ chuyên môn. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của Học viện có năng lực chuyên môn, năng động và nhiệt tình trong công việc.

Những tồn tại cơ bản

Học viện chưa có kế hoạch dài hạn bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên. Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Học viện mới tạm thời.

Học viện chưa có nhiều biện pháp để khai thác triệt để nguồn học bổng của nhà nước để nhiều cán bộ, giảng viên tham gia.

Một số cán bộ quản lý mới được bổ nhiệm kinh nghiệm quản lý còn hạn chế, chưa được bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý.

Tỷ lệ giảng viên có học hàm giáo sư và phó giáo sư còn chưa cao, có nguy cơ giảm mạnh giảm nhanh trong thời gian tới.

Trình độ ngoại ngữ của một số giảng viên còn chưa đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của nhà trường. Một số giảng viên trẻ còn thiếu kinh nghiệm thực tế và kinh nghiệm giảng dạy.

Số lượng kỹ thuật viên và nhân viên tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ chuyên môn sâu chưa được nhiều.

Tiêu chuẩn 5 có 08 tiêu chí đạt yêu cầu

Tiêu chuẩn 6: Người học

Mở đầu

Ở Học viện Báo chí và Tuyên truyền, người học được hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo, đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Người học được bảo đảm chế độ chính sách xã hội, được khám sức khỏe theo quy định y tế học đường; được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của nhà trường. Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học tại Học viện được thực hiện có hiệu quả. Công tác Đảng, đoàn thể có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống người học. Học viện có biện pháp cụ thể, có tác động tích cực để hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học. Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng pháp luật, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và các nội quy của nhà trường cho người học. Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng pháp luật, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và các nội quy của nhà trường cho người học. Học viện có nhiều hoạt động hỗ trợ hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo. Người học có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp. Tuy vậy, trong năm đầu sau khi tốt nghiệp, chưa đến 50% người tốt nghiệp tìm được việc làm đúng ngành được đào tạo. Người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường đại học trước khi tốt nghiệp.

Tiêu chí 6.1. Người học được hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Mô tả

Học viện luôn luôn chú trọng đến công tác hướng dẫn về chương trình đào tạo, kiểm tra, đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo cho người học một cách đầy đủ thông qua các kênh sau đây:

Ngay trước các kỳ tuyển sinh hàng năm, các thông tin về chương trình về đào tạo, thi tuyển sinh, kiểm tra, đánh giá được chuyển tải đến học sinh phổ thông qua công tác tư vấn tuyển sinh tại các Hội trại tư vấn trực tiếp trong thành phố Hà Nội. Các nội dung tư vấn này tiếp tục được cập nhật thường xuyên trên các trang thông tin tuyển sinh của Website Học viện [6.1-1].

Thông qua Chương trình “Tuần Sinh hoạt công dân HSSV” đầu năm [6.1-2], đầu khóa, người học được Lãnh đạo Ban Quản lý Đào tạo và Phòng Công tác chính trị, Đoàn Thanh niên Học viện phổ biến chi tiết các nội dung các văn bản về Quy chế 43, quy định đào tạo đại học chính quy, Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ và những hiểu biết về chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra các ngành học, mục tiêu đào tạo, nhiệm vụ năm học [6.1-3], Quy chế 42 về công tác HSSV [6.1-4]. Năm học 2014 - 2015, Học viện đã phổ biến và quán triệt thêm nội dung của Nghị quyết 29 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học [6.1-5] và Quy định về chuẩn đầu ra ngoại ngữ và tin học cho sinh viên từ khóa tuyển sinh 2012 trở đi [6.1-6]. Các nội dung trên được thể hiện rõ trong chương trình học tập “Tuần Sinh hoạt công dân HSSV” đầu năm, đầu khóa được Giám đốc Học viện phê duyệt và ban hành thực hiện thống nhất cho tất cả các khóa học.

Sau khi được phổ biến chung, người học tiếp tục được tư vấn cụ thể ở các khoa về chương trình, kế hoạch đào tạo, quy định về phương pháp học và phương pháp đánh giá đối với từng môn học. Các nội dung này cũng được Học viện tiếp tục đăng tải trên Website của các phòng, khoa, ban và Học viện.

Định kỳ mỗi học kỳ một lần, Học viện tổ chức gặp gỡ và đối thoại giữa Lãnh đạo Học viện, lãnh đạo các phòng, khoa, ban với đại diện sinh viên của tất cả các lớp trong trường. Tại các buổi gặp gỡ đối thoại này, Ban Giám đốc và lãnh đạo các phòng, khoa, ban trực tiếp trả lời, giải đáp và tư vấn trực tiếp những vướng mắc, kiến nghị của SV liên quan đến chương trình đào tạo, công tác kiểm tra đánh giá. Cùng với các phòng chức năng, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên thường xuyên duy trì tổ chức các diễn đàn trao đổi kinh nghiệm học

tập, chia sẻ tài liệu và phương pháp học tập để cung cấp thêm cho người học những thông tin, hiểu biết cần thiết trong suốt khóa học.

Với phương thức vừa phổ biến, vừa hướng dẫn, vừa tổ chức tư vấn cho người học hiểu biết và nắm bắt các nội dung liên quan về chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá theo nhiều kênh, nhiều cấp, vừa trực tiếp, vừa gián tiếp như trên; người học đã nắm được và hiểu biết những thông tin cơ bản để chủ động xây dựng được kế hoạch, chương trình học tập và rèn luyện của mình.

Học viện đã triển khai đồng bộ các văn bản liên quan đến người học các chương trình đào tạo, quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Học viện. Tuy nhiên, các văn bản chưa được cập nhật đầy đủ trên website của Học viện.

2. Điểm mạnh

Người học được phổ biến, hướng dẫn, học tập đầy đủ các văn bản về chương trình, kế hoạch đào tạo, về kiểm tra đánh giá và các quy định trong Quy chế đào tạo, Quy chế rèn luyện sinh viên cũng như các chủ trương mới của Học viện, của Bộ Giáo dục và Đào tạo qua nhiều kênh khác nhau.

3. Tồn tại

Học viện chưa cập nhật các văn bản liên quan đến công tác đào tạo một cách hệ thống trên Website Học viện và sinh viên cũng chưa có thói quen cập nhật thông tin về hoạt động đào tạo trên hộp thư điện tử của mỗi sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016 - 2017, Học viện công bố đầy đủ các văn bản về chương trình đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ, quy chế đào tạo, quy chế rèn luyện sinh viên và cập nhật các văn bản liên quan đến công tác đào tạo lên website Học viện để người học thuận lợi trong việc tra cứu, tìm hiểu trong quá trình học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 6.2: Người học được bảo đảm chế độ chính sách xã hội, được khám sức khỏe theo quy định y tế học đường; được tạo điều kiện hoạt động, tập

luyện văn nghệ, thể dục thể thao và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của nhà trường.

1. Mô tả

Học viện thực hiện đảm bảo chế độ chính sách xã cho sinh viên: trợ cấp chi phí học tập cho sinh viên là người dân tộc thiểu số, ở vùng khó khăn theo quy định của Nhà nước [6.2-1]; năm học 2014-2015 miễn giảm học phí cho 1605 sinh viên [6.2-2], trợ cấp xã hội, cấp học bổng kỳ II năm học 2014-2015 cho 293 sinh viên với số tiền là 102795000 đồng [6.2-3]; trợ cấp cho học viên học tại trường theo hướng dẫn số 38 của Ban Tổ chức Trung ương [6.2-4] cho học viên cao học khóa 18 là 692.300.000 đồng, NCS khóa 17 là 148.250.000 đồng và sinh viên k34B là 353.050.000 đồng [6.2-4]. Những sinh viên có thành tích nghiên cứu khoa học được Nhà trường khen thưởng kịp thời như nhóm 10 sinh viên đạt được giải nhì đề tài khoa học sinh viên cấp bộ năm 2015 [6.2-5].

Sinh viên học tập giỏi, rèn luyện tốt được nhận học bổng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có 621 em nhận học bổng năm học 2014-2015 [6.2-6], mức học bổng theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hiện nay 10% số sinh viên được nhận học bổng theo mức đóng học phí của từng chuyên ngành đào tạo. Khen thưởng, kỷ luật sinh viên xét duyệt thường xuyên theo Quy chế khen thưởng kỷ luật sinh viên [6.2-7] đã kích thích sinh viên cố gắng học tập và rèn luyện.

Sinh viên được khám sức khỏe định kỳ theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ y tế [6.2-8], triển khai khám sức khỏe cho 100% sinh viên theo quy định y tế học đường. Học viện đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho sinh viên đầu khóa học để xác định tình trạng sức khỏe, bệnh tật của sinh viên. Học viện chăm lo phòng chống dịch bệnh cho sinh viên: có kế hoạch và phổ biến kịp thời và thường xuyên cách phòng chống khi có các dịch bệnh như bệnh sởi, đau mắt đỏ, cúm.

Tất cả sinh viên được tạo điều kiện học tập, nghiên cứu ở thư viện, sử dụng các phòng phương pháp, mượn sách, tài liệu học tập theo quy định về quyền của sinh viên trong Quy chế rèn luyện sinh viên [6.2- 9]

Sinh viên được tham gia các hoạt động như tập luyện văn nghệ để biểu diễn nhân khai giảng năm học mới, tổng kết khóa học, ngày thành lập đoàn TNCS Hồ Chí Minh, ngày Nhà giáo Việt nam 20-10 v.v đã thu hút được đông đảo sinh viên nhiệt tình tham gia, phát hiện những sinh viên có năng khiếu, thành lập đội văn nghệ xung kích của Học viện.

Hàng năm sinh viên tham gia phong trào thể dục thể thao của Học viện tổ chức mỗi năm một lần vào dịp cuối năm, với các hoạt động phong phú như kéo co, bóng đá nam, bóng đá nữ, bóng bàn [6.2-10], cầu lông để chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11, đã tạo ra sân chơi lành mạnh, phát hiện được những sinh viên có thành tích cao. Các lớp đều thành lập đội bóng đá nam, nữ; các khoa thành lập câu lạc bộ sinh viên để rèn luyện nghiệp vụ như: “ Câu lạc bộ Tuyên giáo trẻ” của Khoa Tuyên truyền, “Những nhà lãnh đạo , quản lý tương lai” của Khoa XDD, “câu lạc bộ triết học” của khoa Triết học. Các câu lạc bộ hoạt động đã thu hút sinh viên nhiệt tình tham gia và có tác dụng tốt để rèn luyện nghiệp vụ và các kỹ năng tổ chức, giao tiếp, làm việc nhóm... Các khoa tổ chức đội tình nguyện để thu hút sinh viên tham gia các hoạt động tình nguyện, nhân đạo, từ thiện.

Học viện chú trọng công tác phòng chống cháy nổ, đã thành lập Ban chỉ đạo và Đội phòng chống cháy nổ, cứu nạn thiên tai; tổ chức tập huấn thường xuyên. Học viện tạo môi trường cảnh quan xanh- sạch - đẹp, đã đảm bảo an toàn và thuận lợi cho sinh viên trong khuôn viên của Học viện [6.2.11].

Điểm mạnh của Học viện là đã thực hiện đảm bảo chế độ, chính sách xã hội cho sinh viên và học viên; tạo điều kiện thuận lợi cho người học được tham gia các hoạt động; tập luyện văn nghệ, thể dục, thể thao và đảm bảo an toàn trong khuôn viên nhà trường.

Bên cạnh đó, việc thực hiện chế độ, chính sách xã hội cho sinh viên còn chưa kịp thời với một số trường hợp cụ thể;

Phong trào văn nghệ tổ chức nhiều hoạt động liên tục có ảnh hưởng đến thời gian học tập của sinh viên, phong trào thể dục thể thao tổ chức không

thường xuyên cho nên không khuyến khích được sinh viên có năng khiếu, có thành tích cao phát triển tài năng, tích cực tham gia phong trào.

2. Điểm mạnh

Học viện đã thực hiện đúng chế độ chính sách xã hội, đảm bảo minh bạch và lợi ích của người học. Những trường hợp có vướng mắc được giải thích, hướng dẫn để sinh viên hoàn thiện thủ tục để được hưởng chế độ, chính sách.

Học viện tổ chức nhiều hoạt động phong phú đa dạng như: hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao phù hợp với sinh viên đã tạo ra sân chơi lành mạnh phục vụ học tập và rèn luyện tốt.

3. Tồn tại

Thông tin chế độ chính sách cho sinh viên có lúc chưa kịp thời

Phong trào văn nghệ sinh viên tổ chức liên tục, chưa chú trọng định hướng cho các hoạt động đã ảnh hưởng đến thời gian học tập và giáo dục sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016 - 2017 đổi mới tổ chức các hoạt động văn nghệ sinh viên, hướng dẫn và quản lý chặt chẽ các phong trào văn nghệ để đảm bảo phục vụ học tập, rèn luyện của sinh viên.

Năm học 2016 - 2017, Học viện đảm bảo thông tin kịp thời về chế độ, chính sách và thủ tục hưởng chế độ cho sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.3: Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học được thực hiện có hiệu quả.

1. Mô tả

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng sinh viên được học viện rất coi trọng xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ của nhà trường theo quyết định số 2956 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [6.3-1]. Trong Nghị quyết của Đảng bộ Học viện cũng đã chỉ rõ mục tiêu đào tạo và bồi dưỡng của nhà trường nâng cao ý thức chính trị, củng cố niềm tin của sinh viên vào sự nghiệp

cách mạng do Đảng lãnh đạo. Động viên sinh viên tích cực, sáng tạo, học tập tốt, rèn luyện tốt [6.3-2].

Học viện triển khai kịp thời công tác giáo dục Nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; giáo dục tình hình thời sự trong nước và quốc tế kịp thời; định hướng đúng đắn cho sinh viên trước diễn biến kinh tế - chính trị - xã hội phức tạp. Học viện xây dựng kế hoạch và triển khai giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên trong tuần học tập chính trị đầu khóa [6.3-3], theo quy định của bộ giáo dục và Đào tạo[6.3-4]; hưởng ứng phong trào tuổi trẻ học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ chí Minh do bộ Giáo dục và Đào tạo phát động. Giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống thông qua quá trình học tập và rèn luyện sinh viên, Hướng dẫn, đánh giá việc thực hiện Quy chế rèn luyện sinh viên [6.3-5].

Học viện đã giải quyết vấn đề tư tưởng phát sinh trong quá trình học tập và rèn luyện của sinh viên: tâm trạng phấn khởi, tích cực, thắc mắc, băn khoăn, không yên tâm trong học tập và rèn luyện.

Học viện rất chú trọng công tác rèn luyện chính trị, giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên như trong Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ X của Học viện; trong các cuộc họp triển khai Nghị quyết Đảng ủy hàng tháng, triển khai học tập Nghị quyết của Đảng các cấp cho sinh viên.

Đổi mới việc triển khai chương trình giáo dục chính trị đầu khóa cho sinh viên, tăng cường trao đổi của sinh viên, đưa các nội dung mới làm cho nội dung sinh hoạt hấp dẫn [6.3-5].

Đổi mới nội dung, hình thức giáo dục chính trị, tư tưởng cho sinh viên theo hướng: Tăng cường trao đổi, đối thoại với sinh viên (tháng 5.2014, tháng 1.2015) [6.3-6]. Thông qua các cuộc thi tình hữu ái “*Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*” có 1971 sinh viên tham gia; Tổ chức sinh viên thi viết về người Công an nhân dân [6.3-7]. Tăng cường giáo dục chính trị, đạo đức, lối sống thông qua bài giảng, chương trình học tập, phong trào thi đua “*Tuổi trẻ học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*” của Bộ Giáo dục Đào tạo phát động tháng 4.2014; Thông qua phong trào nhân đạo, từ thiện

đề giáo dục sinh viên: sinh viên tham gia hoạt động từ thiện, nhân đạo: hiến máu tháng 5/2015 (hiến được 200 đơn vị máu), giúp đỡ trẻ em ở làng trẻ SOS; tình nguyện giúp đỡ đồng bào miền núi...Chính nhờ đổi mới hình thức, phương pháp đã đem hiệu quả cao trong giáo dục chính trị, tư tưởng cho sinh viên.

Điểm mạnh tổ chức giáo dục chính trị, tư tưởng là thường xuyên kết hợp với giáo dục đột xuất, phối hợp giữa phòng Công tác chính trị với khoa Tuyên truyền và các Khoa có sinh viên để tổ chức giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên đã đem lại hiệu quả.

Ý thức chính trị của sinh viên nâng cao, nhiều sinh viên được kết nạp vào Đảng CSVN. Năm học 2014-2015 có 158 SV, có 328 sinh viên được học lớp nhận thức về Đảng; tư tưởng vững vàng kiên định, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, chế độ XHCN, tích cực học tập và rèn luyện, sinh viên tích cực học tập, có 47 sinh viên có kết quả học tập giỏi toàn khóa học (2011-2025) [6.3-8]. Thu hút được đội ngũ giáo viên, viên chức trong trường lớp tham gia giáo dục chính trị, tư tưởng cho sinh viên.

Bên cạnh đó, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng còn hạn chế là chưa có nhiều hình thức, phương pháp giáo dục có tính chất đặc thù, phù hợp với sinh viên Học viện Báo chí và tuyên truyền, đào tạo theo tín chỉ. Còn 1,2% sinh viên bị kỷ luật đình chỉ học tập, năm học 2014-2015 có 0,27 % sinh viên vi phạm quy chế thi; còn 0,65% sinh viên chưa thực hiện nghiêm nội quy Văn hóa học đường.

2. Điểm mạnh

Học viện đã đổi mới nội dung và hình thức giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên nên đem lại hiệu quả giáo dục cao.

3. Tồn tại

Chưa có nhiều phương pháp, hình thức giáo dục chính trị, tư tưởng mới, có tính đặc thù phù hợp với đặc điểm sinh viên lý luận và báo chí, trong điều kiện hội nhập và đào tạo theo tín chỉ..

Chưa có biện pháp nâng cao ý thức, trách nhiệm của đội ngũ giáo viên chủ nhiệm, Cán bộ lớp tham gia vào quá trình giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016 - 2017, Phòng Công tác chính trị đổi mới nội dung thông tin thời sự chính sách, pháp luật cho sinh viên.

Tăng cường đối thoại với sinh viên, tổ chức sinh viên tham gia các cuộc thi tìm hiểu, viết về các vấn đề chính trị tư tưởng. Phòng Công tác chính trị phối hợp chặt chẽ với khoa chủ quản để giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên.

Triển khai các hình thức mới trong giáo dục chính trị, tư tưởng cho sinh viên phù hợp với điều kiện thực hiện đào tạo theo tín chỉ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 6.4: Công tác Đảng, đoàn thể có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống người học.

1. Mô tả

Rèn luyện tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Đảng bộ nhà trường. Ngay từ đầu năm học, Đảng uỷ đã có các văn bản chỉ đạo đối với công tác Đoàn thanh niên và công tác rèn luyện chính trị tư tưởng cho người học, phân công cụ thể Đảng uỷ viên phụ trách công tác Đoàn, công tác rèn luyện chính trị tư tưởng [6.4-1].

Học viện rất quan tâm đến công tác phát triển Đảng nói chung và phát triển Đảng trong học viên, sinh viên nói riêng, đây là môi trường tốt giúp cho sinh viên rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống, là một trong những thế mạnh của trường, Quy định về việc chuyển sinh hoạt Đảng và quy trình phấn đấu trở thành Đảng viên được phổ biến đầu mỗi khóa học, năm học [6.4-2]. Hàng năm Đảng uỷ mở các lớp “Tìm hiểu về Đảng” cho các đoàn viên ưu tú. Số người học được tham gia các lớp “Tìm hiểu về Đảng” ngày càng tăng, số lượng người học được kết nạp vào Đảng nhiều, cụ thể: năm 2012

có 149 sinh viên được kết nạp Đảng, năm 2013 có 243 sinh viên, năm 2014 có 148 sinh viên.

Đảng uỷ luôn quan tâm, chỉ đạo Phòng Công tác chính trị thường xuyên phối hợp với Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên tổ chức định kỳ tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị, tư tưởng cho người học [6.4-3], đặc biệt tổ chức buổi đối thoại trực tiếp giữa Ban Giám đốc với sinh viên để lắng nghe, trao đổi và trả lời trực tiếp những thắc mắc của sinh viên [6.4.4]. Sinh viên khoá mới nhập trường đều được sắp xếp lịch học chính trị đầu khoá trong tuần đầu năm học, chính vì vậy các đối tượng sinh viên của trường hiểu được quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong suốt thời gian theo học tại trường [6.4-5]. Nhiều người học có quá trình phấn đấu, rèn luyện tốt được Nhà trường, Đoàn trường, Hội Sinh viên và Đoàn cấp trên khen thưởng và được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam [6.4-6].

Các phong trào Đoàn và Hội luôn được Đảng uỷ, Ban Giám đốc Học viện quan tâm, hỗ trợ kinh phí hoạt động và động viên kịp thời. Tỷ lệ người học là đoàn viên sinh viên được khen thưởng trong các phong trào rèn luyện tư tưởng đạo đức và lối sống; tỷ lệ người học mắc các sai phạm về lối sống bị phê bình, khiển trách, vi phạm quy chế rèn luyện tư tưởng và đạo đức; tỷ lệ người học được kết nạp Đảng hàng năm đều được thể hiện qua các báo cáo của nhà trường [6.4-7].

Các hoạt động của Đoàn thanh niên và Hội sinh viên được tổ chức trên nhiều lĩnh vực khác nhau. đều nhận được sự ủng hộ vô cùng tích cực từ người học, giúp người học có thái độ đúng đắn và tinh thần phấn đấu để trở thành Đảng viên [6.4-8]. Trong năm vừa qua Đoàn trường đã giới thiệu cho Đảng uỷ trường 250 đoàn viên ưu tú tham gia lớp tìm hiểu về Đảng và giới thiệu cho Đảng uỷ 149 đoàn viên đã qua lớp tìm hiểu về Đảng để xem xét và kết nạp vào Đảng Cộng Sản Việt Nam [6.4-9].

Các hoạt động giáo dục chính trị, tình nguyện, nhân đạo của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên được đẩy mạnh như tình nguyện Tiếp sức mùa thi, Mùa hè xanh, quyên góp ủng hộ đồng bào bị thiên tai.... Phong trào hiến máu nhân đạo được người học ủng hộ và nhiệt tình tham gia. Trong các năm học,

người học đều tham gia hiến máu với quy mô lớn và được Ban chỉ đạo vận động hiến máu tình nguyện Thành phố Hà Nội ghi nhận và đánh giá cao [6.4-10]. Các hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên chủ yếu chú trọng xây dựng nhận thức chính trị đúng đắn của đoàn viên - sinh viên, nâng cao tình yêu thương đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau, tăng cường và rèn luyện cho đoàn viên đạo đức, kỹ năng sống; các câu lạc bộ đội, nhóm hoạt động rất tích cực, đóng góp nhiều thành tích cho phong trào xây dựng nếp sống văn minh trong môi trường học đường, tạo nên những sân chơi lành mạnh, bổ ích cho sinh viên, tạo điều kiện cho các bạn có nơi thể hiện nhiệt huyết sức trẻ, tránh xa tệ nạn xã hội. Bên cạnh đó là các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, giúp đời sống sinh viên trở nên phong phú hơn, lành mạnh hơn. Các hoạt động, các phong trào hành động của Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên trường đã tạo điều kiện cho người học rèn luyện, cống hiến và trưởng thành, nhanh chóng có việc làm sau khi ra trường. Không có sinh viên vi phạm pháp luật, số sinh viên tình nguyện tham gia các công tác xã hội, hoạt động vì cộng đồng, số sinh viên có kết quả rèn luyện từ tốt trở lên ngày càng nhiều [6.4-11]. Trong nhiều năm, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên Học viện được nhận Bằng khen của Trung ương Đoàn, Trung ương Hội sinh viên, Đoàn khối về Thành tích xuất sắc trong công tác đoàn và phong trào thanh niên [6.4-12].

Công tác Đảng, đoàn thể trong Học viện đã có tác dụng tích cực trong việc giáo dục tư tưởng chính trị, rèn luyện tu dưỡng đạo đức và lối sống lành mạnh trong sinh viên. Giúp sinh viên gắn kết được tinh thần đoàn kết bạn bè, giúp đỡ nhau trong học tập và cùng nhau phấn đấu để trở thành người có ích trong xã hội. Tổ chức đoàn thể đã phát huy được sức mạnh tập thể, xây dựng thành công khối đại đoàn kết, giữ vững tính ổn định chính trị.

2. Điểm mạnh

Đảng ủy quan tâm phát triển sớm đối tượng Đảng trong sinh viên ngay từ những năm đầu, tạo môi trường, động lực cho người học rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống. Những sinh viên ưu tú được đứng vào hàng ngũ của Đảng đã phát huy tốt vai trò nòng cốt trong phong trào sinh viên.

Kết quả phát triển Đảng hằng năm luôn ổn định và có xu hướng tăng cho thấy Đảng bộ Trường rất quan tâm đến công tác phát triển Đảng trong sinh viên.

Phong trào Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên đã thu hút đông đảo đoàn viên, sinh viên tham gia. Đảng ủy và Ban Giám đốc đã có các biện pháp tích cực để hỗ trợ cho Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên trong các hoạt động.

3. Tồn tại

Còn một số hoạt động chỉ mang thuần túy tính giải trí chưa hướng tới mục tiêu giáo dục, nội dung chưa bám sát nhu cầu, chưa đáp ứng nguyện vọng của người học.

Việc tổng kết, rút kinh nghiệm từ các hoạt động còn hạn chế. Chưa thực sự đưa ra được các giải pháp cho các chương trình sau.

Một bộ phận nhỏ sinh viên vẫn chưa quan tâm nhiều đến hoạt động Đoàn, Hội sinh viên trong trường, chưa nhận ra tầm quan trọng của công tác chính trị, tư tưởng, chưa có lối sống tích cực.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục chăm lo, phát triển và khẳng định vai trò quan trọng của tổ chức Đảng, Đoàn thể trong Học viện có tác dụng rất tốt trong việc rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học.

Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi để giúp Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên tổ chức các hoạt động phong trào một cách thường xuyên và sáng tạo hơn, hướng các hoạt động đi vào chiều sâu.

Cải tiến về nội dung, hình thức trong công tác giáo dục, bồi dưỡng rèn luyện chính trị, tư tưởng, phẩm chất đạo đức. Triển khai chuyên đổi hình thức sinh hoạt đoàn, hội theo các lớp học tín chỉ phù hợp hơn nữa.

Xây dựng các chương trình, hoạt động, tích cực tuyên truyền, giáo dục nhằm bồi dưỡng rèn luyện chính trị, tư tưởng, phẩm chất đạo đức cho người học bằng nhiều hình thức để đạt kết quả cao nhất.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 6.5 Biện pháp cụ thể, có tác động tích cực để hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học.

1. Mô tả

Học viện đã triển khai các biện pháp cụ thể, phù hợp có tác động tích cực hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học. phổ biến thường xuyên, kịp thời quy chế và thực hiện quy nghiêm túc Quy chế đào tạo, Quy chế công tác sinh viên, Quy chế học sinh, sinh viên nội trú của bộ Giáo dục và Đào tạo đã tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên học tập [6.5-1].

Nhà trường có cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho sinh viên là con em dân tộc thiểu số, các tỉnh miền Nam thuộc diện được ở Ký túc xá theo qui định của Giám đốc Học viện [6.5-2]

Học viện đã khai thác, sử dụng hiệu quả hệ thống giảng đường được trang bị máy tính và máy chiếu đa năng, phục vụ cho sinh viên học tập, nghiên cứu: 160 lượt lớp/ngày, lớp học buổi tối, sinh viên ôn tập, thực hành nghiệp vụ. Sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng hiệu quả hệ thống Thư viện hiện đại, gồm nhiều phòng chức năng, với các chủng loại sách phong phú, đáp ứng tốt nhu cầu nghiên cứu, học tập của giảng viên, sinh viên. Sinh viên được tạo điều kiện tiếp cận được hệ thống báo chí, sách trên thư viện, trang thông tin của Nhà trường với: 240 tờ báo, có 14000 đầu sách, 63000 bản sách tiến việt và sách ngoại văn; mỗi năm thư viện bổ sung 410 đầu sách mới.

Học viện trang bị thêm máy chiếu ở các phòng học, sử chữa kịp thời các máy móc hư hỏng để phục vụ tốt cho sinh viên học tập. Phát huy hiệu quả sử dụng phòng máy tính phục vụ học tập tin học và ngoại ngữ, 2 phòng diễn giảng phục vụ sinh viên thực hành nghiệp vụ, 1 Studio truyền hình liên tục được nâng cấp về thiết bị chuyên dụng để theo kịp yêu cầu thực tiễn, đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của sinh viên.

Phòng công tác chính trị, Đoàn thanh niên và các khoa đã tích cực triển khai hội thảo phương pháp học ở bậc Đại học, phương pháp học chuyên ngành đã trực tiếp giúp sinh viên học tập tốt [6.5-2]. Các khoa đã hướng dẫn, giúp đỡ sinh viên nghiên cứu khoa học, tạo điều kiện cho sinh viên thực hành nghiệp vụ

và nghiên cứu thực tiễn: khoa báo tạo điều kiện cho sinh viên tham gia vào triển lãm ảnh, báo sóng trẻ, chương trình VOV giao thông..

Học viện quản lý chặt chẽ khu Ký túc xá sinh viên, tạo điều kiện thuận lợi cho 1.500 sinh viên học tập và sinh hoạt, chỉnh trang khuôn viên Ký túc xá, các phòng ở đảm bảo thuận tiện cho sinh viên; sử dụng có hiệu quả sân tập luyện thể dục thể thao, đường chạy, sân khấu ngoài trời tạo điều kiện cho người học.

Học viện khen thưởng kịp thời sinh viên học tập tốt đã thúc đẩy sinh viên học tập, rèn luyện tốt. Thông tin kịp thời về các điều kiện phục vụ ăn ở của sinh viên.

Học viện đã thành lập quỹ hỗ trợ sinh viên để hỗ trợ những sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, sinh viên nghèo vượt khó cho 197 sinh viên trong trường [6.5-3]. Sử dụng Quỹ học bổng hiệu quả đã khuyến khích sinh viên học tập, năm học 2014-2015 đã cấp học bổng cho 621 sinh viên với số tiền là 357.555.000 đồng [6.5-4] , sử dụng Quỹ trợ cấp xã hội để giúp đỡ sinh viên, năm học 2014 - 2015 trợ cấp cho 353 sinh viên với số tiền là 45.9000.000 đồng [6.5-4].

Học viện triển khai phòng chống thiên tai, phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn năm 2015 đảm bảo an toàn cho người học [6.5-5].

Phối hợp với sở Xây dựng Hà Nội để đăng ký nhà ở cho sinh viên [6.5-6].

Đánh giá điểm mạnh là Học viện đã triển khai nhiều biện pháp đồng bộ để giúp đỡ sinh viên học tập và rèn luyện tốt, chú trọng triển khai các biện pháp hỗ trợ về học tập nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Hiện nay số sinh viên ở ký túc xá với số lượng rất ít. Có 1683em chiếm 18,6%, điều kiện ở rất chật trội. Một số lớp học còn thiếu máy chiếu ảnh hưởng đến học tập. Chưa tổ chức được nhà ăn cho sinh viên.

2. Điểm mạnh

Học viện đã triển khai nhiều biện pháp đồng bộ, thiết thực tạo điều kiện cho sinh viên học tập và sinh hoạt; đã qui định cụ thể tiêu chuẩn sinh viên ở Ký túc xá và quản lý chặt chẽ Ký túc xá sinh viên.

Học viện phối hợp với Sở xây dựng Hà Nội tạo điều kiện cho sinh viên thuê nhà khu chung cư sinh viên Mỹ Đình II và Kim Liên, tạo điều kiện cho 278 sinh viên được tham gia đăng ký ở khu chung cư cho sinh viên.

3. Tồn tại

Nhiều sinh viên hiện nay còn nhiều khó khăn về chỗ ở, điều kiện chi tiêu trong cuộc sống hạn hẹp; ở thuê nhà tạm bợ, giá rẻ, điều kiện học tập và sinh hoạt khó khăn.

Chưa tổ chức được nhà ăn cho sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

Đảm bảo thông tin kịp thời về chế độ, chính sách; điều kiện học tập và sinh hoạt của sinh viên.

Năm học 2016-2017, Học viện xây dựng ký túc xá nhà 11 tầng để tạo điều kiện thu hút 1200 sinh viên ở ký túc xá; tăng cường quản lý ký túc xá để tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên học tập.

Năm học 2016, Học viện tổ chức nhà ăn cho sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 6.6. Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng pháp luật, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và các nội quy của nhà trường cho người học.

1. Mô tả

Học viện chú trọng công tác giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh cho sinh viên theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo, theo quyết định số 50/2007/QĐ-BGDĐT [6.6-1].

Học viện đã xây dựng kế hoạch và triển khai kịp thời công tác giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, học tập làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh, văn hóa học đường[6.6-2]; đã thành lập Ban chỉ đạo học tập chuyên đề năm 2015 “ Học tập và làm theo tám gương đạo đức hồ Chí Minh về trung thực trách nhiệm; gắn bó với nhân dân” [6.6-3]. Đã triển khai xuống các khoa, các lớp, ngay từ đầu năm học và trong hội nghị giao ban hàng tháng của Nhà trường; các tổ chức Đoàn, Công đoàn và các chi bộ thường xuyên tiến hành giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh và thực hiện đường lối của Đảng chính sách, pháp luật của nhà nước cho sinh viên[6.6-4].

Học viện giáo dục tinh thần trách nhiệm, tôn trọng pháp luật trong sinh viên, tuyên truyền, giáo dục luật giao thông đường bộ; xác định nội dung cụ thể giáo dục về đạo đức, lối sống lành mạnh, pháp luật cho sinh viên [6.6-4];

Học viện sử dụng nhiều phương thức tuyên truyền giáo dục đạo đức, lối sống, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước: tuyên truyền miệng, hội thảo, báo cáo chuyên đề đạo đức Hồ Chí Minh; giáo dục bằng hệ thống pa nô, áp phích, khẩu hiệu, thông qua phong trào văn hóa, văn nghệ sinh viên, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về đạo đức lối sống. Hình thức giáo dục phong phú với hệ thống 68 khẩu hiệu, pa nô, tranh cổ động trong khuôn viên học viện, 18 buổi báo cáo, trao đổi về đạo đức, lối sống cho sinh viên, qua sinh hoạt đoàn, sinh hoạt lớp góp phần quan trọng vào giáo dục sinh viên[6.6-5]; qua các phong trào tình nguyện, hiến máu[6.6-6], chính vì vậy ý thức rèn luyện đạo đức, lối sống lành mạnh của sinh viên nâng lên, sinh viên tích cực hưởng ứng phong trào học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Phòng Công tác chính trị phối hợp với Đoàn Thanh niên Học viện tổ chức giáo dục sinh viên, vì vậy việc giáo dục được thường xuyên, liên tục, đến với tất cả sinh viên.

Nội dung giáo dục có tính toàn diện và tập trung vào các nội dung giáo dục đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, đạo đức cách mạng, học tập làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, văn hóa học đường, tinh thần trách nhiệm, tự giác, sáng tạo, vượt khó, thực hiện quy chế của học viện cho sinh viên [6.6 - 4].

Đánh giá chung là Học viện đã triển khai giáo dục đạo đức lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng pháp luật, chủ trương, đường lối chính sách của Đảng sâu rộng, thường xuyên đến người học bằng nhiều hình thức, phương pháp khác nhau.

Học viện rất chú trọng công tác giáo dục quy chế cho sinh viên, giáo dục trong tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, sinh hoạt lớp, sinh hoạt đoàn, bảng tin, sách báo trang thông tin của trường, giáo viên chủ nhiệm và giáo viên lên lớp.

Bên cạnh đó vẫn còn biểu hiện giáo dục đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước có lúc còn chung chung, chưa cụ thể, chưa thường xuyên với những nhóm sinh viên nhất định. Giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh cho sinh viên chưa sâu sắc, có lúc chưa phối hợp nhịp nhàng trong giáo dục cho nên còn có sinh viên có hành động đánh nhau, lấy tài sản của bạn, ăn mặc không phù hợp với văn hóa học đường, sinh viên vi phạm quy chế thi, quy chế rèn luyện. Năm học 2014-2015 cảnh cáo 42 sinh viên vi phạm quy chế rèn luyện, buộc sinh viên thôi học 28 em do vi phạm Quy chế công tác sinh viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền. [6.6-7].

Tuyên truyền, giáo dục quy chế của các khoa cho sinh viên chưa thực sự chú trọng, chưa đổi mới hình thức và phương pháp.

2. Điểm mạnh

Học viện chú trọng triển khai tuyên truyền đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, đạo đức, lối sống lành mạnh cho sinh viên thường xuyên, rộng khắp; nội dung giáo dục cụ thể, sâu sắc, hình thức tuyên truyền phong phú đa dạng đã nâng cao được phẩm chất đạo đức và lối sống của sinh viên.

3. Tồn tại

Giáo dục các quy chế chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục với sinh viên; các khoa chưa chú trọng việc giáo dục quy chế cho sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

Vào đầu năm học 2016-2017, phòng Công tác chính trị phối hợp với các khoa, phòng chức năng tăng cường giáo dục quy chế cho sinh viên.

Vào đầu năm học mới 2016-2017, Phòng công tác chính trị đổi mới hình thức, phương pháp giáo dục quy chế, đạo đức, lối sống lành mạnh cho sinh viên phù hợp với đào tạo theo tín chỉ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 6.7: Có các hoạt động hỗ trợ hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

1. Mô tả

Nhà trường đã hình thành tổ Tư vấn hướng nghiệp cho sinh viên thuộc phòng Công tác chính trị.[6.7-1]. Tổ tư vấn có chức năng, nhiệm vụ rõ ràng, xác định rõ các nội dung, phương thức tư vấn việc làm cho sinh viên theo quy định số 6604 của Bộ giáo dục và đào tạo [6.7-2] và quy định số 68 về tư vấn hướng nghiệp cho sinh viên [6.7-3].

Học viện đã hỗ trợ sinh viên học tập đạt kết quả cao, rèn luyện nâng cao trình độ nghiệp vụ, các kỹ năng để có điều kiện khi ra trường tìm kiếm được việc làm phù hợp với ngành nghề được đào tạo.

Học viện đã tổ chức các hội thảo với các báo, Ban tuyên giáo các địa phương để đánh giá công tác phối hợp trong quá trình hướng dẫn sinh viên thực tập [6.7-4].

Học viện phối hợp với các doanh nghiệp, các công ty, các địa phương để giới thiệu việc làm cho sinh viên như: Công ty CP Hàng không, Bệnh viện Đa khoa quốc tế Hải Phòng [6.7-5], Công ty TNHH tư vấn du học Sài Gòn tại Thành phố Hà Nội để tư vấn cho sinh viên học tiếng Nhật và việc làm tại Nhật Bản [6.7- 6], Báo Lao động tuyển dụng nhân viên, Công ty TNHH Truyền thông TAJ Việt Nam [6.7- 7].

Hình thức tư vấn phong phú: Tổ chức hướng dẫn về việc làm cho sinh viên năm thứ 3, năm thứ 4; sử dụng trang website của Học viện, hệ thống pa nô, bảng tin của nhà trường; đối thoại với sinh viên; Mời chuyên gia tư vấn về việc làm, kỹ năng xin việc cho sinh viên. Thông tin nhu cầu, tiêu chí, điều kiện, yêu cầu tuyển dụng. Tổ chức các buổi giới thiệu về kỹ năng phỏng vấn xin việc làm.

Nhận định chung là Học viện đã có nhiều biện pháp hỗ trợ hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo, các biện pháp cụ thể thiết thực với từng khóa, từng lớp, từng sinh viên.

Vấn đề tồn tại là bộ phận tư vấn việc làm mới được thành lập, hoạt động còn nhiều hạn chế, giới thiệu số lượng sinh viên tìm được việc làm chưa nhiều, nội dung tư vấn chưa phong phú. Nhà trường chưa mở rộng liên kết với các địa phương để hỗ trợ người tốt nghiệp tìm được việc làm.

2. Điểm mạnh

Có nhiều hình thức hỗ trợ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo, nội dung tư vấn thiết thực, cụ thể.

3. Tồn tại

Hỗ trợ, tư vấn tìm việc làm phù hợp với ngành nghề được đào tạo với số lượng ít, tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm không tăng.

4. Kế hoạch hoạt động

Đầu năm học 2016-2017, Học viện cùng với các Ban tuyên giáo, các báo, các địa phương tổ chức tổng kết, đánh giá việc giới thiệu, tư vấn việc làm cho sinh viên.

Triển khai kế hoạch phối hợp với các doanh nghiệp, cơ quan, các địa phương để, tư vấn cho sinh viên về tìm việc làm.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí .

Tiêu chí 6.8. Người học có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp. Trong năm đầu sau khi tốt nghiệp, trên 50% người tốt nghiệp tìm được việc làm đúng ngành được đào tạo.

1. Mô tả

Năm học 2012 - 2013 Học viện có khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp khối lý luận bao gồm các ngành: Chính trị học công tác tư tưởng, Lịch sử Đảng, Xây dựng Đảng, Kinh tế chính trị, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Chính trị học [6.8-1]. Để khảo sát khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm của sinh viên tốt nghiệp, bộ phận Đảm bảo chất lượng xây dựng 01 phiếu hỏi về tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp với nhiều tiêu chí khác nhau như: thời gian tìm được việc sau tốt nghiệp, mức độ phù hợp giữa chuyên ngành đào tạo và công việc, mức lương, con đường tìm việc làm sau tốt nghiệp...[6.8-2]. Căn cứ vào dữ liệu về cựu sinh viên do các khoa cung cấp 70% phiếu hỏi được chuyển trực tiếp đến cựu sinh viên, 30% số phiếu hỏi được gửi qua thư điện tử. Tất cả số phiếu hỏi thu về được nhập vào máy tính và xử lý bằng phần mềm thống kê Excel và SPSS. Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên tốt nghiệp các ngành này có khả năng tự tìm việc làm và tự

tạo việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường chiếm hơn 70%, tuy nhiên chưa đến 50% những người tìm việc làm này làm đúng ngành được đào tạo [MC 6.8-3].

Như vậy, chỉ có một số ngành đào tạo thuộc khối lý luận Học viện đã khảo sát tình hình việc làm của cựu sinh viên còn riêng các ngành khối nghiệp vụ như: Báo chí, Phát thanh - truyền hình, Quan hệ công chúng, quảng cáo, Xuất bản, Xã hội học ... Học viện chưa thực hiện được việc này.

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp nhiều khoa đã tìm được việc làm và tự tạo việc làm trong năm đầu cao.

3. Tồn tại

Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp làm đúng chuyên ngành đào tạo chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016 - 2017, Học viện đẩy mạnh hoạt động của bộ phận tư vấn và hỗ trợ việc làm cho sinh viên.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt yêu cầu tiêu chí

Tiêu chí 6.9. Người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường đại học trước khi tốt nghiệp.

1. Mô tả

Từ năm 2012 đến nay, vào đầu mỗi năm học bộ phận Đảm bảo chất lượng Học viện đều xây dựng kế hoạch công tác đảm bảo chất lượng đào tạo Học viện trong đó nêu rõ các nội dung công việc, thời gian dự kiến hoàn thành, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp thực hiện và các sản phẩm cần có. Nội dung hoạt động người học tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học được thể hiện rõ trong bản kế hoạch này[6.9-1]. Như vậy, Học viện đã triển khai hoạt động này được 03 năm với 100% giảng viên mỗi năm được sinh viên đánh giá việc giảng dạy ít nhất một lần. Kết quả đánh giá được thể hiện rõ trong bản báo cáo phân tích kết được chi tiết đến từng giảng viên tương ứng với từng môn học và đối với từng khoa giảng dạy [6.9-2].

Quy trình xây dựng, thiết kế phiếu ngay từ năm đầu tiên đã được Học viện thực hiện nghiêm túc, khoa học. Trước tiên, bộ phận Đảm bảo chất lượng tham khảo các yêu cầu về tiêu chí đánh giá chất lượng giảng dạy theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và tiêu chí đánh giá chất lượng giảng dạy của một số trường đại học đã thực hiện để đề xuất các tiêu chí đánh giá phù hợp với cái chung và những đặc thù của Học viện. Tiếp theo đó, hội đồng khoa học của Học viện họp, góp ý kiến và chỉnh sửa trước khi phiếu được phát tới từng lớp sinh viên [6.9-3]. Sau mỗi một năm, phiếu đánh giá lại được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp hơn. Việc sửa chữa, điều chỉnh này được dựa trên việc phân tích các kết quả đánh giá mà mỗi năm thu được [6.9-4].

Quy trình lấy phiếu được xây dựng khoa học, hợp lý. Trước mỗi đợt lấy phiếu Học viện gửi thông báo và kế hoạch đến các đơn vị, khoa, phòng, ban, trung tâm trong toàn Học viện. Việc phát phiếu được thực hiện bởi một tổ công tác lấy phiếu do Giám đốc ra quyết định [6.9-5]. Dựa vào kế hoạch giảng dạy năm học của Học viện, tổ lấy phiếu sẽ đến từng lớp sinh viên để phổ biến cách thức điền phiếu, phát phiếu và thu phiếu [6.9-6]. Phiếu thu về được làm sạch, mã hóa và nhập vào máy tính bằng phần mềm excel. Việc phân tích, xử lý kết quả được thực hiện nghiêm túc, chính xác bằng phần mềm thống kê SPSS. Kết quả đánh giá được Giám đốc Học viện thông báo đến từng giảng viên, khoa vào thời điểm phù hợp.

Năm học 2014-2015 Học viện đã triển khai hoạt động sinh viên đánh giá chất lượng đào tạo của trường trước khi tốt nghiệp [6.9-7]. Quy trình xây dựng phiếu, thông báo, tổ chức lấy phiếu cũng được thực hiện tương tự như lấy phiếu đánh giá kết thúc môn học. Tuy nhiên đối tượng lấy phiếu cho hoạt động đánh giá này là sinh viên năm cuối cùng của Học viện.

Hoạt động sinh viên đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên được thực hiện qua nhiều năm nên đã rút ra được kinh nghiệm để lần sau làm tốt hơn lần trước.

Hoạt động sinh viên đánh giá chất lượng đào tạo của Học viện trước khi tốt nghiệp năm đầu thực hiện nên chưa có kết quả đánh giá.

2. Điểm mạnh

Sau mỗi đợt sinh viên đánh giá chất lượng giảng dạy môn học, Học viện đều có phân tích, đánh giá những bộ phiếu hỏi nên thông tin thu được luôn có độ chính xác và tin cậy cao.

3. Tồn tại

Việc lấy phiếu được thực hiện thủ công nên khi triển khai trên diện rộng nên một số trường hợp lấy phiếu cho kết quả chưa thật chính xác.

Việc in và phát phiếu đòi hỏi nhiều chi phí tốn kém và mất nhiều công sức.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016 - 2017, Học viện sẽ tích hợp việc lấy ý kiến đánh giá của người học vào phần mềm quản lý đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

*** Kết luận về tiêu chuẩn 6:**

Điểm mạnh nổi bật

Tại Học viện, người học được phổ biến, hướng dẫn, học tập đầy đủ các văn bản về chương trình, kế hoạch đào tạo, về kiểm tra đánh giá và các quy định trong Quy chế đào tạo, Quy chế rèn luyện sinh viên cũng như các chủ trương mới của Học viện, của Bộ Giáo dục và Đào tạo qua nhiều kênh khác nhau.

Học viện đã thực hiện đúng chế độ chính sách xã hội, đảm bảo minh bạch và lợi ích của người học. Những trường hợp có vướng mắc được giải thích, hướng dẫn để sinh viên hoàn thiện thủ tục để được hưởng chế độ, chính sách.

Học viện tổ chức nhiều hoạt động phong phú đa dạng như: hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao phù hợp với sinh viên đã tạo ra sân chơi lành mạnh phục vụ học tập và rèn luyện tốt.

Học viện đã đổi mới nội dung và hình thức giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên nên đem lại hiệu quả giáo dục cao.

Đặc biệt tại Học viện Đảng ủy quan tâm phát triển sớm đối tượng Đảng trong sinh viên ngay từ những năm đầu, tạo môi trường, động lực cho người học rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống. Những sinh viên ưu tú được đứng vào hàng ngũ của Đảng đã phát huy tốt vai trò nòng cốt trong phong trào sinh viên.

- Kết quả phát triển Đảng hằng năm luôn ổn định và có xu hướng tăng cho thấy Đảng bộ Học viện rất quan tâm đến công tác phát triển Đảng trong sinh viên.

- Phong trào Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên đã thu hút đông đảo đoàn viên, sinh viên tham gia. Đảng ủy và Ban Giám đốc đã có các biện pháp tích cực để hỗ trợ cho Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên trong các hoạt động.

Học viện đã triển khai nhiều biện pháp đồng bộ, thiết thực tạo điều kiện cho sinh viên học tập và sinh hoạt; đã quy định cụ thể tiêu chuẩn sinh viên ở Ký túc xá và quản lý chặt chẽ Ký túc xá sinh viên.

Học viện tập trung tiến hành các biện pháp hỗ trợ sinh viên học tập đạt kết quả cao.

Học viện phối hợp với Sở xây dựng Hà Nội tạo điều kiện cho sinh viên thuê nhà khu chung cư sinh viên Mỹ Đình II và Kim Liên, tạo điều kiện cho 278 sinh viên được tham gia đăng ký ở khu chung cư cho sinh viên.

Học viện chú trọng triển khai tuyên truyền đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, đạo đức, lối sống lành mạnh cho sinh viên thường xuyên, rộng khắp; nội dung giáo dục cụ thể, sâu sắc, hình thức tuyên truyền phong phú đa dạng đã nâng cao được phẩm chất đạo đức và lối sống của sinh viên.

Có nhiều hình thức hỗ trợ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo, nội dung tư vấn thiết thực, cụ thể.

Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp nhiều khoa đã tìm được việc làm và tự tạo việc làm trong năm đầu cao.

Sau mỗi đợt sinh viên đánh giá chất lượng giảng dạy môn học, Học viện đều có phân tích, đánh giá những bộ phiếu hỏi nên thông tin thu được luôn có độ chính xác và tin cậy cao.

Những tồn tại cơ bản

Học viện chưa cập nhật các văn bản liên quan đến công tác đào tạo một cách hệ thống trên Website Học viện và sinh viên cũng chưa có thói quen cập nhật thông tin về hoạt động đào tạo trên hộp thư điện tử của mỗi sinh viên.

Thông tin chế độ chính sách cho sinh viên có lúc chưa kịp thời

Phong trào văn nghệ sinh viên tổ chức liên tục, chưa chú trọng định hướng cho các hoạt động đã ảnh hưởng đến thời gian học tập và giáo dục sinh viên.

Chưa có nhiều phương pháp, hình thức giáo dục chính trị, tư tưởng mới, có tính đặc thù phù hợp với đặc điểm sinh viên lý luận và báo chí, trong điều kiện hội nhập và đào tạo theo tín chỉ..

Chưa có biện pháp nâng cao ý thức, trách nhiệm của đội ngũ giáo viên chủ nhiệm, Cán bộ lớp tham gia vào quá trình giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống sinh viên.

- Còn một số chương trình chỉ mang thuần túy tính giải trí chưa hướng tới mục tiêu giáo dục, nội dung chưa bám sát nhu cầu, chưa đáp ứng nguyện vọng của người học.

- Việc tổng kết, rút kinh nghiệm từ các chương trình còn hạn chế. Chưa thực sự đưa ra được các giải pháp cho các chương trình sau.

- Một bộ phận nhỏ sinh viên vẫn chưa quan tâm nhiều đến hoạt động Đoàn, Hội sinh viên trong trường, chưa nhận ra tầm quan trọng của công tác chính trị, tư tưởng, chưa có lối sống tích cực.

Nhiều sinh viên hiện nay còn nhiều khó khăn về chỗ ở, điều kiện chi tiêu trong cuộc sống hạn hẹp; ở thuê nhà tạm bợ, giá rẻ, điều kiện học tập và sinh hoạt khó khăn.

Giáo dục các quy chế chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục với sinh viên; các khoa chưa chú trọng việc giáo dục quy chế cho sinh viên.

Hỗ trợ, tư vấn tìm việc làm phù hợp với ngành nghề được đào tạo với số lượng ít, tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm không tăng.

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp làm đúng chuyên ngành đào tạo chưa cao.

Việc lấy phiếu được thực hiện thủ công nên khi triển khai trên diện rộng nên một số trường hợp lấy phiếu cho kết quả chưa thật chính xác.

Việc in và phát phiếu đòi hỏi nhiều chi phí tốn kém và mất nhiều công sức.

Tiêu chuẩn 6 có 08 tiêu chí đạt yêu cầu và 01 tiêu chí chưa đạt yêu cầu

Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ

Mở đầu

Hiện nay, Học viện đã xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động KH & CN phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường đại học; đó là đào tạo giảng viên lý luận chính trị và cán bộ văn hóa, tư tưởng, báo chí, truyền thông cho Đảng và Nhà nước. Hoạt động khoa học hướng với nghiên cứu những vấn đề về lý luận chính trị, báo chí và truyền thông, định hướng ưu tiên là biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy, sách chuyên khảo, tham khảo phục vụ hoạt động đào tạo của Nhà trường.

Trên cơ sở kế hoạch KH & CN hàng năm, Học viện đã tiến hành nghiệm thu các đề tài và dự án theo đúng quy định. Công tác nghiệm thu đề tài diễn ra đúng qui chế, đạt hiệu quả cao. Chất lượng các công trình khoa học của Học viện được nâng lên rõ rệt.

Học viện hiện có số lượng các bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế tương ứng với số đề tài nghiên cứu khoa học và phù hợp với định hướng nghiên cứu phát triển của Học viện.

Các hoạt động khoa học và phát triển công nghệ của Học viện đã có đóng góp mới cho khoa học trên các lĩnh vực của khoa học lý luận chính trị và báo chí, truyền thông. Trong 5 năm qua, Học viện đã nghiên cứu 05 đề tài Nhà nước, 17 đề tài cấp Bộ và 02 chương trình tổng kết thực tiễn về hoạt động đào tạo giảng viên lý luận Mác - Lênin và Tổng kết hoạt động đào tạo báo chí, truyền thông Việt Nam từ năm 2000 đến nay, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề KT-XH ở địa phương và trên cả nước thông qua các hợp đồng khoa học và công nghệ.

Học viện đã có nhiều chính sách để khuyến khích tăng nguồn thu từ các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, đảm bảo nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ không ít hơn kinh phí của nhà trường dành cho các hoạt động này.

Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Học viện gắn bó chặt chẽ, có mối quan hệ biện chứng với hoạt động đào tạo gắn kết với các viện nghiên cứu khoa học, các trường đại học khác và các doanh nghiệp. Kết quả của các hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp vào phát triển các nguồn lực của trường.

Học viện đã phổ biến những quy định chung của Nhà nước về tiêu chuẩn đạo đức trong nghiên cứu khoa học cho cán bộ giảng viên; có các biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ. Riêng học viên cao học và nghiên cứu sinh, Trường hướng dẫn tuân thủ vấn đề này trong qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về làm luận văn, luận án.

Tiêu chí 7.1: Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động KH & CN phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường đại học

1. Mô tả

Hiện nay, hoạt động khoa học của Học viện tập trung nghiên cứu theo đúng sứ mạng của Học viện là đào tạo giảng viên lý luận chính trị và cán bộ văn hóa, tư tưởng, báo chí, truyền thông cho Đảng và Nhà nước. Hoạt động khoa học hướng vào nghiên cứu những vấn đề về lý luận chính trị, báo chí và truyền thông, định hướng ưu tiên là biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy, sách chuyên khảo, tham khảo phục vụ hoạt động đào tạo của Nhà trường.[7.1.1]; [7.1.2]; [7.1.3].

Để thực hiện mục tiêu trên, Học viện đã xây dựng “***Chiến lược hoạt động khoa học 10 năm của Học viện Báo chí và Tuyên truyền 2006 - 2015***”. Mục đích của Chiến lược hoạt động khoa học là nhằm thực hiện những nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng của Học viện trên hai lĩnh vực trọng yếu: Đào tạo và nghiên cứu khoa học theo tinh thần Nghị quyết của Bộ Chính Trị [7.1.1].

Hàng năm Học viện đều xây dựng Kế hoạch hoạt động khoa học ngắn hạn, trung hạn và dài hạn [7.1.2]. Học viện chủ động định hướng hoạt động NCKH, kế hoạch chiến lược KH&CN giai đoạn 2016 - 2020 cũng đã được xây dựng nằm trong chiến lược chung của nhà trường đã được thông qua và đang

chờ Bộ Khoa học - Công nghệ phê duyệt [7.1.3]. Trong Kế hoạch dài hạn 2016 - 2020, Học viện đã xây dựng những định hướng nghiên cứu lớn về mối quan hệ giữa truyền thông và chính trị; truyền thông về vấn đề biển đảo; tác động của truyền thông, của mạng xã hội đến giới trẻ; truyền thông và vấn đề chính sách công... là những hướng nghiên cứu được Hội đồng Khoa học - Đào tạo nhà trường phê duyệt. Trong các Kế hoạch năm, ví dụ Kế hoạch hoạt động khoa học năm 2015, Học viện tập trung ưu tiên cho việc xây dựng giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ hoạt động đào tạo của Học viện chuyển từ đào tạo niên chế sang đào tạo tín chỉ. Năm 2015, triển khai 138 đề tài cấp cơ sở thực hiện mục tiêu nghiên cứu này ở tổng thể các môn học của nhà trường [7.1.4].

Chủ động về mặt cơ chế quản lý, từ năm 1994, Học viện đã xây dựng “Quy chế quản lý hoạt động khoa học”; Học viện còn ban hành những văn bản quy định rõ chức năng, nhiệm vụ quản lý hoạt động KH - CN của Ban Quản lý khoa học. Quy chế quản lý khoa học của Học viện hiện đang thực hiện là Quy chế được bổ sung, hoàn thiện và có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 11 năm 2011. trong đó quy định các điều khoản cụ thể cho toàn bộ các yếu tố hợp thành hoạt động khoa học trong một trường đại học [7.1.5].

Chủ động về mặt kinh phí, ngoài khoản được cấp từ ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN từ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh khoảng 1.500.000.000 đ và các kinh phí đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ (cụ thể theo tình hình từng năm), Học viện còn dành riêng một khoản kinh phí cho NCKH, từ năm 2011 đến 2014 là 10% tổng kinh phí thu được từ học phí của sinh viên chính qui khoảng từ 2.500.000.000 đồng đến 3.500.000.000 đồng Toàn bộ kinh phí này ưu tiên cho các đề tài viết giáo trình môn học [7.1.2].

Triển khai các chính sách và kế hoạch KH&CN, Ban Quản lý khoa học đã chủ động tổ chức tập huấn cho CBVC trong toàn trường, đồng thời phát hành rộng rãi các quy định hiện hành có liên quan. Ví dụ: Hoạt động thường niên là đầu tháng 2 hoặc tháng 3, Ban QLKH tổ chức Hội nghị thư ký các đơn vị để tổng kết Hoạt động khoa học năm trước và triển khai các hoạt động khoa học năm sau [7.1.6]; Phổ biến rộng rãi các văn bản về hoạt động khoa học - công

nghe: Luật Khoa học - Công nghệ có hiệu lực 1/2014; các Thông báo của Bộ Khoa học - Công nghệ; Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Học viện Báo chí và Tuyên truyền... Hàng năm Học viện đều ban hành Kế hoạch hoạt động khoa học đến các đơn vị trực thuộc.

Quy trình triển khai thực hiện hoạt động KH&CN tiến hành như sau [7.1.6]; Đầu năm học, trường gửi văn bản thông báo và hướng dẫn về hoạt động KH&CN đến các đơn vị trong toàn trường để CBVC và các đơn vị tiến hành đăng ký nhiệm vụ NCKH các cấp [7.1.6]; Trên cơ sở các đăng ký của cá nhân và đơn vị, Học viện thành lập Hội đồng tư vấn để xét chọn đề tài. Đơn vị, cá nhân được xét chọn tiến hành viết và nộp thuyết minh đề tài. Sau khi các đề tài đã được các cấp có thẩm quyền chuẩn y; Học viện tiến hành ký hợp đồng với các chủ nhiệm đề tài; Hết thời hạn đã đăng ký, chủ nhiệm đề tài nộp các sản phẩm và Học viện tiến hành các thủ tục nghiệm thu. Quy trình nghiệm thu được tiến hành theo đúng Quy chế Quản lý khoa học của Học viện [7.1.5].

Mỗi năm, Học viện đều tổ chức Hội nghị Tổng kết hoạt động khoa học của năm trước và phương hướng hoạt động khoa học cho năm sau của Hội đồng Khoa học - Đào tạo nhằm đánh giá các hoạt động KH&CN trong năm, đề xuất các phương hướng khắc phục và phát triển. Các nội dung này được đưa vào nghị quyết hội nghị [7.1-7].

Nhờ đó, hoạt động KH & CN trong 05 năm qua (2011 - 2015) đã đạt được kết quả cao thể hiện qua:

Số lượng, chất lượng các đề tài ngày càng được nâng cao. CBVC nhà trường ngày càng thu hút thêm nhiều đề tài NCKH các cấp. Đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ nghiệm thu đúng hạn đạt tỷ lệ 100%, trên 95% đề tài các cấp được nghiệm thu có kết quả khá và xuất sắc [7.1.7].

Nâng cao chất lượng đào tạo và uy tín cho CBVC nhà trường. Nhiều giảng viên nhà trường đã trở thành những chuyên gia uy tín trong nhiều lĩnh vực quản lý kinh tế và kinh doanh. Nhiều người đã đạt được học hàm, học vị cao thông qua việc nghiên cứu và phổ biến các kết quả NCKH [7.1.8],

Cụ thể, có 289 giáo trình/ tổng số 632 đề tài được triển khai nghiên cứu

trong 5 năm (2011 - 2015). Rất nhiều hoạt động Hội thảo và thông tin khoa học có giá trị cao về khoa học, thu hút được nhiều học giả trong nước và quốc tế tham dự, góp phần quan trọng khẳng định thương hiệu của Học viện Báo chí và Tuyên truyền trong khu vực và trên trường quốc tế. Ví dụ: Hội thảo KHQT: “Báo chí trong quá trình toàn cầu hóa”; “Báo chí điều tra”; “Báo chí về đề tài chiến tranh”; “Đổi mới hoạt động đào tạo giảng viên lý luận chính trị hiện nay”; “Truyền thông với biến đổi khí hậu”; “Bệnh tự kỷ”; “Truyền thông và cây trồng biến đổi gen”... Những hoạt động khoa học này đã thu hút được rất nhiều nhà khoa học trong và ngoài Học viện, CBVC và sinh viên tham gia.

2. Điểm mạnh

Học viện xây dựng tốt “Chiến lược hoạt động khoa học 10 năm 2005 - 2015”; xây dựng tốt các kế hoạch hoạt động khoa học dài hạn 2010 - 2015 và hiện nay là 2016 - 2010, Kế hoạch khoa học hàng năm phù hợp với mục tiêu phát triển từng thời kỳ.

Học viện đã xây dựng hệ thống các văn bản cho hoạt động quản lý khoa học, quy định cụ thể và chi tiết theo hướng dẫn của các cấp quản lý, luôn chủ động và có kế hoạch xây dựng, triển khai và phát triển các hoạt động KH&CN một cách hiệu quả.

Học viện triển khai tốt, có hiệu quả kế hoạch khoa học đã xây dựng. Hoạt động quản lý các hoạt động KH&CN tốt, hiệu quả.

3. Tồn tại

Chưa xây dựng kế hoạch thời gian dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học phù hợp với thời gian dành cho hoạt động giảng dạy

4. Kế hoạch hành động

Trong kế hoạch năm 2016, nhà trường sẽ tập trung vào những hoạt động sau:

Xây dựng định hướng lớn trong hoạt động khoa học đáp ứng yêu cầu phát triển của Học viện

Học kỳ I hàng năm Học viện tổ chức tập huấn, trao đổi cho CBVC về các văn bản pháp quy, kế hoạch nhiệm vụ KH&CN của nhà trường qua từng giai đoạn, từng năm.

Phân cấp hoạt động KH&CN cho các khoa, các ban nhằm nâng cao trách nhiệm; yêu cầu các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN của đơn vị.

Thay thế nguồn kinh phí dành cho hoạt động khoa học từ nguồn kinh phí học phí sang các nguồn kinh phí thu từ hoạt động nghiên cứu và chuyển giao các thành tựu khoa học.

Hướng đến xây dựng mô hình đại học nghiên cứu

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 7.2: Có các đề tài, dự án được thực hiện và nghiệm thu theo kế hoạch.

1. Mô tả

Từ năm 2011 đến 2014, Học viện đã nghiên cứu và nghiệm thu thành công tổng cộng 632 đề tài gồm đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, đề tài cấp cơ sở. Trong đó, đề tài cấp Nhà nước là 6; đề tài cấp Bộ là 17; 10 đề án xây dựng chương trình 1677 và 485 đề tài cấp cơ sở [7.2.1]

So với 5 năm trước đây, hiện nay Học viện thực hiện số lượng đề tài lớn, trung bình 1 năm là 126 đề tài. Đặc biệt, năm 2014, Học viện thực hiện đồng thời 5 đề tài cấp Nhà nước và 7 đề tài cấp Bộ với nhiều dự án thực hiện với Đại sứ quán Đan Mạch và đại sứ quán Đức tại Việt Nam. Năm 2014 là năm hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên đạt được nhiều thành tựu to lớn: 02 đề tài sinh viên đạt giải Nhì cuộc thi “**Tài năng trẻ sinh viên**” do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức. 02 dự án của sinh viên khoa Báo chí và khoa Quan hệ Quốc tế thắng thầu trong cuộc thi Sáng kiến phòng chống tham nhũng do Ngân hàng Thế giới và Thanh tra Chính phủ đồng tổ chức.

Chất lượng các công trình khoa học của Học viện được nâng lên rõ rệt: Trong 5 năm Học viện nghiệm thu 632 Đề tài/ tổng số 632 Hợp đồng nghiên cứu. Trong đó 70 % Đề tài đạt xuất sắc; 28% Đề tài đạt Khá, 2 % Đề tài đạt trung bình. Không có một đề tài nào đạt loại yếu và không đạt chất lượng đề nghiệm thu.

Công tác nghiệm thu đề tài diễn ra đúng qui chế, đạt hiệu quả cao. Từ khâu thành lập Hội đồng, xây dựng cơ cấu Hội đồng đến xây dựng các tiêu chí đánh giá chất lượng, bổ sung, hoàn thiện đề tài sau nghiệm thu để nộp sản phẩm cuối cùng về cơ quan quản lý khoa học xã hội hóa. Thể hiện từ việc thay đổi cơ cấu thành viên Hội đồng nghiệm thu ; Thang điểm đánh giá kết quả nghiên cứu; Yêu cầu viết Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu... [7.2.2].

Hoạt động khen thưởng, kỷ luật nghiêm minh trong hoạt động nghiệm thu đề tài: Với những công trình khoa học nghiệm thu trước tháng 9 hàng năm, Học viện thường ra Quyết định thưởng 10% kinh phí đề tài cho Chủ nhiệm đề tài; phạt 10% với những đề tài chậm tiến độ dưới 1 tháng và cho thanh lý hợp đồng nghiên cứu với những đề tài quá tiến độ sau 25 tháng 12 hàng năm. Tuy nhiên, trong thực tiễn, hoạt động khen thưởng làm tốt hơn hoạt động kỷ luật [7.2.2] .

Trong thực tiễn, thông thường, con số thống kê các công trình khoa học của cơ quan quản lý khoa học thường ít hơn số các công trình khoa học và tần số người tham gia nghiên cứu trong thực tiễn. Đây là một tồn tại thuộc tiêu chí này.

2. Điểm mạnh

Học viện đã triển khai nghiên cứu một số lượng đề tài lớn các cấp, chất lượng đề tài ngày một nâng cao hơn.

Hoạt động nghiệm thu, đánh giá chất lượng các công trình khoa học được thực hiện theo đúng Qui chế quản lý khoa học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền và theo đúng Luật Khoa học Công nghệ.

Học viện có biện pháp chế tài để đảm bảo số lượng đề tài đã đăng ký được nghiệm thu đúng hạn; hoạt động khen thưởng và kỷ luật trong nghiên cứu khoa học thực hiện tốt.

3. Tồn tại

Học viện chưa thống kê đầy đủ số đề tài do giáo viên hợp tác với các đơn vị bên ngoài về chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu.

4. Kế hoạch hành động

Tổ chức thống kê số lượng đề tài nghiên cứu đầy đủ.

Nâng cao hơn nữa chất lượng nghiên cứu và nghiệm thu đề tài trong những năm học tới đây.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 7.3. Số lượng các bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế tương ứng với số đề tài nghiên cứu khoa học và phù hợp với định hướng nghiên cứu phát triển của Học viện

1. Mô tả

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có số lượng công bố kết quả nghiên cứu khoa học lớn trên các tạp chí khoa học. Theo thống kê của Ban Quản lý khoa học: Trung bình, 1 đề tài cấp Nhà nước đăng khoảng 10 bài báo công bố kết quả nghiên cứu, đề tài cấp Bộ khoảng từ 1 đến 3 bài, đề tài cơ sở trọng điểm cũng được một số nhà khoa học xã hội hóa kết quả nghiên cứu bằng đăng bài báo khoa học. Đơn cử, có đề tài: “Cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc xây dựng hệ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp báo chí Việt nam trong quá trình hội nhập” đăng 21 bài báo tính đến thời điểm nghiệm thu đề tài [7.3.1].

Ở giai đoạn 2011 - 2014 bình quân hàng năm cán bộ giảng viên Học viện tham gia viết khoảng bài báo khoa học trong nước, đạt tỷ lệ 700 bài báo/246 giảng viên cơ hữu [7.3.2] .

Trong tổng số các bài báo khoa học đã đăng trên các tạp chí khoa học thì bài báo đăng tạp chí nước ngoài còn ít. Đơn cử, năm 2014, có 1 bài báo đăng tạp chí nước ngoài. Đây cũng là một điểm cần khắc phục trong hoạt động khoa học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Điều này bắt nguồn từ những nguyên nhân chủ yếu như: Các nghiên cứu về khoa học lý luận chính trị rất khó khi công bố trên các tạp chí quốc tế; Ở một bộ phận các nhà khoa học chuyên gia thì kiến thức ngoại ngữ chưa đáp ứng yêu cầu viết bài báo bằng tiếng nước ngoài nên đây cũng là một hạn chế.

2. Điểm mạnh

Học viện công bố được số lượng lớn các bài báo khoa học là kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học hàng năm của Học viện

3. Tồn tại

Số lượng bài báo được gửi đăng ở các tạp chí chuyên ngành quốc tế còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2016 - 2017, Học viện sẽ triển khai thực hiện:

Thông kê đầy đủ số lượng bài báo khoa học hàng năm.

Học viện xây dựng chính sách khuyến khích cho những giảng viên có bài đăng trong các tạp chí nổi tiếng thế giới nhằm gia tăng số lượng bài viết đăng trên các tạp chí quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 7.4: Các hoạt động khoa học và phát triển công nghệ của trường đại học có đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề KT-XH ở địa phương và trên cả nước thông qua các hợp đồng khoa học và công nghệ.

1. Mô tả

Các hoạt động khoa học và phát triển công nghệ của Học viện có nhiều đóng góp mới cho khoa học trên các lĩnh vực của khoa học lý luận chính trị và báo chí, truyền thông. Trong 5 năm qua Học viện đã nghiên cứu 05 đề tài Nhà nước; 17 đề tài cấp Bộ và 02 chương trình tổng kết thực tiễn về hoạt động đào tạo giảng viên lý luận Mác - Lênin và Tổng kết hoạt động đào tạo báo chí, truyền thông Việt Nam từ năm 2000 đến nay [7.4.1].

Các đề tài Nhà nước đóng góp hệ thống tri thức mới về: *Nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng trong thời kỳ mới; Xây dựng đạo đức nghề nghiệp báo chí Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế..* Các đề tài Nhà nước, cấp Bộ đều tập trung đề xuất các kiến nghị giúp Đảng và Nhà nước xây dựng đường lối, chính sách cho phù hợp với thực tiễn. Nhiều đề tài cấp Bộ nghiên cứu về các vấn đề: *Tác động của truyền hình đối với việc thực hiện trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp VN trong giai đoạn hiện nay; Xã hội hóa trong hoạt động xuất bản ở nước ta hiện nay; Tác động hai mặt của hoạt động Quan hệ công chúng ở các tờ báo Lao động, Hà Nội mới, An ninh thế giới, Hoa học trò năm 2011; Văn hóa giao thông đô thị ở nước ta trong giai đoạn hiện*

nay; Xử lý điểm nóng tư tưởng ở nước ta hiện nay; Thực trạng và giải pháp đào tạo nhà báo đa phương tiện ở VN trong giai đoạn hiện nay...

Trên 90% đề tài cấp cơ sở của Học viện có giá trị ứng dụng trong thực tiễn. Nhiều công trình khoa học được xuất bản làm giáo trình cho các viện nghiên cứu, các trường đại học, các báo, đài, tạp chí trung ương và địa phương sử dụng. Đơn cử: Năm 2013 là 37 đề tài giáo trình/ 115 tổng số đề tài Học viện triển khai trong năm; Năm 2014 là 82 đề tài giáo trình/ 126 Tổng số đề tài Học viện triển khai trong năm; Năm 2015 là 88 đề tài giáo trình/ 132 Tổng số đề tài Học viện triển khai trong năm [7.4.1].

Hoạt động nghiên cứu khoa học ở Học viện Báo chí và Tuyên truyền không chỉ phục vụ đắc lực cho sự nghiệp đào tạo của nhà trường mà còn mang lại hiệu quả xã hội to lớn. Nhiều đề tài khoa học của Học viện trở thành giáo trình chung cho hoạt động đào tạo báo chí, truyền thông, xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước ở nhiều trường đại học ở Việt Nam.

Học viện Báo chí và Tuyên truyền liên kết với nhiều cơ quan báo chí Trung ương và địa phương, các viện nghiên cứu trong nước và quốc tế trong hoạt động khoa học: Liên kết với Báo Quân đội Nhân dân; Đài PT-TH Hà Nội; Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật; Nhà xuất bản Lý luận Chính trị ...[7.4.2.]

Mặc dù đạt được nhiều thành tựu trong ứng dụng thực tiễn, nhưng kinh phí dành cho hoạt động nghiên cứu ứng dụng còn quá ít so với yêu cầu tối thiểu của việc triển khai nghiên cứu đề tài. Ví dụ: 01 đề tài viết giáo trình với 2 tín chỉ thường được Học viện Hỗ trợ (cả tiền trả cho Hội đồng nghiệm thu) từ 12 đến 16 triệu tùy sản phẩm khoa học thuộc cấp nào [7.4.3].

2. Điểm mạnh

Các sản phẩm khoa học của hoạt động khoa học công nghệ có nhiều đóng góp mới về khoa học lý luận chính trị và báo chí, truyền thông; có giá trị ứng dụng cao trong thực tế, đặc biệt là những công trình khoa học xuất bản giáo trình.

3. Tồn tại

Một số đề tài được nghiệm thu có kết quả tốt nhưng chưa có điều kiện để triển khai ứng dụng thiết thực trong thực tế.

Kinh phí dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học còn chưa phù hợp với nhu cầu nghiên cứu khoa học trong thực tiễn.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2016 - 2017, Học viện sẽ triển khai thực hiện:

Lựa chọn các đề tài có tính thực tiễn, giải quyết một vấn đề cụ thể trong thực tiễn

Ban hành quy chế quy định việc liên kết NCKH với đào tạo sau đại học.

Xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học của Học viện. Tổ chức các nhóm nghiên cứu, tổng kết thực tiễn về những vấn đề lý luận - thực tiễn *quan trọng* tại các địa ph-ong, các cấp, các ngành, xây dựng luận cứ cho các chủ tr-ong, đ- ờng lối, chính sách của Trung - ơng.

Học viện mở rộng hợp tác trong nước và quốc tế trong hoạt động khoa học nhằm thu hút các nguồn kinh phí hỗ trợ nghiên cứu từ các cơ quan cho NCKH và tài trợ cho NCKH sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 7.5. Đảm bảo nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ không ít hơn kinh phí của trường đại học dành cho các hoạt động này

1. Mô tả

Học viện có chính sách khuyến khích để tăng nguồn thu từ các hoạt động khoa học công nghệ, chuyển giao công nghệ: Tạo điều kiện để các đơn vị khoa, phòng, trung tâm của Học viện ký hợp đồng trong các hoạt động khoa học với các đơn vị ngoài Học viện và sử dụng nguồn kinh phí tự khai thác theo đúng hợp đồng công việc và nguyên tắc tài chính hiện hành [7.5.1]. Học viện đã thu hút được tài trợ từ các tổ chức trong nước và quốc tế cho các hoạt động Hội thảo và thông tin khoa học, đặc biệt là hoạt động Hội thảo khoa học quốc tế. Năm 2014, Học viện phối hợp với Đại học Tổng hợp Viên, cộng hòa Áo và Hội Nhà báo Việt Nam, Báo Quan đội Nhân dân tổ chức hội thảo khoa học quốc tế: “Báo chí về đề tài chiến tranh - Những vấn đề lý luận và thực tiễn” hoặc phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hội thảo khoa học quốc gia: “Đổi mới hoạt động đào tạo giảng viên lý luận chính trị hiện nay”.

Năm 2015 Học viện phối hợp với Viện Triết học - Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam và Hội đồng Nghiên cứu giá trị và triết học của Đại học Catholic Hoa Kỳ tổ chức Hội thảo khoa học quốc tế: “Giáo dục giá trị trong bối cảnh hội nhập”. Học viện liên kết hợp tác trong hoạt động khoa học và hoạt động đào tạo với rất nhiều cơ quan báo chí, viện nghiên cứu trong và ngoài nước như: Báo Quân đội nhân dân; Đài Truyền hình Hà Nội; Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật; Đại học Tổng hợp Viên, cộng hòa Áo, Báo Wienztung, cộng hòa Áo, các trường đại học của Vương quốc Anh, Thụy Điển, Trung Quốc, Hoa kỳ...[7.5.2]. Đây là cơ hội để huy động nguồn lực tài chính bên ngoài Học viện cho hoạt động khoa học - công nghệ của Học viện.

Học viện có văn bản qui định cụ thể những vấn đề liên quan đến nguồn thu cho nghiên cứu khoa học và các nguồn thu từ hoạt động khoa học. Nguồn kinh phí theo ngân sách Nhà nước dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học được phân bổ từ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và trích khoảng 10% tổng kinh phí nộp học phí của sinh viên chính quy tại Học viện [7.5.2]. Ví dụ: Năm 2014 kinh phí sự nghiệp dành cho hoạt động khoa học năm 2014 là 3.850.000.000 đồng [7.5.3].

Học viện có qui định cụ thể việc thu tiền quản lý phí trong hoạt động khoa học là 3% tổng kinh phí đề tài với các đề tài Nhà nước, các chương trình nghiên cứu và 5% tổng kinh phí đề tài với các đề tài cấp Bộ và cấp cơ sở [7.5.2.]

Mặc dù có nhiều hoạt động phối hợp với các đơn vị trong và ngoài nước trong hoạt động khoa học nhưng Học viện chưa có thống kê và so sánh tổng thu sự nghiệp về hoạt động khoa học công nghệ hàng năm giữa các khoa và trung tâm trong Học viện.

2. Điểm mạnh

Qui định cụ thể về nguồn thu từ hoạt động hoạt động khoa học công nghệ và chuyên gia công nghệ

Đã huy động được các nguồn tài trợ của các tổ chức trong nước và quốc tế.

3. Tồn tại

Nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ ít hơn tổng kinh phí của Học viện dành cho hoạt động khoa học - công nghệ

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2016, mở rộng hoạt động liên kết, hợp tác về nghiên cứu khoa học với các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế, đặc biệt là cộng hòa Áo, Vương quốc Anh nhằm mở rộng nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

5. Tự đánh giá: Không đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 7.6. Các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đại học gắn với đào tạo, gắn kết với các viện nghiên cứu khoa học, các trường đại học khác và các doanh nghiệp. Kết quả của các hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp vào phát triển các nguồn lực của trường.

1. Mô tả

Hoạt động nghiên cứu khoa học phát triển công nghệ của Học viện gắn bó chặt chẽ, có mối quan hệ biện chứng với hoạt động đào tạo gắn kết với các viện nghiên cứu khoa học, các trường đại học khác và các doanh nghiệp. Kết quả của các hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp vào phát triển các nguồn lực của trường.

100% đề tài cấp cơ sở sử dụng kinh phí của Học viện Báo chí và Tuyên truyền dành cho biên soạn giáo trình, sách tham khảo, chuyên khảo đều đưa vào ứng dụng trong hoạt động đào tạo của Học viện [7.6-1]. Hệ thống giáo trình thuộc ngành báo chí và truyền thông như: *Cơ sở lý luận báo chí; Báo chí phát thanh hiện đại; Báo chí điều tra; Đạo đức nghề nghiệp báo chí; Quan hệ công chúng và quảng cáo...* và hệ thống giáo trình thuộc các ngành khoa học lý luận chính trị như: *Triết học Mác - Lênin, Xây dựng Đảng về tổ chức; Xây dựng Đảng về tư tưởng...* đã và đang tiếp tục ứng dụng trong hoạt động đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền nói riêng và các trường đại học trên toàn quốc nói chung.

Hàng năm, Học viện thực hiện nhiều cuộc Hội thảo về chủ đề đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và quản lý đào tạo... Ví dụ: Toàn bộ

Kế hoạch Hội thảo khoa học của các khoa năm 2015 là tập trung vào hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy [7.6-2].

Học viên, mỗi năm trung bình có từ 25 - 30 đề tài nghiên cứu được in thành sách tham khảo hoặc giáo trình đào tạo đại học và sau đại học trong 5 năm 2011 đến 2014 và tổng số sách đã được xuất bản trong 5 năm khoảng gần 200 cuốn [7.6-3].

Hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ gắn với hoạt động đào tạo còn được thể hiện trong hoạt động khoa học sinh viên. Sinh viên Học viện đã đạt nhiều giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học của cuộc thi “Tài năng trẻ sinh viên” do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hàng năm. Ví dụ năm 2014, 2 đề tài sinh viên đạt giải Nhì cuộc thi này [7.6-4], 3 đề tài sinh viên đạt giải cao trong cuộc thi Sáng kiến phòng chống tham nhũng do Ngân hàng Thế giới và Thanh tra Chính phủ phối hợp tổ chức [7.6-5]. Ngoài ra, sinh viên còn tích cực tham gia các cuộc thi học thuật được trường tổ chức hàng năm qua nhiều loại hình nghiên cứu khoa học tự quản phong phú và hiệu quả ở các câu lạc bộ như câu lạc bộ Triết học, câu lạc bộ Danh nhân Hồ Chí Minh, câu lạc bộ tiếng Anh, Câu lạc bộ Nghiên cứu khoa học; Thực hành nghề trên nhiều sản phẩm báo chí truyền thông như Sóng trẻ... Những hoạt động này đã tạo ra những sân chơi bổ ích để sinh viên có thể vận dụng kiến thức vào thực tiễn cũng như giúp sinh viên làm quen với hoạt động thực tiễn [7.6-6].

Học viện liên kết nghiên cứu khoa học và đào tạo với nhiều viện, trường đại học trong nước và quốc tế: Đại học Truyền thông trung Quốc, Đại học Tổng hợp Viên, cộng hòa Áo, đại học Midlsex Vương quốc Anh, Đại học Catholic Hoa kỳ... [7.6.7]

Trên cơ sở gắn kết hoạt động nghiên cứu khoa học và hoạt động đào tạo, 34 giảng viên đã được công nhận danh hiệu giáo sư, phó giáo sư [7.6.8]. Theo qui định của Học viện các giáo sư, phó giáo sư hàng năm đều phải có công trình khoa học được xã hội hóa dưới nhiều hình thức bài báo khoa học, giáo trình, sách tham khảo, chuyên khảo. Đây là một nguồn nhân lực khoa học đầu đàn,

khẳng định tính định hướng trong sự phát triển khoa học và hiệu quả của hoạt động khoa học ở Học viện Báo chí và Tuyên truyền gắn với đào tạo.

2. Điểm mạnh

Học viện gắn kết chặt chẽ hoạt động nghiên cứu khoa học với hoạt động đào tạo, gắn kết với các viện nghiên cứu và các cơ quan báo chí Trung ương và địa phương.

Các công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ có giá trị trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, có giá trị cho các nhà quản lý hoạch định chính sách phát triển báo chí, truyền thông.

3. Tồn tại

Chưa sử dụng hết tiềm lực khoa học của nhà trường trong hoạt động liên kết giữa nghiên cứu khoa học và đào tạo

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016, Học viện qui định rõ hệ thống các đề tài có sự kết hợp giữa người thầy và người học; giữa hoạt động nghiên cứu và hoạt động đào tạo sau đại học

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 7.7. Có các quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định; có các biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ

1. Mô tả

Học viện đã phổ biến những quy định chung của Nhà nước về tiêu chuẩn đạo đức trong nghiên cứu khoa học cho cán bộ giảng viên. Riêng học viên cao học và nghiên cứu sinh, Trường hướng dẫn tuân thủ vấn đề này trong qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về làm luận văn, luận án [7.7-1].

Học viện qui định rõ tiêu chuẩn năng lực và đạo đức của nhà khoa học khi tham gia vào hoạt động nghiên cứu khoa học. Đơn cử; trong Thông báo tuyển chọn chủ nhiệm và cơ quan chủ trì đề tài khoa học cấp Bộ hàng năm có qui định rõ những tiêu chí về năng lực và về đạo đức: Về năng lực: Là cán bộ khoa học có trình độ từ cử nhân trở lên, đúng chuyên ngành nghiên cứu của đề tài; Về đạo

đức. Đồng thời ghi rõ các chế tài kỷ luật với những hành vi vi phạm đạo đức của nhà khoa học như: Nghiêm cấm mọi biểu hiện của việc hạn chế hoặc ngăn cản các cá nhân đăng ký hồ sơ tuyển chọn đề tài khoa học; Nghiêm cấm việc viết hộ Thuyết minh đề tài. Nếu phát hiện người đăng ký tuyển chọn nhờ người khác viết thay, bản Thuyết minh đề tài sẽ bị loại ra khỏi danh sách đăng ký. Trường hợp sau này khi đã trúng tuyển, có Quyết định và Hợp đồng nghiên cứu mới phát hiện được cá nhân vi phạm thì kết quả tuyển chọn vẫn bị hủy. Cá nhân vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo các điều khoản quy định tại Quy chế Quản lý hoạt động khoa học ở Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [7.7-2].

Học viện hướng dẫn cán bộ giảng viên tích cực đăng ký sáng kiến kỹ thuật và sở hữu trí tuệ. Mỗi công trình khoa học của cán bộ giảng viên Học viện khi công bố đều được Hội đồng Khoa học - Đào tạo nhà trường thẩm định chất lượng, làm công văn đề nghị xuất bản công trình với nhà xuất bản [7.7-3].

Trong 5 năm gần đây (2011 - 2015), Học viện không có một cán bộ, giảng viên, sinh viên nào vi phạm tiêu chuẩn đạo đức trong nghiên cứu khoa học và vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Tuy nhiên, từ khi thành lập đến nay, Học viện chưa có văn bản quy định cụ thể tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ cho cán bộ, giảng viên của Học viện.

2. Điểm mạnh

Học viện thực hiện tốt những qui định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ; có nhiều biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ.

3. Tồn tại

Học viện chưa xây dựng được văn bản riêng quy định cụ thể về tiêu chuẩn về đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2016, Học viện ban hành quy định “Tiêu chuẩn đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ”.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

*** Kết luận về tiêu chuẩn 7:**

Điểm mạnh nổi bật

Học viện xây dựng tốt “Chiến lược hoạt động khoa học 10 năm 2005 - 2015”; xây dựng tốt các kế hoạch hoạt động khoa học dài hạn 2010 - 2015 và hiện nay là 2016 - 2020, Kế hoạch khoa học hàng năm phù hợp với mục tiêu phát triển từng thời kỳ. Những kế hoạch khoa học này vừa mang tính định hướng cho sự phát triển của Học viện, vừa mang tính khả thi, cụ thể cho từng giai đoạn phát triển Học viện.

Hệ thống các văn bản cho hoạt động quản lý khoa học, quy định cụ thể và chi tiết theo hướng dẫn của các cấp quản lý, luôn chủ động và có kế hoạch xây dựng, triển khai và phát triển các hoạt động KH & CN một cách hiệu quả. Thể hiện từ văn bản gốc của hoạt động quản lý là “Qui chế quản lý các hoạt động khoa học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền”; đến các văn bản định hướng: Chiến lược và hệ thống Kế hoạch khoa học; Qui trình xây dựng và triển khai kế hoạch khoa học, hiệu quả cao trong thực tiễn.

Triển khai tốt, có hiệu quả kế hoạch khoa học đã xây dựng, Hoạt động quản lý các hoạt động KH & CN tốt, hiệu quả. Hiệu quả của hoạt động này được đánh giá ở số lượng và chất lượng các công trình khoa học đã nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong hoạt động đào tạo của Học viện từ 2011 đến nay.

Học viện đã triển khai nghiên cứu một số lượng đề tài lớn các cấp, chất lượng đề tài được nâng cao hơn. Hoạt động nghiệm thu, đánh giá chất lượng các công trình khoa học được thực hiện theo đúng Qui chế quản lý khoa học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền và theo đúng Luật khoa học công nghệ.

Học viện có biện pháp chế tài để đảm bảo số lượng đề tài đã đăng ký được nghiệm thu đúng hạn; hoạt động khen thưởng và kỷ luật trong nghiên cứu khoa học thực hiện tốt.

Hoạt động khoa học công nghệ có nhiều đóng góp mới về khoa học lý luận chính trị và báo chí, truyền thông; có giá trị ứng dụng cao trong thực tế, đặc biệt là những công trình khoa học xuất bản giáo trình.

Qui định cụ thể về nguồn thu từ hoạt động khoa học công nghệ và chuyển giao công nghệ. Học viện đã huy động được các nguồn tài trợ của các tổ chức trong nước và quốc tế.

Học viện gắn kết chặt chẽ hoạt động nghiên cứu khoa học với hoạt động đào tạo, gắn kết với các viện nghiên cứu và các cơ quan báo chí Trung ương và địa phương. Các công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ có giá trị trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, có giá trị cho các nhà quản lý hoạch định chính sách phát triển báo chí, truyền thông.

Học viện thực hiện tốt những qui định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ; có nhiều biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ.

Những tồn tại cơ bản

Học viện chưa xây dựng kế hoạch thời gian dành cho các hoạt động nghiên cứu khoa học phù hợp với thời gian dành cho hoạt động giảng dạy.

Học viện chưa thống kê đầy đủ số đề tài do giáo viên hợp tác với các đơn vị bên ngoài về chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu.

Số lượng bài báo được gửi đăng ở các tạp chí chuyên ngành quốc tế còn ít.

Một số đề tài được nghiệm thu có kết quả tốt nhưng chưa có điều kiện để triển khai ứng dụng thiết thực trong thực tế.

Kinh phí dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học còn chưa phù hợp với nhu cầu nghiên cứu khoa học trong thực tiễn. Nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ ít hơn tổng kinh phí của Học viện dành cho hoạt động khoa học - công nghệ.

Chưa sử dụng hết tiềm lực khoa học của nhà trường trong hoạt động liên kết giữa nghiên cứu khoa học và đào tạo.

Học viện chưa xây dựng được quy định cụ thể về tiêu chuẩn về đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ.

Tiêu chuẩn 7 có 06 tiêu chí đạt yêu cầu, 01 tiêu chí không đạt yêu cầu tiêu chí.

Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế

Mở đầu

Hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện được triển khai theo Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo của Học viện có hiệu quả, thể hiện qua các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật; các chương trình trao đổi giảng viên và người học, các hoạt động tham quan khảo sát, hỗ trợ, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường đại học. Hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện được Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện đánh giá là khâu đột phá, tạo ra động lực mới cho sự phát triển của Học viện. Trong 5 năm vừa qua, hoạt động hợp tác quốc tế tập trung vào việc nâng cao năng lực cho giảng viên, sinh viên; tăng cường trao đổi học thuật và hợp tác đào tạo.

Các hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện về nghiên cứu khoa học được thực hiện có hiệu quả, thể hiện qua các dự án, đề án hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các chương trình áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào thực tiễn, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chung, công bố các công trình khoa học chung.

Tiêu chí 8.1. Hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện theo quy định của Nhà nước

1. Mô tả

Hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện được triển khai theo Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [8.1-1]. Học viện tuân thủ các yêu cầu, thủ tục và quy trình trong Quy chế đối với các hoạt động: đoàn ra; đoàn vào; hội thảo và tọa đàm quốc tế; các dự án nghiên cứu quốc tế; các dự án liên kết đào tạo và bồi dưỡng và công tác quản lý lưu học sinh Lào.

Phòng Hợp tác quốc tế là đơn vị tham mưu và giúp việc cho Ban Giám đốc trong việc quản lý thống nhất các hoạt động hợp tác quốc tế theo đúng quy định của Nhà nước và Quy chế của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [8.1-2]. Từ tháng 8/2014, Phòng nhận quyết định bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo,

quản lý; trong đó đề cập việc tách phòng Hợp tác quốc tế, thuộc Ban Quản lý khoa học trở thành đơn vị trực thuộc Ban Giám đốc [8.1-3].

Phòng Hợp tác quốc tế đóng vai trò điều phối và quản lý hoạt động [8.1-4]. Khi các đơn vị tổ chức các hoạt động có yếu tố quốc tế, Phòng Hợp tác quốc tế hướng dẫn về quy trình, phân công cán bộ hỗ trợ và yêu cầu báo cáo hoạt động. Các đơn vị đóng vai trò người tham gia và người tổ chức các hoạt động hợp tác quốc tế. Các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện theo 3 bước: xin phép tổ chức; tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả.

Việc báo cáo hoạt động hợp tác quốc tế đối với Ban Giám đốc Học viện được thực hiện hàng tháng. Báo cáo nêu rõ những việc đã và đang triển khai theo kế hoạch, ưu điểm và hạn chế trong thực hiện. Báo cáo đối với Ban Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh được thực hiện hàng quý về tất cả các hoạt động: đoàn ra, đoàn vào, hội thảo quốc tế, dự án quốc tế... [8.1-5]

Trong 5 năm gần đây, Học viện không có vụ việc gì vi phạm quy định về công tác hợp tác quốc tế. Các kết quả cụ thể đạt được cho thấy, công tác hợp tác quốc tế của Học viện ngày càng được đẩy mạnh và có hiệu quả.

Học viện triển khai hoạt động hợp tác quốc tế theo đúng Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, Học viện chưa có Quy chế riêng để Quản lý hoạt động hợp tác quốc tế.

2. Điểm mạnh

Hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện được triển khai không có vi phạm và theo đúng quy định của Nhà nước và Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

3. Tồn tại

Học viện chưa ban hành Quy chế Quản lý hoạt động hợp tác quốc tế để cụ thể hoá các quy định của Nhà nước trong điều kiện đặc thù của mình.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2016-2017, Phòng Hợp tác quốc tế sẽ xây dựng, trình Ban Giám đốc ký duyệt và ban hành Quy chế của Học viện về quản lý và thực hiện

hoạt động hợp tác quốc tế theo quy định chung của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 8.2. Các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo có hiệu quả, thể hiện qua các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật; các chương trình trao đổi giảng viên và người học, các hoạt động tham quan khảo sát, hỗ trợ, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường đại học.

1. Mô tả

Hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện được Đảng uỷ, Ban Giám đốc Học viện đánh giá là khâu đột phá, tạo ra động lực mới cho sự phát triển của Học viện [8.2-1]. Trong 5 năm vừa qua, hoạt động hợp tác quốc tế tập trung vào việc nâng cao năng lực cho giảng viên, sinh viên; tăng cường trao đổi học thuật và hợp tác đào tạo.

Học viện có 03 chương trình hợp tác đào tạo lớn với Đại học Tổng hợp Viên (Áo), Đại học Middlesex (Vương quốc Anh) và Viện Thông tin, Văn hoá và Du lịch (Lào.) Trong năm 2014-2015, Học viện cử 02 đoàn giảng viên tham gia chương trình nghiên cứu 2 tuần về truyền thông châu Âu tại các trường đại học, cơ quan báo chí và quản lý báo chí Áo [8.2-2]. Học viện ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác liên kết đào tạo Chương trình cử nhân Quan hệ công chúng, Quảng cáo và Truyền thông với Đại học Middlesex (Vương quốc Anh) theo hình thức nhượng quyền [8.2-3]. Từ năm 2012, Học viện mở lớp bồi dưỡng hàng năm cho 20-30 cán bộ lãnh đạo, quản lý báo chí Lào theo khuôn khổ Đề án bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cán bộ lãnh đạo, quản lý báo chí Lào [8.2-4]. Các hoạt động này góp phần nâng cao năng lực đào tạo, nghiên cứu và uy tín học thuật của Học viện.

Học viện có 02 chương trình trao đổi giảng viên với Đại học Stockholm (Thụy Điển) và Đại học Middlesex (Vương quốc Anh). Từ năm 2012 đến nay, Học viện cử 03 giảng viên sang giảng dạy trong thời gian 21 ngày tại Khoa Truyền thông, Đại học Stockholm. 02 giảng viên của Đại học Stockholm cũng

đã sang Học viện giảng dạy cho khoa Báo chí và Khoa Phát thanh - Truyền hình. Bên cạnh đó, 01 giảng viên của Học viện sang Đại học Middlesex làm việc để thúc đẩy chương trình liên kết đào tạo. Dự kiến cuối năm 2015, giảng viên thứ hai sẽ được cử sang làm việc tại Middlesex trong thời gian 1 tháng. Các chương trình trao đổi giảng viên nâng cao kinh nghiệm giảng dạy quốc tế của giảng viên Học viện [8.2-5].

Hàng năm, Học viện cử cán bộ, giảng viên tham gia các chuyến công tác, chương trình nghiên cứu, đoàn nghiệp vụ, hội thảo và tập huấn tại các quốc gia như Australia, Mỹ, Đức, Anh, Hàn Quốc và Nhật Bản. Tính riêng trong năm 2014-2015, Học viện có 20 cán bộ, giảng viên đi nước ngoài [8.2-6]. Trong năm 2015, Học viện phối hợp với Đại học Sookmyung (Hàn Quốc) tổ chức lớp học trực tuyến về Chính sách công cho sinh viên Khoa Quan hệ quốc tế. Kết thúc chương trình học, 9 sinh viên xuất sắc của Khoa được sang Hàn Quốc tham gia khoá học hè trong 1 tháng [8.2-7].

Thông qua hoạt động hợp tác quốc tế, Học viện đã được các chuyên gia cũng như đối tác quốc tế hỗ trợ về tài liệu học tập (đĩa DVD phim tài liệu, sách chuyên ngành, báo ...) và các suất học bổng dành cho sinh viên và cán bộ, giảng viên Học viện.

Để tăng cường hợp tác quốc tế về chiều sâu, Học viện đã xây dựng Đề án nghiên cứu nâng cao năng lực truyền thông với Đại học Tổng hợp Viên (Áo); Đề án nâng cao năng lực thực thi chính sách của chính phủ với KOICA (Hàn Quốc); Đề án Liên kết đào tạo quốc tế với Đại học Middlesex (Vương quốc Anh). Các đề án này đều hướng tới nâng cao năng lực giảng viên và tăng cường cơ sở vật chất cho Học viện. Tuy nhiên, các hoạt động hợp tác quốc tế hiện nay chưa có sự phân bổ đồng đều giữa các lĩnh vực lý luận chính trị và báo chí, truyền thông.

2. Điểm mạnh

Các đoàn ra và đoàn vào được đa dạng hoá và tăng cường sử dụng nguồn kinh phí tài trợ của các trường đại học và tổ chức quốc tế. Các hoạt động hợp tác về đào tạo và nghiên cứu khoa học được mở rộng, góp phần nâng cao năng lực

quản lý, nghiên cứu và giảng dạy cho Học viện. Các chương trình hợp tác đào tạo bắt đầu được triển khai theo các tiêu chuẩn và yêu cầu của đối tác quốc tế.

3. Tồn tại

Hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực lý luận chính trị chưa được mở rộng như trong lĩnh vực báo chí và truyền thông.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Học viện chủ động tìm kiếm và tăng cường tiếp nhận các chuyên gia về lĩnh vực chính trị và chính sách công từ các quốc gia có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam như Nhật Bản và Hàn Quốc. Thực hiện hiệu quả Đề án nâng cao năng lực thực thi chính sách của chính phủ với KOICA.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 8.3. Các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học có hiệu quả, thể hiện qua việc thực hiện dự án, đề án hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các chương trình áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào thực tiễn, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chung, công bố các công trình khoa học chung

1. Mô tả

Trong 5 năm qua (2011 - 2015) hoạt động hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học ở Học viện Báo chí và Tuyên truyền đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học nói riêng và hoạt động hợp tác quốc tế nói chung.

Về tổ chức hội thảo và tọa đàm, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã phối hợp với các trường đại học, tổ chức hợp tác phát triển tổ chức tọa đàm quốc tế về những vấn đề 2 bên cùng quan tâm. Học viện đã tổ chức 05 hội thảo khoa học quốc tế: *Đào tạo bồi dưỡng báo chí: Kinh nghiệm Việt Nam và Lào; Kinh nghiệm Việt Nam và quốc tế về nghiệp vụ báo chí điều tra; Đào tạo báo chí truyền thông trong thời đại toàn cầu hóa; Báo chí với vấn đề biến đổi khí hậu; Báo chí, quảng cáo và ngành giải trí: thu hút sự chú ý của công chúng.* Học

viện phối hợp với Cơ quan phát triển quốc tế Nhật Bản JICA tổ chức toạ đàm: *Chế độ công chức Nhật Bản, Lý thuyết kiến tạo tri thức*; với Liên minh châu Âu tổ chức toạ đàm: *Vai trò của báo chí chuyên nghiệp trong một thế giới kết nối*; với Đại sứ quán Australia tổ chức toạ đàm: *Kinh nghiệm sản xuất phim tài liệu của Australia* [8.3-1].

Nhiều đề án nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ được ký kết thực hiện với các trường đại học, các viện nghiên cứu nước ngoài và các đại sứ quán trong nước như hợp tác liên kết với Đại học Tổng hợp Viên, Cộng hòa Áo, Đại sứ quán Đức, Đại sứ quán Đan Mạch tại Việt Nam...như Đề tài nghiên cứu Năng lực truyền thông vì sự phát triển của xã hội do GS.TS. Thomas A. Bauer - Đại học Tổng hợp Viên (Cộng hòa Áo) làm chủ nhiệm đã được Liên minh châu Âu phê duyệt và tài trợ vào ngày 01/08/2015. Đề tài có sự tham gia của Học viện Báo chí và Tuyên truyền [8.3-2]; Dự án nghiên cứu Truyền thông về lịch sử trong không gian quốc tế do GS. TS. Juergen Grimm - Đại học Tổng hợp Viên (Cộng hòa Áo) làm chủ nhiệm và sự tham gia của PGS. TS. Đỗ Thị Thu Hằng - Phó Trưởng khoa Báo chí và TS. Nguyễn Thị Việt Nga - Phó Trưởng khoa Quan hệ quốc tế [8.3-3]; Công bố 02 kỷ yếu khoa học, trong đó 01 kỷ yếu hội thảo khoa học “*Giáo dục giá trị trong bối cảnh hội nhập quốc tế*” được công bố trên 300 thư viện trên toàn thế giới.

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có quy định khuyến khích các liên kết quốc tế thực hiện đề tài khoa học/dự án công nghệ

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có kế hoạch phân bổ ngân sách hàng năm cho các hội thảo khoa học quốc tế, ví dụ: Hội thảo “*Báo chí về đề tài chiến tranh*” liên kết với Hội Nhà báo Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Báo Quân đội nhân dân, Truyền hình Viettel là 300 triệu đồng [8.3-4]; Hội thảo khoa học “*Giáo dục giá trị trong bối cảnh hội nhập*” liên kết với Đại học Catholic Hoa Kỳ, Viện Triết học, Viện Hàn lâm khoa học - xã hội Việt Nam là 100 triệu đồng [8.3-5]

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có cơ sở dữ liệu lưu trữ, quản lý các đề tài, đề án và sản phẩm nghiên cứu khoa học liên kết với nước ngoài tại Thư viện

số của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, bản cứng các sản phẩm đề tài được lưu tại Thư viện Học viện Báo chí và Tuyên truyền. [8.3-6]

Thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học, đội ngũ giảng viên Học viện nâng cao kỹ năng sử dụng tiếng Anh để nghiên cứu và giảng dạy đồng thời khai thác các nguồn tư liệu phục vụ dạy học. Hiện tại, Học viện có đội ngũ giảng viên có thể tham gia các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu bằng tiếng nước ngoài [8.3-7].

2. Điểm mạnh

Học viện Báo chí và Tuyên truyền đạt hiệu quả cao trong các hoạt động hợp tác khoa học quốc tế về tổ chức Hội thảo khoa học và các Tọa đàm khoa học.

3. Tồn tại

Các liên kết nghiên cứu về đề tài, dự án khoa học còn ít

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016-2017, Học viện chủ động xây dựng kế hoạch nghiên cứu đề án, đề tài về các chủ đề mà các bên hợp tác cùng quan tâm.

5. Đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

*** Kết luận về tiêu chuẩn 8:**

Điểm mạnh nổi bật

Hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện được triển khai không có vi phạm và theo đúng quy định của Nhà nước và Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Các đoàn ra và đoàn vào được đa dạng hóa và tăng cường sử dụng nguồn kinh phí tài trợ của các trường đại học và tổ chức quốc tế. Các hoạt động hợp tác về đào tạo và nghiên cứu khoa học được mở rộng, góp phần nâng cao năng lực quản lý, nghiên cứu và giảng dạy cho Học viện. Các chương trình hợp tác đào tạo bắt đầu được triển khai theo các tiêu chuẩn và yêu cầu của đối tác quốc tế.

Những tồn tại cơ bản

Học viện chưa ban hành Quy chế Quản lý hoạt động hợp tác quốc tế để cụ thể hóa các quy định của Nhà nước trong điều kiện đặc thù của mình.

Hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực lý luận chính trị chưa được mở rộng như trong lĩnh vực báo chí và truyền thông.

Các liên kết nghiên cứu về đề tài, dự án khoa học còn ít.

Tiêu chuẩn 8 có 03 tiêu chí đạt yêu cầu.

Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

Mở đầu

Thư viện của trường đại học có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng cán bộ, giảng viên và người học. Có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học có hiệu quả. Học viện có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo. Học viện có đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, được đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của các ngành đào tạo. Học viện cung cấp đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học, công tác quản lý và điều hành.

Có đủ diện tích lớp học theo quy định cho việc dạy và học; có ký túc xá cho người học đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao theo quy định. Có đủ phòng làm việc cho các cán bộ giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định. Có đủ diện tích đất theo quy định của TCVN 3981-85. Diện tích mặt bằng tổng thể đạt mức tối thiểu theo quy định.

Có quy hoạch tổng thể về phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của Nhà trường. Có biện pháp bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn, an ninh cho cán bộ quản lí, giảng viên, nhân viên và người học.

Tiêu chí 9.1. Thư viện của trường đại học có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng cán bộ, giảng viên và người học. Có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học có hiệu quả.

1. Mô tả

Thư viện Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện có 14.300 đầu sách, với số lượng là 75.000 bản (bao gồm sách tiếng Việt và sách tiếng nước ngoài) và có 240 loại báo ngày, báo tuần, tạp chí chuyên ngành để phục vụ theo nhu cầu của bạn đọc. Với số lượng bản sách và đầu sách của Thư viện, số đầu sách theo

ngành học của Học viện đã đáp ứng được yêu cầu học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên [9.1 - 1].

Nhận thức rõ được tầm quan trọng của Thư viện, hàng năm Học viện đã chú trọng đầu tư cả về cơ sở vật chất, trang thiết bị; bổ sung nhiều sách, giáo trình và tài liệu tham khảo cho Thư viện. Từ năm 2010 đến năm 2014, Thư viện đã bổ sung được 1.640 đầu sách với 12.520 bản sách: tính trung bình mỗi năm học Thư viện bổ sung khoảng 410 đầu sách với 3.130 bản sách và 200 loại báo, tạp chí chuyên ngành. Trong đó: sách, giáo trình chiếm 33,68%, sách tham khảo chiếm 44,17%, còn lại là các loại hình tài liệu khác; tài liệu thuộc lĩnh vực chính trị - xã hội có số lượng cao nhất 56,95% tổng số sách của thư viện, các lĩnh vực chuyên môn khác như: Báo chí - Xuất bản, Triết học, Lịch sử, Pháp luật có tỷ lệ dưới 10% tổng số sách của thư viện [9.1 - 2]. Ngoài việc bổ sung tài liệu từ kinh phí của Học viện, Thư viện còn tiếp nhận một số lượng lớn sách, báo, tạp chí biểu từ các nguồn tài trợ như: Quỹ Châu Á, Hội đồng Anh, Nxb Văn học, Nxb Hội nhà văn, Nxb Chính trị quốc gia, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Ban Tuyên giáo Trung ương, báo Đầu tư và báo địa phương trong cả nước... Thư viện còn nhận lưu chiểu luận án, luận văn, khóa luận và đề tài khoa học của cán bộ, giảng viên, học viên và sinh viên trong Học viện đã bảo vệ và nghiệm thu, trong đó: 25 luận án tiến sĩ, 1.471 luận văn thạc sĩ, 2.047 khóa luận tốt nghiệp, 1.227 đề tài khoa học [9.1 - 3].

Thư viện của Học viện có đầy đủ các văn bản thông báo công khai quy định thời gian phục vụ và nội quy, quy chế sử dụng Thư viện. Hàng ngày, Thư viện phục vụ cán bộ, giảng viên và sinh viên trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu trong tuần; riêng phòng đọc Báo, tạp chí phục vụ ngoài giờ đến 21h từ thứ 2 đến thứ 6 và cả ngày thứ 7. Từ năm 2007 Thư viện đã chuyển đổi sang phương thức phục vụ mở tại phòng đọc báo, tạp chí và năm 2013 tại phòng đọc tổng hợp, nên đã tạo ra nhiều phản ứng tích cực từ bạn đọc. [9.1-4].

Để giúp bạn đọc thuận tiện trong việc tra cứu và cập nhật tài liệu, Thư viện đã cung cấp đầy đủ các bảng hướng dẫn công khai tại các phòng phục vụ, trên hệ thống máy tính tra cứu, trên trang Thư viện số. Trong các buổi sinh hoạt

đầu khóa đối với sinh viên năm thứ nhất, Thư viện có báo cáo hướng dẫn sinh viên sử dụng thư viện và cung cấp bản in nội quy, quy chế Thư viện [9.1 - 5].

Hàng tháng thư viện có báo cáo thông kê số lượng độc giả đến sử dụng thư viện tại cuộc họp giao ban cán bộ quản lý: trung bình 80.000 lượt bạn đọc/01 năm [9.1-6].

Năm 2010 Thư viện đã tổ chức đợt khảo sát thăm dò ý kiến bạn đọc về chất lượng phục vụ của thư viện lần thứ nhất với đối tượng là sinh viên, học viên, cán bộ và giảng viên: Nhu cầu mượn đọc tài liệu của bạn đọc chủ yếu thuộc lĩnh vực Chính trị - Văn hóa - Tư tưởng chiếm 64,52%, Báo chí, xuất bản chiếm 25,27%, lịch sử chiếm 18,82%, còn lại các tài liệu về lĩnh vực khoa học khác. Mức độ đáp ứng của Thư viện như sau: sách giáo khoa, giáo trình là loại hình tài liệu được các nhóm người dùng tin là học viên, sinh viên tại Học viện BC&TT quan tâm và sử dụng nhiều nhất, chiếm 65%; cán bộ nghiên cứu, giảng dạy cần nhu cầu tài liệu tham khảo cao chiếm 76.09% trên tổng số người được hỏi...Đến tháng 6 năm 2014, Thư viện tiếp tục tổ chức đợt khảo sát thăm dò ý kiến bạn đọc với đối tượng là sinh viên lần thứ 2. Mức độ đáp ứng của Thư viện (Tài liệu tham khảo, giáo trình...): đối với đối tượng là sinh viên có ý kiến 40.2% hoàn toàn đáp ứng, 56.2% đáp ứng một phần; đối tượng là cán bộ, giảng viên: 30% hoàn toàn đáp ứng, 60% đáp ứng một phần. Đa số các bạn đọc đều hài lòng về sự phục vụ của cán bộ Thư viện [9.1-7].

Hệ thống máy vi tính trong Thư viện được nối mạng nội bộ và internet; các máy tính được cài đặt phần mềm Quản lý thư viện ISIS version 3.08 do UNESCO cung cấp. Phần mềm đã quản lý toàn bộ tài liệu có trong Thư viện với 04 CSDL: Sách tiếng Việt (13.886 biểu ghi), Sách tiếng Anh (713 biểu ghi), Luận án, luận văn, khóa luận và đề tài khoa học (3.650 biểu ghi) và Báo, tạp chí đóng lưu (145 biểu ghi). Bạn đọc có thể tra cứu trực tiếp trên máy tính tại các phòng phục vụ [9.1 - 8]. Tài liệu được phân loại theo tiêu chuẩn DDC22 và mô tả theo tiêu chuẩn ISBD, AACR2 [9.1 - 9]. Quản lý bạn đọc được thực hiện thông qua sổ mượn (đối với phòng mượn) và thẻ sinh viên (đối với phòng đọc) [9.1-10].

Năm 2013, Thư viện đã lập trang Thư viện số Dspace: <http://thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace> với tài liệu điện tử chủ yếu là luận án, luận văn, giáo trình, sách tham khảo, đề tài khoa học...; hiện có 1.149 tài liệu điện tử, nguồn tài liệu này thường xuyên được cập nhật. Thư viện số đã kết nối với một số trang thư viện trong nước như: Thư viện Quốc gia Việt Nam, Trung tâm TT-TV Đại học quốc gia Hà Nội, Thư viện Nguyễn Thúc Hào - Đại học Vinh, trang Luận án - luận văn,...; việc đọc trực tuyến các tài liệu điện tử trên Thư viện số đã đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập của bạn đọc, với số lượt truy cập trung bình 9.000 lượt/tháng.[9.1 - 11].

2. Điểm mạnh

Số lượng tài liệu hiện có trong thư viện đã đáp ứng được yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và sinh viên trong Học viện;

Thư viện số được đầu tư và cập nhật thường xuyên, hỗ trợ tích cực trong hoạt động dạy học của Học viện.

3. Tồn tại

Thư viện Học viện BC&TT chưa liên kết chặt chẽ với các thư viện trong hệ thống Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, thư viện các trường đại học trong và ngoài nước để khai thác, trao đổi tài liệu.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016 - 2017, Thư viện Học viện BC&TT mở rộng liên kết với các thư viện trong hệ thống Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, thư viện các trường đại học trong và ngoài nước để khai thác, trao đổi tài liệu.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.2: Có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo.

1. Mô tả

Trong năm học 2014-2015, tổng diện tích sàn các phòng học, phòng máy tính, Studio là 25.023m² trên 7156 sinh viên, học viên, bình quân gần 3,5m²/người học. [9.2-1]

Hiện nay, Học viện đã có 98 phòng học, giảng đường (*trong đó có 01 Hội trường lớn 800 chỗ, 01 Hội trường 200 chỗ, 08 giảng đường trên 100 chỗ, 36 phòng học 70 chỗ*), 01 phòng phương pháp, 03 phòng Bảo vệ luận văn; có 17 phòng thực hành chức năng bao gồm: 01 studio truyền hình (gồm 04 phòng thực hành chức năng) được trang bị đầy đủ các trang thiết bị đồng bộ chuyên dùng cho đào tạo các chuyên ngành Phát thanh, truyền hình; 01 phòng máy tính thực hành các môn học chuyên ngành Báo Mạng điện tử; 01 phòng máy tính thực hành Xuất bản báo in và 01 phòng Ảnh báo chí chuyên dùng cho chuyên ngành Báo viết và Báo ảnh của Khoa Báo chí với trang thiết bị đồng bộ và hiện đại; 04 phòng LAB học Ngoại ngữ; 05 phòng thực hành tin học dành cho Khoa Giáo dục kiến thức đại cương; 01 phòng thực hành Xuất bản chuyên dùng cho Khoa Xuất bản. [9.2-2]

Dựa trên số lượng các phòng học hiện có, Ban Quản lý đào tạo đã tiến hành xếp lịch học cho các lớp theo từng học kỳ của năm học. Theo lịch phân phòng học đã được triển khai, số lượng phòng học được sử dụng đạt 98%. [9.2-3]

Tuy nhiên, dựa trên quy mô đào tạo của Học viện và việc chuyển đổi phương thức đào tạo từ niên chế sang đào tạo tín chỉ thì số lượng phòng học hiện có sẽ không còn đáp ứng đủ yêu cầu.

2. Điểm mạnh

Số lượng các phòng học, phòng thực hành đã đáp ứng được yêu cầu của từng ngành đào tạo.

3. Tồn tại

Học viện còn có một số phòng học tạm cần nâng cấp để đáp ứng quy mô và phương thức đào tạo của Học viện.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016 - 2017, Học viện triển khai sửa chữa, nâng cấp nhà B7 để bổ sung thêm các phòng học.

Năm học 2016-2017, Học viện nâng cấp 02 dãy phòng học B5, B6 bằng các khu giảng đường cao tầng để nâng tổng số phòng học theo kịp quy mô đào tạo trong những năm tới.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 9.3: Có đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, được đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của các ngành đào tạo.

1. Mô tả

Trong số 98 phòng học, giảng đường, có 76 phòng học được lắp đặt cố định các trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy như ampli, loa, micro, máy chiếu, màn chiếu. Ngoài ra, tại phòng trực cấp phát thiết bị của Trung tâm Thực hành và Hỗ trợ đào tạo còn có các thiết bị rời bao gồm 10 bộ máy chiếu, màn chiếu, 10 máy trợ giảng để cấp phát cho các phòng học chưa được lắp đặt thiết bị cố định. [9.3-1].

Số lượng thiết bị của 17 phòng thực hành chức năng đã đáp ứng được nhu cầu dạy, học và nghiên cứu khoa học. [9.3-2]. Số liệu cụ thể như sau:

01 studio truyền hình bao gồm 01 phòng quay phim với 03 máy quay phim hiện đại (Loại HD), hệ thống đèn sân khấu gồm 33 chiếc đáp ứng đủ ánh sáng cho phòng quay phim, 02 bộ bàn ghế trường quay, 50 ghế ngồi trường quay, 01 Ray, 01 cầu đu để thực hiện các bài tập chuyên ngành; 01 phòng đạo diễn được trang bị 01 bàn trộn kỹ xảo, 01 bàn trộn tín hiệu, 01 Tivi Sony 52 inches,... được kết nối với phòng quay phim thông qua hệ thống dây tín hiệu đáp ứng tốt hoạt động điều khiển trong quá trình quay phim; 01 phòng dựng phim bao gồm 27 camera (Loại quay băng), 07 bộ máy tính dựng phim cấu hình cao đủ đáp ứng nhu cầu thực hành quay phim và dựng phim của sinh viên; 01 phòng thu thanh được thiết kế cách âm với 04 Micro thu âm được kết nối với bộ trộn tín hiệu, loa kiểm âm và máy tính đáp ứng tốt việc thực hành các bài tập chuyên môn. Studio truyền hình chuyên dùng cho đào tạo chuyên ngành Phát thanh, truyền hình.

01 phòng máy tính thực hành các môn học chuyên ngành Báo Mạng điện tử gồm 41 bộ máy tính cấu hình cao với phần mềm chuyên dùng được kết nối mạng nội bộ (LAN) và Internet, được lắp đặt hệ thống máy chiếu;

01 phòng máy tính thực hành Xuất bản báo in gồm 26 máy tính cấu hình cao được kết nối máy chủ với phần mềm chuyên dụng, đường truyền Internet, được trang bị 01 máy in màu, 01 máy in đen trắng và hệ thống máy chiếu, âm thanh; 01 phòng Ảnh báo chí với hệ thống đèn chụp, phòng ảnh đúng tiêu chuẩn, 01 máy ảnh cỡ lớn và 10 máy ảnh loại trung bình có cấu hình cao và hiện đại. Hai phòng thực hành này chuyên dùng cho đào tạo chuyên ngành Báo viết và Báo ảnh của Khoa Báo chí.

01 phòng thực hành Xuất bản chuyên dùng cho Khoa Xuất bản gồm 25 máy tính được kết nối mạng nội bộ, internet và được trang bị 01 máy phôtô, 01 máy in màu, 01 máy in đen trắng, hệ thống máy chiếu đảm bảo tốt cho việc dạy và học.

04 phòng LAB học Ngoại ngữ gồm 112 máy tính với tai nghe kèm theo được kết nối mạng nội bộ và internet. Các phòng học này đều được trang bị hệ thống máy chiếu, bàn học được thiết kế kiểu cabin thích ứng cho việc đào tạo chuyên môn.

05 phòng thực hành tin học dành cho Khoa Giáo dục kiến thức đại cương gồm 135 máy tính được kết nối mạng nội bộ và internet. Các phòng học này được lắp đặt hệ thống máy chiếu đồng bộ. Tuy nhiên, bàn ghế tại các phòng chưa được đồng bộ, máy tính của 03 phòng học được trang bị đã lâu nên cấu hình không đáp ứng tốt yêu cầu học tập.

Căn cứ vào quy định mượn, sử dụng, bảo quản các thiết bị dạy học tại các phòng học kết hợp quy trình quản lý, vận hành hoạt động của các trang thiết bị, các thiết bị được sửa chữa bảo dưỡng kịp thời (*vào các ngày thứ 7, chủ nhật hàng tuần*) và được khai thác hết công suất. [9.3-3]

2. Điểm mạnh

Trang thiết bị luôn được cung cấp bổ sung hàng năm để thay thế các thiết bị đã hỏng và lắp đặt mới vào các phòng học chưa được trang bị.

Việc xử lý sự cố các thiết bị phục vụ học tập trong các phòng học, hội trường được thực hiện ngay sau khi Trung tâm Thực hành và Hỗ trợ đào tạo nhận được thông báo, đáp ứng kịp thời yêu cầu giảng dạy và học tập.

3. Tồn tại

Vẫn còn 20% phòng học lý thuyết chưa được lắp đặt thiết bị trợ giảng cố định phục vụ học tập, khoảng 23% máy tính cũ với cấu hình thấp cần được nâng cấp và thay thế.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016 - 2017, Học viện tiến hành việc lắp đặt cố định máy chiếu, màn chiếu, amply, loa vào các phòng học chưa được trang bị.

Cung cấp bổ sung máy tính mới để thay thế.

Lập đề án và triển khai để nâng cấp studio truyền hình cho phù hợp hơn với yêu cầu đào tạo các môn học chuyên ngành.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 9.4: Cung cấp đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học, công tác quản lý và điều hành.

1. Mô tả

Học viện đã cung cấp đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu khoa học, công tác quản lý và điều hành:

Hiện tại, Học viện đã trang bị 692 máy tính để bàn và 97 máy tính xách tay. Trong đó, 215 máy tính để bàn và toàn bộ máy tính xách tay phục vụ cho công tác quản lý và nghiên cứu khoa học (trung bình 0,55 máy/cán bộ), số lượng máy in là 188 máy. [9.4 - 1]

Học viện đã đầu tư lắp đặt hệ thống mạng nội bộ, hệ thống cáp quang đến tất cả các khu nhà làm việc Nhà Hành chính trung tâm A1, Trung tâm Thông tin khoa học A2; 100% máy tính phục vụ công tác quản lý và nghiên cứu khoa học được nối mạng Internet. Hệ thống máy chủ làm nhiệm vụ quản lý, chia sẻ internet cho các client. Server và máy tính của một số đơn vị đặc thù được cài đặt phần mềm diệt virus bản quyền. Năm 2011, Học viện đã đầu tư, lắp đặt hệ

thông mạng không dây trong toàn bộ khuôn viên của Học viện. Tất cả cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên nhà trường được sử dụng Internet miễn phí và không giới hạn về dung lượng [9.4 - 2].

Năm 2012, Học viện tiếp nhận chuyển giao công nghệ và vận hành đường truyền giao ban trực tuyến giữa các đơn vị trong hệ thống Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [9.4 - 3].

Năm 2014, Học viện triển khai cung cấp miễn phí account thư điện tử theo tên miền website ajc.edu.vn cho toàn bộ cán bộ, giảng viên và người lao động của Học viện; đồng thời triển khai Cổng thông tin nội bộ cho cán bộ, giảng viên thông qua Module Quản lý - Điều hành trên website Học viện, do đó việc trao đổi thông tin được cập nhật nhanh chóng và chính xác, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành [9.4 - 4] .

Học viện cũng đã ứng dụng tin học hóa thông qua việc sử dụng các phần mềm quản lý chuyên dùng phục vụ cho phòng Kế hoạch - Tài vụ, Ban Quản lý đào tạo, Văn phòng Đảng - Đoàn thể. Hệ thống thiết bị tin học phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, công tác quản lý và điều hành được được quản lý và hỗ trợ về mặt kỹ thuật bởi Phòng Công nghệ thông tin - Văn phòng Học viện.

Bên cạnh công tác nghiên cứu khoa học, công tác quản lý và điều hành, Học viện cũng rất chú trọng đến việc đầu tư các thiết bị tin học để hỗ trợ các hoạt động dạy - học:

Tính đến hết năm học 2014 - 2015, Học viện có 355 máy tính phục vụ học tập (trung bình 0,05 máy/người học). Hệ thống cáp đã được triển khai lắp đặt đến từng phòng học tại các khu giảng đường B1, B5, B6, B7, B8, B9, B10, B11; 80% máy tính phục vụ học tập được nối mạng. Hệ thống mạng toàn Học viện được kết nối Internet thông qua 01 đường leased line 80 MB nội địa, 2 MB quốc tế. Sinh viên của trường có thể truy cập internet miễn phí qua hệ thống mạng không dây nhờ account cấp riêng. Năm 2014, Học viện tiến hành lắp đặt wifi miễn phí tại khu vực ký túc xá cho sinh viên đáp ứng nhu cầu tra cứu, học tập [9.4 - 5].

So với năm học 2013-2014, năm học 2014-2015 Học viện đã bổ sung thêm một khối lượng lớn các thiết bị tin học phục vụ cho việc học tập của sinh viên: 73 bộ máy chiếu, 62 bộ âm thanh... Ngoài ra, tại phòng trực thiết bị còn có 08 bộ máy chiếu và 10 bộ máy tăng âm rời. Các thiết bị này được sử dụng để phục vụ cho các phòng học chưa được trang bị hệ thống máy chiếu và bộ âm thanh cố định. Hiện tại, Học viện có tổng cộng 17 phòng máy tính phục vụ chung cho các chuyên ngành đào tạo toàn trường. Trung tâm Thực hành và Hỗ trợ đào tạo được giao trách nhiệm quản lý các thiết bị tin học phục vụ cho công tác học tập.

Việc đưa các thiết bị tin học và internet đến từng phòng làm việc và lớp học trong Học viện đã giúp cán bộ, giảng viên, sinh viên có thể dễ dàng tìm kiếm qua mạng những thông tin liên quan đến công việc và bài học. Giảng viên đã có được những tiết dạy tốt, tạo được sự tương tác, phát huy được tính chủ động và sáng tạo của người học nhờ sử dụng thiết bị tin học trong thiết kế bài giảng và hỗ trợ các hoạt động dạy học. Các thiết bị tin học cùng với các phần mềm hỗ trợ đã tạo ra môi trường giảng dạy và học tập đa phương tiện kết hợp những hình ảnh, video, âm thanh, văn bản, biểu đồ... làm nâng cao chất lượng các hoạt động dạy - học.

Tuy nhiên, do thiết bị tin học và hệ thống mạng được đầu tư theo nhiều giai đoạn nên chưa đồng bộ, kinh phí đầu tư thay thế các thiết bị hỗ trợ giảng dạy còn ít nên làm giảm chất lượng của các thiết bị. Học viện chưa có một hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu chung cho toàn Học viện.

2. Điểm mạnh

Số lượng thiết bị tin học hỗ trợ hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học, công tác quản lý và điều hành được đảm bảo, đồng thời với việc hỗ trợ triển khai các phần mềm đã tăng thêm tính hiệu quả của các trang thiết bị trong việc hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học, công tác quản lý và điều hành.

3. Tồn tại

Công tác quản lý việc khai thác, sử dụng các thiết bị tin học vào các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học, công tác quản lý và điều hành còn có

những hạn chế do thiếu các quy định, cơ chế quản lý thống nhất; các thiết bị CNTT có phần còn chưa được đồng bộ.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016 - 2017, Học viện giao cho phòng Công nghệ thông tin xây dựng các quy định, quy chế về việc quản lý sử dụng, khai thác các thiết bị tin học và mạng internet trong công tác hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học, công tác quản lý và điều hành; từng bước khắc phục sự thiếu đồng bộ của các thiết bị CNTT trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 9.5. Có đủ diện tích lớp học theo quy định cho việc dạy và học; có ký túc xá cho người học đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao theo quy định.

1. Mô tả

Học viện Báo chí và Tuyên truyền đáp ứng đủ diện tích lớp học cho học viên. Với tổng diện tích sử dụng làm lớp học là 25.023m². Căn cứ vào kế hoạch đào tạo Ban Đào tạo kết hợp Trung tâm Thực hành và Hỗ trợ Đào tạo quy định phân chia giảng đường cho các lớp học trong cả năm học [9.5-1], [9.5-2]. Cơ sở vật chất của Học viện những năm gần đây được trang bị tương đối đầy đủ. Gồm có: 100% các phòng học đều được trang bị máy chiếu. 04 phòng Lap học ngoại ngữ. 01 studio, 01 phòng thực hành khoa báo, 06 phòng máy tính phục vụ học tin học, 01 phòng thực hành xuất bản. Trong năm qua đã đưa vào hoạt động hai nhà lớp học mới với 34 phòng học.

Học viện có 203 phòng, đáp ứng chỗ ở cho 980 sinh viên. Ban Giám đốc quy định tiêu chuẩn học viên được nội trú giao phòng Quản lý Ký túc xá triển khai. Ưu tiên sinh viên vùng sâu, vùng xa, đối tượng đặc biệt khó khăn con em gia đình có công với cách mạng [9.5-3].

Học viện có đầy đủ sân bãi, sân thể thao cho các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao. Kế hoạch xây dựng phòng học, Ký túc xá và sân bãi cho

các hoạt động thể dục thể thao của Học viện theo từng giai đoạn cụ thể sẽ lập quy mô đào tạo trình Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phê duyệt làm căn cứ lập kế hoạch xây mới cho phù hợp với quy mô đào tạo đó [9.5-4]. Hoàn thành đưa vào sử dụng 01 sân khấu di động với diện tích sử dụng 100m².

Trang thiết bị bao gồm sân khấu di động, loa đài, aamply đầy đủ phục vụ nhu cầu văn hóa văn nghệ của sinh viên

2. Điểm mạnh

Đã đưa vào sử dụng được các phòng học theo kế hoạch để đảm bảo đủ diện tích học cho sinh viên

3. Tồn tại

Nhiều sinh viên có nhu cầu nội trú nhưng ký túc xá chưa đáp ứng hết được cho sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

Học viện Báo chí và Tuyên truyền từ 2012 đến 2025 xây dựng KTX 12 tầng phục vụ nhu cầu nội trú cho học viên, trung tâm thực hành B7 10,000m².

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 9.6. Có đủ phòng làm việc cho các cán bộ giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định

1. Mô tả

Học viện có đủ diện tích làm việc cho cán bộ, giảng viên theo chuẩn [9.6-1] và [9.6-2]. Tổng diện tích cho khu làm việc là 19.630m². Tỷ lệ diện tích làm việc trên một cán bộ là 4,8m². Cơ sở vật chất của Học viện đảm bảo đủ theo quy định của Nhà nước cho một cán bộ giảng viên.

2. Điểm mạnh

Có đủ phòng làm việc, trang thiết bị cho cán bộ, giảng viên theo chuẩn.

3. Tồn tại

Một số phòng làm việc xây dựng đã lâu, độ cao mới chỉ từ hai đến ba tầng do đó chưa tối ưu hóa được diện tích đất hiện có.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016 - 2017, Học viện tiếp tục bố trí lại một số phòng và sửa chữa lại để đảm bảo tốt hơn chất lượng phòng làm việc của cán bộ, giảng viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 9.7. Có đủ diện tích đất theo quy định của TCVN 3981-85. Diện tích mặt bằng tổng thể đạt mức tối thiểu theo quy định.

1. Mô tả

Tổng diện tích đất của Học viện cơ bản đạt yêu cầu theo quy định 3981-85. Hiện tại tổng diện tích đất của Học viện là 57.310m² trong đó gồm có khu làm việc, học tập và khu Ký túc xá riêng biệt.

Diện tích đất sử dụng cho nơi làm việc: 1.963 m²

Diện tích đất sử dụng cho nơi học 6.842,1 m²

Diện tích sử dụng cho vui chơi giải trí: 22.641 m²

Tổng diện tích sàn sử dụng làm phòng học: 25.023 m²

Có đủ diện tích đất và diện tích mặt bằng tổng thể theo quy định. [9.7-1], [9.7-2]

2. Điểm mạnh

Diện tích đất của Học viện cơ bản đạt theo tiêu chuẩn 3981-85.

Có đơn vị chuyên trách lập kế hoạch sử dụng có hiệu quả quỹ đất của Học viện.

3. Tồn tại

Trong kế hoạch phát triển Học viện trong thời gian tới thì diện tích đất trên chưa đủ để đáp ứng nhu cầu mở rộng đào tạo của Học viện.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016 - 2017, Học viện xây dựng quy hoạch bổ xung để đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô trong thời gian tới.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 9.8. Có quy hoạch tổng thể về phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của Nhà trường

1. Mô tả

Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã trình hồ sơ lên Sở Quy hoạch Kiến

trúc, Sở Xây dựng Hà Nội, Sở Tài nguyên Môi trường bản quy hoạch tổng thể Học viện. Bản quy hoạch tổng thể bao gồm: các công trình hiện có, các công trình đã được phê duyệt nhưng chưa triển khai xây dựng. Do vậy, hàng năm Học viện đều tổng kết đánh giá tiến độ xây dựng các công trình nằm trong quy hoạch tổng thể của Học viện [9.8-1].

2. Điểm mạnh

Học viện đã hoàn thành bản quy hoạch tổng thể Học viện.

Hàng năm Học viện tổ chức họp đánh giá tiến độ, kế hoạch triển khai xây dựng các hạng mục công trình.

3. Tồn tại

Trên quy hoạch học viện còn một số hạng mục đã được phê duyệt nhưng chưa triển khai xây dựng.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2016 - 2017, Học viện đã đề xuất xây dựng một hạng mục là ký túc xá 12 tầng phục vụ nhu cầu nội trú của sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 9.9. Có biện pháp bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn, an ninh cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

1. Mô tả

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có biện pháp bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn, an ninh cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

Công tác quản lý và bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học được Học viện rất chú trọng, theo đó Học viện thành lập tổ Bảo vệ thuộc Phòng Hành chính - Văn phòng Học viện gồm 21 người, 5 biên chế cơ hữu, 13 hợp đồng và 3 bảo vệ khu vực Ký túc xá học viện [9.9-1].

Học viện có các quy định rõ ràng, cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, hoạt động của Tổ Bảo vệ. Nhiệm vụ chính của tổ Bảo vệ: Tổ chức tuần tra canh gác 24/24h hàng ngày; đảm bảo an ninh, trật tự trong Học viện; thường trực và xung

kích trong công tác phòng cháy chữa cháy. Ngoài ra tổ bảo vệ còn có chức năng tham mưu cho phòng Hành chính các chủ trương, biện pháp triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên về đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong Học viện. Các thành viên trong tổ bảo vệ được phân công làm 3 ca trực theo lịch phân công trực cụ thể nhằm đảm bảo lịch trực 24/24 giờ. Những ngày lễ, tết có phân công trực lãnh đạo, trực phòng, ban để hỗ trợ tổ bảo vệ. Trong quá trình công tác, nhân viên bảo vệ có sổ ghi chép tiến trình công việc, diễn biến trong ca trực, cuối ngày ký bàn giao cho ca kế tiếp theo. Nhân viên bảo vệ được trang bị đồ dùng, phương tiện bảo vệ đúng quy định và trang phục đáp ứng yêu cầu công tác (như: quần áo đồng phục, thẻ, phù hiệu, giày, dụng cụ hỗ trợ, bộ đàm, đèn pin..). Năm học 2014 - 2015, Học viện đã tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho Tổ bảo vệ, qua đó giúp tổ bảo vệ nâng cao về trình độ nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu công tác bảo vệ của Học viện [9.9-2]

Để đảm bảo an toàn cho cán bộ viên chức, người lao động và học viên, sinh viên, trong các tòa nhà, khu giảng đường Học viện đều có bảng hướng dẫn sử dụng thiết bị cũng như các thông báo, quy định an toàn khi sử dụng thiết bị. Nhà trường lắp đặt hệ thống thiết bị tự động báo động cháy nổ tại khu Nhà Hành chính A1, Trung tâm thông tin khoa học A2 và các khu giảng đường. Hệ thống phòng cháy chữa cháy (gồm: bình chữa cháy, hệ thống máy bơm, đường dẫn, vòi dẫn nước được lắp đặt ở các khu nhà, lớp học...) được kiểm tra, bổ sung, thay thế định kỳ [9.9-3]

Hàng năm Học viện thành lập Ban chỉ đạo phòng cháy chữa cháy và thành lập Đội phòng cháy chữa cháy tại chỗ, các thành viên gồm cán bộ thuộc các đơn vị trong Học viện. Các thành viên đội Phòng cháy chữa cháy được tham gia tập huấn nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy do Học viện phối hợp với Lực lượng phòng cháy chữa cháy quận Cầu Giấy và thành phố Hà Nội tổ chức. [9.9-4]

Học viện xây dựng hệ thống tường rào bao quanh, tạo ranh giới giữa trụ sở nhà trường và khu dân cư, góp phần bảo vệ tài sản Học viện, giúp cho việc bảo đảm an ninh, an toàn giờ học. Hàng năm, Học viện thành lập Ban chỉ huy

phòng chống lụt bão nhà trường, phối hợp chặt chẽ với Ban chỉ huy phòng chống lụt bão của phường Dịch Vọng hậu, quận Cầu Giấy trong triển khai hoạt động; định kỳ cắt tỉa cây xanh trước mùa mưa bão; luôn chỉ đạo kịp thời công tác bảo vệ tài sản về người và vật chất khi có mưa to, gió bão... [9.9 -5]

Công tác bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn và an ninh trong Học viện do phòng Hành chính, Văn phòng Học viện chịu trách nhiệm quản lý và điều hành, đồng thời phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện. Học viện quy định việc bảo vệ tài sản tại các đơn vị trong Học viện, tài sản được phân bổ về các đơn vị nào thì đơn vị đó có trách nhiệm theo dõi, quản lý và sử dụng, đồng thời thực hiện công tác kiểm kê, đánh giá hiện trạng sử dụng hàng năm theo quy định. [9.9-6]

Công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh trong Học viện được bảo đảm. Hằng năm, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đều được công an quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội đánh giá tốt và khen thưởng về công tác bảo vệ, đảm bảo an ninh trật tự trường học[9.9-7]. Tổ Bảo vệ thường xuyên theo sát trên mọi địa bàn trong Học viện, trình lãnh đạo duyệt công tác bảo vệ và thông báo đến các đơn vị cũng như cán bộ, giảng viên và sinh viên để phối hợp với các đơn vị chức năng bảo đảm trật tự an ninh trường học, có kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự trong các tình huống bảo vệ. Học viện có quan hệ phối hợp chặt chẽ với công an phường Dịch Vọng Hậu, công an quận Cầu Giấy nên các vụ việc mất an toàn trật tự xảy ra trong khuôn viên Học viện đều được giải quyết kịp thời. Sự phối hợp tốt, trong công tác bảo vệ đã đảm bảo an ninh trật tự trong khuôn viên của Học viện, đặc biệt là trong các kỳ thi, các cuộc đón tiếp khách quốc tế, lãnh đạo Đảng, Nhà nước.

Học viện nằm trên địa bàn có nhiều diễn biến phức tạp về an ninh, trật tự, đặc biệt là khu vực ký túc xá, tổ bảo vệ đa phần là nhân viên hợp đồng công nhật, còn hạn chế về kỹ năng và nghiệp vụ nên công tác đảm bảo an toàn trật tự cho toàn Học viện còn có khó khăn.

2. Điểm mạnh

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có sự phối hợp chặt chẽ với công an Phường, Quận và Thành phố cùng các đơn vị chức năng trong trường đảm bảo giữ gìn trật tự an toàn, an ninh Học viện, khu vực ký túc xá.

3. Tồn tại

Phần lớn cán bộ thuộc tổ bảo vệ là lao động hợp đồng công nhật, tính chuyên nghiệp chưa cao nên sự phối hợp giữa tổ bảo vệ với các lực lượng đảm bảo an toàn, an ninh trật tự khác trong Học viện chưa được chặt chẽ.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016 - 2017, Văn phòng xây dựng kế hoạch phối hợp với các lực lượng liên quan đảm bảo an ninh, an toàn, trật tự trong Học viện và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao nghiệp vụ cho nhân viên tổ bảo vệ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

*** Kết luận tiêu chuẩn 9:**

Điểm mạnh nổi bật

Số lượng tài liệu hiện có trong thư viện đã đáp ứng được yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và sinh viên trong Học viện;

Thư viện số được đầu tư và cập nhật thường xuyên, hỗ trợ tích cực trong hoạt động dạy học của Học viện.

Số lượng các phòng học, phòng thực hành đã đáp ứng được yêu cầu của từng ngành đào tạo.

Trang thiết bị luôn được cung cấp bổ sung hàng năm để thay thế các thiết bị đã hỏng và lắp đặt mới vào các phòng học chưa được trang bị. Việc xử lý sự cố các thiết bị phục vụ học tập trong các phòng học, hội trường được thực hiện ngay sau khi Trung tâm Thực hành và Hỗ trợ đào tạo nhận được thông báo, đáp ứng kịp thời yêu cầu giảng dạy và học tập.

Số lượng thiết bị tin học hỗ trợ hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học, công tác quản lý và điều hành được đảm bảo, đồng thời với việc hỗ trợ triển khai các phần mềm đã tăng thêm tính hiệu quả của các trang thiết bị trong việc hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học, công tác quản lý và điều hành.

Đã đưa vào sử dụng được các phòng học theo kế hoạch để đảm bảo đủ diện tích học cho sinh viên

Có đủ phòng làm việc, trang thiết bị cho cán bộ, giảng viên theo chuẩn.

Diện tích đất của Học viện cơ bản đạt theo tiêu chuẩn 3981-85.

Có đơn vị chuyên trách lập kế hoạch sử dụng có hiệu quả quỹ đất của Học viện.

Học viện đã hoàn thành bản vẽ quy hoạch tổng thể Học viện. Hàng năm Học viện tổ chức họp đánh giá tiến độ, kế hoạch triển khai xây dựng các hạng mục công trình.

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có sự phối hợp chặt chẽ với công an Phường, Quận và Thành phố cùng các đơn vị chức năng trong trường đảm bảo giữ gìn trật tự an toàn, an ninh Học viện, khu vực ký túc xá.

Những tồn tại cơ bản

Thư viện Học viện Báo chí và Tuyên truyền chưa liên kết chặt chẽ với các thư viện trong hệ thống Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, thư viện các trường đại học trong và ngoài nước để khai thác, trao đổi tài liệu.

Học viện còn có một số phòng học tạm cần nâng cấp để đáp ứng quy mô và phương thức đào tạo của Học viện.

Vẫn còn 20% phòng học lý thuyết chưa được lắp đặt thiết bị trợ giảng cố định phục vụ học tập, khoảng 23% máy tính cũ với cấu hình thấp cần được nâng cấp và thay thế.

Công tác quản lý việc khai thác, sử dụng các thiết bị tin học vào các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học, công tác quản lý và điều hành còn có những hạn chế do thiếu các quy định, cơ chế quản lý thống nhất; các thiết bị CNTT có phần còn chưa được đồng bộ.

Học viện là đơn vị hành chính hưởng kinh phí từ ngân sách Nhà nước hạn hẹp, phân tán. Do đó, cần nhiều sinh viên có nhu cầu nội trú nhưng ký túc xá chưa đáp ứng hết được cho sinh viên.

Một số phòng làm việc xây dựng đã lâu, độ cao từ hai đến ba tầng do đó chưa tối ưu hóa được diện tích đất hiện có.

Tuy vậy, trong kế hoạch của Học viện trong thời gian tới thì diện tích đất trên chưa đủ để đáp ứng nhu cầu mở rộng đào tạo của Học viện.

Trên quy hoạch học viện còn một số hạng mục đã được phê duyệt nhưng chưa triển khai xây dựng.

Phần lớn cán bộ thuộc tổ bảo vệ là lao động hợp đồng công nhật, tính chuyên nghiệp chưa cao nên sự phối hợp giữa tổ bảo vệ với các lực lượng đảm bảo an toàn, an ninh trật tự khác trong Học viện chưa được chặt chẽ.

Tiêu chuẩn 9 có 09 tiêu chí đạt yêu cầu.

Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính

Mở đầu

Học viện có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường. Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính trong trường được chuẩn hoá, công khai hoá, minh bạch và theo đúng quy định. Đảm bảo sự phân bổ kinh phí, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của trường.

Tiêu chí 10.1: Có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường

1. Mô tả

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có các nguồn tài chính hợp pháp như sau:

1, Nguồn thu từ ngân sách Nhà nước cấp: bao gồm kinh phí đào tạo hệ đại học, sau đại học, kinh phí đào tạo lại, nghiên cứu khoa học, đào tạo lưu học sinh Lào, kinh phí cấp bù học phí chuyên ngành Lý luận.

2, Các nguồn thu sự nghiệp ngoài ngân sách Nhà nước cấp: bao gồm nguồn thu học phí đào tạo chính quy (đại học, sau đại học); học phí đào tạo hệ không chính quy (VLVH, bằng hai); hợp đồng đào tạo với các địa phương để đào tạo hệ vừa làm vừa học (đại học, bằng hai).

3, Các nguồn thu hợp pháp khác như hoạt động dịch vụ, phục vụ đào tạo (dịch vụ giữ xe đạp, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng các lớp B1, B2, chuyển đổi sau đại học, ôn thi đầu vào sau đại học, bồi dưỡng kiến thức chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ, ...) [10. 1- 1].

Học viện có các giải pháp thực hiện tự chủ về tài chính Hàng năm, căn cứ vào tình hình thu chi tài chính và các hoạt động thực tế của đơn vị cũng như dự báo được các nhiệm vụ lớn của năm sau, lập kế hoạch dự toán tài chính rõ ràng và sát thực tế. Việc phân bổ kinh phí cho các hoạt động trọng tâm của nhà trường về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác được thực hiện một cách hợp lý và đúng theo quy định về quản lý tài chính tài sản của Nhà

nước. Công tác phân bổ kinh phí đã dựa trên các hoạt động và chiến lược phát triển của nhà trường trên cơ sở vừa đáp ứng được yêu cầu công việc, vừa có tích lũy để đầu tư phát triển và tăng thu nhập cho người lao động [10.01- 02]. Năm 2009, sau khi chuyển sang cơ chế tự chủ một phần về tài chính đơn vị đã kịp thời ban hành Quy chế tiêu nội bộ, để thực hiện quy định tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính. Hàng năm, căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế của đơn vị và những thay đổi trong quản lý của tài chính của Nhà nước, Trường đều có những sửa đổi, bổ sung cho phù hợp trên nguyên tắc tiết kiệm, tăng thu, giảm chi nhằm đảm bảo các hoạt động của đơn vị đồng thời từng bước nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho cán bộ viên chức [10. 1- 3].

Học viện cũng dành một phần kinh phí đáng kể để tái đầu tư phát triển. Giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2014, Trường đã tích lũy để mua sắm các trang thiết bị phục vụ học tập, giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo như máy chiếu projector, phòng thực hành máy tính, Studio, máy quay, phòng Lab, phòng học ngoại ngữ, sửa chữa nhà ở KTX E6, cải tạo hệ thống đường điện, trang bị hệ thống phần mềm kế toán và phần mềm quản lý đào tạo...., đồng thời cũng đã cân đối nguồn vốn tự có để đầu tư nhà ở Ký túc xá sinh viên [10.1-4].

Học viện có những kế hoạch thực hiện tự chủ về tài chính

Tất cả các nguồn thu của đơn vị đều được tập hợp đầy đủ, ghi chép vào sổ sách rõ ràng theo một hệ thống tài khoản đúng quy định của Nhà nước được thể hiện thông qua các báo cáo quyết toán tài chính hàng quý, năm và được lưu trữ kỹ càng ở bộ phận Kế hoạch - Tài vụ [10.1-5]

Thực hiện chiến lược khai thác các nguồn thu để tăng kinh phí hoạt động cho đơn vị, Học viện đã xây dựng phương án thể hiện trong kế hoạch chiến lược phát triển của trường giai đoạn 2013 - 2020 như sau: “Thực hiện đa dạng hoá các nguồn tài chính theo hướng xã hội hoá giáo dục, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính đảm bảo cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, nâng cao đời sống cho cán bộ và đầu tư phát triển nhà trường. Tăng cường khai thác các nguồn thu mới như đào tạo chứng chỉ; dự án đề tài trọng điểm cấp

Nhà nước; dự án hợp tác nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước, liên kết đào tạo với nước ngoài . . . để bổ sung nguồn thu của đơn vị” [10.1-6].

Các nguồn thu hợp pháp của Học viện ngày càng tăng đáp ứng các hoạt động của Học viện và phục vụ tái đầu tư phát triển cụ thể mỗi năm tăng bình quân 10-15% năm trước so với năm sau.

Stt	Nội dung	Năm 2010	Năm 2011	Tỷ lệ tăng trưởng (% so với năm trước)	Năm 2012	Tỷ lệ tăng trưởng (% so với năm trước)	Năm 2013	Tỷ lệ tăng trưởng (% so với năm trước)	Năm 2014	Tỷ lệ tăng trưởng (% so với năm trước)
A	Tổng thu(I+II)	104.299	125.495	20	143.794	15	170.572	19	189.934	11
1	Ngân sách cấp	61.694	75.542	22	81.636	8	91.717	12	100.992	10
2	Thu sự nghiệp	42.605	49.953	17	62.158	24	78.855	27	88.942	13

Tỷ lệ nguồn kinh phí đầu tư so với tổng kinh phí(%)

STT	Nguồn kinh phí đầu tư (%)	Năm học				
		2010	2011	2012	2013	2014
1	Ngân sách nhà nước cấp	74.08	70.85	61.29	64.70	63.88
2	Kinh phí thu sự nghiệp (học phí, lệ phí)	25.92	29.15	38.71	35.30	36.12

2. Điểm mạnh

Học viện Báo chí và Tuyên truyền điều hành tập trung các nguồn vốn, điều tiết sử dụng hợp lý các nguồn thu để đáp ứng yêu cầu về công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác.

Các nguồn thu được phản ánh một cách đầy đủ, rõ ràng, minh bạch theo đúng quy định của Nhà nước.

Học viện đã có chiến lược và các giải pháp cụ thể để khai thác và tăng nguồn thu về đào tạo hợp đồng tại chức các địa phương và hợp tác nghiên cứu khoa học, đào tạo liên kết với nước ngoài, tham gia các đề án trọng điểm...

3. Tồn tại

Nguồn thu từ kinh phí nghiên cứu khoa học còn hạn hẹp, các khoản thu dịch vụ chưa được khai thác triệt để.

4. Kế hoạch hành động

Trong những năm tới đây, Học viện đưa ra các giải pháp tăng các nguồn thu như thu từ nguồn nghiên cứu khoa học và các khoản thu dịch vụ để đảm bảo nguồn lực tài chính thực hiện tự chủ về tài chính.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 10.2. Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính trong trường được chuẩn hoá, công khai hoá, minh bạch và theo đúng quy định.

1. Mô tả

Học viện luôn coi trọng việc lập kế hoạch tài chính trên cơ sở chiến lược phát triển của Học viện theo từng giai đoạn. Việc lập kế hoạch tài chính hàng năm thể hiện qua việc lập dự toán thu, chi theo đúng thời gian, nội dung, biểu mẫu, thuyết minh đầy đủ rõ ràng cơ sở tính toán số liệu của mỗi chỉ tiêu và chi tiết các khoản thu, chi theo mục lục Ngân sách Nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh từ các nguồn kinh phí khác nhau [10.2-1].

Học viện công bố công khai việc phân bổ kinh phí cho từng hoạt động cụ thể xuất phát từ yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học thực tế của các lĩnh vực hoạt động. Công tác quản lý tài chính đã được tin học hóa bằng phần mềm được quản lý từ khâu lập kế hoạch đến báo cáo quyết toán, in sổ sách lưu trữ và qua báo cáo 3 công khai hàng năm [10.2-2].

Hàng năm toàn bộ số liệu tổng hợp về tình hình thu chi tài chính của Học viện đều được công bố công khai trước hội nghị cán bộ viên chức toàn trường [

10.02-03]. Quy chế chi tiêu nội bộ cũng được thảo luận đến từng cán bộ, giảng viên góp ý thống nhất để điều chỉnh, sửa đổi hàng năm [10.2-4].

Toàn bộ hoạt động tài chính của Học viện được quy về một đầu mối do phòng Kế hoạch - Tài vụ thực hiện. Phòng Kế hoạch - Tài vụ tổ chức hệ thống kế toán, báo cáo quyết toán theo đúng chế độ quy định. Trong nhiều năm nhà trường không vi phạm các quy định về tài chính, thực hiện đúng Luật Kế toán, Luật Ngân sách Nhà nước và Quy chế chi tiêu nội bộ thể hiện qua các thông báo phê duyệt quyết toán hàng năm của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Trong những năm qua, công tác lập kế hoạch tài chính tại Học viện đã đáp ứng tính chuẩn hóa, công khai, minh bạch và theo quy định. Đã ban hành các quy định và quy trình lập kế hoạch tài chính, được thể hiện qua các thông báo triển khai lập kế hoạch tài chính đến từng đơn vị và biên bản các hội nghị thảo luận xây dựng kế hoạch tài chính [10.2-5] và được Giám đốc duyệt. Trong công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính Học viện luôn thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý tài chính của Nhà nước, của Học viện: Quyết định số 19 về chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp [10.2-6], Nghị định số 43 nay là Nghị định số 16 của Chính phủ về quy định tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện [10.2-7].

Kế hoạch thu, chi tài chính Học viện luôn bám sát kế hoạch hoạt động của trường, phù hợp và ưu tiên cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các chiến lược quy hoạch phát triển cụ thể đồng thời có tích lũy để tái đầu tư phát triển. Bên cạnh đó, kế hoạch cũng được công khai, minh bạch [10.2-8].

2. Điểm mạnh

Công tác quản lý tài chính tài sản chặt chẽ, rõ ràng, công khai, minh bạch và đúng quy định của Nhà nước.

3. Tồn tại

Việc lập kế hoạch tài chính hàng năm chưa phân tích chi tiết hiệu quả của việc sử dụng kinh phí và tính cân đối giữa các lĩnh vực hoạt động.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016 - 2017, Học viện ban hành các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài chính để đảm bảo khai thác tốt các nguồn thu, góp phần đảm bảo chi thường xuyên và tăng thu nhập cho cán bộ viên chức.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 10.3: Đảm bảo sự phân bổ kinh phí, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của trường.

1. Mô tả

Cùng với việc xây dựng kế hoạch ngân sách tài chính hàng năm sát với thực tế, Học viện cũng đã có các giải pháp phù hợp để quản lý, điều hành tập trung các nguồn thu. Tất cả các nguồn lực tài chính đều được phân bổ sử dụng hợp lý, rõ ràng, minh bạch và phát huy hiệu quả tốt. Hàng năm, sau hội nghị phân bổ ngân sách của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh cho các đơn vị thành viên trực thuộc, Học viện đã căn cứ vào tình thực tế của đơn vị để phân bổ kinh phí đúng quy định, phù hợp với nhiệm vụ trọng tâm về đào tạo và nghiên cứu khoa học của các đơn vị trong Học viện. Việc phân bổ kinh phí luôn bám sát với quy hoạch tổng thể ngắn hạn và dài hạn của trường, cũng như đáp ứng được trọng tâm chiến lược ưu tiên phát triển hàng năm của đơn vị [10.3-1]. Kinh phí đầu tư cho các hoạt động trong năm được cân đối theo nhiệm vụ chính trị được giao và chỉ tiêu ngân sách nhà nước phân bổ [10.3-2]. Việc bố trí ngân sách Học viện luôn ưu tiên cho nhiệm vụ đào tạo nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy. Ngoài ra, hoạt động nghiên cứu khoa học cũng được bổ sung một phần kinh phí đáng kể ngoài kinh phí Nhà nước cấp [10.3-3].

**Tỷ lệ phân bổ kinh phí cho từng hạng mục trong tổng kinh phí
của Học viện từ năm 2010-2014**

TT	Tỷ lệ đầu tư (%)	Năm 2010-2014				
		2010	2011	2012	2013	2014
1	Đào tạo đại học - cao đẳng	87.53	84.84	83.03	83.95	83.19
2	Đào tạo sau đại học	4.88	8.94	9.61	11.03	11.45
3	Nguyên cứu khoa học	1.94	2.02	1.86	1.22	0.65
4	Đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ	0.22	0.23	0.20	0.15	0.13
5	Đào tạo Học viên Lào - Campuchia	5.43	3.97	5.30	3.65	4.58
	Tổng cộng:	100	100	100	100	100

Tỷ lệ phân bổ kinh phí chi tiết so với tổng kinh phí của từng hạng mục (%)

TT	Tỷ lệ đầu tư (%)	Năm 2010-2014				
		2010	2011	2012	2013	2014
1	Ngân sách đào tạo đại học - cao đẳng	100	100	100	100	100
	- Chi cho con người: lương, học bổng, các khoản đóng góp	41.96	39.43	53.44	36.74	45.93
	- Chi cho nghiệp vụ chuyên môn, giảng dạy	25.75	21.48	27.33	29.21	34.65
	- Chi mua sắm, sửa chữa tài sản cố định	31.14	38.05	13.82	28.12	17.98
	- Các khoản chi khác	1.15	1.04	5.41	5.93	1.44
2	Ngân sách đào tạo sau đại học	100	100	100	100	100
	- Chi cho lương, phụ cấp cán bộ, trợ cấp 38	0	54.55	68.55	9.62	27.17
	- Chi cho nghiệp vụ chuyên môn, giảng dạy	100	45.45	31.45	90.38	72.83
3	Ngân sách nghiên cứu khoa học công nghệ	100	100	100	100	100
	- Chi cho đề tài cấp Trường	83.44	53.23	55.56	49.41	52.14
	- Chi cho đề tài cấp Bộ	16.56	16.73	13.33	9.88	15.79
	- Chi cho đề tài cấp Nhà nước		30.04	31.11	40.71	32.07
4	Ngân sách đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ	100	100	100	100	100
5	Nguồn kinh phí thu sự nghiệp	100	100	100	100	100
	- Chi hỗ trợ cho đào tạo	69.38	76.19	71.72	73.08	57.30
	- Chi hỗ trợ cho quản lý	2.00	2.00	2.00	2.00	2.00

	- Chi mua sắm trang thiết bị	28.62	5.45	14.74	3.41	22.64
	- Các khoản chi khác	0	16.36	11.54	21.51	18.06
6	Ngân sách đào tạo các loại hình khác: Đào tạo Học viên Lào, Cam Puchia	100	100	100	100	100

Tỷ lệ chi tiêu thực tế so với tổng kinh phí của từng hạng mục (%)

TT	Tỷ lệ đầu tư (%)	Năm 2010-2014				
		2010	2011	2012	2013	2014
1	Ngân sách đào tạo đại học - cao đẳng	99.78	90.90	89.57	98.72	94.98
2	Ngân sách đào tạo sau đại học	100	100	86.61	100	100
3	Ngân sách nghiên cứu khoa học công nghệ	100	100	100	100	100
4	Ngân sách đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ	93.34	100	99.60	97.98	100
5	Nguồn kinh phí thu sự nghiệp	85.71	98.32	100	100	86.40
6	Ngân sách đào tạo các loại hình khác: Đào tạo Học viên Lào, Cam Puchia	80.14	93.29	83.05	76.54	76.02

Cơ sở vật chất của Học viện cũng được nâng cao nhờ nguồn kinh phí tiết kiệm và tích lũy để tái đầu tư phát triển. Trong năm 2015, Học viện đã ưu tiên đầu tư để xây dựng một ký túc xá sinh viên 12 tầng (hơn 150 tỷ đồng) bằng nguồn ngân sách và vốn tự cân đối [10.3-4]. Hàng năm, đơn vị cũng bố trí hàng chục tỷ đồng để nâng cấp, trang bị mới hệ thống máy móc (Projektor, máy vitính, hệ thống âm thanh, phòng thực tập máy tính, phòng thực hành . . .) dùng cho học tập, giảng dạy và đổi mới phương pháp dạy học để nâng cao chất lượng đào tạo [10.3-5]. Ngoài ra, Học viện cũng luôn ưu tiên bố trí kinh phí để nâng cao chất lượng đội ngũ giảng dạy (thông qua chế độ đãi ngộ khuyến khích đi học sau đại học, chế độ bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ giảng dạy tập sự ở lại Học viện, cán bộ chuyên môn . . .) [10.3-6], đồng thời cũng thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên để nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất của cán bộ [10.3-7]. Học viện cũng dành một khoản kinh phí không nhỏ trong ngân sách chi thường xuyên để tổ chức các hoạt động văn hoá, thể thao hàng năm cho cán bộ nhờ vậy mà phong trào văn hoá thể thao trong đơn vị luôn đạt được thứ hạng cao trong các trường và đời sống tinh thần của người lao động được nâng cao, đa số cán bộ viên chức yên tâm công tác [10.3-8].

Từ năm 2009 đến nay, qua các lần duyệt quyết toán quý, năm của đơn vị cấp trên Học viện Báo chí và Tuyên truyền không có sai phạm nào về nguyên tắc quản lý tài chính tài sản và luôn được đánh giá tốt [10.3-9], Quy chế chi tiêu tài chính nội bộ luôn lấy ý kiến rộng rãi của cán bộ viên chức để ban hành và sửa đổi qua các năm và được công khai rõ ràng các định mức chi tiêu [10.3-10]. Việc sử dụng các nguồn kinh phí hợp lý và có hiệu quả đã góp phần nâng cao nguồn lực của Học viện. Số lượng và chất lượng đội ngũ được tăng lên nhanh chóng, tỷ lệ giảng viên có trình độ Giáo sư 01, PGS 30, TS 98, Thạc sỹ 208, cử nhân 68 [10.3-11], cơ sở vật chất được nâng cấp tốt phục vụ đầy đủ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học đã xây dựng thêm 02 giảng đường, 03 phòng máy vi tính thực hành, 04 phòng thực hành chuyên ngành Báo chí, xuất bản, 02 phòng Lab học ngoại ngữ, 01 phòng học trực tuyến và các thiết bị khác nhằm phục vụ công tác dạy và học), thu nhập cán bộ được nâng cao, đời sống vật chất và tinh thần được cải thiện. Các nội dung trên thể hiện tính hợp lý, công khai, minh bạch, có hiệu quả trong việc phân bổ và sử dụng kinh phí của Học viện.

2. Điểm mạnh

Tất cả các nguồn kinh phí đều được phân bổ và sử dụng hợp lý, rõ ràng, minh bạch, tiết kiệm và có hiệu quả. Việc phân bổ kinh phí luôn bám sát với nhiệm vụ trọng tâm về công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, gắn với quy hoạch tổng thể về phát triển nhà trường trong ngắn hạn và dài hạn.

3. Tồn tại

Học viện có nhiều hoạt động cần đầu tư, trong khi đó nguồn thu hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2016 - 2017, Học viện triển khai các biện pháp bổ sung nguồn thu hợp pháp để đầu tư cơ sở vật chất phục vụ công tác dạy và học.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

*** Kết luận tiêu chuẩn 10:**

Điểm mạnh nổi bật

Học viện Báo chí và Tuyên truyền điều hành tập trung các nguồn vốn, điều tiết sử dụng hợp lý các nguồn thu để đáp ứng yêu cầu về công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác. Các nguồn thu được phản ánh một cách đầy đủ, rõ ràng, minh bạch theo đúng quy định của Nhà nước. Đồng thời Học viện cũng đã có chiến lược và các giải pháp cụ thể để khai thác và tăng nguồn thu về đào tạo hợp đồng tại chức các địa phương và hợp tác nghiên cứu khoa học, đào tạo liên kết với nước ngoài, tham gia các đề án trọng điểm...

Học viện đã xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm

một cách khoa học, có hệ thống, sát với yêu cầu thực tiễn đáp ứng được nhiệm vụ chính trị trọng tâm về đào tạo và nghiên cứu khoa học, có tích lũy để tái đầu tư phát triển cơ sở vật chất của nhà trường và nâng cao thu nhập cải thiện đời sống cho cán bộ công nhân viên. Công tác quản lý tài chính tài sản chặt chẽ, rõ ràng, công khai, minh bạch và đúng quy định của Nhà nước.

Tất cả các nguồn kinh phí đều được phân bổ và sử dụng hợp lý, rõ ràng, minh bạch, tiết kiệm và có hiệu quả. Việc phân bổ kinh phí luôn bám sát với nhiệm vụ trọng tâm về công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, gắn với quy hoạch tổng thể về phát triển nhà trường trong ngắn hạn và dài hạn.

Những tồn tại cơ bản

Nguồn thu từ kinh phí nghiên cứu khoa học còn hạn hẹp, các khoản thu dịch vụ chưa được khai thác triệt để.

Việc lập kế hoạch tài chính hàng năm chưa phân tích chi tiết hiệu quả của việc sử dụng kinh phí và tính cân đối giữa các lĩnh vực hoạt động.

Học viện có nhiều hoạt động cần đầu tư, trong khi đó nguồn thu hạn chế.

Tiêu chuẩn 10 có 03 tiêu chí đạt yêu cầu.

PHẦN IV: KẾT LUẬN

Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã tiến hành công tác tự đánh giá nghiêm túc, đúng quy định, với sự tham gia của nhiều thành phần trong nhà trường, đảm bảo kết quả tự đánh giá chính xác, phản ánh đúng thực trạng chất lượng của nhà trường. Thông qua tự đánh giá, Học viện đã nhận diện đầy đủ những điểm mạnh và tồn tại trong từng lĩnh vực công tác, từ đó có cơ sở lập kế hoạch hành động khắc phục và cải tiến hiệu quả trong tương lai, nâng cao chất lượng đào tạo, hướng đến thực hiện đầy đủ các yêu cầu của sứ mạng mà Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã tuyên bố với xã hội.

TP. Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2016

GIÁM ĐỐC

PGS, TS. Trương Ngọc Nam

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Mã trường: HBT
Tên trường: Học viện Báo chí và Tuyên truyền
Khối ngành: Lý luận chính trị và Báo chí truyền thông
Ngày hoàn thành tự đánh giá: 30/5/2016



Các mức đánh giá: Đ: Đạt; C: Chưa đạt; KĐG: Không đánh giá

Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học			
1	Đ		
2	Đ		
Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý			
1	Đ		
2	Đ		
3	Đ		
4	Đ		
5	Đ		
6	Đ		
7	Đ		
Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo			
1	Đ		
2	Đ		
3	Đ		
4	Đ		
5	Đ		
6	Đ		
Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo			
1	Đ		
2	Đ		
3	Đ		
4	Đ		
5	Đ		
6		C	
7	Đ		
Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên			
1	Đ		
2	Đ		
3	Đ		
4	Đ		
5	Đ		
6	Đ		
7	Đ		
8	Đ		
Tiêu chuẩn 6: Người học			

1	Đ		
2	Đ		
3	Đ		
4	Đ		
5	Đ		
6	Đ		
7	Đ		
8		C	
9	Đ		
Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ			
1	Đ		
2	Đ		
3	Đ		
4	Đ		
5	Đ		
6	Đ		
7	Đ		
Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế			
1	Đ		
2	Đ		
3	Đ		
Tiêu chuẩn 9: Trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác			
1	Đ		
2	Đ		
3	Đ		
4	Đ		
5	Đ		
6	Đ		
7	Đ		
8	Đ		
9	Đ		
Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính			
1	Đ		
2	Đ		
3	Đ		

- Số tiêu chuẩn có ít nhất 1 tiêu chí đạt: 10; Số tiêu chí đạt: 59 (chiếm 96.72%);
- Số tiêu chí chưa đạt: 02 (chiếm 3.27%).

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2016

GIÁM ĐỐC

PGS,TS. Trương Ngọc Nam

PHẦN V: PHỤ LỤC

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Thời điểm báo cáo: tính đến ngày 30/5/2016

I. Thông tin chung của nhà trường

1. Tên trường (theo quyết định thành lập):
Tiếng Việt: Học viện Báo chí và Tuyên truyền
Tiếng Anh: Academy of Journalism and Communication
2. Tên viết tắt của trường:
Tiếng Việt: HBT
Tiếng Anh: AJC
3. Tên trước đây (nếu có): Phân viện Báo chí và Tuyên truyền
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
5. Địa chỉ trường: 36 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 84-04-37.546.963 Số fax: 84-4-37.548949
E-mail: website@ajc.edu.vn Website: ajc.edu.vn
7. Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập): 1962
8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I:
9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I:
10. Loại hình trường đào tạo:
Công lập Bán công Dân lập Tư thục
Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Giới thiệu khái quát về nhà trường

11. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của trường: nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số khoa, ngành, quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật.

Học viện báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh được thành lập ngày 16 tháng 01 năm 1962 theo Nghị

quyết số 36 NQ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá II, trên cơ sở hợp nhất 03 trường: Nguyễn Ái Quốc phân hiệu II, Trường Tuyên huấn Trung ương và Trường Đại học Nhân dân. Từ đó đến nay trường lấy ngày 16 tháng 01 hàng năm là ngày kỷ niệm thành lập trường.

Từ khi thành lập đến nay trường lần lượt đổi tên như sau:

- Trường Tuyên giáo Trung ương (1962 - 1969)
- Trường Tuyên huấn Trung ương (1970 - 1983)
- Trường Tuyên huấn Trung ương I (1984 - 2/1990) trên cơ sở hợp nhất Trường Tuyên huấn Trung ương với Trường Nguyễn Ái Quốc V.
- Trường Đại học Tuyên giáo (1990 - 3/1993)
- Phân viện Báo chí và Tuyên truyền (4/1993 - 6/2005)
- Học viện Báo chí và Tuyên truyền (6/2005 đến nay)

Ngày 20/11/1990 Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ra quyết định số 406 - HĐBT công nhận trường là trường Đại học. Từ thời điểm này, Trường vừa là một trường Đảng trực thuộc Ban Bí thư Trung ương, đồng thời là trường đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân. Các hoạt động chuyên môn của nhà trường đều được thực hiện theo quy chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Luật Giáo dục.

Năm 1993, theo quyết định số 61/QĐ/TW ngày 10/3/1993 của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng về việc sắp xếp lại các Trường Đảng trực thuộc Trung ương, trường trở thành trường đại học trực thuộc cơ quan chủ quản là Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh. Theo quyết định này trường có nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng giảng viên các ngành Lý luận chính trị Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, đội ngũ cán bộ tư tưởng Văn hoá, Báo chí và Truyền thông đại chúng cho Đảng và Nhà nước trong phạm vi toàn quốc.

Hiện tại nhà trường đào tạo 29 chuyên ngành bậc đại học; 13 chuyên ngành bậc cao học và 3 chuyên ngành nghiên cứu sinh.

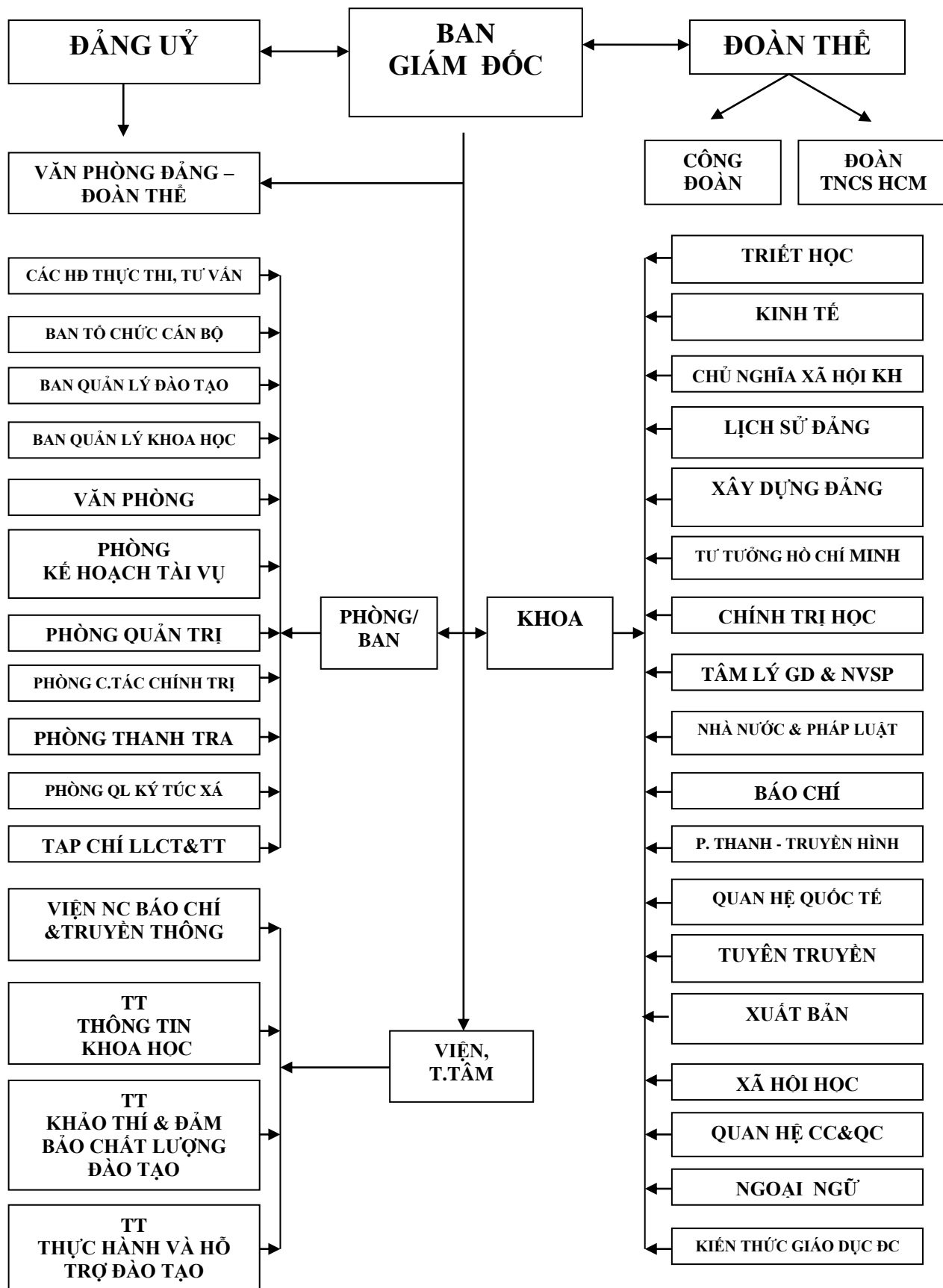
Tổ chức bộ máy của nhà trường có 34 đơn vị Ban, khoa, Phòng, Viện, Trung tâm trực thuộc Ban Giám đốc. Tổng số đội ngũ cán bộ 402 người, cán bộ nghiên cứu giảng dạy chiếm 61,19% (246/402), trong đó có: 01GS, 33 PGS, 64 tiến sỹ, 131 thạc sỹ.

Hoạt động chuyên môn của Nhà trường so với thời kỳ đầu đã có bước phát triển mạnh mẽ. Các chuyên ngành được mở rộng và đào tạo liên tục theo niên khoá. Bắt đầu từ năm 1991, Nhà trường được giao nhiệm vụ đào tạo sau đại học với ngành đầu tiên là Triết học, sau đó mở ra các ngành Báo chí, Xuất bản, Chính trị học... Công tác nghiên cứu khoa học ngày càng có vai trò lớn trong hoạt động chung, góp phần bổ sung và đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy. Các trang thiết bị kỹ thuật hiện đại được đầu tư nhằm phục vụ kịp thời cho các chuyên ngành đặc thù. Nhà trường ngày càng mở rộng các hoạt động hợp tác với các đối tác nước ngoài trong hoạt động trao đổi giảng viên cũng như các dự án quốc tế khác. Chương trình giáo dục, giáo trình định kỳ được rà soát, bổ sung, sửa đổi. Chất lượng đào tạo của nhà trường ngày một nâng cao đáp ứng nhu cầu cán bộ của Đảng và Nhà nước.

Trong suốt chặng đường 50 năm qua, bằng lao động khoa học nghiêm túc và sáng tạo, các thế hệ cán bộ, giảng viên của Học viện đã khắc phục khó khăn, vượt qua thử thách, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, xứng đáng với long tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Với những thành tích to lớn đó, Học viện được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng cao quý như: Huân chương độc lập hạng nhì(1992), Huân chương Độc lập hạng nhất (2001), Huân chương Hồ Chí Minh (2007).

12. Cơ cấu tổ chức hành chính của nhà trường (vẽ sơ đồ mô tả tổ chức hành chính của nhà trường).



13. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của nhà trường (các phòng, ban, khoa, trung tâm chỉ ghi cấp trưởng).

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
1. Giám đốc	Trương Ngọc Nam	PGS.TS	0983.008.959	truongngocnam@ajc.edu.vn
2. Phó Giám đốc	Lưu Văn An	PGS.TS	0904.186.034	luuvanan@ajc.edu.vn
	Phạm Huy Kỳ	PGS.TS	0913.301.011	phamhuyky@ajc.edu.vn
	Nguyễn Vũ Tiên	PGS.TS	0912.571.484	nguyenvutien@ajc.edu.vn
3. Văn phòng Đảng - Đoàn thể				
Bí thư đảng ủy	Trương Ngọc Nam	PGS.TS	0983.008.959	truongngocnam@ajc.edu.vn
Phó bí thư Đảng ủy	Lưu Văn An	PGS.TS	0904.186.034	luuvanan@ajc.edu.vn
Chánh VP Đảng ủy	Vũ Quốc Cường		0904.800.574	vuquoccuong@ajc.edu.vn
BT Đoàn thanh niên	Phạm Tuyên	Thạc sĩ	0988.891.979	phamtuyen@ajc.edu.vn
4. Các phòng, ban chức năng				
Văn phòng Học viện	Trần Thanh Giang	TS, Chánh văn phòng	0984.927.397	tranthanhiang@ajc.edu.vn
Ban Tổ chức cán bộ	Trần Xuân Học	TS, Trưởng ban	0913.382.512	tranxuanhoc@ajc.edu.vn
Ban Quản lý đào tạo	Mai Đức Ngọc	TS, Trưởng ban	0914.990.469	maiducngoc@ajc.edu.vn
Ban Quản lý khoa học	Hoàng Anh	PGS,TS, Trưởng ban	0984.806.704	hoanganh@ajc.edu.vn
Phòng Hợp tác quốc tế	Vũ Thanh Vân	Ths, Trưởng phòng	0906.001.008	vuthanhvan@ajc.edu.vn
P. Kế hoạch - Tài vụ	Nguyễn Thị Hồng Mến	Ths, Trưởng phòng	0984.235.499	nguyenthihongmen@ajc.edu.vn
Phòng Thanh tra	Nguyễn Mạnh Cường	Ths, Phó trưởng phòng phụ trách phòng	0943.973.468	nguyenmanhcuong@ajc.edu.vn
Phòng Quản trị	Phạm Ngọc Lân	Trưởng phòng	0913.002.659	phamngoclan@ajc.edu.vn
Phòng Công tác chính trị	Nguyễn Văn Minh	Ths, Trưởng phòng	0989.304.403	nguyenvanminh@ajc.edu.vn
Phòng Quản lý ký túc xá	Nguyễn Khánh Lộc	Ths, Trưởng phòng	0912.586.093	lekhanhloc@ajc.edu.vn
5. Các trung tâm/ viện trực thuộc				
TT Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	TS, Giám đốc Trung tâm	0936.689.969	nguyenthingochoa@ajc.edu.vn
Viện Nghiên cứu báo chí	Nguyễn Đức Hạnh	Phó Viện Trưởng	01688.706.868	Nguyenduchanh@ajc.edu.vn
Trung tâm thực hành và hỗ trợ đào tạo	Đình Xuân Phi	Ths, Giám đốc	0904.191.759	dinhxuanphi@ajc.edu.vn
TT thông tin khoa học	Nguyễn Thanh Thảo	Giám đốc Trung tâm	0915.595.897	Nguyenthanhthao@ajc.edu.vn
6. Các khoa				
Triết học	Bùi Thị Thanh Hương	PGS, TS, trưởng khoa	0988.867.816	buiithanhhuong@ajc.edu.vn
Kinh tế	Đông Văn Phương	TS, Trưởng khoa	0912.880.051	dongvanphuong@ajc.edu.vn
Chủ nghĩa xã hội KH	Nghiêm sỹ Liêm	TS, Trưởng khoa	0989.539.226	ngiemsyliem@ajc.edu.vn
Lịch sử Đảng	Phùng Thị Hiền	TS, Trưởng khoa	0983.060.364	phungthihien@ajc.edu.vn
Xây dựng Đảng	Trần Thị Anh Đào	PGS,TS, Trưởng khoa	0912.818.736	tranthianhdao@ajc.edu.vn
Chính trị học	Nguyễn Xuân Phong	PGS, TS, Trưởng khoa	0904.030.372	nguyensexuanphong@ajc.edu.vn
Tư tưởng Hồ Chí Minh	Doãn Thị Chin	TS, Trưởng khoa	0917.291.694	doanthichin@ajc.edu.vn
Nhà nước và pháp luật	Trần Quang Hiến	TS, Phó trưởng khoa phụ trách	0913.366.434	tranquanghien@ajc.edu.vn
Quan hệ quốc tế	Phạm Minh Sơn	PGS,TS, Trưởng khoa	0912.778.171	phamminhson@ajc.edu.vn
Xã hội học	Lưu Hồng Minh	TS, Trưởng khoa	0913.043.663	luuhongminh@ajc.edu.vn
Báo chí	Nguyễn Văn Dũng	PGS, TS, Trưởng khoa	0983.525.839	nguyenvandung@ajc.edu.vn
Phát thanh truyền hình	Nguyễn Trí Nhiệm	TS, Trưởng khoa	0903.283.354	nguyentrinhien@ajc.edu.vn
Tuyên truyền	Lương Ngọc Vinh	TS, Trưởng khoa	0974.516.526	luongngocvinh@ajc.edu.vn
Xuất bản	Phạm Văn Thấu	TS, Trưởng khoa	0912.263.690	phamvanthau@ajc.edu.vn
Quan hệ công chúng & Quảng cáo	Nguyễn Thị Minh Hiền	ThS; P. Trưởng khoa	0982.048.883	Dochinghia@ajc.edu.vn
Ngoại ngữ	Vũ Thành Công	Q. Trưởng khoa	0912.322.134	vuthanhcong@ajc.edu.vn
Kiến thức đại cương	Hoàng Minh Lương	PGS,TS; Trưởng khoa	0915.463.627	hoangminhluong@ajc.edu.vn
Tâm lý giáo dục và nghiệp vụ sư phạm	Trần Thị Minh Ngọc	TS; Trưởng khoa	0912.152.033	tranthiminhhngoc@ajc.edu.vn

14. Các ngành/ chuyên ngành đào tạo (còn gọi là chương trình đào tạo):

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ:	03 chuyên ngành
Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ:	13 chuyên ngành
Số lượng ngành đào tạo đại học:	29 chuyên ngành
Số lượng ngành đào tạo cao đẳng:	Không
Số lượng ngành đào tạo TCCN:	Không
Số lượng ngành đào tạo nghề:	Không
Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):	Không

15. Các loại hình đào tạo của nhà trường (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình):	Vừa làm vừa học	

16. Tổng số các khoa đào tạo: 18 khoa

(Số khoa đào tạo phải tương thích với số khoa ở mục 13)

III. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của nhà trường

17. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của nhà trường:

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	153	249	402
I.1	Cán bộ trong biên chế	137	230	367

¹ Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế (đối với các trường công lập) và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	16	19	35
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	150	57	207
	Tổng số	303	306	609

(Nhà trường cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của nhà trường, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên.

18. Thống kê, phân loại giảng viên (chỉ tính những giảng viên trực tiếp giảng dạy trong 5 năm gần đây):

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	7	1			6	
2	Phó Giáo sư	99	26		4	69	
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	140	26		38	76	1
5	Thạc sĩ	169	107	11	13	38	1
6	Đại học	38	9	11		18	
7	Cao đẳng						
8	Trung cấp						
9	Trình độ khác						
	Tổng số	453	157	22	67	207	02

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) = 246 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 61.19%

² Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được nhà trường mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn, môn học, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

³ Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn

Quy đổi số lượng giảng viên của nhà trường⁴:

Số liệu bảng 19 được lấy từ bảng 18 nhân với hệ số quy đổi.

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư	3,0	7	1			6		6,6
2	Phó Giáo sư	2,0	99	26		4	69		82
3	Tiến sĩ khoa học	2,0							
4	Tiến sĩ	1,5	141	64			76	1	119,1
5	Thạc sĩ	1,0	169	120	11		38	1	138,8
6	Đại học	0,8	38	9	11		18		18,88
	Tổng		453	224	22	4	207	2	365,38

Hệ số quy đổi trình độ (cột 3) của các trình độ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ và đại học, đối với các trường ĐH, học viện theo thứ tự 3,0; 2,0; 2,0; 1,5; 1,0; 0,8; đối với các trường CĐ và TCCN: theo thứ tự 3,0; 2,0; 2,0; 1,5; 1,3; 1,0 (không tính các trình độ thấp hơn ĐH) theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 57/2011/TT-BGDĐT ngày 02/12/2011 của Bộ GDĐT. Nếu có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với phó giáo sư.

Cách tính:

$$\text{Cột 10} = \text{cột 3} * (\text{cột 5} + \text{cột 6} + 0,3 * \text{cột 7} + 0,2 * \text{cột 8} + 0,2 * \text{cột 9})$$

19. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

STT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60

⁴ Việc quy đổi áp dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo có hiệu lực tại thời điểm đánh giá

1	Giáo sư, Viện sĩ	1		1						
2	Phó Giáo sư	30	21	9			1	5	11	13
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	64		22	42		22	25	16	2
5	Thạc sĩ	131		38	93	20	83	10	18	
6	Đại học	20		6	14	13	5		2	
7	Cao đẳng									
8	Trung cấp									
9	Trình độ khác									
	Tổng	246		88	158	33	111	40	47	15

19.1 Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu:

STT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	15,5	51,5
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	14,9	35,5
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	40,5	9,5
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	23,2	2,4
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	5,9	1,1
	Tổng	100	100

19.2 Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu:

- Dưới 30 tuổi: 13,41% (33 người)
- Từ 31 - 40 tuổi: 45,12% (111 người)
- Từ 41- 50 tuổi: 16,26% (40 người)
- Từ 51 - trên 60 tuổi: 25,20% (62 người)

19.3 Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường: 38,61% (95/246).

19.4 Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường: 53,25% (131/246).

IV. Người học

Người học bao gồm sinh viên, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh:

20. Tổng số học sinh đăng ký dự thi vào trường, số sinh viên trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh dự thi (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
Đại học							
2010 - 2011	5378	1544	1/5.6	1089			
2011- 2012	5261	1630	1/5.23	1623			37
2012 - 2013	5023	1584	1/5.06	1485			26
2013 - 2014	5512	1620	1/5.87	1614			14
2014- 2015	5079	1748	1/5.16	1712			11

Số lượng sinh viên hệ chính quy đang học tập tại trường: 7523 người.

21. Thống kê, phân loại số lượng người học nhập học trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2010 - 2011	2011- 2012	2012 - 2013	2013 - 2014	2014 - 2015
1. Nghiên cứu sinh	11	12	19	13	33
2. Học viên cao học	315	377	454	669	445
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	1089	1623	1485	1614	1712
Hệ không chính quy	2704	2003	1928	1877	

Tổng số sinh viên chính quy (chưa quy đổi) 7523.

Tổng số sinh viên quy đổi: 11089.

Tỷ lệ sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): 30,34

22. Số sinh viên quốc tế nhập học trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2010-2011	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015
Số lượng	42	38	32	21	21
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên quy đổi	0,37	0,34	0,02	0,01	0,01

23. Sinh viên có chỗ ở trong kí túc xá / tổng số sinh viên có nhu cầu trong 5 năm gần đây:

Các tiêu chí	2010-2011	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	4.925,5	4.925,5	4.925,5	4.925,5	1 nhà đang cải tạo
2. Số lượng sinh viên có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá)	2.000	2.000	2.000	2.000	1 nhà đang cải tạo
3. Số lượng sinh viên được ở trong ký túc xá	1.360	1.405	1.390	1.463	1 nhà đang cải tạo
4. Tỷ số diện tích trên đầu sinh viên ở trong ký túc xá, m ² /người	3,6	3,5	3,54	3,36	1 nhà đang cải tạo

24. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học tham gia nghiên cứu khoa học:

	Năm học				
	2010-2011	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015
Số lượng (người)	99	108	123	79	91
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên quy đổi		1.69% (108/6353)	1.86% (123/6584)	1.51% (79/5214)	1.27% (91/7129)

25. Thống kê số lượng người tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2010 - 2011	2011 - 2012	2012 - 2013	2013 - 2014	2014 - 2015
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học	222	322	303	209	245
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	1003	1027	1424	1365	1566
Hệ không chính quy	1752	2729	2852	1646	2862

(Tính cả những học viên đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng).

26. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2010 -	2011 -	2012 -	2013 -	2014 -
	2011	2012	2013	2014	2015
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	1003	1027	1424	1365	1566
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	92%	63,27%	95,89%	84,57%	97%
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)				44,6%	
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)				38,3%	
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp				17,1%	
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
4.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%) - Sau 6 tháng tốt nghiệp - Sau 12 tháng tốt nghiệp				78,3%	
4.2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)				21,7%	
4.3 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm				3-5 triệu	
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)					

5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)					
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)					

Ghi chú:

- Sinh viên tốt nghiệp là sinh viên có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những sinh viên chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Sinh viên có việc làm là sinh viên tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là nhà trường không điều tra về việc này.

V. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

27. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của nhà trường được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2010 - 2011	2011 - 2012	2012 - 2013	2013 - 2014	2014 - 2015	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	2	2	3	1	1	18
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	3	3	3	1	3	13
3	Đề tài cấp trường	0,5	131	172	150	142	155	375
4	Tổng		136	177	156	144	159	409

Cách tính: Cột 9 = cột 3 . (cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 409.

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,01 (406/402).

28. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của nhà trường

trong 5 năm gần đây: **Không có**

STT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyên giao công nghệ (triệu VND)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyên giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của nhà trường (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyên giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VND/ người)
1	20...			
2	20...			
3	20...			
4	20...			
5	20...			

29. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	40	91	633	
Từ 4 đến 6 đề tài			139	
Trên 6 đề tài				
Tổng số cán bộ tham gia	40	91	772	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

30. Số lượng sách của nhà trường được xuất bản trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2010 - 2011	2011 - 2012	2012 - 2013	2013 - 2014	2014 - 2015	
1	Sách chuyên khảo	2,0	2					4
2	Sách giáo trình	1,5	8	14	8	13	21	96
3	Sách tham khảo	1,0						
4	Sách hướng dẫn	0,5						
5	Tổng							100

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 100.

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.24 (100/402)

31. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	2			
Từ 4 đến 6 cuốn sách		96		
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia				

32. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của nhà trường được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2010 - 2011	2011 - 2012	2012 - 2013	2013 - 2014	2014 - 2015	
1	Tạp chí KH quốc tế	1,5	1	0	2	1	1	7.5
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	1,0	134	145	141	165	115	700
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5						
4	Tổng							707.5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 707,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,75 (707,5/402).

33. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng CBGD có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí / tập san của cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	2	6	72
Từ 6 đến 10 bài báo	1	4	13
Từ 11 đến 15 bài báo			2
Trên 15 bài báo			
Tổng số cán bộ tham gia	3	10	87

34. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của nhà trường báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2010 - 2011	2011 - 2012	2012 - 2013	2013 - 2014	2014 - 2015	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	18	45	88	52	116	319
2	Hội thảo trong nước	0,5	106	40	100	38	105	194,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	161	158	164	164	165	203
4	Tổng		285	243	352	254	386	716,5

(Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 716,5

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,78 (716,5/402).

35. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng CB có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	70	95	215
Từ 6 đến 10 báo cáo			
Từ 11 đến 15 báo cáo			
Trên 15 báo cáo			
Tổng số cán bộ tham gia	70	95	215

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

36. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp trong 5 năm gần đây: **Không có**

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
20...- 20...	
20...- 20...	
20...- 20...	
20...- 20...	
20...- 20...	

37. Nghiên cứu khoa học của sinh viên

37.1. Số lượng sinh viên của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng sinh viên tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài				
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài		x	x	
Tổng số sinh viên tham gia		70	500	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

37.2 Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

STT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2010 -	2011 -	2012 -	2013 -	2014 -
		2011	2012	2013	2014	2015
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	2	2	1	2	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố					

VI. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

38. Tổng diện tích đất sử dụng của trường (tính bằng m²): 57.310 m²

39. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 1.963 Nơi học: 6.842,1 Nơi vui chơi giải trí: 22.641

40. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 25.023

- Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên chính quy: 3.5

41. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường 14300 cuốn

Tổng số đầu sách gắn với các ngành đào tạo có cấp bằng của nhà trường: gần 10.000 cuốn.

42. Tổng số máy tính của trường:

- Dành cho hệ thống văn phòng: 215

- Dành cho sinh viên học tập: 355

Tỷ số số máy tính dành cho sinh viên trên sinh viên chính quy: $355/7156 = 0.05$

43. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 5 năm gần đây:

- Năm 2010: 42.604.803.412 đ

- Năm 2011: 49.952.919.861 đ

- Năm 2012: 62.158.634.255 đ

- Năm 2013: 78.855.192.080 đ

- Năm 2014: 88.941.350.731 đ

44. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 5 năm gần đây:

- Năm 2010: 11.929.120.000 đ

- Năm 2011: 21.113.363.000 đ

- Năm 2012: 24.444.893.000 đ

- Năm 2013: 28.699.495.500 đ

- Năm 2014: 33.872.803.750 đ

VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên (*số liệu năm cuối kỳ đánh giá*):

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 246

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 51.49%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường (%): 38.21%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường (%): 91.46%

2. Sinh viên:

Tổng số sinh viên chính quy (người): 7523.

Tổng số sinh viên quy đổi (người): 11089.

Tỷ số sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): 30,34

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 97%

3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường:

Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 44.6%

Tỷ lệ sinh viên trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 38.3%

4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 78.3%

Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%): 21.7%

Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm (triệu VNĐ): 3-5 triệu đồng.

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: **Chưa thực hiện.**

Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):...

Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):.....

6. Nghiên cứu khoa học và chuyên gia công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyên gia khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,01

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyên gia công nghệ trên cán bộ cơ hữu: không có

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,24

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,75

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,78

7. Cơ sở vật chất (*số liệu năm cuối kỳ đánh giá*):

Tỷ số máy tính dùng cho sinh viên trên sinh viên chính quy: 0,05

Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên chính quy: 3,5

Tỷ số diện tích ký túc xá trên sinh viên chính quy: 0,68 (4925,5m²/7156)

(Lưu ý: Kiểm tra lại để không mục nào bị bỏ sót).

**KẾ HOẠCH
TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NĂM 2015**

1. Mục đích tự đánh giá

- Rà soát, đánh giá thực trạng chất lượng giáo dục của Học viện Báo chí và Tuyên truyền
- Học viện có kế hoạch nâng cao chất lượng giáo dục để giúp Học viện có đủ điều kiện đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của Học viện Báo chí và Tuyên truyền theo các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trong 1 chu kỳ kiểm định chất lượng do Bộ Giáo dục – Đào tạo ban hành (10 tiêu chuẩn, 61 tiêu chí).

3. Công cụ đánh giá

Học viện Báo chí và Tuyên truyền sử dụng bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Quyết định số 76/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2007 và các tài liệu hướng dẫn khác.

4. Kế hoạch huy động các nguồn lực

STT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Đơn vị thực hiện
1	Sứ mạng và mục tiêu của trường (2 tiêu chí)	Tổ chức thu thập và phân tích minh chứng	- Ban tổ chức cán bộ
2	Tổ chức và quản lí (7 tiêu chí)	nt	- Ban tổ chức cán bộ - VP Đảng - Đoàn thể - TT KT&ĐBCLĐT
3	Chương trình giáo dục (6 tiêu chí)	nt	- Ban QLĐT
4	Hoạt động đào tạo (7 tiêu chí)	nt	- Ban QLĐT - TT KT&ĐBCLĐT
5	Đội ngũ cán bộ quản lí, giảng viên và nhân viên (8 tiêu chí)	nt	- Ban tổ chức cán bộ
6	Người học (9 tiêu chí)	nt	- Phòng CTCT - Ban QLĐT - VP Đảng - Đoàn thể

			- Văn phòng - TT KT&ĐBCLĐT
7	Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ (7 tiêu chí)	nt	- Ban Quản lý khoa học
8	Hoạt động hợp tác quốc tế (3 tiêu chí)	nt	Phòng Hợp tác quốc tế
9	Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác (9 tiêu chí)	nt	- Phòng Quản trị - TT Tư liệu – TV - TT Hỗ trợ đào tạo - Văn phòng
10	Tài chính và Quản lý tài chính (3 tiêu chí)	nt	- Phòng Tài vụ

5. Kế hoạch thu thập thông tin ở ngoài trường

Xác định các thông tin cần thu thập từ bên ngoài: Khảo sát tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp năm 2014 có việc làm (khởi lý luận và nghiệp vụ).

6. Kế hoạch thuê chuyên gia

Mục đích thuê chuyên gia: Tư vấn giúp Học viện triển khai tự đánh giá chất lượng và hoàn thành báo cáo theo đúng yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đợt	Các hoạt động cần tư vấn
1	<i>Tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các thành viên của Hội đồng tự đánh giá, ban thư kí, các cán bộ chủ chốt của nhà trường</i>
2	<i>Tư vấn phương pháp thu thập thông tin và minh chứng</i>
3	<i>Tư vấn xây dựng bộ phiếu hỏi</i>
4	<i>Tư vấn viết báo cáo tiêu chí tự đánh giá</i>

7. Nhiệm vụ của các đơn vị trong quá trình tự đánh giá

7.1. Lãnh đạo các đơn vị

- Thông báo chủ trương và các hoạt động tự đánh giá của Học viện tới cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong đơn vị.
- Phối hợp và cung cấp thông tin minh chứng cần thiết cho hoạt động Tự đánh giá.

7.2. Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo

- Xây dựng và lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng giáo dục của Học viện Báo chí và Tuyên truyền
- Chuẩn bị nội dung, tài liệu, các văn bản có liên quan phục vụ qui trình tự đánh giá.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan để triển khai công tác tự đánh giá: Tập huấn về nội dung, kỹ thuật tự đánh giá...
- Tư vấn và giải đáp thắc mắc của các thành viên Hội đồng tự đánh giá
- Đề xuất các phương án cách thức triển khai để hoàn thành Báo cáo tự đánh giá.
- Thu nhận và lưu hồ sơ các văn bản minh chứng...

7.3. Phòng kế hoạch – Tài vụ

- Cung cấp thông tin và minh chứng cho hoạt động tự đánh giá
- Chuẩn bị kinh phí cho hoạt động tự đánh giá của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

8. Thời gian thực hiện

<i>THỜI GIAN</i>	<i>CÁC HOẠT ĐỘNG</i>	<i>NGƯỜI THỰC HIỆN</i>
Tuần 1	- <i>Họp lãnh đạo nhà trường để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên Hội đồng tự đánh giá</i> - <i>Ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá.</i>	<i>HĐ TĐG</i>
Tuần 2	- <i>Họp Hội đồng tự đánh giá để:</i> + <i>Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá;</i> + <i>Thảo luận và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng;</i> + <i>Phân công dự thảo kế hoạch tự đánh giá;</i> - <i>Tiến hành dự thảo kế hoạch tự đánh giá.</i>	<i>HĐ TĐG</i>
Tuần 3	- <i>Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học (thông qua các khoa, phòng, ban...)</i>	<i>Chủ tịch HĐTĐG</i>
Tuần 4	- <i>Tổ chức Hội thảo về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các thành viên của Hội đồng tự đánh giá, các cán bộ chủ chốt của nhà trường, khoa, phòng, ban... (do cán bộ của trường tham gia khoá tập huấn về tự đánh giá hoặc phối hợp với chuyên gia từ bên ngoài để tổ chức Hội thảo);</i> - <i>Hoàn thành bản dự thảo kế hoạch tự đánh giá.</i>	<i>Chuyên gia Tư vấn, Bộ phận KĐCL</i>

Tuần 5	- Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng và các đơn vị	Chủ tịch HĐTĐG
Tuần 6	- Chuẩn bị đề cương báo cáo tự đánh giá.	Ban TK HĐTĐG
Tuần 7	- Thu thập thông tin và minh chứng.	Đơn vị được giao
Tuần 8	- Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được.	Ban TKHĐ TĐG
Tuần 9	- Mô tả thông tin và minh chứng thu được.	Đơn vị được giao
Tuần 10	- Phân tích, lý giải các kết quả đạt được.	nt
Tuần 11	- Họp Hội đồng tự đánh giá để: + Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; + Xác định nhu cầu thu thập thông tin bổ sung; + Điều chỉnh đề cương báo cáo tự đánh giá và xây dựng đề cương chi tiết.	HĐ TĐG
Tuần 12	- Thu thập, xử lý thông tin bổ sung (nếu cần thiết); - Họp Hội đồng tự đánh giá để thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá.	HĐ TĐG
Tuần 13	- Thu thập thông tin bổ sung (nếu cần thiết); - Các cuộc họp bổ sung (nếu cần thiết);	Đơn vị được giao
Tuần 14	- Dự thảo báo cáo tự đánh giá.	Ban TK HĐTĐG
Tuần 15	- Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá.	Đơn vị được giao
Tuần 16	- Họp Hội đồng tự đánh giá với các khoa, phòng, ban, bộ môn... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.	HĐ TĐG

Tuần 17	- Họp Hội đồng tự đánh giá để thông qua bản báo cáo tự đánh giá đã sửa chữa.	<i>nt</i>
Tuần 18	- Công bố báo cáo tự đánh giá trong nội bộ nhà trường và thu thập ý kiến góp ý.	<i>Chủ tịch HĐTĐG</i>
Tuần 19	- Xử lý các ý kiến đóng góp và hoàn thiện bản báo cáo tự đánh giá; - Công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện (nội bộ nhà trường).	<i>Ban TK HĐTĐG</i>
Tuần 20	- Tập hợp ý kiến đóng góp cho quy trình tự đánh giá, các biểu mẫu và các phần khác của tài liệu hướng dẫn; - Nộp bản báo cáo tự đánh giá.	<i>Ban TK HĐTĐG</i>

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Hội đồng tự đánh giá;
- Ban thư ký hội đồng tự đánh giá;
- Các đơn vị trong Học viện;
- Lưu VT, TTKT&ĐBCLĐT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PGS.TS. Trương Ngọc Nam

KẾ HOẠCH

TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NĂM 2016

1. Mục đích tự đánh giá

- Rà soát, đánh giá thực trạng chất lượng giáo dục của Học viện Báo chí và Tuyên truyền theo từng năm học.
- Học viện có kế hoạch cập nhật những nội dung mới nhất để hoàn thiện báo cáo Tự đánh giá chất lượng giáo dục giúp Học viện có đủ điều kiện đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của Học viện Báo chí và Tuyên truyền theo các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trong 1 chu kỳ kiểm định chất lượng do Bộ Giáo dục – Đào tạo ban hành (10 tiêu chuẩn, 61 tiêu chí).

3. Công cụ đánh giá

Học viện Báo chí và Tuyên truyền sử dụng bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Quyết định số 76/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2007 và các tài liệu hướng dẫn khác.

4. Kế hoạch huy động các nguồn lực

STT	Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Các hoạt động	Đơn vị thực hiện
1	Tiêu chí 1.1; 2.1; 2.2; 2.3; 2.6; 5.1; 5.2; 5.3; 5.4; 5.5; 5.6; 5.7; 5.8 (13 tiêu chí)	Tổ chức thu thập, bổ sung và phân tích minh chứng mới năm 2016	Ban tổ chức cán bộ
2	Tiêu chí 1.2; 3.1; 3.2; 3.3; 3.4; 3.5; 3.6; 4.1; 4.2; 4.5; 6.1 (11 tiêu chí).	Nt	Ban Quản lý đào tạo

3	Tiêu chí 7.1; 7.2; 7.3; 7.4; 7.5; 7.6; 7.7; 8.3 (8 tiêu chí)	Nt	Ban Quản lý khoa học
4	Tiêu chí 6.2; 6.3; 6.5; 6.6; 6.7 (5 tiêu chí)	Nt	Phòng Công tác chính trị
5	Tiêu chí 2.5; 4.3; 4.4; 4.6; 4.7; 6.8; 6.9 (7 tiêu chí)	Nt	Trung tâm Khảo thí & Đảm bảo chất lượng đào tạo
6	Tiêu chí 9.5; 9.6; 9.7; 9.8 (4 tiêu chí)	Nt	Phòng Quản trị
7	Tiêu chí 10.1; 10.2; 10.3 (3 tiêu chí)	Nt	Phòng Kế hoạch - Tài vụ
8	Tiêu chí 2.7; 9.4; 9.9 (3 tiêu chí)	Nt	Văn phòng Học viện
9	Tiêu chí 2.4; 6.4 (2 tiêu chí)	Nt	Văn phòng Đảng - Đoàn thể
10	Tiêu chí 8.1; 8.2 (2 tiêu chí)	Nt	Phòng Hợp tác quốc tế
11	Tiêu chí 9.2; 9.3 (2 tiêu chí)	Nt	Trung tâm thực hành - hỗ trợ đào tạo
12	Tiêu chí 9.1 (1 tiêu chí)	Nt	Trung tâm Thông tin Khoa học.

5. Nhiệm vụ của các đơn vị trong quá trình tự đánh giá

5.1. Lãnh đạo các đơn vị

- Thông báo chủ trương và các hoạt động tự đánh giá của Học viện tới cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong đơn vị.
- Phối hợp và cung cấp thông tin minh chứng cần thiết cho hoạt động Tự đánh giá.

5.2. Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo

- Xây dựng và lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng giáo dục của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

- Chuẩn bị nội dung, tài liệu, các văn bản có liên quan phục vụ qui trình tự đánh giá.
- Phối hợp với các đơn vị có liên quan để triển khai công tác tự đánh giá
- Đề xuất các phương án cách thức triển khai để hoàn thành Báo cáo tự đánh giá.
- Thu nhận và lưu hồ sơ các văn bản minh chứng

5.3. Phòng kế hoạch – Tài vụ

- Cung cấp thông tin và minh chứng cho hoạt động tự đánh giá
- Chuẩn bị kinh phí cho hoạt động tự đánh giá của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

6. Thời gian thực hiện (tháng 5/2016 - tháng 1/2017)

THỜI GIAN	CÁC HOẠT ĐỘNG	NGƯỜI THỰC HIỆN
Tháng 5	<ul style="list-style-type: none"> - Họp lãnh đạo nhà trường để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên Hội đồng tự đánh giá - Ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá. 	HĐ TĐG
Tháng 6	<ul style="list-style-type: none"> - Họp Hội đồng tự đánh giá để: + Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; + Thảo luận và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; 	HĐ TĐG
Tháng 7	<ul style="list-style-type: none"> - Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng và các đơn vị 	Chủ tịch HĐTĐG
Tháng 7	<ul style="list-style-type: none"> - Họp Hội đồng tự đánh giá để: + Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; + Xác định nhu cầu thu thập thông tin bổ 	HĐ TĐG

	sung;	
Tháng 7/2016 - Tháng 11/2016	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai thu thập và bổ sung thông tin và minh chứng. - Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. - Mô tả thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích, lý giải các kết quả đạt được. - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá. 	Ban TK HĐTĐG Và Các đơn vị có liên quan
Tháng 12/2016	<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập, xử lý thông tin bổ sung (nếu cần thiết); - Họp Hội đồng tự đánh giá để báo cáo về kết quả thực hiện việc cập nhật, bổ sung thông tin, minh chứng cho báo cáo Tự đánh giá. 	HĐ TĐG
Tháng 1/2017	- Họp Hội đồng tự đánh giá để thông qua bản báo cáo tự đánh giá đã sửa chữa.	HĐ TĐG
Tháng 1/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp ý kiến đóng góp cho quy trình tự đánh giá, các biểu mẫu và các phần khác của tài liệu hướng dẫn; - Nộp bản báo cáo tự đánh giá. 	Ban TK HĐTĐG

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Hội đồng tự đánh giá;
- Các đơn vị trong Học viện;
- Lưu VT, TTKT&ĐBCLĐT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PGS.TS. Trương Ngọc Nam

Số: 1729 /QĐ-HVBC&TT

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

Căn cứ Quyết định số 2956/QĐ – HVCTQG ngày 27/6/2014 của Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Điều lệ trường Đại học được ban hành kèm theo Quyết định số 58/2010/QĐ – TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Hướng dẫn 564/KTKĐCLGD của Bộ GD-ĐT ngày 09 tháng 6 năm 2008 về việc hướng dẫn tự đánh giá trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Xét đề nghị của đồng chí Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục Học viện Báo chí và Tuyên truyền (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai Kế hoạch tự đánh giá chất lượng giáo dục Học viện theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Các đơn vị có liên quan và các đồng chí có tên trong điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu VT, TTKT&ĐBCLĐT

GIÁM ĐỐC

PGS, TS. Trương Ngọc Nam

DANH SÁCH
Thành viên Hội đồng tự đánh giá
(Kèm theo Quyết định số 1729 ngày 04 tháng 6 năm 2015
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	PGS, TS. Trương Ngọc Nam	Giám đốc	Chủ tịch HĐ
2	PGS, TS. Lưu Văn An	Phó Giám đốc	Phó Chủ tịch HĐ
3	PGS, TS. Nguyễn Vũ Tiến	Phó Giám đốc	Phó Chủ tịch HĐ
4	PGS, TS. Phạm Huy Kỳ	Phó Giám đốc	Phó Chủ tịch HĐ
5	ThS. Trần Thị Tú Anh	Phó Giám đốc TTKT&ĐBCLĐT	Thư ký HĐ
6	ThS. Vũ Thanh Vân	Trưởng phòng Hợp tác quốc tế	Thư ký HĐ
7	TS. Mai Đức Ngọc	Trưởng ban QLĐT	Ủy viên
8	TS. Trần Xuân Học	Trưởng ban TCCB	Ủy viên
9	PGS, TS. Hoàng Anh	Trưởng ban QLKH	Ủy viên
10	TS. Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	Ủy viên
11	TS. Trần Thanh Giang	Chánh văn phòng	Ủy viên
11	ThS. Nguyễn Thị Hồng Mến	Trưởng phòng Tài vụ	Ủy viên
12	Đ/c Phạm Ngọc Lân	Trưởng phòng Quản trị	Ủy viên
13	ThS. Nguyễn Văn Minh	Trưởng phòng CTCT	Ủy viên
14	Đ/c Vũ Quốc Cường	Chánh văn phòng Đảng ủy	Ủy viên
15	ThS. Nguyễn Thanh Thảo	PGĐ PT Trung tâm Thông tin TV	Ủy viên
16	ThS. Đinh Xuân Phi	GĐ Trung tâm Thực hành và HTĐT	Ủy viên

(Danh sách gồm có 16 người)

Số: 1730/QĐ-HVBC&TT

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Ban thư ký Hội đồng tự đánh giá

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

Căn cứ Quyết định số 2956/QĐ – HVCTQG ngày 27/6/2014 của Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Điều lệ trường Đại học được ban hành kèm theo Quyết định số 58/2010/QĐ – TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Hướng dẫn 564/KTKĐCLGD của Bộ GD-ĐT ngày 09 tháng 6 năm 2008 về việc hướng dẫn tự đánh giá trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Xét đề nghị của đồng chí Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban thư ký Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục Học viện Báo chí và Tuyên truyền (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Ban thư ký Hội đồng có nhiệm vụ giúp Hội đồng trong việc triển khai tự đánh giá chất lượng giáo dục Học viện theo tiêu chí đánh giá chất lượng và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Các đơn vị có liên quan và các đồng chí có tên trong điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, TTKT&ĐBCLĐT

GIÁM ĐỐC

PGS, TS. Trương Ngọc Nam

DANH SÁCH

Thành viên Ban thư ký hội đồng tự đánh giá
(Kèm theo Quyết định số 1730 ngày 04 tháng 6 năm 2015
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	ThS. Trần Thị Tú Anh	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	Trưởng Ban
2	Nguyễn Minh Phương	Chuyên viên Phòng Hợp tác quốc tế	Phó ban
3	ThS. Đặng Thị Thoa	P. Trưởng ban Tổ chức cán bộ	Ủy viên
4	TS. Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó Trưởng ban QLĐT	Ủy viên
5	ThS. Trần Đình Đức	Chuyên viên Trung tâm KT&ĐBCLĐT	Ủy viên
6	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương	Chuyên viên Trung tâm KT&ĐBCLĐT	Ủy viên
7	ThS. Phạm Ngọc Thông	Chuyên viên Phòng Thanh tra	Ủy viên
8	ThS. Nguyễn Xuân Hiền	Chuyên viên Ban Quản lý khoa học	Ủy viên

(Danh sách gồm có 08 người)

DANH MỤC MINH CHỨNG

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H1.1.1.1	Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Năm 2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H1.1.1.2	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Văn bản số 2956/QĐ – HVCTQG ngày 27 tháng 6 năm 2014	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
H1.1.2.1	Quyết định số 2956/QĐ-HVCTQG quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền		Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
H1.1.2.2	Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành theo Quyết định số 711			
H1.1.2.3	“Đề án xây dựng và phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia về đào tạo giảng viên lý luận chính trị và cán bộ báo chí-truyền thông”.	25/6/2015	Thủ tướng Chính phủ	
H1.1.2.4	“Đề án xây dựng và phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia về đào tạo giảng viên lý luận chính trị và cán bộ báo chí-truyền thông”.	25/6/2015	Thủ tướng Chính phủ	
H1.1.2.5	“Đề án xây dựng và phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia về đào tạo giảng viên lý luận chính trị và cán bộ báo chí-truyền thông”.	25/6/2015	Thủ tướng Chính phủ	
H1.1.2.6	Chức năng, nhiệm vụ của	1990-1993		

	trường Đại học Tuyên giáo			
H1.1.2.7	Chức năng, nhiệm vụ của Phân viện Báo chí và Tuyên truyền	3/1993-8/2005		
H1.1.2.8	Chức năng, nhiệm vụ Học viện Báo chí và Tuyên truyền	8/2005-6/2014		
H1.1.2.9	Nghị quyết Hội nghị Công nhân viên chức hàng năm		Ban tổ chức cán bộ	
H1.1.2.10	Nghị quyết Hội nghị Công nhân viên chức hàng năm		Ban tổ chức cán bộ	
H1.1.2.11	Biên bản các cuộc họp giao ban hàng tháng		Ban tổ chức cán bộ Văn phòng Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H2.2.1.1	Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền		Ban tổ chức cán bộ	
H2.2.1.2	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý đào tạo	Văn bản số 4966/QĐ-HVBC&TT ngày 29 tháng 12 năm 2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H2.2.1.3	Quyết định về việc ban hành Quy chế làm việc của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Văn bản số 853/QĐ-HVCTQG ngày 25 tháng 02 năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H2.2.1.4	Quyết định về việc ban hành Qui định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và hoạt động của Bộ môn trực thuộc khoa của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Văn bản số 2651/QĐ – HVBCCTT ngày 30 tháng 9 năm 2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H2.2.2.1	Quyết định Ban hành Quy định về tiêu chuẩn, quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý	Văn bản số 1435/QĐ-HVCTQG ngày 02 tháng 5 năm 2013	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
H2.2.2.2	Quyết định Ban hành Quy định về việc thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; kéo dài thời gian công tác để làm chuyên môn; nghỉ công tác để hưởng chế độ hưu đối với cán bộ, công chức, viên chức	Văn bản số 1436/QĐ-HVCT-HCQG ngày 02 tháng 5 năm 2013	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	

H2.2.2.3	Quyết định Ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức	Văn bản số 1437/QĐ-HVCT-HCQG ngày 02 tháng 5 năm 2013	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
H2.2.2.4	Quy chế tuyển dụng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Văn bản số 353/QC-HVBC&TT ngày 19 tháng 05 năm 2006	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
H2.2.2.5	Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng của Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh	Tháng 3 năm 2012 Kèm văn bản số 596/QĐ-HVCT-HCQG ngày 22 tháng 03 năm 2012	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
H2.2.2.6	Quyết định về việc ban hành Qui định về Đánh giá, xếp loại để chi thu nhập tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động	Văn bản số 4780/QĐ-HVBC&TT ngày 16 tháng 12 năm 2014	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
H2.2.2.7	Quyết định Ban hành Quy định về chế độ làm thêm giờ của Công chức, viên chức, người lao động Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Văn bản số 1351/QĐ-HVBC&TT ngày 27 tháng 4 năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H2.2.2.8	Quyết định về việc ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Văn bản số 2901/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 08 tháng 10 năm 2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H2.2.2.9	Quyết định về việc Ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy	Văn bản số 2593/QĐ-HVBCTT ngày 25 tháng 10 năm 2012	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H2.2.2.10	Quyết định về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Văn bản số 3434/QĐ-HVBCTT-SĐH ngày 12 tháng 9 năm 2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H2.2.2.11	Quyết định về việc Ban hành Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ	Văn bản số 473/QĐ-HVBCTT ngày 28 tháng 02	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	

		năm 2014		
H2.2.2.12	Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Văn bản số 841/QĐ-HVBC&TT ngày 27 tháng 3 năm 2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H2.2.2.13	Quy chế quản lý hoạt động khoa học	Văn bản số 881/QĐ-HVBC&TT ngày 25 tháng 9 năm 2011	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H2.2.2.14	Quyết định về việc Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ	Văn bản số 28/QĐ-HVBC&TT ngày 04 tháng 1 năm 2010	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H2.2.2.15	Văn bản quy định về hoạt động của tổ chức Đảng			Thiếu
H2.2.2.16	Quyết định về việc ban hành Quy chế (tạm thời) về hoạt động của Ban chấp hành Công đoàn Học viện Báo chí và Tuyên truyền khóa IX, nhiệm kỳ 2012 – 2015	Văn bản số 121/QĐ-CĐ ngày 20 tháng 12 năm 2012	Công đoàn Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H2.2.3.1	Quy chế về giảng viên thỉnh giảng			Thiếu
H2.2.3.2	Quyết định về việc ban hành (tạm thời) chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	Văn bản số 1867/QĐ-HVBC&TT-TCCB ngày 14 tháng 08 năm 2012	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H2.2.3.3	Quy định (tạm thời) về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của phòng Công tác chính trị	Văn bản số 3272/QĐ-HVBC&TT ngày 12 tháng 12 năm 2012	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H2.2.3.4	Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Văn bản số 2789/QĐ-HVBC&TT ngày 11 tháng 10 năm 2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H2.2.4.1	Nghị quyết của Đại hội Đảng		Văn phòng Đảng –	

	bộ Học viện		Đoàn thể	
H2.2.4.2	Biên bản sinh hoạt định kỳ của các chi bộ và của Đảng ủy Học viện		Văn phòng Đảng – Đoàn thể	
H2.2.4.3	Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ Học viện		Văn phòng Đảng – Đoàn thể	
H2.2.4.4	Quyết định công nhận và khen thưởng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, tiêu biểu			
H2.2.4.5	Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ Học viện		Văn phòng Đảng – Đoàn thể	
H2.2.4.6	Quyết định về việc ban hành Quy chế (tạm thời) về hoạt động của Ban chấp hành Công đoàn Học viện Báo chí và Tuyên truyền khóa IX, nhiệm kỳ 2012 – 2015	Văn bản số 121/QĐ-CD ngày 20 tháng 12 năm 2012	Công đoàn Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H2.2.4.7	Vận động tham gia các hoạt động “Dân chủ - Kỷ cương - Tình thương - Trách nhiệm”, “Dạy tốt, học tốt”, “ Thi đua giảng dạy giỏi”, “Xây dựng gia đình văn hoá”, “Giỏi việc trường, đảm việc nhà”		Công đoàn Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H2.2.4.8	Báo cáo tổng kết của Ban chấp hành Công đoàn Học viện Báo chí và Tuyên truyền khóa IX, nhiệm kỳ 2012 - 2015		Công đoàn Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H2.2.4.9	Báo cáo tổng kết của Ban chấp hành Công đoàn Học viện Báo chí và Tuyên truyền khóa IX, nhiệm kỳ 2012 - 2015		Công đoàn Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H2.2.4.10	Quyết định khen thưởng các cá nhân và tập thể có thành tích trong năm học		Công đoàn Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H2.2.4.11	Các kế hoạch tổ chức các hoạt động, phong trào và báo cáo tổng kết hoạt động tháng và năm học của Đoàn thanh niên		Đoàn thanh niên Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H2.2.4.12	Các kế hoạch tổ chức các hoạt		Đoàn thanh niên Học	

	động, phong trào và báo cáo tổng kết hoạt động tháng và năm học của Đoàn thanh niên		viện Báo chí và Tuyên truyền	
H2.2.4.13	Các kế hoạch tổ chức các hoạt động, phong trào và báo cáo tổng kết hoạt động tháng và năm học của Đoàn thanh niên		Đoàn thanh niên Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H2.2.4.14	Kế hoạch tổ chức lễ kỷ niệm ngày 22/12		Hội cựu chiến binh Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H2.2.4.15	Báo cáo tổng kết hoạt động của Hội cựu chiến binh		Hội cựu chiến binh Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H2.2.5.1	Quyết định hành lập Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo, Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số 876/QĐ-HVCT-HCQG	Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh	
H2.2.5.2	Các quyết định cử cán bộ đi tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn		Ban tổ chức cán bộ	
H2.2.5.3	Kế hoạch triển khai các hoạt động khảo sát phản hồi		Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	
H2.2.6.1	Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện NQ TW3 (Khóa VIII) về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Văn bản số 133/BC-HVBC&TT-TCCB ngày 28 tháng 02 năm 2009	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H2.2.6.2	Quyết định về việc ban hành Chiến lược hoạt động khoa học mười năm (2006 – 2015) của Học viện	Văn bản số 2150QĐ/HVBC-TT ngày 31 tháng 3 năm 2006	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
H2.2.6.3	Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Năm 2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H2.2.6.4	Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Học viện Báo chí và Tuyên truyền lần thứ IX (nhiệm kỳ 2010 – 2015)	Văn bản số 33CTr/ĐU ngày 15 tháng 8 năm 2011	Đảng ủy Học viện Báo chí và Tuyên truyền	

H2.2.6.5	Đề án xây dựng, phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia về đào tạo giảng viên lý luận chính trị và cán bộ báo chí – truyền thông	Văn bản số 4479/TTr-HVBC&TT ngày 28 tháng 11 năm 2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H2.2.6.6	Báo cáo tổng kết năm học 2014 – 2015 và phương hướng, nhiệm vụ 2015 – 2016	Văn bản số 2142/BC-HVBC&TT ngày 30 tháng 6 năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H2.2.7.1	Báo cáo định kỳ và đột xuất của Học viện		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H2.2.7.2	Báo cáo của các đơn vị		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H2.2.7.3	Báo cáo của các đơn vị gửi cơ quan quản lý khác		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H2.2.7.4	Biên bản các cuộc họp với Ban tổ chức TW, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Mật
H2.2.7.5	Hợp đồng về việc chỉnh lý khoa học tài liệu lưu trữ	Văn bản số 1740/HĐKT/2014	Học viện báo chí và Tuyên truyền	
H3.3.1.1	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ đào tạo cao học	Văn bản số 667/GD-ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
H3.3.1.2 H3.3.1.3 H3.3.1.4 H3.3.1.5 H3.3.1.6	Quyết định mở các ngành đào tạo trình độ Đại học			
H3.3.1.7	Chương trình đào tạo theo niên chế của Học viện Báo chí và Tuyên truyền		Ban Quản lý đào tạo	
H3.3.1.8	Kỷ yếu Hội thảo “Nâng cao chất lượng đào tạo giảng viên lý luận chính trị ở Việt Nam hiện nay”	Tháng 12 năm 2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H3.3.1.9	Chương trình đào tạo theo niên chế của Học viện Báo chí và		Ban Quản lý đào tạo	

	Tuyên truyền			
H3.3.1.10	Chương trình đào tạo của Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn			
H3.3.1.11	Chương trình đào tạo của Đại học Hà Nội			
H3.3.1.12	Chương trình đào tạo của Học viện Ngoại giao			
H3.3.1.13	Chương trình đào tạo của Đại học La Trobe, Úc			
H3.3.1.14	Chương trình đào tạo của Đại học Tổng hợp Viên, Áo			
H3.3.1.15	Chương trình đào tạo của Đại học Middle Sex, Anh			
H3.3.1.16	Chương trình đào tạo của Đại học Truyền thông Bắc Kinh			
H3.3.1.17	Chương trình đào tạo tín chỉ của Học viện Nông nghiệp, Học viện Tài chính, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn			
H3.3.1.18	Kỷ yếu Hội thảo “Nâng cao chất lượng đào tạo giảng viên lý luận chính trị ở Việt Nam hiện nay”	Tháng 12 năm 2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H3.3.1.19	Kỷ yếu Hội thảo “Nâng cao chất lượng đào tạo giảng viên lý luận chính trị ở Việt Nam hiện nay”	Tháng 12 năm 2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H3.3.2.1	Chương trình đào tạo Đại học hệ chính quy tập trung theo học chế tín chỉ	Tháng 9 năm 2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H3.3.2.2	Chương trình đào tạo Đại học hệ chính quy tập trung theo học chế tín chỉ	Tháng 9 năm 2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H3.3.2.3	Chương trình đào tạo Đại học hệ chính quy tập trung theo học chế tín chỉ	Tháng 9 năm 2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H3.3.2.4	Chương trình đào tạo Đại học hệ chính quy tập trung theo học chế tín chỉ	Tháng 9 năm 2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H3.3.2.5	Chương trình đào tạo Đại học	Tháng 9 năm 2014	Học viện Báo chí và	

	hệ chính quy tập trung theo học chế tín chỉ		Tuyên truyền	
H3.3.3.1	Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chương trình đào tạo hệ vừa làm vừa học		Bộ Giáo dục và Đào tạo	
H3.3.3.2	Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chương trình đào tạo hệ vừa làm vừa học		Bộ Giáo dục và Đào tạo	
H3.3.3.3	Quy chế đào tạo đại học chính quy		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H3.3.3.4	Quy định Đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H3.3.3.5 H3.3.3.7 H3.3.3.8 H3.3.3.9	Quy chế đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai hệ chính quy		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H3.3.3.6	Quy chế đào tạo đại học hệ vừa làm vừa học		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H3.3.4.1	Kế hoạch cử cán bộ, giảng viên đi nghiên cứu thực tế, học tập kinh nghiệm và tham khảo chương trình đào tạo một số ngành ở nước ngoài.		Phòng Hợp tác quốc tế Ban Tổ chức cán bộ Ban Quản lý đào tạo	
H3.3.4.2	Kế hoạch mời chuyên gia nước ngoài sang thường trú và hỗ trợ chương trình đào tạo một số ngành tại Học viện		Phòng Hợp tác quốc tế	
H3.3.4.5	Kế hoạch lấy ý kiến của sinh viên năm cuối (tốt nghiệp năm 2015) về chương trình đào tạo của nhà trường	Năm 2015	Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	
H3.3.5.1	Quy định bổ túc kiến thức giữa các ngành gần trong tuyển sinh và đào tạo trình độ sau đại học		Ban Quản lý đào tạo	
H3.3.6.1	Các kế hoạch khảo sát phản hồi của sinh viên		Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	
H3.3.6.2	Hội thảo sinh viên về phương pháp học tập bậc đại học		Ban Quản lý khoa học	
H3.3.6.3	Đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo khoa và lãnh đạo nhà		Phòng Công tác chính trị	

	trường			
H3.3.6.4	Kế hoạch chấm thi trắc nghiệm môn Ngoại ngữ bằng máy quét		Ban Quản lý đào tạo Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	
H4.4.1.1	Các hình thức và phương pháp đào tạo được giới thiệu trên Website Học viện			
H4.4.1.4	Kế hoạch mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, nghiệp vụ tuyên giáo, nghiệp vụ công tác đảng, nghiệp vụ báo chí, xuất bản và truyền thông tại các cơ quan, đơn vị, địa phương		Ban Quản lý đào tạo	
H4.4.1.5	Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	Số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
H4.4.1.6	Thông tư Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007		Bộ Giáo dục và Đào tạo	
H4.4.1.7	Thông tư Quy định đào tạo Liên thông trình độ cao đẳng, đại học	Số 55/2012/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2012	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
H4.4.1.8	Quyết định về việc: cho phép Phân viện Báo chí và Tuyên truyền mở các lớp đào tạo để cấp bằng đại học thứ hai	Số 3440/QĐ-BGD&ĐT ngày 27 tháng 6 năm 2005	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
H4.4.2.1	Quy chế về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp cho các hệ đào tạo đại học và cao đẳng chính quy.	Quyết định số 3968/GD-ĐT ngày 14/10/1995	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
H4.4.2.2	Quy chế đào tạo đại học – cao đẳng hệ chính quy	Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6	Bộ Giáo dục và Đào tạo	

		năm 2006		
H4.4.2.3	Chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tập trung theo học chế tín chỉ	Tháng 9 năm 2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H4.4.2.4	Hướng dẫn thực hiện chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho học viên cao học, NCS của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số 4100/HD-HVBCTT-ĐT ngày 03 tháng 11 năm 2014	Ban Quản lý đào tạo	
H4.4.3.1 H4.4.3.2	Chương trình đào tạo Đại học Hệ chính quy tập trung theo học chế tín chỉ (cấp bằng Đại học thứ nhất)	Tháng 9 năm 2014	Ban Quản lý đào tạo	
H4.4.3.3	Quyết định cử giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, phương pháp giảng dạy		Ban tổ chức cán bộ	
H4.4.3.4	Phong trào Thi đua giờ giảng chất lượng tốt	Năm học 2014 – 2015	Công đoàn Học viện	
H4.4.3.5	Thống kê số lượng trang thiết bị phục vụ giảng dạy		Trung tâm Thực hành và Hỗ trợ đào tạo	
H4.4.3.6	Kế hoạch lấy phiếu khảo sát phản hồi của sinh viên	Năm học 2014 – 2015	Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	
H4.4.4.1 H4.4.4.2	Quyết định V/v Ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy	Số 2593/QĐ-HVBCTT	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H4.4.4.3	Quy định xây dựng và quản lý Ngân hàng đề thi	Ngày 30 tháng 11 năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H4.4.4.4	Quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo niên chế kết hợp học phần	25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
H4.4.5.1 H4.4.5.2 H4.4.5.3 H4.4.5.5 H4.4.5.6	Quyết định V/v Ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy	Số 2593/QĐ-HVBCTT	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H4.4.5.4	Hệ thống sổ quản lý kết quả học tập của sinh viên		Ban Quản lý đào tạo	
H4.4.5.7	Biên bản hủy văn bằng chứng chỉ lỗi		Ban Quản lý đào tạo	
H4.4.7.1	Kế hoạch Đảm bảo chất lượng		Trung tâm Khảo thí	

H4.4.7.2	từng năm học.		và Đảm bảo chất lượng đào tạo	
H4.4.7.3	Hội thảo về chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H4.4.7.4	Văn bản hợp tác liên kết với các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động trong lĩnh vực báo chí truyền thông.		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H5.5.1.1	Quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý		Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
H5.5.1.2	Thống kê số lượng cán bộ lãnh đạo quản lý được bổ nhiệm	Từ 2013 đến nay	Ban tổ chức cán bộ	
H5.5.1.3	Thống kê số lượng cán bộ tuyển dụng.	Từ 2013 đến nay	Ban tổ chức cán bộ	
H5.5.1.4	Kế hoạch bồi dưỡng cho cán bộ, giảng viên, nhân viên Học viện	Từng năm	Ban tổ chức cán bộ	
H5.5.1.5	Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên, nhân viên được tham gia bồi dưỡng trong và ngoài nước	Từ 2012 – 2014	Ban tổ chức cán bộ	
H5.5.1.6 H5.5.1.7 H5.5.1.9	Quy trình về Quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ quản lý các cấp của Học viện		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H5.5.1.8	Kết quả quy hoạch các chức danh của Học viện		Ban tổ chức cán bộ	
H5.5.2.1	Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Văn bản số 2789/QĐ-HVBC&TT ngày 11 tháng 10 năm 2013	Ban tổ chức cán bộ - Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H5.5.2.2	Nội dung họp Ban Giám đốc thường kỳ		Văn phòng Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H5.5.2.3	Quy chế làm việc, Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên; Quy định về đánh giá, xếp loại để chi thu nhập tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; Quy chế		Ban tổ chức cán bộ - Học viện Báo chí và Tuyên truyền	

	thi đua, khen thưởng			
H5.5.2.4	Biên bản họp phổ biến nghị quyết Đảng ủy và biên bản họp giao ban		Văn phòng Đảng – Đoàn thể và Văn phòng Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H5.5.2.5	Kế hoạch tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức hàng năm		Ban tổ chức cán bộ - Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H5.5.2.6	Kế hoạch tổ chức đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo nhà trường		Phòng Công tác chính trị	
H5.5.2.7	Báo cáo kết quả công tác năm 2014 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2015 của Ban thanh tra nhân dân	Tháng 1 năm 2015	Ban Thanh tra nhân dân	
H5.5.3.1	Quy chế về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Văn bản số 1439/QĐ – HVCT – HCQG ngày 02 tháng 5 năm 2013	Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh	
H5.5.3.2	Thông báo về việc quy đổi ra giờ chuẩn đối với hoạt động chuyên môn và các nhiệm vụ khác	Văn bản số 4469/TB – HVBCCTT – ĐT ngày 25 tháng 11 năm 2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H5.5.3.3	Đơn và các quyết định cử cán bộ, giảng viên đi học tập, bồi dưỡng		Ban tổ chức cán bộ - Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H5.5.3.4	Thống kê cán bộ quản lý, giảng viên được cử đi đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ ở trong nước		Ban tổ chức cán bộ - Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H5.5.3.5	Văn bản và các quyết định cử cán bộ đi học nước ngoài theo Đề án 165	Văn bản số 486/HVBC&TT – TCCB ngày 23 tháng 02 năm 2012	Ban tổ chức cán bộ - Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H5.5.3.6	Thống kê cán bộ quản lý, giảng viên được cử đi đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ ở nước ngoài		Ban tổ chức cán bộ - Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H5.5.3.7	Danh sách cán bộ quản lý, giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng do Học viện báo chí và Tuyên truyền tổ chức năm 2014		Ban tổ chức cán bộ - Học viện Báo chí và Tuyên truyền	

H5.5.3.8	Danh sách và Quyết định cử cán bộ quản lý, giảng viên tham gia hội thảo, tập huấn, trao đổi giảng viên ở nước ngoài năm 2015		Ban tổ chức cán bộ - Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H5.5.3.9	Số lượng đề tài khoa học đã nghiệm thu từ 2011 – 2014		Ban Quản lý khoa học – Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H5.5.4.1	Danh sách cán bộ quản lý Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Cập nhật tháng 6 năm 2015	Ban tổ chức cán bộ - Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H5.5.4.2	Danh sách Ban Giám đốc và những danh hiệu thi đua Học viện Báo chí và Tuyên truyền đạt được thời gian qua	Các văn bản từ 2011 – 2015	Thủ tướng chính phủ; Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H5.5.4.3	Kết quả thi đua năm học 2014 – 2015 của cán bộ quản lý Học viện Báo chí và Tuyên truyền và một số biên bản họp hội đồng thi đua, khen thưởng của Học viện		Hội đồng thi đua khen thưởng - Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H5.5.4.4	Xếp loại Đảng viên năm học 2014 – 2015 của cán bộ quản lý Học viện Báo chí và Tuyên truyền		Hội đồng thi đua khen thưởng - Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H5.5.4.5	Kết quả thi đua năm học 2014 – 2015 của các đơn vị Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Văn bản số 2206/QĐ – HVBC&TT ngày 03 tháng 8 năm 2015	Hội đồng thi đua khen thưởng - Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H5.5.4.6	Báo cáo kết quả công tác năm 2014 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2015 của Ban Thanh tra nhân dân	Ngày 20 tháng 1 năm 2015	Ban Thanh tra nhân dân	
H.5.5.5.1	Danh sách giảng viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Cập nhật năm 2015	Ban tổ chức cán bộ - Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H5.5.5.2	Danh sách giảng viên thỉnh giảng tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Cập nhật năm 2015	Ban tổ chức cán bộ - Học viện Báo chí và Tuyên truyền	

H5.5.5.3	Thống kê số liệu đào tạo, bồi dưỡng từ năm 2010 - 2015		Ban Quản lý đào tạo – Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H5.5.5.4	Số lượng đề tài khoa học đã nghiệm thu từ 2011 – 2014		Ban Quản lý khoa học – Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H5.5.6.1	Danh sách thống kê học hàm, học vị, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Năm 2015	Ban tổ chức cán bộ - Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H5.5.6.2	Lịch phân công giảng dạy của một số khoa trong Học viện.	Năm học 2014 – 2015	Các khoa và Ban Quản lý đào tạo	
H5.5.6.3 H5.5.6.4	Thống kê trình độ, khả năng và tần suất sử dụng tin học và ngoại ngữ trong công tác chuyên môn của cán bộ, giảng viên	Cập nhật tháng 6/2015	Ban tổ chức cán bộ - Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H5.5.7.1	Độ tuổi giảng viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền		Ban tổ chức cán bộ - Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H5.5.7.2	Thời gian công tác giảng viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền		Ban tổ chức cán bộ - Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H5.5.7.3	Danh sách giảng viên trẻ dưới 40 tuổi tuyển dụng từ 1/2013 – 6/2015	Cập nhật năm 2015	Ban tổ chức cán bộ - Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H5.5.7.4	Danh sách cán bộ, giảng viên đăng ký tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; cập nhật kiến thức mới, nâng cao kỹ năng trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học	Năm 2014	Ban tổ chức cán bộ - Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H5.5.7.5	Danh sách cán bộ, giảng viên đi nghiên cứu thực tế theo kế hoạch của năm học	Năm học 2014 – 2015	Ban tổ chức cán bộ - Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H5.5.8.1	Danh sách kỹ thuật viên của Học viện	Cập nhật năm 2015	Ban tổ chức cán bộ - Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H5.5.8.2	Thống kê số lượng và trình độ cán bộ, nhân viên làm việc ở	Năm 2015	Ban tổ chức cán bộ	

	các Ban, Phòng, Văn phòng, Trung tâm và văn phòng Khoa			
H5.5.8.3	Kế hoạch bồi dưỡng cho cán bộ, giảng viên, nhân viên Học viện	Từng năm	Ban tổ chức cán bộ	
H5.5.8.4	Thống kê số lượng cán bộ, nhân viên đi học nâng cao trình độ	Từ 2012 đến nay	Ban tổ chức cán bộ	
H5.5.8.5	Danh sách kỹ thuật viên, nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng từ 2012 đến 2014		Ban tổ chức cán bộ - Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H5.5.8.6	Danh sách kỹ thuật viên, nhân viên được cử đi đào tạo thạc sĩ từ năm 2012 – 2014		Ban tổ chức cán bộ - Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H5.5.8.7	Kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của đồng nghiệp và sinh viên	Văn bản số 4890/KH-HVBC&TT ngày 24 tháng 12 năm 2014	Ban tổ chức cán bộ - Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H6.6.1.1	Thông tin tuyển sinh đại học		Website Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H6.6.1.2	Kế hoạch tổ chức Chương trình “Tuần sinh hoạt công dân HSSV” đầu năm	Hàng năm	Phòng công tác chính trị	
H6.6.1.3	Các văn bản về Quy định đào tạo đại học chính quy, Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, chuẩn đầu ra, mục tiêu đào tạo và nhiệm vụ năm học phổ biến cho sinh viên		Ban Quản lý đào tạo	
H6.6.1.4	Quy chế về công tác học sinh – sinh viên	Văn bản số 42/2007/BGDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
H6.6.1.5	Nghị quyết về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học	số 29-NQ/TW của BCHTW 8 khóa XI	Ban chấp hành Trung ương 8 khóa XI	
H6.6.1.6	Quy định về chuẩn đầu ra ngoại ngữ và tin học cho sinh viên		Ban Quản lý đào tạo	
H6.6.2.1	Quyết định Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học	Văn bản số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013	Thủ tướng chính phủ	

H6.6.2.2	Quyết định về việc miễn, giảm học phí năm học 2014 – 2015	Văn bản số 128/QĐ-HVBCCTT ngày 14 tháng 01 năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H6.6.2.3	Quyết định về việc cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội học kỳ I năm học 2014 – 2015 cho sinh viên hệ đại học chính quy tập trung	Văn bản số 1606/QĐ-HVBC&TT ngày 26 tháng 5 năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H6.6.2.4	- Hướng dẫn Thực hiện trợ cấp đối với học viên đi học tại các trường chính trị - Quyết định về việc cấp trợ cấp đi học theo hướng dẫn 38 cho học viên các lớp cao học và nghiên cứu sinh hàng năm	- Văn bản số 38HD/BTCTW ngày 30 tháng 3 năm 2005 - Năm 2014 - 2015	- Ban tổ chức Trung ương - Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H6.6.2.5	Quyết định V/v khen thưởng sinh viên đạt thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học, đạt thành tích cao trong các cuộc thi, có thành tích học tập tốt, rèn luyện tốt.	Năm 2014 - 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H6.6.2.6	Quyết định về việc cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội học kỳ I năm học 2014 – 2015 cho sinh viên hệ đại học chính quy tập trung	Văn bản số 1606/QĐ-HVBC&TT ngày 26 tháng 5 năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H6.6.2.7	Quyết định về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên hệ đại học chính quy	Văn bản số 3513/QĐ-HVBCCTT ngày 10 tháng 12 năm 2012	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H6.6.2.8	Thông báo về thời gian khám sức khỏe cho sinh viên		Phòng Y tế Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H6.6.2.9	Quyết định về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên hệ	Văn bản số 3513/QĐ-	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	

	đại học chính quy	HVBCTT ngày 10 tháng 12 năm 2012		
H6.6.2.10	Báo cáo công tác đoàn và phong trào thanh niên năm học 2014 – 2015 và phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2015 – 2017	Ngày 10 tháng 5 năm 2015	Đoàn Thanh niên Học viện	
H6.6.2.11	Quyết định v/v thành lập Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai; phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn năm 2015	Văn bản số 1781/QĐ-HVBC&TT ngày 01 tháng 6 năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H6.6.3.1	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Văn bản số 2956/QĐ – HVCTQG ngày 27 tháng 6 năm 2014	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
H6.6.3.2	Nghị quyết Đảng ủy Học viện Báo chí và Tuyên truyền tháng 12 năm 2014	Văn bản số 19-NQ/ĐU ngày 26 tháng 12 năm 2014	Đảng ủy Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H6.6.3.3	Lịch sinh hoạt đầu khóa học của các lớp	Ngày 20 tháng 10 năm 2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H6.6.3.4	Quyết định Ban hành Quy chế học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy	Văn bản số 42/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13 tháng 8 năm 2007	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
H6.6.3.5	Quyết định về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên hệ đại học chính quy	Văn bản số 3513/QĐ-HVBCTT ngày 10 tháng 12 năm 2012	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H6.6.3.6	Kế hoạch về việc đối thoại giữa sinh viên và lãnh đạo Học viện năm học 2014 – 2015	Văn bản số 63/KH-HVBC&TT ngày 05 tháng 01 năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H6.6.3.7	Văn bản triển khai tham gia các cuộc thi do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức	Năm 2013 đến 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H6.6.3.8	Quyết định về việc khen thưởng tập thể lớp và cá nhân sinh viên học tập tốt, rèn luyện tốt Khóa 31 và 33B	Văn bản số 1894QĐ/HVBC&T T ngày 18 tháng 6 năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	

H6.6.4.1 H6.6.4.7	Nghị quyết của Đảng ủy Học viện và Báo cáo công tác xây dựng Đảng	Từng tháng, quý	Đảng ủy Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H6.6.4.2	Quy định về điều kiện xét duyệt quần chúng ưu tú đi học lớp “Bồi dưỡng nhận thức về Đảng”, xét kết nạp đảng viên và công nhận đảng viên chính thức	Số 09-QĐ/ĐU ngày 20 tháng 1 năm 2015		
H6.6.4.3 H6.6.4.4 H6.6.4.5	Kế hoạch về việc đối thoại giữa sinh viên và lãnh đạo Học viện năm học 2014 – 2015	Văn bản số 63/KH-HVBC&TT này 05 tháng 01 năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H6.6.4.6	Danh sách phát triển Đảng từng tháng		Đảng ủy Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H6.6.4.8	Các kế hoạch tổ chức các hoạt động, phong trào và báo cáo tổng kết hoạt động tháng và năm học của Đoàn thanh niên		Đoàn thanh niên Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H6.6.4.9	Kế hoạch “Mở lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng”	Từng năm	Đảng ủy Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H6.6.4.10	Hoạt động Hiến máu nhân đạo của Đoàn thanh niên Học viện		Đoàn thanh niên Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H6.6.4.11	Thống kê khen thưởng rèn luyện sinh viên	Từng học kỳ	Đoàn thanh niên Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H6.6.4.12	Quyết định khen thưởng về thành tích xuất sắc trong công tác đoàn và phong trào thanh niên		Trung ương Đoàn, Trung ương Hội sinh viên, Đoàn khối các cơ quan Trung ương	
H6.6.5.1	Quy chế học sinh, sinh viên nội trú	Văn bản số 2137/GD-ĐT ngày 28 tháng 6 năm 1997 Văn bản số	Bộ Giáo dục và đào tạo	

		41/2002/QĐ- BGD&ĐT ngày 18 tháng 10 năm 2002		
H6.6.5.2	Quy định sinh viên nội trú		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H6.6.5.3	Hội thảo phương pháp học tập ở Đại học, phương pháp học tập chuyên ngành	Hàng năm	Các khoa, Đoàn thanh niên	
H6.6.5.4 H6.6.5.5	Quyết định về việc cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội học kỳ I năm học 2014 – 2015 cho sinh viên hệ đại học chính quy tập trung	Văn bản số 1606/QĐ- HVBC&TT ngày 26 tháng 5 năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H6.6.5.6	Quyết định v/v thành lập Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai; phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn năm 2015	Văn bản số 1781/QĐ- HVBC&TT ngày 01 tháng 6 năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H6.6.5.7	Thông báo đăng ký thuê chỗ ở tại 02 khu nhà ở sinh viên Pháp Vân – Mỹ Đình (Đợt III)	Ngày 16 tháng 3 năm 2015	Ban Quản lý các công trình nhà ở và công sở	
H6.6.6.1	Quyết định Ban hành Quy định về công tác giáo dục phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên trong các đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghệ	Văn bản số 50/2007/QĐ- BGDDT ngày 29 tháng 8 năm 2007	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
H6.6.6.2	Quy định văn hóa học đường	Năm 2013	Phòng Công tác chính trị	
H6.6.6.3	Quyết định v/v thành lập Ban chỉ đạo Học tập chuyên đề năm 2015 “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về trung thực, trách nhiệm; gắn bó với nhân dân; đoàn kết, xây dựng đảng trong	Văn bản số 161/QĐ- HVBC&TT ngày 15 tháng 1 năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	

	sạch, vững mạnh”.			
H6.6.6.4	Báo cáo tổng kết công tác của chi bộ năm học 2014 – 2015 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2015 – 2016	Ngày 20 tháng 6 năm 2015	Chi bộ phòng CTCT-TTr	
H6.6.6.5	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ theo nội dung thông báo kết luận của Giám đốc	Ngày 26 tháng 6 năm 2014	Phòng Công tác chính trị	
H6.6.6.6	Các văn bản về triển khai và phối hợp tổ chức các hoạt động cho sinh viên		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H6.6.6.7	Quyết định v/v cảnh cáo sinh viên nghi học không phép	Văn bản số 2320/QĐ/HVBC-TT ngày 01 tháng 10 năm 2012	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H6.6.7.1	Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Phòng Công tác chính trị	Năm 2012	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H6.6.7.2	Trung tâm tư vấn việc làm		Phòng Công tác chính trị	
H6.6.7.3	Quy định số 68/2008/QĐ – BGDĐT ngày 29/12/2008 về tư vấn hướng nghiệp cho sinh viên		Bộ Giáo dục và Đào tạo	
H6.6.7.4	Các hoạt động trao đổi thông tin và đánh giá kết quả thực tập của sinh viên tại các địa phương		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H6.6.7.5	Phối hợp với các doanh nghiệp địa phương tạo việc làm cho sinh viên		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H6.6.7.6	Hoạt động liên kết đào tạo với Nhật Bản		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H6.6.7.7	Thông báo tuyển dụng nhân viên của một số doanh nghiệp		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H6.6.8.1	Kế hoạch khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt	Năm học 2012 – 2013	Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất	

	nghiệp khối lý luận		lượng đào tạo	
H6.6.8.2	Phiếu hỏi về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp		Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	
H6.6.8.3	Kết quả xử lý số liệu khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp khối lý luận		Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	
H6.6.9.1 H6.6.9.6	Kế hoạch Khảo sát phản hồi của sinh viên về chất lượng giờ giảng và môn học của giảng viên		Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	
H6.6.9.2	Báo cáo kết quả xử lý số liệu đánh giá giờ giảng và môn học của giảng viên		Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	
H6.6.9.3 H6.6.9.4	Phiếu khảo sát phản hồi của sinh viên về chất lượng giờ giảng và môn học		Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	
H6.6.9.5	Thông báo thành lập Tổ lấy phiếu khảo sát phản hồi của người học về chất lượng môn học và giờ giảng		Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	
H6.6.9.7	Kế hoạch khảo sát phản hồi của sinh viên trước khi tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Học viện	Năm học 2014 – 2015	Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	
H7.7.1.1	Quyết định v/v ban hành Chiến lược hoạt động khoa học mười năm (2006 – 2015) của Học viện	Văn bản số 215/QĐ/HVBC-TT ngày 31 tháng 3 năm 2006	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
H7.7.1.2	Kế hoạch hoạt động khoa học hàng năm	Năm 2011 đến 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H7.7.1.3	Chiến lược Khoa học & Công nghệ 2016 – 2020 (đang chờ Bộ Khoa học & Công nghệ phê duyệt)			
H7.7.1.4	Kế hoạch hoạt động khoa học năm 2015		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	1 phần H7.7.1.2
H7.7.1.5	- Quyết định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của	- Văn bản số 2956/QĐ –	- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí	

	Học viện Báo chí và Tuyên truyền - Quy chế Quản lý hoạt động khoa học	HVCTQG ngày 27 tháng 6 năm 2014. - Quyết định V/v Ban hành Quy chế Quản lý hoạt động khoa học	Minh - Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H7.7.1.6	Kế hoạch hoạt động khoa học của một số đơn vị cụ thể trong Học viện	Năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H7.7.1.7	Báo cáo tổng kết hoạt động khoa học năm 2014, phương hướng hoạt động khoa học 2015	Năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H7.7.1.8	Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Cập nhật tháng 6 năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H7.7.2.1	Kế hoạch hoạt động khoa học hàng năm	Năm 2011 đến 2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H7.7.2.2	- Quy chế Quản lý hoạt động khoa học	- Quyết định V/v Ban hành Quy chế Quản lý hoạt động khoa học	- Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H7.7.2.3	Kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cán bộ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền hàng năm		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	H5.5.7.4 H5.5.8.5
H7.7.3.1	Thống kê số bài báo đăng tại các Tạp chí trong và ngoài nước của cán bộ, giảng viên Học viện	Từ năm 2011 đến 6/2015.	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Cơ sở dữ liệu
H7.7.3.2	Bảng thống kê tỷ lệ phần trăm bài báo khoa học/giảng viên cơ hữu ở Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Từ năm 2011 đến năm 2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Cơ sở dữ liệu
H7.7.4.1	Kế hoạch hoạt động khoa học hàng năm	Năm 2011 đến 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H7.7.4.2	Hợp đồng liên kết trong hoạt động Đào tạo và Khoa học giữa Học viện Báo chí và Tuyên truyền với các cơ			

	quan			
H7.7.4.3	Quyết định v/v điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ lần 3	Văn bản số 977/QĐ-HVBC&TT ngày 02 tháng 4 năm 2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H7.7.5.1	Kế hoạch hoạt động khoa học hàng năm	Năm 2011 đến 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H7.7.5.2	Quyết định v/v điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ lần 3	Văn bản số 977/QĐ-HVBC&TT ngày 02 tháng 4 năm 2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H7.7.5.3	Kế hoạch khoa học năm 2014		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H7.7.6.1 H7.7.6.2	Kế hoạch hoạt động khoa học hàng năm	Năm 2011 đến 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H7.7.6.3	Báo cáo tổng kết hoạt động khoa học năm 2014, phương hướng hoạt động khoa học 2015	Năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H7.7.6.4	Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H7.7.6.5	Quyết định khen thưởng chương trình VACI năm 2013 của Thanh tra chính phủ và Ngân hàng thế giới tại Việt Nam tổ chức			
H7.7.6.6	Tổng kết công tác đoàn và phong trào thanh niên	Năm học 2014 – 2015	Đoàn thanh niên Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H7.7.6.7	Các hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế tạo điều kiện cho sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh được tiếp cận và tham gia		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H7.7.6.8	Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Cập nhật tháng 6 năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H7.7.7.1	Quy định chung trong nghiên			

	cứu khoa học của Bộ Giáo dục – Đào tạo			
H7.7.7.2	Đề xuất danh mục các đề tài khoa học năm 2016 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Ngày 27 tháng 3 năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H7.7.7.3	Hồ sơ gửi nhà xuất bản của 01 giáo trình in sách đã nghiệm thu.			
H8.8.1.1	Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	Văn bản số 4068/QĐ-HVCTQG ngày 11 tháng 9 năm 2014	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
H8.8.1.2	Đề án thành lập phòng hợp tác quốc tế	Tháng 12 năm 2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H8.8.1.3	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Văn bản số 2956/QĐ-HVCTQG ngày 27 tháng 6 năm 2014	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
H8.8.1.4	Kế hoạch V/v Phối hợp với Đại sứ quán Australia tổ chức Tọa đàm “Kinh nghiệm làm phim tài liệu của Australia”.	Văn bản số 1906/HVBC&TT-HTQT ngày 19 tháng 6 năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H8.8.1.5	Báo cáo tổng kết công tác hợp tác quốc tế năm 2014 – 2015 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2015 – 2016	Ngày 15 tháng 6 năm 2015	Phòng Hợp tác quốc tế	
H8.8.2.1	Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ Học viện Báo chí và Tuyên truyền lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 – 2020	Tháng 3 năm 2015	Đảng ủy Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H8.8.2.2	Quyết định về việc cử đoàn cán bộ đi công tác tại nước ngoài		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H8.8.2.3	Biên bản ghi nhớ hợp tác liên kết đào tạo Chương trình cử nhân Quan hệ công chúng, Quảng cáo và Truyền thông với Đại học Middelsex		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	

H8.8.2.4	Thực hiện đề án đào tạo cán bộ lãnh đạo báo chí và truyền thông Lào	Văn bản số 1686/HVBC&TT-HTQT ngày 13 tháng 5 năm 2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H8.8.2.5	Thống kê chương trình trao đổi giảng viên		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H8.8.2.6	Thống kê danh sách giảng viên được cử đi học và đã hoàn thành khóa học thạc sĩ tại nước ngoài		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H8.8.2.7	Thông tin về lớp học trực tuyến về Chính sách công (đăng trên website)		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H8.8.3.1	Kế hoạch hội thảo khoa học quốc tế	Năm 2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H8.8.3.2	Biên bản ghi nhớ hợp tác liên kết đào tạo Chương trình cử nhân Quan hệ công chúng, Quảng cáo và Truyền thông với Đại học Middelsex		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H8.8.3.3	Phiếu đề xuất dự án hợp tác – Chương trình hợp tác khoa học và công nghệ Việt Nam – Áo (2015 – 2016)		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H8.8.3.4	Kế hoạch Tổ chức hội thảo khoa học quốc tế “Báo chí về đề tài chiến tranh”	Văn bản số 1169KH/HVBC-TT ngày 13 tháng 4 năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H8.8.3.5	Kế hoạch hội thảo “ <i>Giáo dục giá trị trong bối cảnh hội nhập</i> ” liên kết với Đại học Catholic Hoa Kỳ, Viện Triết học, Viện Hàn lâm khoa học - xã hội Việt Nam		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H8.8.3.6	Thư viện số		Trung tâm thông tin khoa học	
H8.8.3.7	Thống kê số giảng viên có khả năng giảng dạy và nghiên			

	cứu khoa học bằng ngoại ngữ			
H9.9.1.1	Danh mục báo, tạp chí thư viện Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Cập nhật năm 2015	Trung tâm thông tin khoa học	
H9.9.1.2	Sổ thư viện		Trung tâm thông tin khoa học	
H9.9.1.3	Thống kê số lượng lưu chiều luận án, luận văn, khóa luận và đề tài khoa học của cán bộ, giảng viên, học viên và sinh viên Học viện		Trung tâm thông tin khoa học	
H9.9.1.4 H9.9.1.5	Nội quy, quy chế hướng dẫn sử dụng thư viện	Năm 2015	Trung tâm thông tin khoa học	
H9.9.1.6	Báo cáo thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu tập thể lao động tiên tiến	Năm học 2014 – 2015	Trung tâm thông tin khoa học	
H9.9.1.7	+ Số liệu khảo sát được phân ánh qua Luận văn thạc sĩ khoa học thư viện của ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh + Kỷ yếu hội thảo khoa học năm 2013 của Trung tâm thông tin – tư liệu thư viện	Năm 2012 Năm 2013	Trung tâm thông tin khoa học	
H9.9.1.8	Nội quy, quy chế hướng dẫn sử dụng thư viện	Năm 2015	Trung tâm thông tin khoa học	
H9.9.1.9	Tiêu chuẩn DDC22, ISBD và AACR2		Trung tâm thông tin khoa học	
H9.9.1.10	Sổ thư viện		Trung tâm thông tin khoa học	
H9.9.1.11	Thống kê trên server trang Thư viện số của Học viện		Trung tâm thông tin khoa học	
H9.9.2.1	Báo cáo V/v Cung cấp thông tin, số liệu về diện tích đất sử dụng cho các mục đích khác nhau của Học viện Báo chí và Tuyên truyền		Phòng Quản trị	
H9.9.2.2	Biên bản nghiệm thu và bàn giao công trình để đưa vào sử dụng	Năm 2013 – 2014	Phòng Quản trị	
H9.9.2.3	Lịch giảng dạy học kỳ của các lớp theo năm học		Ban Quản lý đào tạo	

H9.9.3.1	Biên bản bàn giao thiết bị các phòng học, giảng đường		Trung tâm thực hành và hỗ trợ đào tạo	
H9.9.3.2	Biên bản bàn giao thiết bị phòng thực hành chức năng		Trung tâm thực hành và hỗ trợ đào tạo	
H9.9.3.3	Quy định mượn, sử dụng, bảo quản các thiết bị dạy học tại các phòng học	Ngày 10 tháng 3 năm 2014	Trung tâm thực hành và hỗ trợ đào tạo	
H9.9.4.1	Báo cáo tổng hợp kiểm kê tài sản năm 2014	Ngày 10 tháng 03 năm 2015	Ban kiểm kê tài sản Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H9.9.4.2	Quyết định và hợp đồng mua và lắp đặt hệ thống mạng không dây và trang thiết bị phục vụ đào tạo		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H9.9.4.3	Thông báo về chuyển giao, triển khai hợp giao ban trực tuyến		Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
H9.9.4.4	Hợp đồng nâng cấp website Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Văn bản số 72/HĐ ngày 12 tháng 08 năm 2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H9.9.4.5	Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ internet wifi		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H9.9.5.1 H9.9.5.2	Lịch giảng dạy học kỳ các lớp các khóa	Từng năm học	Ban Quản lý đào tạo	
H9.9.5.3	Quy định quản lý học viên – sinh viên nội trú		Ban Quản lý ký túc xá	
H9.9.5.4	Bản vẽ quy hoạch, cải tạo sân bãi, nhà ở Ký túc xá		Phòng Quản trị - Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H9.9.6.1	Sơ đồ nhà hành chính Trung tâm (A1)		Phòng Quản trị - Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H9.9.6.2	Thống kê diện tích khu làm việc cho cán bộ, giảng viên		Phòng Quản trị - Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H9.9.7.1 H9.9.7.2	Bản đồ hiện trạng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Năm 2012	Sở tài nguyên và môi trường TP. Hà Nội	
H9.9.8.1	Bản vẽ Khu đất cơ quan Học		Ủy ban nhân dân	

	viện Báo chí và Tuyên truyền		thành phố Hà Nội	
H9.9.9.1	Danh sách tổ bảo vệ thuộc phòng Hành chính		Văn phòng Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H9.9.9.2	Kế hoạch tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho Tổ bảo vệ	Năm học 2014 – 2015	Văn phòng Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H9.9.9.3	Sơ đồ hệ thống phòng cháy chữa cháy tại các tòa nhà, giảng đường của Học viện		Phòng Quản trị - Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H9.9.9.4	Tập huấn nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy	Hàng năm	Lực lượng phòng cháy chữa cháy quận Cầu Giấy và thành phố Hà Nội	
H9.9.9.5	Quyết định thành lập Ban chỉ huy phòng chống lụt bão Học viện		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H9.9.9.6	Sổ kiểm kê và đánh giá hiện trạng sử dụng tài sản hàng năm		Phòng Quản trị - Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H9.9.9.7	Quyết định khen thưởng về công tác bảo vệ, đảm bảo an ninh trật tự trường học		Công an Quận Cầu Giấy	
H10.10.1.1	Quyết định về việc giao dự toán ngân sách nhà nước	Năm 2010 đến năm 2014	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
H10.10.1.2	Quyết định về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán chi Ngân sách nhà nước	Năm 2010 đến năm 2014	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
H10.10.1.3	Quyết định về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Văn bản số 1109/QĐ-HVCT-HCQG-TC ngày 04 tháng 5 năm 2009	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
H10.10.1.4	Quyết định về việc giao danh mục mua sắm, sửa chữa lớn tài sản	Năm 2010 đến năm 2014	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
H10.10.1.5	Thông báo công khai quyết toán thu, chi nguồn ngân sách, nguồn khác	Năm 2011 đến năm 2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	

H10.10.1.6	Các hoạt động hợp tác, liên kết đào tạo, nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước		Ban Quản lý khoa học Phòng Hợp tác Quốc tế Ban Quản lý đào tạo	
H10.10.2.1	Thông báo về việc cung cấp thông tin để phục vụ xây dựng dự toán ngân sách 2013, đề án tự chủ Tài chính giai đoạn 2 (2012 – 2015)	Văn bản số 1112 TB/HVBC&TT ngày 04 tháng 05 năm 2012	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H10.10.2.2 H10.10.2.3	Thông báo công khai quyết toán thu, chi nguồn ngân sách, nguồn khác	Năm 2011 đến năm 2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H10.10.2.4	Quyết định V/v thành lập Hội đồng góp ý điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ lần 2 và 3	Văn bản số 2003 /QĐ-HVBC&TT ngày 16 tháng 11 năm 2012 và Văn bản số 1552/QĐ-HVBC&TT ngày 31 tháng 03 năm 2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H10.10.2.5	Thông báo về việc cung cấp thông tin để phục vụ xây dựng dự toán ngân sách 2013, đề án tự chủ Tài chính giai đoạn 2 (2012 – 2015)	Văn bản số 1112 TB/HVBC&TT ngày 04 tháng 05 năm 2012	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H10.10.2.6	Quyết định về việc ban hành Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp	Văn bản số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30 tháng 03 năm 2006	Bộ tài chính	
H10.10.2.7	Nghị định Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập	Văn bản số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015	Chính phủ	
H10.10.2.8	Thông báo công khai quyết toán thu, chi nguồn ngân sách, nguồn khác	Năm 2010 đến năm 2014	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
H10.10.3.1	Thông báo công khai dự toán ngân sách nhà nước được giao và phân bổ cho các đơn vị dự toán trực thuộc hàng năm		Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	

H10.10.3.2	Thông báo công khai quyết toán thu, chi nguồn ngân sách, nguồn khác	Năm 2011 đến năm 2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
H10.10.3.3	Quyết định về việc giao dự toán ngân sách nhà nước	Năm 2010 đến năm 2014	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
H10.10.3.4	Thống kê kinh phí đầu tư xây dựng Ký túc xá sinh viên 12 tầng	Năm 2015	Phòng kế hoạch tài vụ	
H10.10.3.5	Quyết định về việc giao danh mục mua sắm, sửa chữa lớn tài sản	Năm 2010 đến năm 2014	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
H10.10.3.6 H10.10.3.7 H10.10.3.8	Thông báo công khai quyết toán thu, chi nguồn ngân sách, nguồn khác	Năm 2011 đến năm 2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	